

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN TRỌNG TUÂN

VAI TRÒ CỦA NHÀ TRƯỞNG QUÂN ĐỘI
TRONG QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHẨM CHẤT CHÍNH TRỊ
CỦA HỌC VIÊN ĐÀO TẠO SĨ QUAN QUÂN ĐỘI HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
CHUYÊN NGÀNH XÃ HỘI HỌC

HÀ NỘI - 2025

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN TRỌNG TUÂN

**VAI TRÒ CỦA NHÀ TRƯỞNG QUÂN ĐỘI
TRONG QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHẨM CHẤT CHÍNH TRỊ
CỦA HỌC VIÊN ĐÀO TẠO SĨ QUAN QUÂN ĐỘI HIỆN NAY**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
CHUYÊN NGÀNH XÃ HỘI HỌC**

Mã số: 93103 01

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. TS Đỗ Văn Quân



2. PGS, TS Nguyễn Đức Chiện



HÀ NỘI - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nghiên cứu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định

Tác giả luận án



Nguyễn Trọng Tuấn

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU	9
1.1. Các nghiên cứu liên quan tới vai trò và vai trò của nhà trường quân đội	9
1.2. Các nghiên cứu liên quan tới phẩm chất chính trị của quân nhân trong Quân đội nhân dân Việt Nam	15
1.3. Các hướng nghiên cứu lý thuyết và phương pháp về vai trò của nhà trường và nhà trường quân đội	21
1.4. Khoảng trống và những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu	32
Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN NGHIÊN CỨU, ĐỊA BÀN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	35
2.1. Cơ sở lý luận nghiên cứu vai trò của nhà trường quân đội trong quá trình hình thành phẩm chất chính trị của học viên đào tạo sĩ quan quân đội	35
2.2. Địa bàn nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu	66
Chương 3: THỰC TRẠNG VAI TRÒ CỦA NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI TRONG QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHẨM CHẤT CHÍNH TRỊ CỦA HỌC VIÊN ĐÀO TẠO SĨ QUAN QUÂN ĐỘI	75
3.1. Thực trạng vai trò giáo dục lý luận chính trị trong quá trình hình thành phẩm chất chính trị của học viên đào tạo sĩ quan quân đội	75
3.2. Thực trạng vai trò tổ chức các hoạt động giáo dục, rèn luyện phẩm chất chính trị cho học viên đào tạo sĩ quan quân đội	89

3.3. Thực trạng vai trò xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự trong quá trình hình thành phẩm chất chính trị của học viên đào tạo sĩ quan quân đội	104
Chương 4: CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI TRONG QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHẨM CHẤT CHÍNH TRỊ CỦA HỌC VIÊN ĐÀO TẠO SĨ QUAN QUÂN ĐỘI	124
4.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện vai trò của nhà trường quân đội trong quá trình hình thành phẩm chất chính trị của học viên đào tạo sĩ quan quân đội	124
4.2. Một số giải pháp phát huy vai trò của nhà trường quân đội trong quá trình hình thành phẩm chất chính trị của học viên đào tạo sĩ quan quân đội hiện nay	153
KẾT LUẬN	170
KHUYẾN NGHỊ	173
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LUẬN ÁN	176
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	177
PHỤ LỤC	188

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
BQP	Bộ Quốc phòng
BDRL	Bồi dưỡng, rèn luyện
CBGV	Cán bộ, giảng viên
GD-ĐT	Giáo dục đào tạo
GV	Giảng viên
HV	Học viên
KT-XH	Kinh tế - xã hội
LLCT	Lý luận chính trị
MTVH	Môi trường văn hóa
NTQĐ	Nhà trường quân đội
SQQĐ	Sĩ quan quân đội
PCCT	Phản chất chính trị
QĐND VN	Quân đội nhân dân Việt Nam
QPAN	Quốc phòng – an ninh

DANH MỤC CÁC BẢNG

Thứ tự	Tên bảng	Trang
<i>Bảng 3.1.</i>	Tỷ lệ CBGV và HV đánh giá hạn chế trong giáo dục lý luận chính trị của NTQĐ	84
<i>Bảng 3.2.</i>	Mức độ đóng góp của các hoạt động và quá trình hình thành PCCT của HV	99
<i>Bảng 3.3.</i>	Tỷ lệ CBGV và HV đánh giá đóng góp của môi trường văn hóa chính trị quân sự tới quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ	108
<i>Bảng 3.4.</i>	Mức độ đóng góp của các vai trò trong quá trình hình thành PCCT của học viên theo các trường	115
<i>Bảng 3.5.</i>	Phân nhóm và đặt tên biến đại diện	117
<i>Bảng 3.6</i>	Kết quả phân tích tương quan Speaman giữa các vai trò NTQĐ với PCCT của HV đào tạo SQQĐ	118
<i>Bảng 3.7.</i>	Kết quả phân tích mô hình hồi quy tuyến tính	118
<i>Bảng 3.8.</i>	Tổng hợp kết quả kiểm tra nhận thức chính trị của học viên các NTQĐ	120
<i>Bảng 3.9.</i>	Tỷ lệ CBGV và HV đánh giá phẩm chất chính trị của HV trước khi ra trường	122
<i>Bảng 4.1.</i>	Tổng hợp kết quả kiểm định Kruskal-Wallis H về ảnh hưởng của yếu tố quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước và Quân đội về QPAN đến việc thực hiện các vai trò của NTQĐ	126
<i>Bảng 4.2.</i>	Kết quả phân tích tương quan giữa yếu tố quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước và Quân đội về QPAN với việc thực hiện các vai trò của NTQĐ	127
<i>Bảng 4.3.</i>	Tổng hợp kết quả kiểm định Kruskal-Wallis H về	130

ảnh hưởng của chất lượng đội ngũ CBGV đến việc thực hiện các vai trò của NTQĐ

<i>Bảng 4.4.</i>	Kết quả phân tích tương quan giữa chất lượng đội ngũ CBGV với việc thực hiện các vai trò của NTQĐ	131
<i>Bảng 4.5.</i>	Tổng hợp kết quả kiểm định Kruskal-Wallis H về ảnh hưởng của mục tiêu, chương trình, nội dung và phương pháp giảng dạy đến việc thực hiện các vai trò của NTQĐ	135
<i>Bảng 4.6.</i>	Kết quả phân tích tương quan giữa mục tiêu, chương trình, nội dung và phương pháp giáo dục với việc thực hiện các vai trò của NTQĐ	136
<i>Bảng 4.7.</i>	Tổng hợp kết quả kiểm định Kruskal-Wallis H về ảnh hưởng của môi trường giáo dục đến việc thực hiện các vai trò của NTQĐ	138
<i>Bảng 4.8.</i>	Kết quả phân tích tương quan giữa môi trường giáo dục với việc thực hiện các vai trò của NTQĐ	139
<i>Bảng 4.9.</i>	Tổng hợp kết quả kiểm định Kruskal-Wallis H về ảnh hưởng mạng xã hội, sự chống phá của các thế lực thù địch, mặt trái kinh tế thị trường đến việc thực hiện các vai trò của NTQĐ	144
<i>Bảng 4.10.</i>	Kết quả phân tích tương quan giữa mạng xã hội, sự chống phá của các thế lực thù địch, mặt trái kinh tế thị trường với việc thực hiện các vai trò của NTQĐ	145
<i>Bảng 4.11.</i>	Tổng hợp kết quả kiểm định Kruskal-Wallis H về ảnh hưởng từ nhận thức, thái độ, ý chí, nghị lực, động cơ phấn đấu của HV đến việc thực hiện các vai trò của NTQĐ	148
<i>Bảng 4.12.</i>	Kết quả phân tích tương quan giữa nhận thức, thái độ, ý chí, nghị lực, động cơ phấn đấu của HV với việc thực hiện các vai trò của NTQĐ	149

<i>Bảng 4.13</i>	Kết quả mô hình hồi quy tuyến tính ảnh hưởng của các yếu tố đối với vai trò giáo dục LLCT	150
<i>Bảng 4.14</i>	Kết quả mô hình hồi quy tuyến tính ảnh hưởng của các yếu tố đối với vai trò tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện PCCT	151
<i>Bảng 4.15</i>	Kết quả mô hình hồi quy tuyến tính ảnh hưởng của các yếu tố đối với vai trò xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự	152

DANH MỤC CÁC BIỂU

Thứ tự biểu đồ	Nội dung	Trang
<i>Biểu đồ 3.1.</i>	Tỷ lệ CBGV, HV đánh giá mức độ phù hợp của việc bố trí các nội dung GDLLCT cho HV trong chương trình đào tạo	77
<i>Biểu đồ 3.2.</i>	Tỷ lệ CBGV và HV đánh giá trách nhiệm của các hoạt lực lượng trong thực hiện các nội dung GDLLCT trong chương trình đào tạo	82
<i>Biểu đồ 3.3.</i>	Tỷ lệ CBGV đánh giá trách nhiệm của các tổ chức ở NTQĐ trong tổ chức các hoạt động rèn luyện PCCT cho HV	96
<i>Biểu đồ 3.4.</i>	Tỷ lệ CBGV đánh giá hiệu quả của các hoạt động ở NTQĐ trong rèn luyện PCCT cho HV đào tạo SQQĐ	97
<i>Biểu đồ 3.5.</i>	Tỷ lệ CBGV và HV đánh giá mức độ hiệu quả của môi trường văn hóa trong giáo dục rèn luyện PCCT của HV	109
<i>Biểu đồ 4.1.</i>	Tỷ lệ CBGV và HV đánh giá mức độ ảnh hưởng của yếu tố Quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước và Quân đội về QPAN tới việc thực hiện vai trò của NTQĐ	126
<i>Biểu đồ 4.2.</i>	Ảnh hưởng của mục tiêu, nội dung, chương trình và phương pháp giảng dạy đến việc thực hiện vai trò của NTQĐ	134
<i>Biểu đồ 4.3.</i>	Ảnh hưởng của mạng xã hội, sự chôn phá các thế lực thù địch, mặt trái kinh tế thị trường tới việc thực hiện vai trò của NTQĐ	143
<i>Biểu đồ 4.4.</i>	Mức độ ảnh hưởng từ nhận thức, thái độ, ý chí, nghị lực, động cơ phấn đấu của HV đến việc thực hiện vai trò của NTQĐ	147

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong tiến trình cách mạng Việt Nam, Quân đội nhân dân Việt Nam (QĐNDVN) luôn giữ vai trò nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, vừa trung thành tuyệt đối với Đảng, Nhà nước, Nhân dân, vừa là lực lượng trực tiếp chiến đấu và làm nòng cốt trong chiến lược quốc phòng toàn dân. Bước vào giai đoạn mới, Đảng ta xác định nhiệm vụ chiến lược là: *“xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại”* [16, tr.48]. Để thực hiện thắng lợi mục tiêu này, việc xây dựng đội ngũ sĩ quan có phẩm chất chính trị (PCCT) vững vàng trở thành yêu cầu cấp thiết, bởi đây là tiêu chí then chốt bảo đảm sức mạnh chính trị – tinh thần và chất lượng tổng thể của lực lượng vũ trang.

Trong hệ thống thiết chế quân sự, nhà trường quân đội (NTQĐ) giữ vị trí trung tâm, là môi trường đặc thù có kỷ luật nghiêm ngặt, tính tổ chức cao, hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng diễn ra liên tục, toàn diện và có hệ thống. Không chỉ đơn thuần là cơ sở đào tạo tri thức chuyên môn, NTQĐ còn là thiết chế xã hội hóa chính trị có tổ chức, nơi học viên (HV) được chuyển hóa từ *“thanh niên dân sự”* thành *“quân nhân, sĩ quan quân đội”* thông qua quá trình tiếp nhận, nội tâm hóa và thực hành các chuẩn mực, giá trị chính trị, quân sự. Với đặc thù vừa là cơ sở giáo dục, vừa là đơn vị quân sự, NTQĐ có điều kiện tổng hợp cả giáo dục lý luận chính trị, tổ chức rèn luyện kỷ luật, xây dựng môi trường văn hóa chính trị, quân sự; qua đó trực tiếp hình thành và phát triển bản lĩnh, niềm tin, thái độ chính trị và phẩm chất người sĩ quan QĐNDVN.

Trong bối cảnh hiện nay, NTQĐ càng có vai trò đặc biệt khi phải đối mặt với những thách thức phi truyền thống như chiến tranh mạng, chiến tranh thông tin, âm mưu *“phi chính trị hóa quân đội”* và sự tác động đa chiều của môi trường xã hội, nhất là mạng xã hội. Những tác động này không chỉ ảnh hưởng đến nhận thức, thái độ chính trị của HV mà còn đòi hỏi NTQĐ phải có

cơ chế, phương pháp giáo dục phù hợp để giữ vững “trận địa chính trị, tư tưởng” ngay trong môi trường đào tạo.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy việc phát huy vai trò của NTQĐ trong hình thành PCCT cho HV vẫn còn những hạn chế: nội dung, phương pháp giáo dục chính trị chưa theo kịp yêu cầu mới; việc phối hợp các lực lượng trong NTQĐ chưa đồng bộ; một bộ phận HV còn chịu ảnh hưởng của những quan điểm lệch lạc từ xã hội bên ngoài. Đặc biệt, còn thiếu các công trình nghiên cứu chuyên sâu, tiếp cận từ góc độ xã hội học để phân tích NTQĐ như một thiết chế xã hội hóa chính trị đặc thù, đặc biệt và đánh giá một cách hệ thống vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT cho HV đào tạo sĩ quan.

Xuất phát từ những lý do đó, việc nghiên cứu đề tài: *“Vai trò của nhà trường quân đội trong quá trình hình thành phẩm chất chính trị của học viên đào tạo sĩ quan quân đội hiện nay”* là hết sức cần thiết. Đề tài không chỉ góp phần bổ sung cơ sở lý luận cho xã hội học quân sự và xã hội học chính trị, mà còn cung cấp những luận cứ khoa học và giải pháp thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục, rèn luyện PCCT cho HV, xây dựng đội ngũ sĩ quan QĐNDVN vừa *“hồng”* vừa *“chuyên”*, đáp ứng yêu cầu xây dựng Quân đội trong tình hình mới.

2. Câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu

2.1. Câu hỏi nghiên cứu

Câu hỏi 1: Nhà trường quân đội thực hiện những vai trò gì trong quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ? Vai trò nào đóng góp nhiều nhất tới quá trình hình thành PCCT của học viên?

Câu hỏi 2. Quá trình thực hiện vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ chịu ảnh hưởng của những yếu tố xã hội nào? Mức độ ảnh hưởng ra sao?

Câu hỏi 3: Làm thế nào để phát huy hiệu quả vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT cho HV, đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ SQQĐ hiện nay?

2.2. Giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết 1: Trong quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ, NTQĐ thực hiện vai trò giáo dục lý luận chính trị, tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện, xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự. Trong đó vai trò giáo dục lý luận chính trị đóng góp nhiều nhất tới quá trình hình thành PCCT của học viên.

Giả thuyết 2: Quan điểm, chính sách QPAN; chất lượng đội ngũ giảng viên; mục tiêu, chương trình, phương pháp giảng dạy; môi trường giáo dục; tác động mạng xã hội và mặt trái kinh tế thị trường; nhận thức, động cơ, ý chí học viên là những yếu tố ảnh hưởng tới việc thực hiện vai trò của NTQĐ. Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố không ngang bằng nhau.

Giả thuyết 3: Để phát huy vai trò của NTQĐ trong hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ đòi hỏi phải kết hợp giữa nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên với đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục đào tạo và xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự lành mạnh.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Luận án làm rõ và phân tích một cách có hệ thống vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT cho HV đào tạo SQQĐ, từ đó xác định các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến việc thực hiện các vai trò đó; đồng thời đề xuất các giải pháp khoa học và khả thi nhằm phát huy hiệu quả vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ thời gian tới.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về PCCT của SQQĐ và vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ.

- Phân tích thực trạng thực hiện ba vai trò cơ bản của NTQĐ: 1) giáo dục lý luận chính trị; 2) bồi dưỡng, rèn luyện PCCT; 3) xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự) trong quá trình hình thành PCCT cho học viên, từ đó xác định mức độ đóng góp và sự khác biệt giữa các nhóm đối tượng, nhà trường.

- Phân tích các yếu tố xã hội (các biến số can thiệp) ảnh hưởng đến việc thực hiện các vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ.

- Đề xuất hệ thống giải pháp khoa học có tính khả thi nhằm phát huy vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT cho HV đào tạo SQQĐ trong thời gian tới.

5. Đối tượng, khách thể và phạm vi nghiên cứu

5.1. Đối tượng nghiên cứu

Vai trò nhà trường quân đội trong quá trình hình thành phẩm chất chính trị của học viên đào tạo sĩ quan quân đội

5.2. Khách thể nghiên cứu

CBGV và HV tại các NTQĐ đào tạo SQQĐ. Cụ thể gồm: CBGV tham gia giảng dạy, quản lý và HV đào tạo sĩ quan đang học tập và rèn luyện tại Học viện Hậu Cần, Trường Sĩ quan Lục quân 1, Trường Sĩ quan Chính trị.

5.3. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi về nội dung:* Nghiên cứu tập trung nghiên cứu các vai trò của NTQĐ (với tư cách là các biến số độc lập) gồm: vai trò giáo dục lý luận chính trị; vai trò tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện PCCT cho HV; vai trò xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự đến quá trình hình thành PCCT của học viên đào tạo SQQĐ và xem xét các yếu tố xã hội (biến số can thiệp) ảnh hưởng đến việc thực hiện các vai trò đó.

- *Phạm vi về không gian:* Luận án tập trung khảo sát tại một số NTQĐ điển hình, có chức năng đào tạo sĩ quan chính quy bao gồm: Học viện Hậu cần, Trường Sĩ quan Chính trị, Trường sĩ quan Lục quân 1.

- *Phạm vi về thời gian:* nghiên cứu được tiến hành từ năm 2020 đến năm 2025, với HV các khóa từ năm thứ nhất đến năm thứ tư. Thời gian khảo sát: tháng 7 – 8/2024.

6. Hệ thống các biến số và khung phân tích

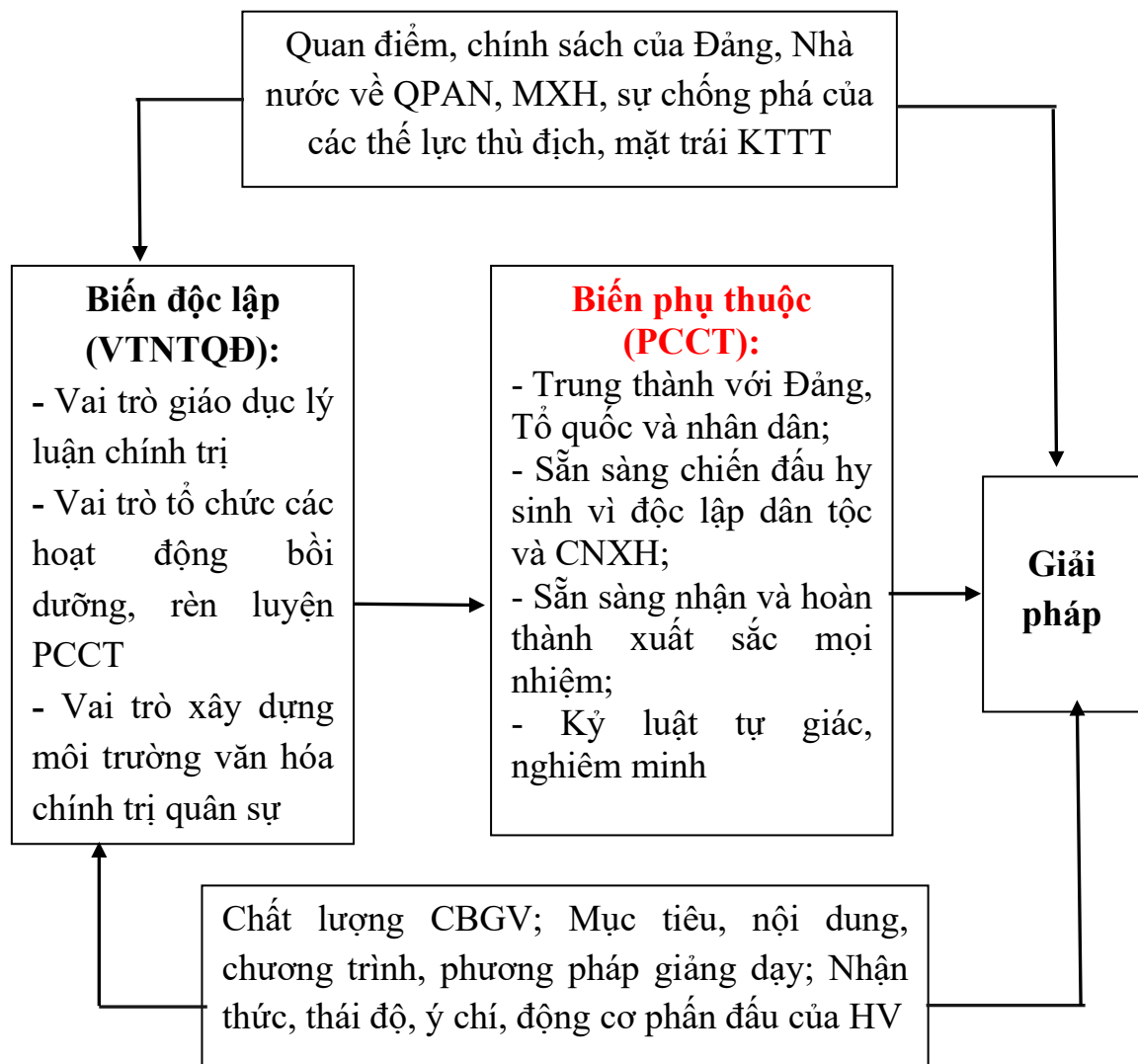
6.1. Hệ thống các biến số

- *Biến độc lập*: Vai trò giáo dục lý luận chính trị; Vai trò bồi dưỡng, rèn luyện PCCT; Vai trò xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự

- *Biến phụ thuộc*: Phẩm chất chính trị của HV đào tạo SQQĐ (Trung thành với Đảng, Tổ quốc và nhân dân; Sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Sẵn sàng nhận và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ; Kỷ luật tự giác nghiêm minh).

- *Biến can thiệp*: Quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước, Quân đội về QPAN; Chất lượng đội ngũ giảng viên; Mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy; Môi trường giáo dục; Tác động của mạng xã hội, mặt trái kinh tế thị trường; Nhận thức, thái độ, ý chí, động cơ phấn đấu của HV.

6.2. Khung phân tích



Khung phân tích chỉ ra các vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất, vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của học viên đào tạo SQQĐ được thể hiện qua ba vai trò chính gồm: vai trò giáo dục lý luận chính trị; vai trò tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện PCCT và vai trò xây dựng môi trường quân hóa chính trị quân sự. Đây là những vai trò cơ bản có ảnh hưởng trực tiếp và quyết định nhất đến việc hình thành phẩm chất chính trị của học viên đào tạo SQQĐ.

Thứ hai, khung phân tích cũng chỉ ra có nhiều yếu tố ảnh hưởng tới việc thực hiện vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của học viên đào tạo SQQĐ như: Quan điểm chính sách của Đảng, Nhà nước về quốc phòng, an ninh, các tác động từ bối cảnh xã hội (mặt trái kinh tế thị trường, mạng xã hội, sự chống phá của các thế lực thù địch), các yếu tố thuộc nội tại NTQĐ như mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, chất lượng cán bộ giảng viên, ý chí, động cơ, nghị lực của học viên...

Thứ ba, trên cơ sở phân tích thực trạng, các yếu tố ảnh hưởng, luận án đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy vai trò của NTQĐ trong giáo dục, rèn luyện, nâng cao PCCT cho học viên đào tạo SQQĐ. Qua đó góp phần xây dựng đội ngũ SQQĐ tương lai vừa hồng, vừa chuyên, đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị trong tình hình mới.

7. Đóng góp mới của luận án

- Luận án góp phần bổ sung và hoàn thiện cơ sở lý luận xã hội học về vai trò của NTQĐ như một thiết chế xã hội hóa chính trị đặc thù trong quân đội. Trên cơ sở vận dụng các lý thuyết vị thế – vai trò, lý thuyết xã hội hóa, luận án đã xác lập mô hình ba vai trò cơ bản của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ, đồng thời khái quát hóa nội hàm và cấu trúc PCCT của HV SQQĐ trong bối cảnh hiện nay.

- Luận án cung cấp những đánh giá khách quan, toàn diện về thực trạng thực hiện các vai trò của NTQĐ trong giáo dục PCCT cho HV, từ hai góc

nhìn của những người trong cuộc: CBGV và HV. Luận án cũng xác định được các nhóm yếu tố xã hội ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện vai trò của nhà trường, đồng thời chỉ ra sự khác biệt trong nhận thức và tiếp nhận giữa các chủ thể. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất hệ thống giải pháp thiết thực nhằm phát huy vai trò của NTQĐ trong xây dựng đội ngũ sĩ quan có bản lĩnh chính trị vững vàng, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới.

- Luận án vận dụng hiệu quả phương pháp nghiên cứu xã hội học hiện đại, kết hợp định tính và định lượng, sử dụng bảng hỏi được thiết kế riêng cho từng nhóm đối tượng, cùng các kỹ thuật thống kê như kiểm định, hồi quy tuyến tính... Qua đó, bảo đảm độ tin cậy, khách quan và giá trị kiểm chứng của kết quả nghiên cứu, đồng thời tạo cơ sở tham khảo cho các công trình nghiên cứu trong lĩnh vực xã hội học quân sự và giáo dục chính trị trong quân đội.

8. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

8.1. Ý nghĩa lý luận

- Luận án góp phần bổ sung, hoàn thiện về lý thuyết và phương pháp nghiên cứu của xã hội học nói chung và xã hội học chính trị, xã hội học quân sự, xã hội học giáo dục nói riêng về vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ hiện nay.

- Kết quả nghiên cứu góp phần khẳng định tính đúng đắn và phù hợp của lý luận trong các chủ trương, quốc sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng quân đội; về đào tạo, giáo dục, xây dựng đội ngũ cán bộ quân đội trong tình hình mới hiện nay.

8.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án cung cấp những bằng chứng thực nghiệm có giá trị trong đánh giá thực trạng thực hiện vai trò giáo dục chính trị của NTQĐ hiện nay, dựa trên khảo sát xã hội học cả ở đội ngũ CBGV và HV. Việc nhận diện các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện các vai trò đó. Từ đó đề xuất các giải pháp có tính khả thi và sát với thực tiễn phát triển của quân đội nhân dân Việt Nam trong thời kỳ mới.

Kết quả của luận án có thể làm tài liệu tham khảo có giá trị đối với các nhà nghiên cứu, nhà hoạch định chính sách, cán bộ quản lý giáo dục trong các học viện, NTQĐ, góp phần nâng cao hiệu quả công tác giáo dục – đào tạo chính trị, xây dựng đội ngũ SQQĐ vững mạnh cả về bản lĩnh, tư tưởng và đạo đức cách mạng

9. Kết cấu luận án

Kết cấu luận án gồm: Mở đầu, 4 chương, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục. Cụ thể các chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2: Cơ sở lý luận nghiên cứu, địa bàn và phương pháp nghiên cứu

Chương 3: Thực trạng vai trò của nhà trường quân đội trong quá trình hình thành phẩm chất chính trị của học viên đào tạo sĩ quan quân đội

Chương 4: Các yếu tố ảnh hưởng và giải pháp phát huy vai trò của nhà trường quân đội trong quá trình hình thành phẩm chất chính trị của học viên đào tạo sĩ quan quân đội

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. CÁC NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN TỚI VAI TRÒ VÀ VAI TRÒ CỦA NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI

1.1.1. Các nghiên cứu về thực trạng và giải pháp phát huy vai trò của nhà trường và nhà trường quân đội

Nhà trường, với tư cách là một thiết chế xã hội (thiết chế giáo dục đặc thù và đặc biệt), giữ vai trò then chốt trong quá trình xã hội hóa, truyền thụ tri thức và hình thành các giá trị xã hội cốt lõi cho các thế hệ công dân. Trong thời gian qua đã có nhiều nghiên cứu bàn về vai trò và giải pháp phát huy vai trò của nhà trường. Các công trình nghiên cứu trên đều khẳng định vai trò quan trọng của nhà trường trong giáo dục tri thức và hình thành phẩm chất con người. Vai trò của nhà trường được thể hiện thông qua nhiều khía cạnh khác nhau.

Nghiên cứu của Hargreaves (1994) và Verhoeven, M et al. (2018) đều khẳng định vai trò của nhà trường không chỉ đơn thuần là truyền đạt tri thức mà còn là một môi trường văn hóa - xã hội có ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển toàn diện của người học. Hai tác giả cùng chung quan điểm rằng vai trò này được thực hiện thông qua nhiều cơ chế khác nhau như: chất lượng môi trường sư phạm, sự sáng tạo của giáo viên, chương trình giáo dục có chủ đích, và các mối quan hệ xã hội. Tuy nhiên, Hargreaves tập trung vào mối quan hệ giữa vai trò nhà trường với thực tiễn nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên và sự tác động của các cải cách từ cấp trên [122], trong khi Verhoeven lại nhấn mạnh rằng nhà trường đang chịu sự chi phối của các yếu tố "ngầm định" như định kiến xã hội, kỳ vọng phân biệt hay áp lực thi cử, những yếu tố này có thể cản trở sự phát triển bản sắc đa dạng của người học [129]. Mặc dù có những điểm nhấn khác nhau, cả hai tác giả đều chỉ ra sự phức tạp ngày càng tăng trong vai trò của nhà trường trước những kỳ vọng mới của xã hội.

Venelin Terziev và Silva Vasileva (2022), nhận định rằng trong bối cảnh toàn cầu hóa và thông tin đa chiều, nhà trường đang đóng vai trò quan trọng trong việc cân bằng giữa việc truyền chuẩn (giá trị truyền thống) và kích hoạt tư duy phản biện thông qua các phương pháp giáo dục hiện đại. Tuy nhiên, tác giả lưu ý nhiều hệ thống giáo dục còn cứng nhắc, vẫn duy trì cách truyền đạt từ trên xuống, chưa khai thác hiệu quả vai trò giáo dục đa chiều của môi trường nhà trường [122]

Theo Lê Thị Mỹ Duyên, Nguyễn Thị Ngọc Bé (2020) nhà trường như một thiết chế xã hội có trách nhiệm trang bị hành trang hội nhập cho người học [7]. Tác giả Huỳnh Tuấn Linh và Nguyễn Thị Huyền (2016) đánh giá rằng, vai trò của nhà trường được thực hiện thông qua vai trò của đội ngũ giảng viên [39]. Mặc dù giảng viên có ý thức đổi mới, nhưng hiệu quả rèn luyện kỹ năng tự học của sinh viên còn hạn chế do thiếu sự hỗ trợ đồng bộ từ nhà trường, môi trường học tập chưa linh hoạt và nguồn tài nguyên hạn chế. Từ đó, các tác giả đề xuất các giải pháp nhằm phát huy vai trò của nhà trường thông qua việc nâng cao năng lực giảng viên, xây dựng môi trường học tập tích cực và đổi mới phương pháp đánh giá để khuyến khích sinh viên chủ động học tập.

Nhìn chung các nghiên cứu đã làm rõ nhà trường không chỉ là nơi truyền đạt tri thức, mà còn là môi trường hình thành phẩm chất, bồi dưỡng đạo đức, phát triển kỹ năng xã hội và lý tưởng sống cho người học. Vai trò của giảng viên, tổ chức đoàn thể và môi trường học đường được ghi nhận là những nhân tố trung tâm trong quá trình xã hội hóa giáo dục. Nhân mạnh tác động tích cực của các hoạt động ngoại khóa từ hoạt động của các tổ chức như: Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, và các chương trình kỹ năng mềm được đánh giá có đóng góp hiệu quả vào quá trình giáo dục đạo đức, phát triển kỹ năng thực tiễn và tinh thần trách nhiệm xã hội của người học. Tuy nhiên các nghiên cứu cũng chỉ ra vai trò giáo dục vẫn nghiêng về chức năng truyền đạt

hơn là phát triển toàn diện: Nhiều nghiên cứu cho thấy giảng viên vẫn chủ yếu sử dụng phương pháp dạy học truyền thống, thiếu đổi mới, chưa tạo được môi trường học tập khuyến khích sáng tạo, tư duy phản biện và tự học cho người học. Vai trò của nhà trường trong kiến tạo một môi trường văn hóa học thuật hoặc văn hóa học đường mang tính đặc trưng chưa được phát huy đúng mức. Không ít trường còn thiếu chiến lược phát triển giá trị văn hóa học đường lâu dài. Các hoạt động ngoại khóa, giáo dục kỹ năng mềm tuy được tổ chức khá đa dạng nhưng thiếu tính hệ thống, thiếu sự liên kết với chương trình học chính khóa và ít có cơ chế đánh giá rõ ràng. Phần lớn các nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính, khảo sát mô tả, chưa thiết lập hệ thống chỉ báo cụ thể để đo lường vai trò nhà trường theo các chiều cạnh khác nhau như: tổ chức, môi trường, chủ thể giáo dục, hay tác động đến người học.

Trong lĩnh vực quân sự, cũng có nhiều công trình nghiên cứu bàn luận tới vai trò của NTQĐ. Các tác giả đều thống nhất rằng NTQĐ hiện nay giữ vai trò then chốt trong việc đào tạo cán bộ có PCCT, năng lực toàn diện và đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Các tác giả đều nhất trí rằng NTQĐ hiện nay đã và đang phát huy vai trò trung tâm trong truyền thụ tri thức quân sự, giáo dục PCCT và rèn luyện ý chí, bản lĩnh người quân nhân

Điều lệ công tác NTQĐ xác định NTQĐ có vai trò vụ giáo dục, đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp trong toàn quân đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng Quân đội “chính quy, tinh nhuệ, hiện đại” trong tình hình mới [4, tr.3]. Tác giả Bùi Văn Mạnh (2022) cho rằng NTQĐ không chỉ là môi trường đào tạo kỹ năng chuyên môn mà còn là không gian hình thành PCCT, đạo đức và ý thức hệ cho HV [46]. Tác giả Nguyễn Văn Oanh nhấn mạnh: vai trò của GD-ĐT trong quân đội không chỉ là quá trình truyền thụ tri thức, kỹ năng chuyên môn mà còn là quá trình xã hội hóa nhằm hình thành bản lĩnh chính trị, lý tưởng cách mạng và phẩm chất người quân nhân [48]. Tác giả Nguyễn Văn Kỷ cho rằng: NTQĐ có vai trò

đào tạo đội ngũ cán bộ cho Quân đội để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc [38]. Tác giả Trần Văn Hoan tiếp cận vai trò của NTQĐ thông qua vai trò của đội ngũ cán bộ quản lý và chỉ ra rằng đội ngũ cán bộ quản lý có vai trò trung tâm trong việc thúc đẩy chuyển đổi mô hình giáo dục từ truyền thụ kiến thức sang phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực quân nhân. [29]. Trần Thị Minh Thu (2024) chỉ ra NTQĐ giữ vai trò tổ chức, truyền bá và nội tâm hóa hệ giá trị cách mạng, góp phần trực tiếp vào việc hình thành PCCT, bản lĩnh và năng lực thích ứng cho cán bộ, học viên trong bối cảnh hiện đại hóa quân đội và toàn cầu hóa...

Các nghiên cứu cũng chỉ ra việc thực hiện vai trò của NTQĐ cũng còn nhiều hạn chế như: chương trình đào tạo còn nặng lý thuyết, phương pháp giảng dạy chậm đổi mới, thiếu kết nối với thực tiễn chiến đấu và yêu cầu hiện đại hóa [46]; việc đào tạo cán bộ còn thiên về truyền thống, chưa phát triển mạnh năng lực tự học, tư duy phản biện, và thích ứng trong môi trường công nghệ cao [38]; chất lượng giảng dạy các môn lý luận chính trị chưa đồng đều, thiếu sự gắn kết giữa lý luận với thực tiễn [65].

Về giải pháp phát huy vai trò của nhà trường trong nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo và các hoạt động ở nhà trường, tác giả Bùi Văn Mạnh, Nguyễn Văn Oanh đề xuất cần kết hợp chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn, tăng cường giáo dục chính trị, đạo đức, và rèn luyện trong môi trường quân sự đặc thù. Tác giả Trần Hậu Tân, Nguyễn Văn Kỷ cho rằng cần tập trung phát triển đội ngũ giảng viên vừa có PCCT vững vàng, vừa có trình độ chuyên môn sâu và khả năng sư phạm hiện đại, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, xây dựng hệ thống đánh giá năng lực thực chất. Đối với cán bộ quản lý giáo dục cần phát huy vai trò cán bộ quản lý giáo dục trong nhà trường, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý theo hướng hiện đại, linh hoạt [29]. Xây dựng và củng cố văn hóa giáo dục quân sự, tạo môi trường giáo dục có tổ chức, kỷ luật và giàu bản sắc chính trị – quân sự [72].

Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đều khẳng định vai trò then chốt của nhà trường trong việc xã hội hóa, giáo dục tri thức và bồi dưỡng phẩm chất cho người học. Đây là những giá trị luận án có thể kế thừa đó để làm rõ vai trò của NTQĐ trên ba phương diện cụ thể: (1) giáo dục chính trị – tư tưởng, (2) tổ chức các hoạt động rèn luyện PCCT, và (3) xây dựng môi trường văn hóa chính trị – quân sự. Các chỉ báo và giải pháp đã được đề xuất trong các nghiên cứu trước đây là cơ sở khoa học quan trọng để luận án xây dựng các chỉ báo đánh giá thực trạng và đưa ra các giải pháp có tính khả thi, nhằm phát huy tốt hơn vai trò của NTQĐ trong giai đoạn hiện nay.

1.1.2. Các nghiên cứu liên quan tới các yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của nhà trường và nhà trường quân đội

Bàn về các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện vai trò của nhà trường có nhiều nghiên cứu trong nước và quốc tế đề cập tới. Trên thế giới, các học giả nổi tiếng như: Émile Durkheim., Talcott Parsons, Anthony Giddens, Paulo Freire, Stephen Ball... đã đề cập và cho rằng các yếu tố liên quan tới bối cảnh kinh tế, xã hội, văn hóa có ảnh hưởng tới vai trò của NTQĐ. Trong nghiên cứu của Émile Durkheim (1922), môi trường văn hóa, truyền thống dân tộc, tôn giáo và cơ cấu xã hội được xem là nền tảng định hướng chức năng xã hội hóa của nhà trường, đặc biệt trong việc hình thành giá trị đạo đức và ý thức cộng đồng [113]. Talcott Parsons (1959) nhấn mạnh rằng yếu tố xã hội cấp vĩ mô như cấu trúc tổ chức, giá trị đạo đức và quy tắc hành vi là yếu tố nền tảng ánh sáng vào hoạt động tổ chức vai trò của nhà trường [111].

Trong bối cảnh hiện đại hóa, Anthony Giddens (2006) chỉ ra vai trò của chính sách, công nghệ, cấu trúc quyền lực và biến đổi văn hóa trong việc định hình cách thức nhà trường thực hiện chức năng xã hội hóa [117]. Mô hình sinh thái của Bronfenbrenner (1979) bổ sung bằng cách xây dựng hệ thống đa cấp: từ vi mô (lớp học, quan hệ thầy trò) đến vĩ mô (chính sách, truyền thông, xã hội). Mỗi cấp độ đều tác động và tương tác qua lại trong việc định hình vai trò nhà trường [119].

Ở Việt Nam, đã có những tác giả bàn về vấn đề này, tiêu biểu như: Phạm Hồng Quang, Nguyễn Thị Minh Thu, Phan Thị Hường & Nguyễn Huy Tuyền. Các bối cảnh kinh tế, xã hội, văn hóa có ảnh hưởng lớn tới việc thực hiện vai trò của nhà trường nhất là trong bối cảnh hiện nay. Phạm Hồng Quang (2006) cho rằng NTQĐ là thể chế khép kín nhưng vẫn chịu ảnh hưởng ngày càng sâu từ môi trường chính trị – xã hội rộng lớn [51]. Nguyễn Thị Minh Thu (2024) cho rằng việc thực hiện vai trò của NTQĐ chịu ảnh hưởng của các yếu tố như toàn cầu hóa, yêu cầu xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, hiện đại, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới, và đặc thù của môi trường văn hóa quân sự [72]. Bên cạnh đó, Phan Thị Hường & Nguyễn Huy Tuyền (2023) chỉ ra rằng môi trường nhà trường, các quan hệ xã hội trong nhà trường, sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường là những yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của nhà trường trong giáo dục đạo đức cho học sinh [37]...

Tóm lại, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện vai trò của nhà trường và NTQĐ đều thống nhất rằng nhà trường là một thiết chế chịu tác động đa chiều từ môi trường bên trong (như đội ngũ giảng viên, chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, cơ chế tổ chức) đến môi trường bên ngoài (như chính sách giáo dục, văn hóa xã hội, toàn cầu hóa, mạng xã hội, chuyển đổi số). Các yếu tố ảnh hưởng được nhận diện ngày càng phong phú và toàn diện hơn, đặc biệt là trong các nghiên cứu gần đây đã chú ý tới tính đặc thù của môi trường quân sự và yêu cầu giáo dục chính trị trong điều kiện mới. Đa số công trình vẫn tập trung ở mức độ mô tả, lý luận định tính hoặc đề xuất mang tính khuyến nghị, chưa đi sâu vào kiểm định thực nghiệm mức độ tác động của từng yếu tố cụ thể. Chưa có mô hình đo lường toàn diện có khả năng phân tích mối quan hệ giữa các yếu tố ảnh hưởng và vai trò cụ thể mà nhà trường thực hiện, đặc biệt là vai trò giáo dục, rèn luyện PCCT cho HV trong NTQĐ.

Từ kết quả tổng quan các công trình đã có, luận án xác định các yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ gồm: Quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước về QPAN; chất lượng đội ngũ CBGV; mục tiêu, chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục; môi trường giáo dục; mặt trái nền kinh tế thị trường, mạng xã hội, sự chống phá của các thế lực thù địch; nhận thức, thái độ, ý chí, nghị lực, động cơ phấn đấu của học viên. Từ đó đề xuất các giải pháp khả thi và có giá trị ứng dụng thực tiễn cao đối với việc phát huy vai trò của NTQĐ trong giáo dục, rèn luyện phẩm chất chính trị cho HV đào tạo SQQĐ.

1.2. CÁC NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN TỚI PHẨM CHẤT CHÍNH TRỊ CỦA QUÂN NHÂN TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

1.2.1. Nghiên cứu bàn về khái niệm và biểu hiện của phẩm chất chính trị

Có nhiều nghiên cứu bàn về PCC dưới các hình thức khác nhau: Theo bộ sách *Phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”* (Quân đội nhân dân Việt Nam, 2011), PCCT là phẩm chất cốt lõi, là nền tảng để xây dựng nên phẩm chất người quân nhân cách mạng được thể hiện qua lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, tinh thần yêu nước, ý chí kiên cường và tinh thần phục vụ nhân dân [51]. Phạm Quang Thanh (2022) cho rằng phẩm chất của người cán bộ gắn liền với sự trung thực, khiêm tốn, tự giác rèn luyện và phục vụ lợi ích của nhân dân [68].

Về biểu hiện, các nghiên cứu chỉ ra PCCT được biểu hiện ở lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, tinh thần yêu nước, ý chí chiến đấu, tinh thần phục vụ nhân dân và chấp hành kỷ luật [53]; bản lĩnh chính trị vững vàng, tư duy lý luận sắc bén, lập trường tư tưởng kiên định, ý thức trách nhiệm chính trị và khả năng hành động phù hợp với chuẩn mực cách mạng [5]; tư tưởng chính trị đúng đắn, lòng trung thành với mục tiêu lý tưởng cách mạng, khả năng phản bác tư tưởng sai trái và “tính gương mẫu trong hành động [68].

Tác giả Ngô Thị Vân (2022) và Hoàng Phúc Lâm (2020) đã mô tả PCCT (bản lĩnh chính trị) được thể hiện qua thể hiện lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, Tổ quốc và nhân dân; có lập trường tư tưởng vững vàng; có đạo đức, lối sống trong sáng, tinh thần trách nhiệm cao và khả năng đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực [101], [44]. Tác giả Trần Viết Quang và cộng sự (2020) dù không định nghĩa trực tiếp, nhưng xem ý thức chính trị là yếu tố cấu thành PCCT, với trọng tâm là bản lĩnh chính trị, tinh thần yêu nước, niềm tin và thái độ đúng đắn trước các vấn đề xã hội [52].

Một số nghiên cứu nước ngoài cũng đề cập đến PCCT Srikanth Kondapalli (2005) cho rằng ý thức chính trị của quân nhân trong Quân đội Trung Quốc thể hiện ở việc tuyệt đối trung thành với Đảng Cộng sản Trung Quốc và tuân thủ toàn diện hệ tư tưởng chính trị của Đảng [Srikanth Kondapalli]. Theo Huntington, S. P. (1957), phẩm chất chính trị được hiểu là khả năng tôn trọng kiểm soát dân sự, bảo đảm quân đội thực hiện chỉ đạo pháp quyền mà không can thiệp chính trị [107]. phẩm chất chính trị thường nhấn mạnh lòng trung thành với lãnh đạo/nhà nước, thái độ dân tộc-chủ nghĩa và kỷ luật chính trị [106].

Một số nghiên cứu đã đưa ra những các tiêu chí, chỉ báo quan trọng để đo lường PCCT như: mức độ nhận thức chính trị (hiểu biết về đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước), thái độ chính trị (niềm tin vào lý tưởng cộng sản, sự trung thành với tổ chức), tình cảm chính trị (lòng yêu nước, gắn bó với nhân dân), hành vi chính trị (sự gương mẫu trong học tập, rèn luyện, đấu tranh với tiêu cực) và hiệu quả công tác đảng, chính trị (hoàn thành nhiệm vụ, uy tín trong đơn vị). Cuốn sách *Phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ* đã đánh giá PCCT dựa trên nhận thức chính trị – tư tưởng, lập trường, bản lĩnh, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm và hành vi chính trị thực tiễn [53] ; thái độ đối với Đảng, ý thức chính trị – xã hội, khả năng kiên định lập trường trong bối

cảnh khó khăn, và hành vi gắn bó với tập thể, cộng đồng [5]. Phan Thị Phương Anh và Trần Thị Như Tuyền (2017) đã sử dụng các chỉ báo về mức độ niềm tin chính trị; động cơ tham gia tổ chức chính trị; thái độ với môn lý luận chính trị; phương pháp tiếp thu giáo dục lý luận chính trị (qua bài giảng, sinh hoạt Đoàn, truyền thông...); mức độ tham gia hoạt động chính trị – xã hội để khảo sát [1]. Đây là những chỉ báo có giá trị tham khảo để luận án xây dựng công cụ khảo sát thực tiễn.

1.2.2. Các nghiên cứu về các yếu tố tác động và con đường, biện pháp xây dựng, phát huy phẩm chất chính trị của quân nhân Quân đội nhân dân Việt Nam

Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng PCCT của cán bộ, chiến sĩ chịu tác động của nhiều yếu tố khác nhau từ cá nhân đến môi trường. Hoàng Đình Châu (2012), cho rằng môi trường văn hóa quân sự, truyền thống đơn vị và tinh thần tập thể là nhân tố quan trọng tác động đến quá trình hình thành phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” [5] đề cập tới các yếu tố từ mạng xã hội, thông tin đa chiều, mặt trái của kinh tế thị trường và tác động từ tư tưởng thực dụng.

Nguyễn Văn Nhất & Bùi Quang Kha (2023), Lê Khắc Sự (2022) cho rằng các yếu tố như: tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, mặt trái của kinh tế thị trường, dịch bệnh, phân tầng xã hội là những yếu tố khách quan tác động đến quá trình hình thành bản lĩnh chính trị, PCCT [47]. Phan Thị Phương Anh & Trần Thị Như Tuyền (2017), Ngô Thị Vân (2022) lại cho rằng: môi trường giáo dục, đội ngũ giảng viên, chương trình đào tạo, hoạt động thực tiễn, phong trào của các tổ chức là những yếu tố chủ quan tác động quá trình này [1].

Ngoài ra, các nghiên cứu cũng chỉ ra các yếu tố thuộc về cá nhân như: nhận thức, động cơ học tập, nền tảng gia đình, năng lực tự học và ý chí tu dưỡng cũng có những ảnh hưởng nhất định đến việc hình thành bản lĩnh chính

trị, PCCT... Việc xem xét các yếu tố ảnh hưởng từ tổng quan các nghiên cứu đã có là cơ sở quan trọng để nghiên cứu xác định các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ. Những yếu tố này là cơ sở quan trọng để luận án xây dựng mô hình đo lường và phân tích sự hình thành PCCT của HV sĩ quan trong bối cảnh hiện nay.

Trên cơ sở phân tích thực trạng và các yếu tố tác động, nhiều nghiên cứu đã đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục và rèn luyện PCCT cho HV SQQĐ. Các giải pháp chủ yếu tập trung vào đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy chính trị theo hướng tăng tính thực tiễn, gắn lý luận với hoạt động thực tế; tăng cường vai trò nêu gương của CBGV; xây dựng môi trường văn hóa chính trị – quân sự lành mạnh, tích cực; ứng dụng học liệu số, nền tảng học trực tuyến.... Theo Phan Thị Phương Anh và Trần Thị Như Tuyền (2017), Trần Thị Thúy (2021), Hoàng Phúc Lâm (2020), Ngô Thị Vân (2022), và Trần Viết Quang, Thái Ngọc Châu, Lê Thị Thanh Hiếu (2020), cần đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy lý luận chính trị, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, pháp luật của Đảng, Nhà nước theo hướng hấp dẫn, gắn với thực tiễn, tránh sự khô khan, sáo rỗng. Việc này nhằm trang bị kiến thức vững chắc, củng cố niềm tin và lý tưởng cách mạng. Phạm Văn Thuận (2025) và Hoàng Phúc Lâm (2020) nhấn mạnh việc nâng cao năng lực tư duy lý luận và tổng kết thực tiễn, giúp cán bộ nhận diện, phân tích và đấu tranh hiệu quả với các quan điểm sai trái, thù địch, nhất là trên không gian mạng [71], [44].

Một số tác giả như Phạm Văn Thuận (2025), Nguyễn Văn Nhất và Bùi Quang Kha (2023), Trần Thị Thúy (2021), Hoàng Phúc Lâm (2020), Ngô Thị Vân (2022), và Lê Khắc Sự (2022) cho rằng cần tăng cường rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống. Một số tác giả như: Phan Thị Phương Anh và Trần Thị Như Tuyền (2017), Ngô Thị Vân (2022), cùng Trần Viết Quang, Thái

Ngọc Châu, Lê Thị Thanh Hiếu (2020) đề xuất lồng ghép giáo dục chính trị tư tưởng vào các hoạt động ngoại khóa, phong trào Đoàn, Hội một cách linh hoạt, phù hợp với sở thích của sinh; nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và cán bộ làm công tác chính trị, đảm bảo họ có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, tâm huyết và phương pháp sư phạm tốt. Bên cạnh đó, các nghiên cứu cũng đề xuất cần hoàn thiện về cơ chế, chính sách để tạo hành lang pháp lý và điều kiện thuận lợi cho công tác giáo dục chính trị.

Các tác giả Phạm Văn Thuận (2025), Hoàng Phúc Lâm (2020), và Lê Khắc Sự (2022) nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tạo môi trường để cán bộ, học viên được rèn luyện thông qua các nhiệm vụ khó khăn, phức tạp trong thực tiễn công tác, huấn luyện, chiến đấu, qua đó nâng cao bản lĩnh chính trị, phát huy vai trò tự giác, tự tu dưỡng của mỗi cá nhân trong tu dưỡng, rèn luyện PCCT, phẩm chất đạo đức...[71]. [44], [65].

Các nghiên cứu ngoài nước chỉ ra, cơ chế kiểm soát ý thức chính trị của quân nhân trong quân đội Trung Quốc được thực hiện thông qua hệ thống chính ủy và con đường để xây dựng ý thức chính trị được thực hiện thông qua hoạt động giáo dục chính trị. [Srikanth Kondapalli]. Môi trường tại ngũ có thể củng cố hoặc thay đổi niềm tin chính trị cá nhân [108]. Andrew Hacker cho rằng con đường hình thành PCCT được xây dựng thông qua quân huấn nghề chuẩn, giảng dạy civics và ethics trong học viện quân sự, cơ chế giám sát dân sự (bộ Quốc phòng, Quốc hội), văn hóa nghề nghiệp đề cao trách nhiệm và trung lập. Nghiên cứu khảo sát chỉ ra quân nhân Mỹ vẫn duy trì khuynh hướng chuyên nghiệp, nhưng có dấu hiệu gia tăng phân hóa ý thức chính trị theo thời kỳ và bối cảnh xã hội [102]. Ở Nga, con đường xây dựng PCCT được tiến hành thông qua giáo dục tư tưởng, bổ nhiệm chính trị, cơ chế chỉ huy chính ủy/điều hành, truyền thông và biểu tượng dân tộc; chiến dịch củng cố (thanh lọc, kỷ luật nội bộ, tăng cường tuyên truyền) nhằm đảm bảo trung thành [103]

Nhìn chung các nghiên cứu có liên quan tới PCCT và PCCT trong quân đội đã góp phần làm sáng tỏ vai trò, tầm quan trọng của PCCT. Đặc biệt là đối với đội ngũ cán bộ, đội ngũ sĩ quan trong quân đội. Hầu hết các công trình đều tiếp cận từ nhiều chiều cạnh như nhận thức, thái độ, hành vi chính trị, qua đó giúp làm rõ cấu trúc PCCT và các yếu tố ảnh hưởng. Một số công trình tiêu biểu như của Hoàng Phúc Lâm, Phạm Văn Thuận, và Trần Viết Quang... đã đề xuất hệ thống giải pháp toàn diện gắn với thực tiễn giáo dục quân đội và xã hội, tạo nền tảng lý luận vững chắc để luận án kế thừa và phát triển.

Tổng quan đã chỉ ra các chỉ báo định tính thường được sử dụng như mức độ nhận thức, thái độ, tình cảm và hành vi chính trị, cùng với hiệu quả công tác đảng, chính trị. Tuy nhiên cũng có những nghiên cứu đã sử dụng các chỉ báo định lượng như mức độ niềm tin chính trị, động cơ tham gia tổ chức, thái độ với môn lý luận chính trị, phương pháp tiếp thu và mức độ tham gia hoạt động chính trị - xã hội là rất giá trị. Điều này cung cấp cơ sở quan trọng để luận án xây dựng công cụ khảo sát trong quá trình nghiên cứu.

Các nghiên cứu trước đó cũng đã ra các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành PCCT bao gồm cả các yếu tố khách quan, chủ quan, trong đó các yếu tố chủ quan giữ vai trò quyết định. Đồng thời đưa ra các giải pháp liên quan tới nhận thức, phương pháp giáo dục, chất lượng cán bộ, cơ chế chính sách, môi trường rèn luyện... Đây là cơ sở quan trọng để luận án có thể kế thừa nghiên cứu xác định các yếu tố ảnh hưởng và đề xuất các giải pháp phát huy vai trò của NTQĐ trong giáo dục, rèn luyện PCCT cho HV đào tạo SQQĐ.

Tuy có nhiều đóng góp nhưng phần lớn các công trình chưa đưa ra định nghĩa tường minh, nhất quán về khái niệm PCCT; nhiều nghiên cứu sử dụng chỉ báo định tính mà chưa xây dựng được công cụ đo lường đầy đủ, hệ thống. Một số bài viết có xu hướng liệt kê giải pháp chung chung, chưa làm rõ cơ sở lý luận và mối liên hệ giữa các giải pháp với biểu hiện cụ thể của PCCT. Đặc

biệt, còn thiếu các công trình đánh giá vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của HV một cách hệ thống, định lượng...

Từ kết quả tổng quan cho thấy, hiện vẫn còn thiếu các nghiên cứu chuyên sâu đánh giá một cách định lượng vai trò của NTQĐ trong việc hình thành PCCT của HV đào tạo sĩ quan. Mối liên hệ giữa các hoạt động GD-ĐT cụ thể trong NTQĐ với sự phát triển các chiều cạnh của PCCT chưa được phân tích rõ. Bên cạnh đó, chưa có nghiên cứu nào xây dựng mô hình các yếu tố ảnh hưởng và công cụ khảo sát chuẩn hóa để đo lường PCCT của HV trong môi trường quân đội. Đây là những khía cạnh cần tiếp tục làm rõ.

1.3. CÁC HƯỚNG NGHIÊN CỨU LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP VỀ VAI TRÒ CỦA NHÀ TRƯỜNG VÀ NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI

1.3.1. Các hướng tiếp cận lý thuyết trong nghiên cứu vai nhà trường và phẩm chất chính trị

1.3.1.1. Các nghiên cứu tiếp cận lý thuyết vai trò trong nghiên cứu vai trò của nhà trường và nhà trường quân đội

Lý thuyết vai trò (Role Theory) là một khung phân tích đa ngành, xuất hiện vào khoảng đầu đến giữa thế kỷ 20 từ các lĩnh vực xã hội học, tâm lý học xã hội và nhân chủng học. George Herbert Mead đã đặt nền móng với ý tưởng về bản ngã hình thành qua tương tác và việc "nhập vai". Tiếp theo các học giả như: Jacob L. Moreno và Ralph Linton .., tiếp tục phát triển và hệ thống hóa khái niệm vai trò như tổng hợp các hành vi và quyền lợi gắn liền với một địa vị xã hội. Lý thuyết vai trò nhấn mạnh rằng hành vi con người phần lớn được định hình bởi những kỳ vọng và chuẩn mực gắn liền với vị trí xã hội của họ.

Qua nghiên cứu các công trình đã có cho thấy, nhiều nhà nghiên cứu đã vận dụng lý thuyết vai trò trong lý giải vai trò của các cá nhân, tổ chức trong các hoạt động ,các lĩnh vực của đời sống xã hội.Trong lĩnh vực giáo dục, lý thuyết vai trò đã được nhiều học giả vận dụng để lý giải chức năng xã hội hóa của nhà trường cũng như sự phát triển hành vi, phẩm chất của người học.

Talcott Parsons (1959) là người đầu tiên áp dụng lý thuyết vai trò một cách hệ thống để xem lớp học như một tiểu hệ thống xã hội, trong đó các cá nhân đảm nhận các vai trò nhất định (giáo viên, học sinh) với những kỳ vọng và chuẩn mực rõ ràng. Theo Parsons, nhà trường không chỉ là nơi truyền đạt tri thức mà còn thực hiện chức năng chuẩn hóa hành vi, truyền bá các giá trị phổ quát và phân tầng xã hội thông qua quá trình đánh giá và phân loại năng lực học sinh. Qua đó, lý thuyết vai trò cung cấp cơ sở lý luận quan trọng để nhận diện nhà trường như một thiết chế trung gian, kết nối giữa gia đình và xã hội rộng lớn hơn, đóng vai trò duy trì và tái sản xuất trật tự xã hội.

Tiếp nối hướng tiếp cận này, nghiên cứu của Venelin Terziev và Silva Vasileva (2022) tiếp tục khẳng định nhà trường là môi trường then chốt cho quá trình tiếp nhận và thực hành các vai trò xã hội, trong đó cá nhân nội tâm hóa các kỳ vọng xã hội thông qua tương tác, giảng dạy và hoạt động giáo dục. Vai trò xã hội như học sinh, công dân hay người lao động không chỉ là mục tiêu giáo dục mà còn là công cụ để củng cố tính liên tục văn hóa – xã hội giữa các thế hệ. Giáo dục vì thế đóng vai trò như một "cầu nối" giữa cá nhân và xã hội, hỗ trợ cá nhân thích nghi với các chuẩn mực và cấu trúc xã hội.

Ở góc độ tổ chức và lãnh đạo giáo dục, nghiên cứu của Stephan G. Huber (2004) cho thấy vai trò của lãnh đạo nhà trường ngày càng trở nên đa diện và phức tạp trước sự thay đổi nhanh chóng của hệ thống giáo dục. Tác giả cho rằng không còn một hình mẫu vai trò lãnh đạo duy nhất, mà là sự chấp nối của nhiều vai trò khác nhau – phản ánh các kỳ vọng xã hội đa chiều. Điều này đặt ra yêu cầu phát triển các chương trình đào tạo và lý thuyết lãnh đạo phù hợp với giá trị cốt lõi và mục tiêu dài hạn của nhà trường [124].

Ngoài ra, nghiên cứu của Bonell và cộng sự (2019) mở rộng ứng dụng lý thuyết vai trò sang lĩnh vực sức khỏe học đường, khi xem vai trò xã hội là cơ chế trung gian ảnh hưởng đến sức khỏe tinh thần và hành vi của học sinh.

Ba cơ chế được xác định gồm: tính sẵn có của vai trò, nguồn lực để thực hiện vai trò, và phản ứng xã hội từ môi trường xung quanh. Điều này cho thấy mối liên hệ hữu cơ giữa tổ chức xã hội (như trường học) và các chiều kích phát triển toàn diện của cá nhân [127].

Lý thuyết vai trò tiếp tục được mở rộng để lý giải hành vi xã hội trong các lĩnh vực như chính trị, giới và quản trị xã hội. Nghiên cứu của Monica Schneider và Angela Bos (2019) đã vận dụng lý thuyết vai trò xã hội để phân tích sự bất bình đẳng giới trong chính trị Hoa Kỳ. Theo đó, vai trò giới định hình cách cá nhân tiếp nhận và thể hiện hành vi chính trị, đồng thời ảnh hưởng đến cách các ứng viên chính trị được đánh giá và lựa chọn. Nghiên cứu này nhấn mạnh tính tương tác giữa vai trò xã hội và các yếu tố như chủng tộc, tầng lớp, tuổi tác... trong việc tạo ra thành kiến và định kiến chính trị [125].

Tại Việt Nam, các nghiên cứu vận dụng lý thuyết vai trò được sử dụng nhiều các nghiên cứu thực nghiệm, các đề tài, luận văn, luận án. Các bài viết tuy không trực tiếp nêu tên lý thuyết vai trò, nhưng đã gián tiếp vận dụng cách tiếp cận này để lý giải mối quan hệ giữa vai trò giảng viên và sự phát triển năng lực tự học của sinh viên. Chẳng hạn trong nghiên cứu của Huỳnh Tuấn Linh và Nguyễn Thị Huyền (2016) đã chỉ ra sự khác biệt giữa vai trò chính thức và vai trò thực tế, từ đó nhấn mạnh vai trò tích cực của giảng viên trong việc tạo động lực và hỗ trợ sinh viên phát triển hành vi học tập tự chủ. Hoặc trong bài viết “Lý thuyết vai trò trong nghiên cứu hành vi thông tin của giảng viên” của Bùi Hà Phương (2017) chỉ ra có ba nhân tố chính hình thành nên vai trò của giảng viên gồm: kỳ vọng của môi trường, nhận thức của cá nhân/tổ chức và hành vi của cá nhân/tổ chức [50]. Trong nghiên cứu ““Quan niệm về nghề báo từ góc nhìn Lý thuyết vai trò ” của Triệu Thanh Lê và Nguyễn Thị Minh Nguyệt (2023) đã vận dụng lý thuyết vai trò để phân tích các nhóm "quan niệm về vai trò của nhà báo" dựa trên các chỉ báo để tìm hiểu cách họ tự nhận thức về vai trò nghề nghiệp của mình. [40].

Từ tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có thể thấy, lý thuyết vai trò là một khung lý luận quan trọng và có tính ứng dụng cao trong phân tích hành vi xã hội của cá nhân và tổ chức, nhất là trong nghiên cứu về hoạt động và môi trường giáo dục. Với tiền đề rằng mỗi cá nhân/ tổ chức đều đảm nhận một hoặc nhiều vai trò xã hội nhất định trong các thiết chế xã hội cụ thể, lý thuyết này giúp làm rõ mối quan hệ giữa kỳ vọng xã hội và hành vi thực tế của chủ thể, đồng thời chỉ ra cách thức cá nhân nhận thức và thực hiện các vai trò đó trong quá trình xã hội hóa. Trong lĩnh vực giáo dục quân sự, lý thuyết vai trò cung cấp nền tảng lý luận vững chắc để lý giải vai trò của NTQĐ như một thiết chế đặc thù. NTQĐ không chỉ truyền thụ tri thức mà còn tham gia giáo dục, rèn luyện bản lĩnh, phẩm chất cho HV đào tạo SQQĐ. Lý thuyết này cũng cho phép nhìn nhận các vai trò của đội ngũ CBGV và HV như những chủ thể xã hội năng động, chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống kỳ vọng xã hội và các mối quan hệ tương tác trong bối cảnh tổ chức cụ thể. Trên cơ sở đó, luận án có thể kế thừa lý thuyết vai trò như một khung lý luận chủ đạo để phân tích chức năng xã hội hóa của NTQĐ, đồng thời làm rõ vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ.

1.3.1.2. Các nghiên cứu tiếp cận lý thuyết xã hội hóa trong nghiên cứu vai trò của nhà trường và nhà trường quân đội

Lý thuyết xã hội hóa hình thành trong bối cảnh hiện đại hóa và công nghiệp hóa mạnh mẽ từ thế kỷ XIX–XX, nhằm lý giải cách thức cá nhân thích nghi với xã hội thông qua việc tiếp nhận và nội tâm hóa các giá trị, chuẩn mực xã hội. Nền tảng tư tưởng của lý thuyết này được đặt nền móng bởi các nhà xã hội học kinh điển như E. Durkheim (nhấn mạnh vai trò đạo đức tập thể), G.H. Mead (hình thành bản ngã qua tương tác), T. Parsons (chuyển giao giá trị để duy trì trật tự xã hội), và Berger & Luckmann (xã hội hóa là quá trình kiến tạo xã hội thông qua nhận thức và giao tiếp).

Trên cơ sở lý thuyết xã hội hóa, nhiều công trình nghiên cứu đã phân tích vai trò của nhà trường như một thiết chế xã hội trung tâm, nơi diễn ra quá trình xã hội hóa thứ cấp. A. Giddens (2006) cho rằng nhà trường không chỉ truyền thụ tri thức mà còn góp phần hình thành bản sắc xã hội – chính trị và năng lực công dân của cá nhân. Trong khuôn khổ lý thuyết cấu trúc kép, ông nhìn nhận nhà trường là không gian năng động, nơi cá nhân tái sản sinh và biến đổi cấu trúc xã hội thông qua hành vi và tương tác phản tỉnh.

Tương tự, A. Hargreaves (1994) nhấn mạnh vai trò của giáo viên như những tác nhân xã hội hóa chủ chốt, định hướng hành vi và giá trị xã hội của học sinh trong môi trường học đường. Bằng cách tích hợp lý thuyết xã hội hóa với lý thuyết văn hóa tổ chức, ông làm rõ mối quan hệ giữa bối cảnh sư phạm và quá trình hình thành phẩm chất học sinh trong xã hội hiện đại.

Trong nghiên cứu gần đây, S.M. Katke (2023) xem nhà trường là môi trường xã hội hóa có tổ chức, nơi các giá trị và chuẩn mực được truyền tải một cách hệ thống thông qua chương trình học, hoạt động ngoại khóa và các thiết chế giáo dục. Nhà trường đóng vai trò định hướng hành vi xã hội, hình thành bản sắc cá nhân và góp phần duy trì ổn định xã hội.

Venelin Terziev và Silva Vasileva (2022) kết hợp lý thuyết xã hội hóa với chức năng luận và tâm lý học phát triển để lý giải vai trò của giáo dục trong quá trình chuyển giao giá trị xã hội. Theo các tác giả, nhà trường là môi trường xã hội hóa thứ cấp giúp cá nhân tiếp nhận và nội tâm hóa các khuôn mẫu hành vi, từ đó thích nghi với cấu trúc xã hội. Quá trình này đóng vai trò trung gian giữa cấu trúc xã hội bên ngoài và hành vi cá nhân bên trong.

Tại Việt Nam, một số công trình đã tiếp cận lý thuyết xã hội hóa để lý giải vai trò của nhà trường trong giáo dục giá trị và đạo đức. Phan Thị Hường và Nguyễn Huy Tuyền (2023) khẳng định vai trò then chốt của nhà trường trong việc giáo dục đạo đức cho học sinh thông qua phối hợp giữa gia đình, nhà trường

và xã hội như một hệ sinh thái xã hội hóa toàn diện [37]. Huỳnh Tuấn Linh và Nguyễn Thị Huyền (2016) tiếp cận lý thuyết xã hội hóa để làm rõ cơ chế hình thành năng lực tự học của sinh viên trong môi trường đại học. Tác giả nhấn mạnh vai trò của giảng viên như những tác nhân truyền tải chuẩn mực học thuật và xây dựng thói quen học tập tích cực qua tương tác sư phạm [39].

Ngoài ra, nhiều nghiên cứu khác tuy không trực tiếp vận dụng lý thuyết xã hội hóa nhưng mang dấu ấn của tiếp cận này khi phân tích vai trò của các thiết chế xã hội trong giáo dục và rèn luyện, như các công trình của Đỗ Huyền Trang (2015), Lê Thị Mỹ Duyên & Nguyễn Thị Ngọc Bé (2020), Bùi Văn Mạnh (2022), Nguyễn Văn Kỹ (2022), Trần Văn Hoan (2019)... Các nghiên cứu này đều cho thấy nhà trường – đặc biệt là NTQĐ – không chỉ là nơi truyền đạt tri thức mà còn là thiết chế xã hội chủ đạo trong quá trình giáo dục, rèn luyện và hình thành phẩm chất, bản sắc xã hội cho HV trong điều kiện xã hội và quốc phòng hiện nay.

Từ tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, có thể khẳng định rằng lý thuyết xã hội hóa là một khung lý luận nền tảng để lý giải quá trình hình thành phẩm chất và hành vi xã hội của cá nhân trong môi trường tác với các thiết chế xã hội. Trong đó, nhà trường, đặc biệt là NTQĐ được nhìn nhận là thiết chế xã hội hóa đặc thù, nơi diễn ra sự chuyển giao có tổ chức các giá trị đạo đức, chính trị, nghề nghiệp, góp phần phát triển phẩm chất, năng lực cho người học. Việc vận dụng lý thuyết xã hội hóa không chỉ giúp làm rõ vai trò của giáo dục trong việc duy trì trật tự xã hội, mà còn mở ra khả năng phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi cá nhân trong môi trường học đường. Trên cơ sở đó, luận án có thể kế thừa khung lý luận này để phân tích vai trò của NTQĐ trong giáo dục, rèn luyện PCCT cho HV một cách toàn diện, hệ thống và phù hợp với bối cảnh hiện nay.

1.3.2. Các phương pháp nghiên cứu liên quan tới vai trò của nhà trường và phẩm chất chính trị

Để xây dựng nền tảng vững chắc cho nghiên cứu, việc xác định các phương pháp nghiên cứu là một bước thiết yếu của nghiên cứu. Việc tổng quan các nghiên cứu có liên quan về phương pháp không chỉ giúp nghiên cứu nhận diện các cách tiếp cận đã được sử dụng để giải quyết những vấn đề mà còn cho phép xác định những khoảng trống về mặt phương pháp luận, từ đó đề xuất các hướng đi mới tiềm năng.

Qua tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan cho thấy, các nghiên cứu đã sử dụng khá đa dạng các phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực có liên quan, trong đó các phương pháp phổ biến được thực hiện bao gồm: phương pháp phân tích định tính, phương pháp phân tích định lượng, phương pháp nghiên cứu tình huống, phỏng vấn và quan sát thực tiễn.

1.3.2.1. Xu hướng nghiên cứu định tính trong các nghiên cứu liên quan tới vai trò của nhà trường và phẩm chất chính trị

Các phương pháp thu thập dữ liệu phổ biến trong nghiên cứu định tính bao gồm: phỏng vấn sâu, quan sát tham gia, phân tích tài liệu, thảo luận nhóm tập trung (FGD), và nghiên cứu điển hình (case study). Đây là các phương pháp dùng để hiểu sâu sắc về các hiện tượng, trải nghiệm, quan điểm, hành vi và ý nghĩa mà con người gán cho chúng trong bối cảnh tự nhiên. Nghiên cứu định tính đi sâu vào việc khám phá và diễn giải các thông tin phi số liệu nhằm nắm bắt tính phức tạp và đa dạng của thực tế xã hội.

Trong các nghiên cứu có liên quan, nhiều nghiên cứu đã sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính làm trọng tâm trong quá trình nghiên cứu như: Durkheim (1922), Parsons (1959), Giddens (2006), Freire (1970), Katke (2023), Terziev & Vasileva (2022), cùng với một số tác giả trong nước như Nguyễn Văn Kỳ (2022), Trần Hậu Tân (2022), Nguyễn Thị Minh Thu (2024). Những nghiên

cứu này chủ yếu dựa vào việc khái quát hóa các khái niệm, phân tích, tổng hợp tài liệu thứ cấp và suy diễn logic để lý giải các cơ chế xã hội cơ bản.

Durkheim chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích lý luận – định tính thông qua việc vận dụng tư duy khái niệm trừu tượng và logic xã hội học để xây dựng hệ thống lý thuyết có tính nền tảng. Các luận điểm của ông thường được diễn giải thông qua việc phân tích khái niệm, so sánh các hiện tượng xã hội và lý giải bằng các giả định triết học – xã hội học về con người và cộng đồng. Cách tiếp cận này tuy không hiện đại về mặt công cụ, nhưng lại mang giá trị lý luận bền vững trong việc hình thành các tiền đề phân tích xã hội học giáo dục đương đại [108]. Parsons (1959) dựa trên việc xây dựng các mô hình khái quát để lý giải chức năng của lớp học và nhà trường trong quá trình xã hội hóa cá nhân. Cách tiếp cận lý luận này phù hợp với phong cách nghiên cứu của các lý thuyết gia xã hội học [111]. Còn Katke sử dụng phương pháp phân tích tài liệu thứ cấp để tổng hợp các cách tiếp cận, lý thuyết và thực tiễn giáo dục hiện hành để lý giải vai trò phức hợp của nhà trường trong xã hội hóa cá nhân [123]...

Các bài viết của các tác giả trong nước chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu để luận giải các vấn đề nghiên cứu. tác giả Nguyễn Văn Kỳ (2022) chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích – tổng hợp tài liệu, kết hợp với phân tích định tính các văn kiện, báo cáo, kết quả thực tiễn giáo dục – đào tạo trong quân đội để luận giải tính hệ thống và tính chiến lược trong công tác đào tạo cán bộ quân đội. Tác giả Trần Văn Hoan (2019) sử dụng phân tích tài liệu và tổng hợp kinh nghiệm thực tiễn, kết hợp chặt chẽ với nghiên cứu các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Bộ Quốc phòng để phân tích vai trò của đội ngũ cán bộ quản lý trong các NTQĐ. Còn tác giả Nguyễn Thị Minh Thu (2024) sử dụng phương pháp phân tích tài liệu thứ cấp kết hợp

với tiếp cận thực tiễn ngành quân đội để khái quát hóa các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa giáo dục trong NTQĐ...

Nhìn chung các phương pháp nghiên cứu định tính được vận dụng trong các nghiên cứu trước đây đã giúp các tác giả xây dựng và phát triển hệ thống khái niệm, mô hình lý thuyết, cũng như trong phân tích các hiện tượng xã hội có tính trừu tượng hoặc mang tính phức hợp, hình thành các lập luận có tính hệ thống. Tuy nhiên cũng có những hạn chế nhất định như: tính cập nhật và độ tin cậy của một số luận điểm còn phụ thuộc vào chất lượng nguồn tư liệu tính cập nhật và độ tin cậy của một số luận điểm còn phụ thuộc vào chất lượng nguồn tư liệu; một số lập luận mang tính suy diễn logic hoặc lý tưởng hóa hiện tượng, trong khi chưa có đủ bằng chứng định lượng để kiểm chứng có thể làm giảm sức thuyết phục và tính ứng dụng thực tiễn của kết quả nghiên cứu.

1.3.2.1.2. Xu hướng nghiên cứu định lượng ở các nghiên cứu liên quan tới vai trò của nhà trường và phẩm chất chính trị

Qua tổng quan cho thấy, một số công trình gần đây cho thấy có những công trình đã áp dụng phương pháp nghiên cứu định lượng để phân tích, đánh giá vai trò của nhà trường. Tiêu biểu như các công trình của các tác giả: Đinh Quốc Triệu (2020), Nguyễn Huy Hoàng (2020), Nguyễn Văn Chung (2022); Huỳnh Tuấn Linh & Nguyễn Thị Huyền (2016)... đã áp dụng phương pháp nghiên cứu định lượng thông qua điều tra xã hội học bằng bảng hỏi để đo lường, đánh giá vai trò của nhà trường, ý thức chính trị của học sinh, sinh viên. Cụ thể trong nghiên cứu “*Đổi mới phương pháp đánh giá kết quả học tập các môn lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh của học viên trong các trường sĩ quan Quân đội hiện nay*” và “*Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng cho học viên các trường sĩ quan quân đội hiện nay*”, tác giả Đinh Quốc Triệu và các cộng sự đã sử dụng phương pháp thống kê và khảo sát bằng bảng hỏi để đánh giá mức độ chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm và kết quả đổi mới phương pháp đánh giá kết quả học tập các môn lý

luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và ý thức bảo vệ tổ quốc trên không gian mạng của HV các trường sĩ quan quân đội. Còn trong tác giả Nguyễn Văn Chung và cộng sự sử dụng khảo sát bằng bảng hỏi để đo lường năng lực chủ trì kiến thức, kỹ năng, thái độ và kết quả chủ trì chính trị của đội ngũ chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam [6]...

Kết quả nghiên cứu định lượng được sử dụng cho phép các nghiên cứu đo lường và lượng hóa được các khía cạnh của vấn đề nghiên cứu, từ đó đưa ra được những nhận định, kết luận sát với vấn đề nghiên cứu. Luận án có thể kế thừa phương pháp điều tra định lượng để thu thập số liệu về đánh giá của CBGV và HV các NTQĐ để đánh giá việc thực hiện các vai trò giáo dục lý luận chính trị, tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện PCCT và xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự. Đồng thời kết hợp với các kỹ thuật phân tích định lượng (như thống kê mô tả, kiểm định nhân tố) để tăng độ tin cậy của kết quả nghiên cứu.

1.3.2.3. Một số phương pháp nghiên cứu khác trong các nghiên cứu liên quan tới vai trò của nhà trường và phẩm chất chính trị

Qua tổng quan các nghiên cứu, ngoài việc áp dụng phương pháp nghiên cứu định tính, nghiên cứu định lượng, các nghiên cứu có liên quan tới vai trò của NTQĐ và PCCT còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu khác như: phân tích chính sách, phương pháp phân tích tổng hợp ... Các phương pháp này được các tác giả kết hợp với các phương pháp nghiên cứu định tính, nghiên cứu định lượng để luận giải được các khía cạnh của nghiên cứu, giúp nghiên cứu đạt kết quả tốt hơn.

Trong các nghiên cứu nghiên cứu “*Vai trò của giáo dục, đào tạo đối với phát triển nguồn nhân lực ở Việt Nam hiện nay*” của Ngô Thị Thu Hà (2014); “*Nâng cao vai trò của trường đại học địa phương trong hoạt động phục vụ cộng đồng*” của Nguyễn Thị Thủy và cộng sự (2022); “*Nâng cao PCCT của chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam*” của Nguyễn

Văn Nhất – Bùi Quang Kha (2023) các tác giả đã sử dụng phương pháp tổng quan tài liệu và phân tích lý thuyết để luận giải các khía cạnh có liên quan tới vấn đề nghiên cứu. Tác giả Ngô Thị Thu Hà đã sử dụng phương pháp định lượng dựa trên phân tích các số liệu thống kê về tỷ lệ lao động qua đào tạo, tỷ lệ học sinh không được đến trường, tỷ lệ bỏ học ở các vùng miền, và tình trạng mù chữ của trẻ em gái dân tộc thiểu số kết hợp với tổng hợp lý thuyết để khái quát vai trò của giáo dục, đào tạo đối với việc phát triển nguồn nhân lực. [21]. Nguyễn Thị Thủy và cộng sự đã sử dụng phương pháp tổng quan tài liệu và phân tích lý thuyết để khái quát vai trò của giáo dục đại học, đặc biệt là trường đại học địa phương, trong hoạt động phục vụ cộng đồng. Đặc biệt tác giả đã dựa trên các lý thuyết về gắn kết cộng đồng và phục vụ cộng đồng để làm rõ các khái niệm liên quan như "cộng đồng", "phục vụ/dịch vụ cộng đồng", "gắn kết cộng đồng" và các hoạt động phục vụ cộng đồng của các trường đại học [73]. Nguyễn Văn Nhất – Bùi Quang Kha đã sử dụng phương pháp phân tích lý luận/Tổng hợp lý thuyết làm rõ PCCT của chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam, dựa trên các yếu tố cấu thành như nhận thức chính trị, tình cảm - thái độ chính trị, niềm tin chính trị và hành vi chính trị [47]. Ngô Thị Vân đã sử dụng phương pháp phân tích – tổng hợp để làm rõ tầm quan trọng của PCCT đối với sức mạnh chiến đấu của quân đội, đặc biệt là trong bối cảnh nhiệm vụ đào tạo của Học viện Hải quân [101]. Trong nghiên cứu “*Đổi mới giáo dục và đào tạo trong các nhà trường quân đội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng*” (2022), tác giả Bùi Văn Mạnh đã sử dụng phương pháp phân tích chính sách kết hợp với phân tích thực tiễn giáo dục – đào tạo trong các NTQĐ để đề xuất các giải pháp đổi mới giáo dục đào tạo trong các nhà... trường quân đội theo quan điểm của Đảng [46]

Tổng quan các công trình cho thấy ba khuynh hướng phương pháp chủ yếu trong nghiên cứu vai trò của nhà trường và giáo dục PCCT: định tính, định lượng và kết hợp. Nghiên cứu định tính tạo nền tảng lý luận, diễn giải sâu các

hiện tượng xã hội như xã hội hóa, giáo dục, phát triển bản sắc; nghiên cứu định lượng cho phép đo lường vai trò của nhà trường thông qua khảo sát, bảng hỏi và phân tích thống kê. Bên cạnh đó, các phương pháp hỗ trợ như tổng quan tài liệu, phân tích chính sách, nghiên cứu tình huống và tổng hợp kinh nghiệm được vận dụng nhằm tiếp cận vấn đề toàn diện. Trên cơ sở này, luận án kế thừa và tích hợp các phương pháp phù hợp để xây dựng mô hình lý thuyết, thu thập dữ liệu tin cậy và kiểm chứng giả thuyết một cách chặt chẽ, khách quan.

1.4. KHOẢNG TRỐNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU

1.4.1. Khoảng trống nghiên cứu

Phần lớn nghiên cứu về giáo dục chính trị trong NTQĐ chủ yếu tiếp cận từ chính trị học, giáo dục học hoặc quản lý giáo dục, trong khi cách tiếp cận liên ngành, đặc biệt là xã hội học, vẫn còn hạn chế. Do đó, chưa đánh giá được đầy đủ, khách quan tác động đa chiều của các yếu tố xã hội hiện đại như biến đổi giá trị, truyền thông công nghệ, hay các luồng tư tưởng xuyên quốc gia đến hiệu quả giáo dục PCCT.

Đa số công trình thiên về định tính và mô tả hiện tượng, mới dừng ở các khuyến nghị mà chưa lượng hóa mức độ tác động của từng yếu tố hay từng vai trò cụ thể của NTQĐ đối với quá trình hình thành PCCT của học viên. Kiểm định thực nghiệm về cường độ và cơ chế tác động của các vai trò như giáo dục lý luận chính trị, bồi dưỡng, rèn luyện, hay xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự vẫn còn rất hạn chế.

Chưa có công trình nào phân tích toàn diện ảnh hưởng đồng thời của các yếu tố: quan điểm, chính sách QPAN của Đảng và Nhà nước; chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên; mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục; môi trường giáo dục; tác động của mạng xã hội, mặt trái kinh tế thị trường; cùng nhận thức, động cơ, ý chí phấn đấu của học viên. Sự thiếu vắng này làm cho việc lý giải mối quan hệ giữa các yếu tố và hiệu quả hình thành PCCT thiếu tính hệ thống và sức thuyết phục khoa học.

Ngoài ra, nhiều nghiên cứu chưa gắn với bối cảnh quân sự hiện đại, chưa xem xét đầy đủ các thách thức mới như chiến tranh mạng, chiến tranh thông tin, xu hướng “phi chính trị hóa quân đội”, hay quá trình chuyển đổi số và hiện đại hóa quân đội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII. Vì vậy, các giải pháp còn thiếu tính cập nhật và chưa đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Những khoảng trống trên khẳng định tính cấp thiết của luận án trong việc xây dựng khung lý luận, mô hình định lượng và bộ công cụ đo lường chuẩn hóa để kiểm chứng vai trò của NTQĐ và phân tích tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành PCCT của học viên đào tạo sĩ quan quân đội, tạo cơ sở khoa học cho các giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục chính trị trong giai đoạn hiện nay.

1.4.2. Những vấn đề luận án tập trung

Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, luận án xác định một số vấn đề cốt lõi cần tập trung giải quyết nhằm bảo đảm tính mới, tính khoa học và khả năng ứng dụng thực tiễn.

Thứ nhất, Luận án hướng đến khắc phục hạn chế về cách tiếp cận thông qua việc vận dụng tiếp cận liên ngành giữa xã hội học, khoa học chính trị và lý luận giáo dục. đặc biệt là tiếp cận của xã hội học về vai trò của nhà trường quân đội. Từ đó xây dựng khung khái niệm và hệ thống chỉ báo đo lường PCCT của HV đào tạo SQQĐ. Đây là cơ sở lý luận và phương pháp luận quan trọng để khắc phục tình trạng thiếu nhất quán trong các nghiên cứu trước đây về nội hàm, cấu phần và tiêu chí đánh giá PCCT, đồng thời tạo nền tảng cho việc kiểm chứng bằng các phương pháp định lượng hiện đại.

Thứ hai, luận án tập trung đo lường và so sánh mức độ đóng góp của ba nhóm vai trò chủ yếu của NTQĐ gồm: (1) vai trò giáo dục lý luận chính trị, (2) vai trò bồi dưỡng, rèn luyện PCCT và (3) vai trò xây dựng môi trường văn hóa chính trị, quân sự đối với quá trình hình thành PCCT của HV. Nghiên cứu

được thực hiện thông qua khảo sát song song hai nhóm khách thể là CBGV và HV, qua đó nhận diện rõ cơ chế xã hội hóa đặc thù của NTQĐ trong việc chuyển hóa các giá trị chính trị thành PCCT của người sĩ quan tương lai.

Thứ ba, phân tích các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến việc thực hiện vai trò của NTQĐ, bao gồm: bối cảnh kinh tế – xã hội, quốc phòng – an ninh; mục tiêu, chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục và chất lượng đội ngũ CBGV; nhận thức, động cơ, ý chí rèn luyện. Luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp, kết hợp định tính và định lượng, đặc biệt áp dụng các kỹ thuật thống kê hiện đại như kiểm định Kruskal–Wallis và hồi quy tuyến tính để lượng hóa mức độ tác động của từng yếu tố. Đây chính là giải pháp trực tiếp lấp đầy khoảng trống của các nghiên cứu trước vốn thiên về mô tả định tính, thiếu các bằng chứng định lượng có giá trị kiểm chứng.

Tiểu kết chương 1

Ở Chương 1, Luận án đã phân tích tình hình nghiên cứu liên quan đến vấn đề ở nhiều phương diện như: thực trạng, giải pháp, các yếu tố ảnh hưởng, tiếp cận lý thuyết và phương pháp nghiên cứu, qua đó chỉ ra khoảng trống về vai trò của nhà trường trong giáo dục PCCT cho HVn đào tạo SQQĐ. Trong bối cảnh mới, yêu cầu xây dựng Quân đội “vững mạnh về chính trị, tinh, gọn, mạnh, từng bước hiện đại” đặt ra nhiệm vụ cấp thiết đối với các NTQĐ là đào tạo đội ngũ sĩ quan có đủ trình độ, phẩm chất và năng lực, trong đó PCCT giữ vị trí then chốt. Việc nghiên cứu vai trò của NTQĐi trong quá trình hình thành PCCT của HV không chỉ góp phần bổ sung cơ sở lý luận và thực tiễn về công tác giáo dục chính trị, mà còn khẳng định vai trò quan trọng của NTQĐ trong xây dựng Quân đội vững mạnh về chính trị, tạo tiền đề cho sự phát triển toàn diện và hiện đại hóa lực lượng vũ trang.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN NGHIÊN CỨU, ĐỊA BÀN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN NGHIÊN CỨU VAI TRÒ CỦA NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI TRONG QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHẨM CHẤT CHÍNH TRỊ CỦA HỌC VIÊN ĐÀO TẠO SĨ QUAN QUÂN ĐỘI

2.1.1. KHÁI NIỆM CÔNG CỤ TRONG NGHIÊN CỨU

2.1.1.1 Khái niệm vai trò xã hội

Khái niệm “vai trò” là một phạm trù cơ bản trong xã hội học, phản ánh hệ thống các kỳ vọng hành vi mà xã hội đặt ra đối với một cá nhân hay tổ chức trong một vị thế nhất định. Hiện nay có nhiều tiếp cận của các nhà khoa học về vấn đề này.

Theo Talcott Parsons vai trò được hiểu là “một hệ khuôn mẫu hành vi gắn liền với một vị thế xã hội cụ thể, được xã hội xác lập và duy trì” [110]. Ralph Linton (1936) phân biệt rõ giữa “vị thế” (status) và “vai trò” (role). Theo ông, vị thế là vị trí trong một cấu trúc xã hội, còn vai trò là “phản động của vị thế”, tức là tập hợp các hành vi, trách nhiệm mà một cá nhân được kỳ vọng thực hiện [109].

Ian Robertson định nghĩa vai trò là tập hợp các kỳ vọng được xã hội gắn với một vị thế xã hội cụ thể, và mỗi cá nhân thường đồng thời đảm nhận nhiều vai trò khác nhau trong đời sống [112]. J.H. Fischer tiếp cận khái niệm vai trò xã hội như một phần không thể tách rời của quá trình xã hội hóa. Ông định nghĩa vai trò là “chuỗi hành vi được trông đợi từ một cá nhân khi họ đảm nhận một vị trí xã hội nhất định trong một nhóm hoặc thiết chế” [109].

Theo Lê Ngọc Hùng “vai trò xã hội là một đơn vị cơ bản của cấu trúc xã hội, phản ánh khuôn mẫu hành vi gắn liền với một vị thế” [34]. “vai trò không chỉ là các hành vi được quy định bởi vị thế, mà còn là sự thể hiện các giá trị,

chuẩn mực và ý thức hệ xã hội được nhà trường truyền tải thông qua quá trình giáo dục” [2]. “vai trò là tập hợp các chuẩn mực, khuôn mẫu về hành vi ứng xử của cá nhân hoặc nhóm được xác định theo từng vị thế xã hội” [67].

Vai trò xã hội là “một tập hợp các chuẩn mực, hành vi, nghĩa vụ và quyền lợi gắn với một vị thế nhất định [67, tr.127];

Vai trò xã hội là hành vi mong đợi của con người gắn liền với vị thế xã hội và mang tính điển hình đối với những người có vị thế phù hợp trong xã hội” [66].

Vai trò xã hội không chỉ được hiểu ở cấp độ cá nhân mà còn được vận dụng để lý giải vai trò của tổ chức trong một cấu trúc xã hội nhất định. Trong khuôn khổ luận án tiếp cận vai trò dưới góc độ tổ chức. Do đó có thể hiểu *vai trò xã hội được hiểu là tổng thể những chuẩn mực hành vi, quyền năng và trách nhiệm/nghĩa vụ gắn liền với một vị thế xã hội nhất định, phản ánh sự kỳ vọng của hệ thống xã hội đối với chủ thể (cá nhân hoặc thiết chế) đảm nhiệm vị thế đó. Việc thực hiện vai trò chính là quá trình thực thi các chức năng nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội, qua đó góp phần duy trì, tái tạo và phát triển các quan hệ xã hội.*

Với tư cách là một tổ chức xã hội đặc thù, NTQĐ nắm giữ vị thế xã hội xác định, gắn liền với những chuẩn mực, hành động, quyền lợi và nghĩa vụ mà Đảng, Nhà nước và Quân đội kỳ vọng.

Chuẩn mực và nghĩa vụ của NTQĐ thể hiện ở sứ mệnh chính trị, quân sự: đào tạo sĩ quan quân đội, giáo dục và rèn luyện PCCT, bảo đảm sự kế thừa, phát triển của QĐNDVN. Đây là những yêu cầu mang tính pháp lý và chính trị, định hướng toàn bộ hoạt động của NTQĐ.

Hành động của NTQĐ là toàn bộ các hoạt động cụ thể nhằm hiện thực hóa các chuẩn mực và mục tiêu đã xác lập, bao gồm: quản lý, tổ chức đào tạo; giáo dục lý luận chính trị; rèn luyện phẩm chất, kỷ luật; xây dựng môi trường văn hóa chính trị, quân sự; nghiên cứu và ứng dụng khoa học quân sự....

Quyền lợi và trách nhiệm của NTQĐ được xã hội thừa nhận và bảo đảm, như quyền chủ động xây dựng chương trình, huy động nguồn lực, đồng thời chịu trách nhiệm trước Đảng, Nhà nước, Quân đội và nhân dân về chất lượng đào tạo sĩ quan, về bản lĩnh chính trị và năng lực lãnh đạo của đội ngũ SQQĐ tương lai.

Có nhiều cách phân loại vai trò, Ralph Linton (1936) cho rằng có hai loại gồm vai trò quy định trước và vai trò đạt [109]. Talcott Parsons chia vai trò theo các cặp đối lập như: phổ quát – đặc thù, hành tích – quy định sẵn, trung lập cảm xúc – định hướng cảm xúc và định hướng cá nhân – định hướng tập thể [110]. Robertson phân chia vai trò thành vai trò quy định và vai trò thực hiện [112]. J.H. Fische chia vai trò thành vai trò quy và vai trò chức [104]. Lê Ngọc Hùng phân chia vai trò thành vai trò chính thức – không chính thức, vai trò chức năng – biểu tượng, hoặc vai trò định chế – vai trò liên cá nhân, phản ánh sự linh hoạt trong hành vi xã hội dựa vào hoàn cảnh và thiết chế cụ thể [34]. Nguyễn Đình Tấn phân chia vai trò thành vai trò chỉ định, vai trò lựa chọn, vai trò then chốt, vai trò tổng quát [67].

Trong nghiên cứu này, tác giả tiếp vai trò trên hai phương diện là vai trò thực sự và vai trò kỳ vọng:

Vai trò kỳ vọng là những mong đợi của Đảng, Nhà nước, Quân đội và xã hội đối với NTQĐ trong đào tạo ra đội ngũ sĩ quan “vừa hồng”, “vừa chuyên”, có năng lực, trình độ, PCCT đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội và BVTQ trong tình hình mới

Vai trò thực sự là các hoạt động thực tế của NTQĐ trong giáo dục, rèn luyện học viên và kết quả đạt so với mục tiêu đào tạo và tiêu chuẩn về PCCT của người SQQĐ đối với học viên sau khi kết thúc quá trình đào tạo tại nhà trường

2.1.1.2. Khái niệm học viên đào tạo sĩ quan quân đội

Theo điều 48, Điều lệ Công tác nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam (2016) đã định nghĩa người học “là người đang học tập, rèn luyện, bồi dưỡng kiến thức và nghiên cứu khoa học trong nhà trường” [4, tr.23]. Điều 49

định nghĩa: “Học viên quân sự là quân nhân tại ngũ; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng, hạ sĩ quan, binh sĩ và các đối tượng khác đào tạo theo yêu cầu của Bộ Quốc phòng đang học tập, rèn luyện, nghiên cứu khoa học, thực hiện nhiệm vụ giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quân sự, quốc phòng và an ninh” [4, tr.24].

Ở các NTQĐ có nhiều đối tượng HV khác nhau, trong đó, HV đào tạo sĩ quan cấp phân đội là đối tượng đào tạo cơ bản, được tuyển chọn chặt chẽ theo quy chế tuyển sinh của Bộ Quốc phòng; HV đào tạo sĩ quan ở các NTQĐ có nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo mục tiêu yêu cầu đào tạo, phấn đấu để trở thành người SQQĐ. Sau khi tốt nghiệp, HV được phong quân hàm sĩ quan và được phân công về công tác tại các đơn vị cấp phân đội trong toàn quân; họ sẽ là những cán bộ trực tiếp quản lý, giáo dục, rèn luyện bộ đội.

Từ những cơ sở trên, có thể khái quát: *Học viên đào tạo sĩ quan quân đội là những học sinh, thanh niên, quân nhân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Quốc phòng đã trúng tuyển (hoặc cử tuyển) trong tuyển sinh quân sự hằng năm, đang học tập, rèn luyện tại các nhà trường quân đội để trở thành sĩ quan trong Quân đội nhân dân Việt Nam.*

Học viên đào tạo SQQĐ là những thanh niên từ môi trường xã hội bên ngoài vào môi trường quân sự để học tập, rèn luyện (thanh niên dân sự trở thành thành quân nhân). Họ có những đặc điểm xã hội cơ bản sau:

Thứ nhất, HV đào tạo SQQĐ ngay khi trúng tuyển đã mang vị thế kép: vừa là thanh niên – sinh viên, vừa là quân nhân trong QĐNDVN. Họ đồng thời chịu sự quản lý của hai hệ thống: giáo dục đại học và điều lệnh, điều lệ quân đội. Vị thế này quy định rõ quyền, nghĩa vụ, chuẩn mực ứng xử và trách nhiệm chính trị của HV, đặt họ vào môi trường học tập, rèn luyện có tính kỷ luật, tổ chức chặt chẽ hơn hẳn các trường đại học dân sự.

Thứ hai, ngay khi nhập học, HV bước vào một môi trường xã hội hóa thứ cấp đặc thù. Đây là quá trình họ tiếp nhận, chọn lọc và nội tâm hóa hệ giá

trị chính trị, quân sự, chuẩn mực đạo đức cách mạng và các mô hình văn hóa quân sự. Môi trường này vừa cung cấp tri thức chuyên môn, vừa rèn luyện bản lĩnh chính trị, hình thành bản sắc xã hội quân nhân. Đây là nền tảng để họ thích ứng và phát triển trong tổ chức quân đội.

Thứ ba, HV là chủ thể trong giai đoạn chuyển đổi từ công dân trẻ sang cán bộ chỉ huy – sĩ quan. Quá trình học tập, rèn luyện chính là quá trình họ tích lũy năng lực chỉ huy, tổ chức và lãnh đạo. Đây là giai đoạn “thử thách” để từng bước đảm nhiệm tốt chức trách của người sĩ quan tương lai, vừa đáp ứng yêu cầu chuyên môn quân sự, vừa thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng.

Thứ tư, HV đào tạo SQQĐ đồng thời chịu sự tác động của các giá trị xã hội dân sự (gia đình, bạn bè, mạng xã hội) và các giá trị quân sự (lý tưởng cách mạng, kỷ luật, tinh thần tập thể). Sự giao thoa này đòi hỏi bản lĩnh chính trị và ý chí rèn luyện cao để dung hòa, lựa chọn và khẳng định định hướng quân sự, cách mạng, bảo đảm sự trung thành tuyệt đối với Tổ quốc, Đảng và Nhân dân.

Thứ năm, quá trình học tập và rèn luyện tại nhà trường quân đội là quá trình hình thành và phát triển toàn diện nhân cách xã hội quân nhân. Học viên tích lũy kiến thức, kỹ năng, phẩm chất chính trị, đạo đức và tác phong quân nhân, từng bước hoàn thiện con người xã hội quân sự, đáp ứng mục tiêu đào tạo sĩ quan “vừa hồng, vừa chuyên” mà Đảng, Nhà nước và Quân đội đặt ra...

Các đặc điểm trên quy định yêu cầu kỷ luật, định hướng lý tưởng, và cơ chế nội tâm hóa giá trị, giúp học viên hình thành bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành tuyệt đối với Đảng, Tổ quốc, Nhân dân, đáp ứng chuẩn mực của người sĩ quan trong Quân đội nhân dân Việt Nam

2.1.1.3. Khái niệm phẩm chất chính trị của học viên đào tạo sĩ quan quân đội

Phẩm chất là “cái làm nên giá trị của một người hay một vật” [84, tr.1009]. Phẩm chất con người nói chung là sự cấu thành, hòa quyện của nhiều yếu tố như phẩm chất sức khỏe, PCCT, phẩm chất tâm lý, phẩm chất nghề

nghiệp, phẩm chất đạo đức, ... trong đó, PCCT là nhân tố nền tảng, chủ đạo có quan hệ chặt chẽ và chi phối, ảnh hưởng sâu sắc đến các phẩm chất khác.

Chính trị là “toàn bộ những hoạt động có liên quan đến các mối quan hệ giữa các giai cấp, giữa các dân tộc, các tầng lớp xã hội mà cốt lõi của nó là vấn đề giành chính quyền, duy trì và sử dụng quyền lực nhà nước, sự tham gia vào công việc của nhà nước, sự xác định hình thức tổ chức, nhiệm vụ, nội dung hoạt động của nhà nước” [85, tr. 478].

Phẩm chất chính trị là sự giác ngộ của con người về dân tộc, giai cấp trên lập trường của một giai cấp nhất định, biểu hiện thông qua hành vi, năng lực hoạt động thực tiễn nhằm duy trì, bảo vệ dân tộc, giai cấp mà họ là thành viên.

Phẩm chất chính trị là một phạm trù lịch sử, là một bộ phận của phẩm chất nhân cách nói chung, là biểu hiện giá trị của con người về mặt chính trị, chỉ nảy sinh và tồn tại trong xã hội có đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp, trong đó, nó bao hàm cả ý thức chính trị, hành vi chính trị và năng lực hoạt động chính trị thực tiễn nhằm bảo vệ dân tộc, giai cấp mình.

Trong xã hội có đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp, PCCT luôn gắn với một dân tộc, một giai cấp nhất định. Thực tiễn lịch sử cho thấy, PCCT trên lập trường của giai cấp thống trị luôn đứng ở vị trí trung tâm, chi phối sự phát triển của dân tộc, giai cấp và cả thời đại. Một con người, lực lượng, bộ phận luôn xuất thân từ một giai cấp nhất định trong xã hội nhưng không có nghĩa rằng họ sẽ mặc định mang trong mình bản chất giai cấp, PCCT của giai cấp mà họ xuất thân. PCCT không phải tự nhiên mà có, nó phải thông qua quá trình giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện và đấu tranh trong thực tiễn để được hình thành và củng cố. Với ý nghĩa đó, giai cấp công nhân, giai cấp đứng ở vị trí trung tâm của thời đại chỉ có thể hiện thực hóa được sứ mệnh của mình bằng việc xây dựng, xác lập, củng cố vị trí thống trị, chủ đạo và phổ rộng PCCT trên lập trường của giai cấp mình đối với toàn xã hội.

Từ những tiếp cận trên có thể quan niệm *phẩm chất chính trị của học viên đào tạo sĩ quan quân đội là phẩm chất cơ bản, chủ đạo phản ánh sự giác ngộ về mục tiêu, lý tưởng, lập trường chính trị được chuyển hóa thành hành động chính trị của người học viên đào tạo sĩ quan nhằm đáp ứng mục tiêu yêu cầu đào tạo, nhiệm vụ xây dựng Quân đội và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*

Phẩm chất chính trị là phẩm chất cơ bản, chủ đạo không thể thiếu đối với mỗi người quân nhân, người SQQĐ nói chung và của HV đào tạo SQQĐ nói riêng. Yêu cầu về PCCT đối với sĩ quan QĐNDVN được quy định tại Luật Sĩ quan quân đội năm 2019: “Có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc và Nhân dân, với Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; có tinh thần cảnh giác cách mạng cao, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao”; [63, Điều 12].

Phẩm chất chính trị và giá trị chính trị và bản lĩnh chính trị có nội hàm gần nhau và có mối quan hệ biện chứng, chặt chẽ với nhưng nhưng không đồng nhất. Giá trị chính trị là những nguyên tắc, chuẩn mực, lý tưởng nền tảng đã được xã hội và lịch sử kiểm nghiệm, có tính bền vững và ổn định cao, định hướng lâu dài cho hành vi và tư duy chính trị của mỗi cá nhân như: trung thành với Tổ quốc và Đảng, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, tinh thần dân chủ, kỷ luật, công bằng xã hội... Bản lĩnh chính trị lại nhấn mạnh đến năng lực ứng xử chính trị trong tình huống phức tạp: khả năng giữ vững niềm tin ngay cả khi bị tác động bởi thông tin xấu độc; khả năng kiên quyết đấu tranh với quan điểm sai trái; sự bình tĩnh, tỉnh táo trong nhận định vấn đề; sức mạnh ý chí để vượt qua áp lực, thử thách. PCCT là những biểu hiện cụ thể của giá trị chính trị trong nhận thức, thái độ, hành động của cá nhân trước từng hoàn cảnh, tình huống như: tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập dân tộc... Trong mối quan hệ này, giá trị chính trị là nền tảng định hướng, thể hiện những nguyên tắc, lý tưởng bền vững của hệ

thống chính trị và xã hội, bản lĩnh chính trị là độ bền vững và sức đề kháng của các phẩm chất đó khi được thử thách còn PCCT chính là sự cụ thể hóa và biểu hiện sinh động của các giá trị chính trị trong mỗi cá nhân. Một quân nhân có PCCT vững vàng phải là người đã tiếp thu, chuyển hóa các giá trị chính trị của dân tộc và quân đội thành niềm tin, bản lĩnh và hành động chính trị kiên định. Đồng thời quá trình rèn luyện, củng cố PCCT của mỗi quân nhân cũng góp phần tái khẳng định, duy trì và lan tỏa các giá trị chính trị và bản lĩnh kinh định, vững vàng trong hành động chính trị.

Học viên đào tạo SQQĐ là những quân nhân đang học tập, rèn luyện để trở thành SQQĐ, do đó mục tiêu về PCCT của HV đào tạo SQQĐ luôn gắn liền với mục tiêu PCCT của người quân nhân, người SQQĐ. Chính vì vậy HV đào tạo SQQĐ có nhiều yêu cầu về PCCT, trong đó tập trung vào các yêu cầu đó là:

Thứ nhất, Trung thành với Đảng, Tổ quốc và nhân dân: Đây là PCCT hàng đầu và là nền tảng đạo đức cốt lõi của mỗi HV đào tạo SQQĐ. Phẩm chất này đòi hỏi mỗi cá nhân phải không ngừng tu dưỡng, kiên định lập trường tư tưởng và nêu cao tinh thần tự giác trước mọi thử thách. Đây không chỉ là một lời thề thiêng liêng mà còn là sứ mệnh suốt đời phấn đấu, hy sinh vì sự nghiệp bảo vệ đất nước.

Thứ hai, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đây là phẩm chất cốt lõi, phản ánh lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, Tổ quốc và nhân dân của người quân nhân cách mạng. Phẩm chất này là sự kế thừa và phát huy truyền thống “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”, đặc biệt có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh tình hình chính trị - an ninh thế giới phức tạp và nguy cơ chiến tranh công nghệ cao. Đây là phẩm chất không thể thiếu đối với HV đào tạo SQQĐ, nhằm đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Thứ ba, sẵn sàng nhận và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ; Đây là phẩm chất thể hiện tinh thần trách nhiệm, ý chí, bản lĩnh và năng lực của mỗi quân

nhân. Đối với HV đào tạo sĩ quan, phẩm chất này đòi hỏi sự chủ động, quyết tâm cao và thái độ nghiêm túc trước mọi nhiệm vụ được giao, kể cả những nhiệm vụ khó khăn, cấp bách. Chỉ khi mỗi HV rèn luyện tinh thần tự giác, không ngại gian khổ, họ mới thực sự trở thành những cán bộ chỉ huy mẫu mực, xứng đáng với niềm tin của quân đội và nhân dân.

Thứ tư, kỷ luật tự giác nghiêm minh. Đây là là phẩm chất cốt lõi, phản ánh đặc trưng chính trị, đạo đức của người quân nhân trong QĐNDVN. Phẩm chất này được thể hiện qua việc HV chấp hành nghiêm pháp luật Nhà nước, điều lệnh, điều lệ, chế độ, nền nếp quân đội và các quy định của nhà trường. Kỷ luật là cơ sở tạo nên sức mạnh chiến đấu, tinh thần đoàn kết, ý chí kiên cường và hiệu quả tác chiến của mỗi đơn vị. Đối với HV đào tạo sĩ quan, rèn luyện kỷ luật không chỉ dừng ở việc tuân thủ nội quy học đường mà còn gắn với tác phong chỉ huy, tư thế người quân nhân cách mạng. Mỗi hành động, lời nói, cử chỉ của họ phải chuẩn mực, thể hiện kỷ cương, xứng đáng với vai trò người cán bộ, chỉ huy. Vì vậy, kỷ luật tự giác nghiêm minh chính là biểu hiện tập trung của PCCT ở HV đào tạo SQQĐ.

Phẩm chất chính trị không phải tự nhiên có được trong mỗi con người mà nó được hình thành thông qua một quá trình học tập, rèn luyện, công tác lâu dài. Đối với HV đào tạo SQQĐ, quá trình hình thành PCCT bắt đầu từ khi HV bước chân vào NTQĐ đến khi tốt nghiệp rời ghế nhà trường. Quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ là một tiến trình toàn diện, phức hợp và lâu dài, diễn ra trong môi trường quân sự đặc thù, gắn với yêu cầu nhiệm vụ chính trị của quân đội và mục tiêu đào tạo đội ngũ cán bộ sĩ quan. Đây là quá trình truyền thụ những giá trị về PCCT cho HV, giúp HV hoàn thiện về PCCT đáp ứng mục tiêu đào tạo và yêu cầu về PCCT của người SQQĐ. Về bản chất, đó là quá trình xã hội hóa các giá trị chính trị quân sự của Đảng, Quân đội và dân tộc thông qua các con đường giáo dục, rèn luyện, tổ chức và thực tiễn công tác quân sự. Quá

trình này được triển khai theo lộ trình logic, có định hướng, chịu sự chi phối của nhiều yếu tố, trong đó có thể phân thành ba giai đoạn chính:

Giai đoạn thích nghi tiếp nhận các giá trị PCCT: Giai đoạn này bắt đầu từ khi mới nhập học trở thành HV của các NTQĐ. Trong giai đoạn này, HV bắt đầu tiếp xúc với không gian sống và sinh hoạt mang tính kỷ luật cao, được quản lý tập trung, theo điều lệnh, điều lệ quân đội. Đồng thời trong giai đoạn này, học viên được trang bị những giá trị nền tảng về PCCT thông qua các bài học lý luận (chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quan điểm của Đảng, pháp luật Nhà nước...) và các hoạt động của các tổ chức trong NTQĐ (các hoạt động hỗ trợ, hoạt động của tổ chức đảng, tổ chức chỉ huy, tổ chức quần chúng...). Thông qua các hoạt động giáo dục đào tạo, hoạt động của các tổ chức ở nhà trường, đơn vị và tương tác giữa HV với CBGV, với đồng chí, đồng đội những giá trị PCCT được nhà trường truyền thụ tới HV, được HV tiếp nhận một cách chủ động hoặc không chủ động qua đó hình thành nên PCCT của HV.

Giai đoạn chuyển hóa thành hành động chính trị: Ở giai đoạn này, học viên vẫn tiếp tục lĩnh hội những giá trị PCCT do nhà trường trang bị, đồng thời HV cũng đã vận dụng những tri thức chính trị đó thành hành động chính trị cụ thể thông qua các hoạt động cụ thể trong quá trình học tập, rèn luyện của bản thân (chấp hành và tuyên truyền quan điểm chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước; chấp hành kỷ luật quân đội, tham gia đấu tranh chống quan điểm sai trái, thù địch...).

Quá trình hình thành PCCT của HV không phải là tiến trình tuyến tính mà diễn ra trong sự đan xen, lặp lại và nâng cao dần qua các năm học. Trong đó, vai trò của NTQĐ là hạt nhân trung tâm, định hướng toàn bộ tiến trình thông qua ba hoạt động chủ yếu: giáo dục lý luận chính trị; tổ chức các hoạt động rèn luyện chính trị – tư tưởng; xây dựng môi trường chính trị văn hóa quân sự. Thông qua các hoạt động này PCCT của HV được hình thành và củng cố vững chắc, đáp ứng tiêu chuẩn về PCCT của người sĩ quan trong QĐNDVN.

2.1.1.4. Khái niệm vai trò của nhà trường quân đội trong quá trình hình thành phẩm chất chính trị của học viên đào tạo sĩ quan quân đội

Nhà trường quân đội là các cơ sở giáo dục thuộc sự quản lý của Bộ Quốc phòng bao gồm các học viện, trường sĩ quan, trường đại học và đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo sau đại học; các trường cao đẳng, trường trung cấp; các trường quân sự quân khu, quân đoàn và Trường Quân sự Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội; các trường quân sự tỉnh, thành phố và Trường Quân sự Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh; các trung tâm giáo dục nghề nghiệp [4, tr.4].

Các NTQĐ được tổ chức chặt chẽ, thống nhất và ổn định, vừa mang tính phổ biến của các nhà trường trong hệ thống giáo dục quốc dân, vừa mang tính đặc thù của các NTQĐ. Điều lệ Công tác nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam (2016) đã quy định cơ cấu tổ chức của các NTQĐ bao gồm: Ban giám hiệu (Ban giám đốc); các cơ quan quản lý giáo dục, đào tạo; khoa, bộ môn; đơn vị quản lý học viên; cơ quan, đơn vị, cơ sở phục vụ giáo dục, đào tạo [4, tr.4].

Chức năng, nhiệm vụ chính của NTQĐ là thực hiện nhiệm vụ giáo dục, đào tạo, do đó hoạt động chủ yếu của NTQĐ là hoạt động giáo dục đào tạo theo khung chương trình đã được Bộ quốc phòng phê chuẩn. Bên cạnh đó NTQĐ với tư cách là một tổ chức quân sự nên ngoài thực hiện chức năng GD-ĐT thì NTQĐ còn thực hiện nhiệm vụ huấn luyện sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, do đó NTQĐ cũng là một thiết chế xã hội (thiết chế quân sự). Đây là một thiết chế xã hội đặc thù với tính nghiêm minh, hoạt động dựa trên điều lệnh, điều lệ; con người trong NTQĐ được tổ chức theo quy định của quân đội, sinh hoạt tập trung, sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ được giao phó...Chính vì vậy, NTQĐ đóng vai trò quan trọng trong quá trình giáo dục, rèn luyện HV đào tạo SQQĐ.

Từ những tiếp cận trên có thể hiểu: “*Vai trò của nhà trường quân đội trong quá trình hình thành phẩm chất chính trị của học viên đào tạo sĩ quan quân đội là toàn bộ các hoạt động giáo dục đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện,*

xây dựng môi trường văn hóa quân sự... của các lực lượng trong nhà trường quân đội nhằm hướng tới sự hình thành phẩm chất chính trị cho học viên đào tạo sĩ quan quân đội để đáp ứng mục tiêu đào tạo của nhà trường quân đội, yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ là tổng thể các hoạt động của nhà trường theo chức năng, nhiệm vụ của tổ chức giáo dục và tổ chức quân sự trong giáo dục, rèn luyện HV đào tạo SQQĐ theo mục tiêu đào tạo của NTQĐ và yêu cầu, nhiệm vụ của Quân đội đặt ra.

Trong quá trình thực hiện, NTQĐ phải thực hiện nhiều vai trò khác nhau, trong đó vai trò quan trọng nhất của NTQĐ trang bị kiến thức quân sự, chính trị và hoàn thiện phẩm chất cho HV theo yêu cầu, nhiệm vụ của quân đội. Trong quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ, NTQĐ có nhiều vai trò, trong đó có các vai trò cơ bản đi là: 1) Vai trò giáo dục LLCT; 2) Vai trò tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện PCCT cho HV; 3) Vai trò xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự.

Vai trò giáo dục LLCT: là các hoạt động giáo dục lý luận chính trị bao gồm cả hoạt động chính khóa và ngoại khóa nhằm trang bị tri thức LLCT cho học viên giúp HV nâng cao nhận thức chính trị. Vai trò giáo dục LLCT được đo lường thông qua việc tổ chức thực hiện các nội dung giáo dục LLCT, chất lượng bài giảng, phương pháp giảng dạy, hiệu quả giảng dạy, trách nhiệm của các lực lượng, mức độ đóng góp của hoạt động giáo dục LLCT.

Vai trò tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện PCCT: Đó là toàn bộ các hoạt động của các tổ chức trong NTQĐ, trong đó tập trung là hoạt động của các tổ chức ở các đơn vị quản lý học viên như: tổ chức đảng, tổ chức chỉ huy, tổ chức quần chúng... Vai trò này được đo lường thông qua các chỉ báo như mức độ tổ chức các hoạt động của nhà trường, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ trong tổ chức các hoạt động, hiệu quả thực hiện các hoạt động, mức độ đóng góp của các hoạt động trong giáo dục, rèn luyện PCCT cho HV.

Vai trò xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự: là tổng thể các hoạt động của NTQĐ nhằm không gian văn hóa chính trị quân sự lành mạnh, tích cực, định hướng, củng cố niềm tin chính trị giúp học viên phát triển phẩm chất toàn diện. Vai trò này được đo lường trên các chỉ báo gồm; mức độ duy trì thực hiện các hoạt động (thực hành dân chủ ở cơ sở; tinh thần đoàn kết trong đơn vị; tính chất quan hệ giữa cán bộ khung và HV; tính chất quan hệ giữa giảng viên và HV; sự gương mẫu về PCCT của đội ngũ cán bộ, giảng viên; bầu không khí học, rèn của đơn vị học viên; môi trường, cảnh quan đơn vị; duy trì kỷ luật nghiêm minh), hiệu quả các hoạt động, mức độ đóng góp của các hoạt động trong giáo dục, rèn luyện PCCT cho học viên..

Việc thực hiện vai trò với quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ có mối quan hệ biện chứng chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau giữa nhà trường (CBGV, các tổ chức, các lực lượng trong nhà trường) với học viên (người học – chủ thể tiếp nhận các hoạt động thực hiện vai trò của NTQĐ). Cụ thể mối quan hệ này được thể hiện như sau:

Thứ nhất mối quan hệ giữa nhà trường với học viên là mối quan hệ thống nhất giữa khách quan và chủ quan

Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, mọi hiện tượng xã hội đều được quyết định bởi sự thống nhất giữa điều kiện khách quan và hoạt động chủ quan. NTQĐ là một cấu trúc xã hội đặc thù với hệ thống mục tiêu, chương trình đào tạo, kỷ luật, môi trường văn hóa chính trị và cơ chế quản lý chặt chẽ. Đây là những yếu tố khách quan quy định chuẩn mực, giá trị và yêu cầu chính trị, tư tưởng mà HV phải tiếp thu để trở thành sĩ quan quân đội. Tuy nhiên, quá trình hình thành PCCT không dừng ở việc “áp đặt” từ cấu trúc. Học viên với tư cách chủ thể của hành động, họ phải chủ động lĩnh hội, biến tri thức và chuẩn mực chính trị thành niềm tin và hành vi cụ thể. Nói cách khác, PCCT không thể hình thành nếu thiếu ý thức tự giác, năng lực tự điều chỉnh và rèn luyện của cá nhân. Sự thống nhất giữa khách

quan và chủ quan biểu hiện ở việc: (1) NTQĐ cung cấp nền tảng tri thức, tổ chức, phương pháp rèn luyện; (2) HV tiếp nhận có chọn lọc, chuyển hóa thành phẩm chất chính trị, rồi phản hồi trở lại môi trường giáo dục. Mối quan hệ này khẳng định vai trò của NTQĐ không chỉ là nơi truyền thụ mà còn là thiết chế xã hội hóa, trong đó tác động khách quan và nỗ lực chủ quan gắn bó mật thiết, bảo đảm cho quá trình giáo dục chính trị đạt hiệu quả và bền vững.

Thứ hai, mối quan hệ giữa nhà trường quân đội và học viên là mối liên hệ tác động qua lại giữa cấu trúc xã hội và hành vi cá nhân

Chủ nghĩa duy vật biện chứng nhấn mạnh nguyên lý tác động qua lại và chuyển hóa lẫn nhau. NTQĐ không chỉ tác động một chiều tới HV mà còn chịu ảnh hưởng và biến đổi dưới tác động của chính HV và bối cảnh xã hội. Trong môi trường quân sự, học viên vừa tiếp nhận, vừa tái tạo và sáng tạo các giá trị chính trị, tư tưởng. Thông qua học tập, rèn luyện, thảo luận, phản hồi về chương trình đào tạo hay phương pháp giảng dạy, HV tạo ra các tín hiệu điều chỉnh, buộc NTQĐ phải đổi mới nội dung, phương pháp, cơ chế quản lý để phù hợp thực tiễn. Sự tương tác này thể hiện rõ ở việc cải tiến bài giảng chính trị, đổi mới mô hình huấn luyện, hoặc điều chỉnh các hoạt động ngoại khóa, chính trị – xã hội để sát với đặc điểm lứa tuổi và nhu cầu của HV. Từ phía cá nhân, việc tham gia tích cực vào các phong trào, hội thảo, đối thoại chính trị giúp HV củng cố niềm tin, đồng thời góp phần định hình văn hóa tập thể, củng cố “trận địa chính trị, tư tưởng” của NTQĐ. Như vậy, cấu trúc nhà trường vừa định hướng hành vi của HV, vừa được chính HV cải biến thông qua quá trình thực hành và phản hồi. Đây chính là mối quan hệ biện chứng: môi trường giáo dục và chủ thể giáo dục tương tác hai chiều, tạo động lực phát triển cả nhà trường lẫn học viên.

Thứ ba, mối quan hệ giữa nhà trường quân đội và học viên là mối quan hệ thể hiện sự vận động trong điều kiện lịch sử, xã hội cụ thể

Theo quan điểm duy vật lịch sử, mọi hiện tượng xã hội đều diễn ra trong những điều kiện lịch sử cụ thể, chịu chi phối của bối cảnh kinh tế – chính trị – văn hóa. NTQĐ hiện nay hoạt động trong bối cảnh hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa, cách mạng công nghiệp 4.0, tác động của kinh tế thị trường và truyền thông số. Các yếu tố này vừa mở rộng nguồn tri thức, vừa đặt ra nguy cơ “phi chính trị hóa quân đội”, chiến tranh thông tin và các biểu hiện suy giảm lý tưởng. Phương pháp luận duy vật biện chứng yêu cầu xem xét NTQĐ như một hệ thống mở, không chỉ giữ vững nguyên tắc chính trị của Đảng mà còn phải linh hoạt thích ứng với biến động xã hội. Điều này đòi hỏi đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục chính trị, ứng dụng công nghệ số, tăng cường tương tác hai chiều giữa giảng viên – học viên, đồng thời xây dựng cơ chế bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Về phía HV, họ phải được trang bị năng lực tự miễn dịch tư tưởng, khả năng phân tích và phản biện để không bị tác động tiêu cực từ thông tin xấu độc trên mạng xã hội hay lối sống thực dụng của kinh tế thị trường. Nhờ đó, quá trình hình thành PCCT trở thành quá trình lịch sử, xã hội động, trong đó nhà trường và học viên cùng thích ứng, phát triển, bảo đảm cho Quân đội nhân dân Việt Nam giữ vững bản chất cách mạng, luôn trung thành tuyệt đối với Tổ quốc, Đảng và Nhân dân.

Quá trình thực hiện vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ chịu sự ảnh hưởng nhiều yếu tố như: Quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước, Quân đội về QPAN; chất lượng đội ngũ CBGV; Mục tiêu, chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy; môi trường giáo dục; tác động của mạng xã hội, sự chống phá của các thế lực thù địch, mặt trái kinh tế thị trường; nhận thức, thái độ, ý chí, động cơ phấn đấu trong học tập và rèn luyện của HV. Mỗi yếu tố có những tác động khác nhau ảnh hưởng đến việc thực hiện vai trò của NTQĐ trong giáo dục, rèn luyện PCCT cho HV.

2.1.2. Các lý thuyết vận dụng nghiên cứu

2.1.2.1. Lý thuyết vai trò - vị thế xã hội

Lý thuyết vai trò – vị thế xã hội được xem là một bộ phận hữu cơ và cụ thể hóa của Lý thuyết Cấu trúc - Chức năng. Lý thuyết Cấu trúc - Chức năng quan niệm xã hội như một hệ thống phức tạp bao gồm các bộ phận liên kết chặt chẽ với nhau, mỗi bộ phận thực hiện một chức năng nhất định để duy trì sự ổn định và cân bằng của toàn bộ hệ thống. Lý thuyết Cấu trúc - Chức năng tập trung vào các cấu trúc xã hội rộng lớn và các chức năng mà chúng thực hiện. Tuy nhiên, trong mỗi cấu trúc lại có các tiểu hệ thống và trong các tiểu hệ thống đó sẽ xác định các cấu trúc xã hội nhỏ (tiểu hệ thống), trong tiểu hệ thống đó các nhóm, tổ chức xác định các vị thế xã hội của mình và theo đó sẽ có các vai trò xã hội tương ứng ở các vị thế xã hội đó. Lý thuyết vai trò đi sâu vào cấp độ vi mô hơn, giải thích cách cá nhân/ tổ chức trong cấu trúc bộ phận tương tác và đóng góp vào sự vận hành của các cấu trúc đó. Do đó, Lý thuyết vai trò – vị thế xã hội cung cấp một lăng kính chi tiết để phân tích hành vi cá nhân/tổ chức trong mối quan hệ với các chức năng cấu trúc, làm phong phú thêm cách hiểu về sự vận hành của xã hội theo quan điểm cấu trúc - chức năng. Chính vì vậy, trong phạm vi nghiên cứu luận án sử dụng lý thuyết vai trò – vị thế xã hội để luận giải vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ.

Như đã trình bày ở trên, lý thuyết Vị thế -Vai trò là một bộ phận trong lý thuyết chức năng nên lịch sử ra đời của lý thuyết gắn liền với sự ra đời của lý thuyết cấu trúc – chức năng. Các nhà tư tưởng xã hội học thế kỷ XIX như Auguste Comte, Émile Durkheim, mặc dù không trực tiếp sử dụng thuật ngữ "vị thế" và "vai trò" nhưng các ông đã đặt nền móng cho việc nhìn nhận xã hội như một hệ thống với các bộ phận liên kết, nơi các cá nhân thực hiện những chức năng nhất định để duy trì trật tự xã hội.

Ralph Linton là người đầu tiên sử dụng thuật ngữ “vai” và phân biệt vị thế và vai, vị thế chủ yếu nói tới điểm xuất phát của hành vi chưa chưa nói đến mặt

hành động của nó còn khái niệm vai mới nói tới mặt động thái của hành vi. Theo Ralph Linton khái niệm vai (role) là hành vi của người nắm giữ vị thế mà hành vi đó hướng vào việc đáp ứng những kỳ vọng của người khác về quyền và trách nhiệm gắn với vị thế [Dẫn theo 35, tr.107-108].

T.Parsons, nhà xã hội học Mỹ đã phát triển lý thuyết vai trò – vị thế xã hội từ việc áp dụng phương pháp tiếp cận hệ thống xã hội. Parsons cho rằng vị thế và vai trò không phải là thuộc tính của hệ thống xã hội mà là hai mặt của mỗi một đơn vị của hệ thống xã hội. Tập hợp vai trò vừa là hệ thống hành động của cá nhân vừa là hệ thống hành động của tập thể. Trên cơ sở cách phân loại của Ralph Linton, T. Parsons đưa ra một bộ khung lý luận hay một bộ máy khái niệm gồm năm cấp để nhấn mạnh các chiều cạnh quan hệ của cấu trúc vai xã hội: 1) Tính dễ xúc động đối lập với tính trung lập. 2) Định hướng bản thân - định hướng tập thể. 3) Tính phổ biến – tính đặc thù. 4) Đạt được và gán cho. 5) Định rõ – khuếch tán [Dẫn theo 35, tr.114-115].

Kế thừa quan điểm thuyết hành vi về vai trò, vị thế xã hội của Ralph Linton, bộ khung lý thuyết hệ thống xã hội về cấu trúc vai xã hội của T. Parsons, Robert Merton phát kiến ra lý thuyết trung gian và đưa ra lý thuyết về tập hợp - vai. Trong lý thuyết, R.Merton đã đưa ra quan niệm về tập hợp - vai. Merton yêu cầu phân biệt rõ giữa tập hợp - vai và vai - tập hợp. Tập hợp - vai gắn với một vị thế xã hội nhất định, vai - tập hợp là các vai với nhiều vị thế xã hội. Merton cho rằng, mỗi vị thế đòi hỏi không chỉ một vai mà hàng loạt vai mà ông gọi là tập hợp - vai (role - set). Merton nêu ví dụ: một người có vị thế là sinh viên y khoa thường đóng một loạt vai khi quan hệ với giáo viên, sinh viên khác, bác sĩ, y tá, kỹ thuật viên và nhiều người khác, tức là các tập hợp - vai tương ứng với vị thế sinh viên y khoa. Vị thế giáo viên không chỉ với học sinh, sinh viên mà với đồng nghiệp, hiệu trưởng, hội đồng giáo dục và các tổ chức khác. Merton phân biệt tập hợp - vai hay vai - tập hợp với các vai đa dạng; theo ông, một loạt các vai của

các vị thế xã hội khác nhau là các vai đa dạng, ví dụ hư một người nắm giữ các vị thế như bác sĩ, giáo sư, người cha sẽ thực hiện các vai đa dạng tương ứng với từng vị thế. Trong khi đó vai - tập hợp là tập hợp các vai gắn với một vị thế xã hội nhất định chứ không phải nhiều vai với nhiều vị thế xã hội [35, tr.123-130]..

Lý thuyết tập hợp - vai của Merton gợi mở cho những nghiên cứu về vị thế xã hội, vai trò xã hội không chỉ của cá nhân mà còn đối với các tổ chức, các nhóm xã hội trong cấu trúc xã hội, làm cầu nối giữa lý luận và thực tiễn trong nghiên cứu thực nghiệm xã hội học về vị thế, vai trò xã hội. Đồng thời, lý thuyết tập hợp - vai cho phép phát hiện ra cấu trúc tầng bậc của các vai xã hội mà mỗi cá nhân, tổ chức hay nhóm xã hội phải thực hiện góp phần giảm bớt các xung đột xã hội, duy trì trật tự và ổn định xã hội. Lý thuyết tập hợp - vai trò của Merton gợi mở ra hướng nghiên cứu về vai trò của các nhóm xã hội, các tổ chức xã hội trong cấu trúc xã hội hiện nay.

Mặc dù tiếp cận ở những khía cạnh khác nhau, nhưng lý thuyết vai trò – vị thế xã hội thể hiện những nội dung cơ bản sau:

Một là, xã hội được tổ chức thành một hệ thống các vị thế xã hội; mỗi cá nhân hoặc tổ chức khi đảm nhiệm một vị thế sẽ gắn liền với những vai trò xã hội cụ thể. Vị thế là “điểm xuất phát”, còn vai trò là “biểu hiện động thái” của hành vi trong mối quan hệ xã hội.

Hai là, vai trò xã hội chính là sự kỳ vọng của xã hội đối với hành vi, ứng xử của chủ thể, đồng thời là quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm gắn với vị thế. Thước đo đánh giá việc thực hiện vai trò là mức độ phù hợp giữa hành động thực tiễn với các chuẩn mực, giá trị xã hội.

Ba là, cá nhân hoặc nhóm xã hội/tổ chức xã hội không chỉ đảm nhiệm một vai trò đơn lẻ mà có thể gánh vác nhiều vai trò trong cùng lúc; mỗi vị thế tạo ra một tập hợp vai. Tính đa dạng, phức hợp này vừa mở rộng khả năng đóng góp, vừa tiềm ẩn nguy cơ xung đột, đòi hỏi chủ thể phải có năng lực thích ứng.

Bốn là, việc thực hiện đúng đắn các vai trò không chỉ mang ý nghĩa cá nhân mà còn góp phần duy trì ổn định, cân bằng và trật tự xã hội, vì qua đó bảo đảm sự liên kết hài hòa giữa các bộ phận trong hệ thống xã hội.

Vận dụng lý thuyết vai trò – vị thế xã hội vào nghiên cứu vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của học viên đào tạo SQQĐ cho phép luận giải sâu sắc cơ chế xã hội – chính trị của hiện tượng này. Trong hệ thống xã hội, NTQĐ giữ vị thế một tổ chức giáo dục (thiết chế giáo dục quân sự), trong hệ thống quân đội, NTQĐ có vị thế là một tổ chức quân sự. Từ những vị thế đó, NTQĐ gắn với một tập hợp vai trò xã hội đặc thù, trong đó có các vai trò cơ bản đó là: vai trò giáo dục lý luận chính trị, vai trò tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện, vai trò xây dựng môi trường văn hóa chính trị, quân sự. Các vai trò này phản ánh kỳ vọng xã hội đối với NTQĐ trong việc đào tạo đội ngũ sĩ quan có PCCT vững vàng, trung thành tuyệt đối với Đảng, Tổ quốc, Nhân dân và Quân đội, có tinh thần sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ, có kỷ luật tự giác nghiêm minh...

Lý thuyết vai trò – vị thế chỉ ra, mỗi chủ thể bao gồm tập hợp các vai trò ở vị thế tương ứng của họ. Đó là toàn bộ những kỳ vọng vai do các chủ thể khác trong hệ thống xã hội áp đặt lên người mang vị thế đó. Cụ thể:

Đối với học viên đào tạo sĩ quan: các vai trò được hình thành từ nhiều nguồn kỳ vọng khác nhau: cấp ủy, chỉ huy yêu cầu họ tuyệt đối chấp hành kỷ luật, kiên định chính trị và có ý chí phấn đấu cao; cán bộ giảng viên mong muốn họ tự giác học tập, tích cực tiếp thu kiến thức và rèn luyện tác phong quân sự; tập thể học viên đòi hỏi sự đoàn kết, hỗ trợ đồng đội và giữ gìn hình ảnh người quân nhân; gia đình và xã hội kỳ vọng vào sự trưởng thành, tiến bộ và kết quả học tập tốt; trong khi bản thân học viên lại luôn nuôi dưỡng nhu cầu khẳng định năng lực, hoàn thành nhiệm vụ và xây dựng con đường phát triển nghề nghiệp tương lai. Chính sự chồng lấn của nhiều kỳ vọng khác nhau này dẫn đến việc học viên có nguy cơ đối mặt với xung đột vai nội tại, đặc biệt khi các yêu cầu

không hoàn toàn tương thích hoặc thậm chí đối lập nhau, như giữa yêu cầu kỷ luật tuyệt đối và sự cần thiết của tư duy phản biện trong học tập LLCT.

Đối với CBGV: họ đồng thời đảm nhiệm vai trò người thầy truyền thụ tri thức, người quản lý và giáo dục kỷ luật, người đánh giá kết quả học tập, tấm gương mẫu mực về bản lĩnh chính trị, đạo đức, đồng thời là chủ thể tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện PCCT cho học viên. Các kỳ vọng vai đặt lên CBGV đến từ nhiều nguồn: cấp trên yêu cầu họ duy trì chất lượng đào tạo và giữ vững định hướng chính trị; học viên kỳ vọng ở sự hướng dẫn tận tình, công bằng và tôn trọng; đồng nghiệp đòi hỏi sự phối hợp, thống nhất trong phương pháp giảng dạy; còn NTQĐ yêu cầu họ tham gia sâu vào công tác quản lý, giáo dục học viên ngoài giờ lên lớp. Sự đa tầng này khiến CBGV dễ gặp phải xung đột giữa vai “người thầy” thiên về truyền thụ, hỗ trợ và vai “người quản lý, giám sát kỷ luật” mang tính cưỡng chế, đặc biệt trong môi trường quân sự đòi hỏi tính kỷ luật cao.

Xét tổng thể trong cấu trúc của NTQĐ, chính sự tương tác xã hội giữa CBGV và HV trong thực hiện các vai trò cơ thể tạo ra các mẫu thuẫn, xung đột vai trò giữa CBGV và HV. Học viên mong muốn được tôn trọng, hướng dẫn và tạo điều kiện để phát huy tính chủ động, sáng tạo, trong khi CBGV lại chịu áp lực phải đảm bảo kỷ luật, chuẩn mực và chất lượng đào tạo theo yêu cầu của NTQĐ. Điều này dẫn tới hiện tượng lệch pha kỳ vọng, làm phát sinh xung đột vai chức năng và quá tải vai ở cả hai phía. Chính vì vậy lý thuyết vai trò – vị thế cho phép nhận diện rõ hơn bản chất các mối quan hệ trong NTQĐ

2.1.2.2. Lý thuyết xã hội hoá

Lý thuyết xã hội hóa ra đời trong quá trình phát triển của các ngành khoa học xã hội, đặc biệt là xã hội học, tâm lý học và nhân học vào cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Sự phát triển của lý thuyết này gắn liền với nhu cầu giải thích cách cá nhân trở thành thành viên của xã hội thông qua việc tiếp thu các chuẩn mực, giá trị, vai trò và hành vi xã hội. Các đại biểu tiêu biểu của lý thuyết này gồm: Émile Durkheim, Sigmund Freud, George Herbert Mead, Talcott Parsons, Peter Berger và Thomas Luckmann...

Durkheim là người đầu tiên quan tâm đến vấn đề xã hội hoá, coi đây là quá trình truyền đạt đạo đức xã hội thông qua giáo dục. Theo ông, xã hội hoá có ba mục tiêu: dạy cá nhân các giới hạn đạo đức để tự điều chỉnh hành vi; cung cấp sự tự tin, tự kiểm soát và hiểu biết về các giá trị, chuẩn mực xã hội; và nuôi dưỡng cảm giác cống hiến cho cộng đồng. Xã hội hoá là quá trình cá nhân học cách thực hiện vai trò xã hội trong các tổ chức khác nhau. Ông nhấn mạnh rằng năng lực thực hiện vai xã hội được hình thành qua xã hội hoá [35, tr.147]. Neil Smelser định nghĩa xã hội hoá là quá trình cá nhân học hành vi phù hợp với vai trò trong hệ thống xã hội. J. Fichter xem đó là quá trình tương tác dẫn đến sự chấp nhận và thích ứng với các khuôn mẫu hành vi. G. Andreeva (1988) mô tả xã hội hoá là quá trình hai chiều: cá nhân tiếp thu và tái tạo hệ thống quan hệ xã hội thông qua tham gia hoạt động xã hội [54, tr.258-259].

Quá trình xã hội hóa cá nhân trải qua nhiều giai đoạn khác nhau: Parsons chia thành ba giai đoạn tương ứng ba môi trường: trong gia đình, trong trường phổ thông, và trong các trường chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học [35, tr.148]. G. Mead phân chia thành ba giai đoạn: bắt chước (sao chép hành vi chưa hiểu rõ ý nghĩa), đóng vai (hiểu vai trò xã hội và hành vi tương ứng), và trò chơi (nhận thức sâu về bản thân, người khác và cộng đồng). Còn Andreeva phân chia xã hội hoá thành ba giai đoạn: trước lao động (gồm giai đoạn trẻ thơ và học hành), trong lao động (khi cá nhân tham gia sản xuất và tích lũy kinh nghiệm), và sau lao động (tiếp tục xã hội hoá qua các mối quan hệ xã hội nơi cư trú) [49, tr.107 - 108]...

Quá trình xã hội hóa chịu sự ảnh hưởng của nhiều yếu tố (tác nhân) gồm gia đình, nhà trường, bạn bè, truyền thông, tổ chức tôn giáo – và môi trường xã hội hóa. Parsons cho rằng quá trình xã hội hóa diễn ra trong ba môi trường cơ bản gồm: gia đình, nhà trường phổ thông và trong trường cao đẳng, đại học, sau đại học, các trường chuyên nghiệp [Theo 35, tr.147]...

Từ quan niệm của các nhà xã hội học về xã hội hóa, có thể rút ra những luận đề cơ bản sau:

Thứ nhất, xã hội hóa là cá nhân lĩnh hội các giá trị, chuẩn mực, niềm tin, qua đó hình thành bản sắc và phẩm chất xã hội của mình. Đây là cơ chế gắn kết cá nhân với hệ thống xã hội.

Thứ hai, Xã hội hóa diễn ra suốt đời người, nhưng ở mỗi môi trường (gia đình, nhà trường, nghề nghiệp, cộng đồng) có đặc trưng và tác nhân khác nhau, quyết định nội dung và hình thức của sự chuyển hóa.

Thứ ba, xã hội hóa là quá trình hai chiều, cá nhân không chỉ tiếp nhận thụ động mà còn chủ động chọn lọc, tái tạo và sáng tạo ra các khuôn mẫu hành vi, góp phần biến đổi xã hội.

Thứ tư, các tác nhân xã hội hóa rất đa dạng (gia đình, nhà trường, bạn bè, truyền thông, tôn giáo...) và có mức độ ảnh hưởng khác nhau tùy vào hoàn cảnh xã hội và giai đoạn phát triển cá nhân. Trong đó, nhà trường đóng vai trò trung gian chủ đạo trong giai đoạn thanh thiếu niên, giúp hình thành tri thức và định hướng nhận thức và hình thành các phẩm chất xã hội căn bản...

Thứ năm, xã hội hóa gắn chặt với vị thế – vai trò xã hội, cá nhân chỉ thực sự “hội nhập” khi học được cách thực hiện hành vi phù hợp với vị thế và vai trò mà xã hội kỳ vọng.

Trong nghiên cứu vai trò của NTQĐ, việc vận dụng lý thuyết xã hội hóa có ý nghĩa quan trọng ở chỗ cho phép nhìn nhận NTQĐ không chỉ đơn thuần là một cơ sở đào tạo trang bị tri thức chuyên môn, mà còn là một môi trường xã hội hóa đặc thù, nơi HV chuyển hóa từ vị thế từ những “thanh niên dân sự” thành “quân nhân” (xã hội hóa quân nhân). Với cơ cấu tổ chức chặt chẽ, tính kỷ luật nghiêm ngặt và định hướng lý tưởng chính trị rõ ràng, NTQĐ đóng vai trò tác nhân xã hội hóa chính thức thông qua giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện quân sự và tổ chức học tập, giúp học viên lĩnh hội hệ giá trị, chuẩn mực và vai trò chính trị – xã hội gắn với nghề nghiệp sĩ quan. Đồng thời, quá trình xã hội hóa phi chính thức trong NTQĐ cũng có ý nghĩa quan trọng, diễn ra qua quan hệ

thầy – trò, quan hệ đồng đội, các hình thức sinh hoạt tập thể và văn hóa quân sự, từ đó hình thành ở HV thói quen, tác phong, tinh thần tập thể và bản lĩnh chính trị... từ đó hình thành phẩm chất người sĩ quan, trong đó có PCCT. Như vậy, xã hội hóa trong NTQĐ là một quá trình liên tục và có tính quyết định, vừa kế thừa những nền tảng xã hội hóa sơ cấp từ gia đình và nhà trường phổ thông, vừa phát triển ở mức độ cao hơn, mang tính chuyên biệt và chính trị sâu sắc. Trên cơ sở đó, có thể khẳng định NTQĐ chính là môi trường xã hội hóa đặc thù, góp phần trực tiếp vào việc hình thành và phát triển PCCT, phẩm chất nghề nghiệp của học viên đào tạo SQQĐ.

2.1.3. Quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng quân đội

2.1.3.1. Quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng quân đội

** Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng quân đội*

Mác - Ăngghen là những người đặt nền móng cho học thuyết của giai cấp vô sản về chiến tranh và quân đội. Trong các tác phẩm quân sự của mình, Ăngghen đã bàn nhiều về quân đội, nguồn gốc, bản chất, chức năng và lịch sử phát triển của quân đội. Theo các ông, quân đội của giai cấp tư sản là một công cụ to dùng để áp bức. Các quốc gia tư bản trong khi tiến hành chiến tranh chống lẫn nhau, hàng năm chi phí ngày càng nhiều tiền của cho quân đội, hạm đội, súng ống. Vì thế mà chủ nghĩa quân phiệt ngày càng tăng và chủ nghĩa quân phiệt mang trong lòng nó mầm mống của sự tiêu vong

Ph.Ăngghen cũng nhiều lần nhấn mạnh vai trò chính trị của quân đội trong sự nghiệp cách mạng. Trong tác phẩm “Chống Duyrinh”, ông khẳng định: “*Không một cuộc cách mạng nào lại có thể thành công nếu không có lực lượng vũ trang của nhân dân*” [45, tr.128]. Quan điểm này cho thấy, một quân đội cách mạng thực sự phải là quân đội của nhân dân, vì lợi ích của nhân

dân, đồng thời phải được trang bị bản lĩnh chính trị vững vàng để thực hiện nhiệm vụ chính trị do giai cấp và nhân dân giao phó.

V.I. Lênin đã kế thừa, bảo vệ và phát triển lý luận của C. Mác, Ph. Ăngghen về quân đội, đồng thời vận dụng thành công vào xây dựng quân đội kiểu mới của giai cấp vô sản. Theo Lênin, để quân đội có đủ sức mạnh bảo vệ thành quả cách mạng, cần xây dựng quân đội vững mạnh toàn diện về chính trị - tinh thần, tư tưởng, tổ chức, kỷ luật, trang bị kỹ thuật, khoa học..., và quan trọng nhất là phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Nội dung cốt yếu trong xây dựng quân đội về chính trị là giữ vững bản chất giai cấp công nhân, tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng, bảo đảm quân đội trung thành với mục tiêu, lý tưởng cách mạng, lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc. Lênin khẳng định nguyên tắc quan trọng nhất, cội nguồn chủ yếu của sức mạnh quân đội xã hội chủ nghĩa là sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, từ xác định mục tiêu, lý tưởng, nhiệm vụ đến phương hướng, biện pháp xây dựng quân đội. Các tổ chức đảng, chỉ huy và đội ngũ cán bộ quân đội có trách nhiệm quán triệt, thực hiện đường lối, chính sách của Đảng. Như Lênin chỉ rõ: *“ở đâu mà chính sách của đảng được thi hành nghiêm chỉnh nhất...; ở đấy thu được nhiều thắng lợi hơn”* [41, tr.65-66].

Lênin khẳng định rằng, để quân đội không trở thành công cụ phản cách mạng hay bị lôi kéo bởi các thế lực thù địch thì sự lãnh đạo chính trị, tư tưởng của Đảng là điều kiện tiên quyết. Ông nhấn mạnh: *“Quân đội phải do những người cộng sản lãnh đạo và giáo dục. Nếu không, quân đội sẽ trở thành một công cụ của tư sản”* [43, tr.135]. Từ quan điểm đó, Lênin chủ trương thiết lập hệ thống chính ủy và tổ chức đảng trong quân đội, trực tiếp thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, biến quân đội thành lực lượng vũ trang mang lý tưởng cách mạng. Theo Lênin, xây dựng quân đội kiểu mới của giai cấp công nhân đòi hỏi nội dung chính trị – tư tưởng phải xuyên suốt toàn bộ quá trình huấn luyện: *“Chúng ta cần một quân đội không*

chỉ biết cầm súng, mà phải hiểu rõ vì ai mà chiến đấu, vì cái gì mà chiến đấu” [41, tr. 210]. Trên cơ sở đó, ông đề cao nguyên lý “chính trị trọng hơn quân sự” – nền tảng được Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam kế thừa, phát triển. Đồng thời, Lenin đặc biệt coi trọng vai trò cán bộ quân sự gắn với phẩm chất chính trị, khẳng định: “*Cán bộ chỉ huy phải được lựa chọn từ những người trung thành nhất với cách mạng, được giáo dục trong tinh thần của chủ nghĩa Mác và phục tùng kỷ luật vô sản*” [42, tr. 125]. Ông cũng đề xuất thành lập hệ thống trường đào tạo cán bộ quân sự kiểu mới, kết hợp rèn luyện thể chất, kỹ năng quân sự với giáo dục lý luận chính trị.

Khi bàn về sức mạnh chiến đấu của quân đội, V.I. Lenin không phủ nhận vai trò của các yếu tố như quân số, tổ chức, vũ khí, trang bị, trình độ huấn luyện, kỹ thuật, thể lực..., nhưng ông đặc biệt nhấn mạnh rằng trong điều kiện chiến tranh khốc liệt, chính niềm tin chính trị, tinh thần giác ngộ cách mạng và ý chí chiến đấu mới là yếu tố quyết định thắng lợi. Ông khẳng định: “*Trong mọi cuộc chiến tranh rồi cuộc thắng lợi đều tùy thuộc vào tinh thần của quân chúng đang đổ máu trên chiến trường...*” [42 tr.147]. Theo Lenin, công tác chính trị trong quân đội là công cụ then chốt để củng cố niềm tin, lý tưởng, ý chí chiến đấu; “*Ở đâu mà công tác chính trị trong quân đội, công tác của các chính uỷ làm được chu đáo nhất, thì ở đấy . . .g.gb tinh thần của họ cũng cao hơn*” [41, tr.66]. Đồng thời, ông đặc biệt đề cao kỷ luật quân sự chặt chẽ, coi đây là nền tảng tạo nên sức mạnh. Như vậy, xây dựng kỷ luật tự giác và phát huy vai trò công tác đảng, công tác chính trị chính là cơ sở bảo đảm sức mạnh và khả năng chiến đấu cao của quân đội.

Mặc dù không trực nói về PCCT, nhưng quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lenin, đặc biệt là tư tưởng của Lenin về xây dựng quân đội đã cho thấy: PCCT của cán bộ, chiến sĩ trong quân đội là yếu tố quyết định đến sức mạnh chiến đấu và khả năng hoàn thành nhiệm vụ của quân đội cách mạng. PCCT không

chỉ là lòng trung thành với lý tưởng, mà còn bao gồm niềm tin vào chính nghĩa, tinh thần giác ngộ, sự sẵn sàng hy sinh, tính kỷ luật và ý chí vượt khó trong điều kiện chiến đấu khắc nghiệt. PCCT là nền tảng quyết định sức mạnh chiến đấu “Lênin cho rằng: *“Chúng ta cần một quân đội không chỉ có kỹ thuật tốt, mà phải là một quân đội có ý thức, hiểu rõ vì ai mà chiến đấu và sẵn sàng hy sinh cho lý tưởng của giai cấp công nhân”* [41]. Chính vì vậy giáo dục PCCT cho cán bộ chiến sĩ trong quân đội, nhất là đội ngũ sĩ quan là yêu cầu cốt yếu trong xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị.

** Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng quân đội*

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Quân đội nhân dân là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo những quan điểm tư tưởng quân sự của chủ nghĩa Mác-Lênin, kế thừa và phát triển nghệ thuật quân sự độc đáo của dân tộc ta, tiếp thu có chọn lọc, hiệu quả tinh hoa quân sự thế giới. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng quân đội được thể hiện ở các nội dung sau

Trong tư tưởng xây dựng quân đội, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi trọng nhiệm vụ xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam vững mạnh về chính trị, xem đây là nội dung cốt lõi trong hệ thống quan điểm quân sự của Người. Người khẳng định sức mạnh chính trị – tinh thần là yếu tố quyết định bản chất, mục tiêu chiến đấu và sức mạnh tổng hợp của quân đội. Vì vậy, xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị trở thành nhiệm vụ hàng đầu, xuyên suốt trong mọi giai đoạn phát triển của quân đội. Người đặc biệt coi trọng giáo dục lý tưởng cách mạng, coi đó là nền tảng hình thành phẩm chất chính trị (PCCT) vững vàng, khẳng định quân đội cách mạng là lực lượng chính trị đặc biệt, chiến đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Lời dạy: *“Quân đội ta tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân”* [32, tr. 316] vừa là khẳng định chính trị, vừa là kim chỉ nam định hướng xây dựng quân đội kiểu mới – quân đội mang bản chất giai cấp công nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, cán bộ là lực lượng nòng cốt, là “cái gốc của mọi công việc”, nhất là trong quân đội – nơi đòi hỏi tổ chức, kỷ luật, tinh thần chiến đấu và sự trung thành tuyệt đối. Người khẳng định: *“Muốn cho cách mạng thành công thì phải có cán bộ tốt”* [31, tr. 269]. Trong quân đội, cán bộ vừa là người chỉ huy, vừa là hạt nhân chính trị, tấm gương đạo đức và trung tâm đoàn kết của đơn vị. Họ phải “vừa hồng”, “vừa chuyên”, tức là tuyệt đối trung thành với lý tưởng cách mạng, có đạo đức trong sáng, giản dị, gắn bó với nhân dân, đồng thời giỏi chuyên môn quân sự, năng lực tổ chức, chỉ huy, rèn luyện, huấn luyện, chiến đấu hiệu quả. Muốn có đội ngũ cán bộ “vừa hồng vừa chuyên” cần hệ thống đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên, toàn diện, trong đó giáo dục chính trị, tư tưởng giữ vai trò nòng cốt.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, công tác chính trị là “linh hồn” của quân đội, giữ vai trò quyết định bản chất cách mạng, mục tiêu chiến đấu và phẩm chất chính trị của bộ đội. Người khẳng định: *“Quân đội ta không những phải giỏi về quân sự, mà còn phải vững về chính trị. Chính trị là linh hồn, là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của quân đội”* [31, tr. 235]. Công tác đảng, công tác chính trị không chỉ định hướng tư tưởng, lập trường cách mạng cho cán bộ, chiến sĩ, mà còn giáo dục lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, nâng cao cảnh giác, ý chí quyết tâm và tinh thần đoàn kết. Tư tưởng đó còn thể hiện trong chỉ đạo thực tiễn, yêu cầu quân đội tuyệt đối trung thành với Tổ quốc và nhân dân: *“Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”* [33, tr. 532].

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng quân đội, nhất là xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị đề cao việc giáo dục PCCT cho cán bộ chiến sĩ

trong quân đội. Theo Người: PCCT của người quân nhân trước hết được thể hiện ở lòng trung thành với lý tưởng cách mạng của Đảng, với mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, ở ý thức tổ chức kỷ luật, lòng yêu nước, yêu nhân dân, sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc. Tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ đề cập đến nội dung giáo dục PCCT, mà còn chỉ rõ phương pháp, đó là phải gắn lý luận với thực tiễn, lấy thực tiễn chiến đấu và lao động làm môi trường rèn luyện; lấy tập thể đơn vị làm không gian giáo dục; lấy tấm gương cán bộ, đảng viên để cảm hóa, dẫn dắt quần chúng. Quan điểm này đến nay vẫn còn nguyên giá trị, là cơ sở để các NTQĐ vận dụng trong giáo dục, rèn luyện PCCT cho HV đào tạo SQQĐ.

2.1.3.2. Đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam về xây dựng quân đội

Quân đội nhân dân Việt Nam dưới do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện luôn luôn đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý của Nhà nước. Ngay từ khi thành lập, Đảng, Nhà nước ta luôn quan tâm tới việc xây dựng Quân đội vững mạnh về mọi mặt. Quan điểm của Đảng, Nhà nước trong xây dựng Quân đội được thể hiện ở một số nội dung sau:

Một là, Đảng và Nhà nước ta giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quân đội.

Đây là nguyên tắc cơ bản trong xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam. Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với Quân đội bảo đảm cho Quân đội tuyệt đối trung thành với Đảng, với Nhà nước và Nhân dân, hết lòng hết sức phụng sự Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Văn Kiện Đại hội XIII khẳng định: *“Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân; bảo đảm Quân đội nhân dân và Công an nhân dân tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và Nhân dân.”* [15, tr.163]. Sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước là nhân tố bảo đảm cho Quân đội thực sự là công cụ bạo lực bảo vệ Đảng, Nhà nước và Nhân dân, sẵn sàng chiến đấu,

hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng.

Hai là, xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị, tư tưởng tổ chức, trong đó lấy xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị là cơ sở.

Đây là nguyên tắc cơ bản, là vấn đề xuyên suốt để xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, hiện đại, đồng thời cũng thể hiện sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ giữa chính trị và quân sự, con người và vũ khí, trang bị vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, tiếp thu di sản tư tưởng quân sự của dân tộc và tinh hoa quân sự thế giới của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong xây dựng quân đội của Đảng, Nhà nước ta. Xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị làm cơ sở xây dựng quân đội vững mạnh toàn diện, tiến lên hiện đại. Nghị quyết số 51-NQ/TW của Bộ Chính trị xác định: *“Xây dựng Quân đội nhân dân vững mạnh về chính trị, làm cơ sở nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội”* [3]

Ba là, xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, “tinh, gọn, mạnh” tiến lên hiện đại.

Đây là quan điểm nhất quán được Đảng ta đề ra từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (năm 1986). Trước yêu cầu của sự phát triển khoa học – công nghệ, đặc biệt là sự xuất hiện của vũ khí công nghệ cao làm thay đổi phương thức tác chiến, Đảng ta khẳng định yêu cầu xây dựng Quân đội “tinh, gọn, mạnh” là tất yếu để thích ứng với tình hình mới. Hiến pháp 2013 (Điều 66) quy định Nhà nước xây dựng QĐND cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, với lực lượng thường trực hợp lý, lực lượng dự bị và dân quân tự vệ hùng hậu, rộng khắp. Tiếp đó, Đại hội XII (2016) và Đại hội XIII (2021) tiếp tục

nhấn mạnh mục tiêu: *“Xây dựng QĐND, CAND cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại. Đến năm 2025, cơ bản xây dựng quân đội, công an tinh, gọn, mạnh, tạo tiền đề vững chắc, phấn đấu năm 2030 xây dựng QĐND, CAND cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ...”* [15, tr.277],

Bốn là, xây dựng đội ngũ cán bộ quân đội vững mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Xây dựng đội ngũ cán bộ vững mạnh được Đảng và Nhà nước xác định là khâu “then chốt” của nhiệm vụ “then chốt” trong sự nghiệp xây dựng Quân đội, tăng cường quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc; đồng thời, đây là vấn đề vừa cơ bản, lâu dài, vừa có tính cấp bách trong giai đoạn hiện nay. Quán triệt quan điểm đó, Đảng, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị quan trọng như: Nghị quyết số 26-NQ/TW (2018) của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược; Nghị quyết số 769-NQ/QUTW (2012) về xây dựng đội ngũ cán bộ Quân đội giai đoạn 2013–2020 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 109-NQ/QUTW (2019) về xây dựng đội ngũ cán bộ Quân đội, đặc biệt là cán bộ cấp chiến dịch, chiến lược trong tình hình mới. Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII nhấn mạnh: *“Xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược có phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; đủ về số lượng, có chất lượng và cơ cấu phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế – xã hội và bảo vệ Tổ quốc; bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ ...”* [14].

Năm là, tăng cường đoàn kết gắn bó máu thịt với nhân dân, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân vững mạnh trong tình hình mới.

Đây là nguyên tắc cơ bản, nguồn gốc sức mạnh và truyền thống tốt đẹp của QĐNDVN. Trong tình hình mới, khi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đặt ra yêu cầu cao hơn, Đảng ta xác định phải không ngừng củng cố mối quan hệ đoàn

kết quân – dân, coi đây là nhân tố quyết định xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận lòng dân vững chắc. Các văn kiện Đại hội Đảng XII, XIII nhấn mạnh xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại phải gắn chặt với xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc "*Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp với sức mạnh của thời đại; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc.*" [15 tr.34]. Nhà nước ban hành nhiều chính sách nhằm phát huy vai trò của nhân dân trong xây dựng quốc phòng, bảo đảm quân đội thực sự là lực lượng “của dân, do dân và vì dân” “*Xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, dựa trên sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc*” [61, Điều 26]. Đây chính là cơ sở chính trị - xã hội quan trọng để Quân đội giữ vững bản chất cách mạng, tăng cường sức mạnh chiến đấu và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ trong tình hình mới.

Sáu là, tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đối ngoại quốc phòng nhằm tạo thế và lực mới cho nền quốc phòng toàn dân.

Đối ngoại quốc phòng là một bộ phận cốt lõi của đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển của Đảng, Nhà nước ta, có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ trong thời bình. Quan điểm này được thể hiện xuyên suốt và nhất quán trong suốt quá trình lãnh đạo của Đảng. Đảng ta luôn kiên định phương châm “tích cực, chủ động, chắc chắn, linh hoạt, hiệu quả” và chính sách “bốn không” (Không tham gia liên minh quân sự; Không liên kết với nước này để chống lại nước kia; Không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ Việt Nam để chống lại nước khác; Không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa) để vừa gia tăng hợp tác, vừa giảm thiểu nguy cơ đối đầu, xung đột. Đồng thời, Việt Nam chủ động, tích cực hội nhập quốc tế và nâng cao hiệu quả đối ngoại quốc phòng, nhằm tạo thế và lực mới, góp phần củng cố vững chắc nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới. Văn kiện Đại hội XIII nêu rõ:

“Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; phát huy vai trò của đối ngoại quốc phòng, đối ngoại an ninh trong xây dựng lòng tin chiến lược, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa” [15, tr.117].

2.2. ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.2.1. Địa bàn nghiên cứu

2.2.1.1. Khái quát địa bàn khảo sát

Luận án được nghiên cứu, khảo sát tại 03 nhà trường đào tạo sĩ quan cấp phân đội trực thuộc Bộ Quốc phòng thuộc với 03 nhóm cơ bản của các ngành đào tạo sĩ quan trong QĐNDVN gồm: Trường Sĩ quan chính trị (đại diện cho nhóm các nhà trường đào tạo sĩ quan lãnh đạo); Trường Sĩ quan Lục quân 1 (đại diện cho các nhà trường đào tạo sĩ quan chỉ huy tham mưu) và Học viện Hậu cần (đại diện chuyên ngành sĩ quan bảo đảm)

*** Học viện Hậu cần**

Học viện Hậu cần là trung tâm đào tạo cán bộ, sĩ quan hậu cần cho Quân đội nhân dân Việt Nam, đồng thời tổ chức đào tạo sinh viên dân sự trình độ trung cấp, cao đẳng các chuyên ngành kế toán doanh nghiệp và xây dựng dân dụng. Hằng năm, Học viện tuyển sinh từ 200–400 chỉ tiêu sĩ quan hậu cần, đồng thời đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành hậu cần phục vụ quân đội.

Với phương châm “Chất lượng đào tạo là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị” và chủ trương “3 thực chất”, 100% HV tốt nghiệp, trong đó trên 80% đạt loại khá, giỏi. Qua 73 năm phát triển, Học viện đã đào tạo hơn 61.000 HV quân sự, hơn 5.300 sinh viên dân sự, hơn 1.500 thạc sĩ và 150 tiến sĩ; nhiều người trong số đó trở thành tướng lĩnh, cán bộ cao cấp.

Đội ngũ giảng viên cơ bản đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa, 100% đạt trình độ đại học trở lên, gần 80% có trình độ sau đại học, nhiều người có chức danh khoa học và chứng chỉ quốc tế. Với thành tích xuất sắc, Học viện đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng nhiều huân chương cao quý cùng các phần thưởng của Chính phủ, Bộ Quốc phòng và Bộ Giáo dục & Đào tạo.

** Trường Sĩ quan Chính trị*

Trường Sĩ quan Chính trị là trung tâm đào tạo cán bộ chính trị cấp phân đội và giáo KHXH&NV quân sự cho toàn quân. Trải qua gần 50 năm xây dựng và phát triển, nhà trường không ngừng mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo. Hiện nay, nhà trường đào tạo đa dạng đối tượng, bao gồm: sĩ quan cấp phân đội, giáo viên KHXH&NV quân sự, văn bằng 2, các lớp hoàn thiện đại học, chuyên loại chính trị, HV sĩ quan nước ngoài (Lào, Campuchia) và cao học các chuyên ngành KHXH&NV.

Mục tiêu đào tạo của nhà trường là đào tạo đội ngũ cán bộ chính trị cấp phân đội và giảng viên KHXH&NV có bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành tuyệt đối với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân; phẩm chất đạo đức, lối sống mẫu mực; có kiến thức toàn diện, chuyên sâu, kỹ năng lãnh đạo, giảng dạy, nghiên cứu và năng lực vận dụng vào thực tiễn.

Mỗi năm, nhà trường có khoảng hơn 1.000 HV tốt nghiệp, trong đó khoảng 600–700 HV sĩ quan cấp phân đội. Các HV cơ bản đáp ứng tốt nhiệm vụ được giao, nhiều người giữ vị trí quan trọng trong Đảng, Nhà nước và Quân đội. Đội ngũ giảng viên gồm trên 300 người, hơn 70% có trình độ sau đại học, được phân theo 3 nhóm ngành: KHXH&NV quân sự, khoa học quân sự và các ngành khác (ngoại ngữ, khoa học tự nhiên).

** Trường Sĩ quan Lục quân 1*

Trường Sĩ quan Lục quân 1 là trung tâm đào tạo sĩ quan chỉ huy tham mưu cấp phân đội có bề dày truyền thống, đảm nhiệm vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trải qua 80 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, nhà trường đã có những đóng góp to lớn trong phong trào cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Tính đến nay, nhà trường đã tổ chức đào tạo 92 khóa học viên, trong đó 88 khóa đã tốt nghiệp, cung cấp khoảng 10 vạn sĩ quan chỉ huy tham mưu cấp phân đội cho toàn quân.

Nhà trường thực hiện chương trình đào tạo sĩ quan lục quân trình độ cử nhân khoa học quân sự bậc đại học và cao đẳng với các chuyên ngành như: bộ binh, bộ binh cơ giới, trinh sát lục quân. Đồng thời, Trường còn đảm nhiệm đào tạo thạc sĩ cấp phân đội, đào tạo SQQĐ cho Quân đội nhân dân cách mạng Lào, và tổ chức các chương trình giáo dục quốc phòng – an ninh cho nhiều đối tượng. Mỗi năm, có hơn 1.000 HV tốt nghiệp, bổ sung đội ngũ cán bộ cho các đơn vị trong toàn quân.

Với phương châm *“Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”*, nhà trường không ngừng đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục – đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, sát với yêu cầu chiến đấu và thực tiễn đơn vị. Trọng tâm là tăng cường thời lượng thực hành, đặc biệt là các nội dung chuyên ngành và thực tế chức trách tại đơn vị. Nhờ đó, HV sau khi tốt nghiệp nhanh chóng thích ứng và hoàn thành tốt nhiệm vụ; nhiều người được tin tưởng giao đảm nhận các chức vụ quan trọng trong thời gian ngắn.

Đội ngũ CBGV của nhà trường được đào tạo chính quy trong và ngoài quân đội, có trình độ chuyên môn vững vàng và kinh nghiệm thực tiễn phong phú. Hằng năm, nhà trường tổ chức các lớp tập huấn, các đợt học tập, nghiên cứu thực tế tại đơn vị nhằm nâng cao năng lực sư phạm và kiến thức thực tiễn cho giảng viên. Hiện nay, 100% CBGV có trình độ đại học, trong đó khoảng 80% có trình độ sau đại học và 20% có học vị tiến sĩ trở lên.

2.2.1.2. Đặc điểm mẫu khảo sát

Nghiên cứu tiến hành khảo sát đối với 450 HV đào tạo SQQĐ và 325 cán bộ quản lý, giảng viên tại 03 nhà trường (Học viện Hậu Cần, Trường Sĩ quan Chính trị, Trường Sĩ quan Lục quân 1). Mỗi nhà trường chọn đại diện 150 HV thuộc các khóa học khác nhau và 108 CBGV đang trực tiếp quản lý, giảng dạy HV đào tạo SQQĐ (đối với Trường Sĩ quan chính trị chọn 109 CBGV). Về cách thức chọn mẫu tiến hành chọn mẫu theo phương pháp ngẫu nhiên thuận tiện

chọn đại diện ở các nhà trường và các khóa học, cơ quan, đơn vị ở các nhà trường. Cơ cấu mẫu khảo sát được thể hiện như sau:

Đối với HV: nhóm HV được lựa chọn khảo sát từ HV năm thứ nhất đến năm thứ tư, kết quả thu được như sau: HV năm thứ nhất chiếm 24,7%, HV năm thứ hai chiếm 25,2%, HV năm thứ ba chiếm 24,9%, HV năm thứ tư chiếm 25,2% [Phụ lục 1- Biểu đồ 1]. Về thành phần dân tộc của HV, có 80,4% HV thuộc dân tộc kinh còn các dân tộc khác chiếm 19,6%; số học viên đã được kết nạp đảng chiếm 42,7% [Phụ lục 1- Biểu đồ 2]. Về học tập có 9,0% số HV được khảo sát có kết quả học tập loại giỏi, 77,3% có kết quả học tập khá, 13,7% có kết quả học tập trung bình khá. Về rèn luyện, có 98,7% HV có kết quả rèn luyện tốt [Phụ lục 1- Biểu đồ 3]. Về chuyên ngành đào tạo, có 33,7% HV đang theo học chuyên ngành chính trị, 33,0% HV đang theo chỉ huy tham mưu và 33,7% HV đang theo học chuyên ngành hậu cần – kỹ thuật [Phụ lục 1- Biểu đồ 4]. Trong số HV được khảo sát có 33,7% HV có người thân là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, 22,9% số HV có người thân đang công tác trong lực lượng vũ trang [Phụ lục 1- Biểu đồ 5].

Đối với CBGV: Giảng viên các NTQĐ là những cán bộ, sĩ quan, công chức quốc phòng được đào tạo cơ bản theo nhiều chuyên ngành khác nhau từ các nhà trường trong và ngoài Quân đội. Đội ngũ CBGV các nhà trường phần lớn đã trải qua nhiều cương vị công tác khác nhau ở các đơn vị và các nhà trường, có kinh nghiệm trong công tác quản lý, giảng dạy, có kiến thức phong phú về các lĩnh vực kinh tế, chính trị, khoa học, kỹ thuật, quân sự. Được rèn luyện trong môi trường quân sự về phẩm chất, nhất là PCCT đáp ứng mục tiêu, yêu cầu xây dựng Quân đội và bảo vệ Tổ quốc. Cơ cấu đội ngũ CBGV được khảo sát như sau: Về quân hàm, có 8,5% số CBGV là sĩ quan cao cấp mang quân hàm thượng tá và đại tá; quân hàm trung tá chiếm 17,5%, thiếu tá chiếm 23,9%, còn lại cấp úy chiếm 49,8%. Số CBGV được đào tạo chuyên ngành chỉ huy, tham mưu chiếm 36,9%, chuyên ngành chính trị chiếm 38,5%, chuyên ngành Hậu cần – kỹ thuật chiếm 28,6% [Phụ lục 1- Biểu đồ 6]. Hơn 10% số CBGV được khảo sát giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc các đơn vị trong

NTQĐ (cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo thuộc quản lý của nhà trường chiếm 4,9%, cán bộ giữ chức vụ là chủ nhiệm/phó chủ nhiệm bộ môn chiếm 6,2%)[Phụ lục 1- Biểu đồ 8]. Hơn 50% CBGV được khảo sát có thâm niên công tác trong quân đội lâu năm (số cán bộ có thâm niên công tác trong quân đội từ 15 năm trở lên chiếm 50,1%) [Phụ lục 1- Biểu đồ 9]. Nhiều CBGV được khảo sát có trình độ Thạc sĩ trở lên (Thạc sĩ chiếm 39,4%, Tiến sĩ chiếm 4,9%), Tỷ lệ cán bộ có trình độ lý luận từ trung cấp trở lên chiếm tỷ lệ khá cao (trung cấp chiếm 43,1%, cao cấp chiếm 7.4%) [Phụ lục 1- Biểu đồ 7].

2.2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.2.1. Phương pháp luận

+ Luận án được thực hiện trên quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về giáo dục, xây dựng quân đội, xây dựng đội ngũ cán bộ quân đội trong tình hình mới.

+ Vận dụng các lý thuyết cơ bản của xã hội học như: Lý thuyết vai trò – vị thế xã hội, lý thuyết xã hội hoá để phân tích mối quan hệ giữa các cấu trúc tổ chức trong NTQĐ (giảng dạy, quản lý, tổ chức môi trường, các lực lượng sư phạm...) với các chức năng xã hội mà nó thực hiện nhằm định hình PCCT cho sĩ quan tương lai. Làm rõ quá trình tiếp nhận, hình thành và nội tại hóa các giá trị, chuẩn mực chính trị trong môi trường quân đội; qua đó lý giải vai trò của NTQĐ như một thiết chế xã hội hóa chính trị có tổ chức... Đồng thời làm rõ vai trò của các chủ thể trong NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ.

2.2.2.2. Phương pháp nghiên cứu

*** Phương pháp chung:**

Luận án sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu như: Phân tích và tổng hợp; thống kê, so sánh; lôgic, lịch sử...

*** Phương pháp nghiên cứu cụ thể:**

- Phương pháp nghiên cứu định tính

+ Phương pháp phân tích tài liệu: Phân tích thông tin từ những nghiên cứu về công tác giáo dục đào tạo, công tác công tác đảng, công tác chính trị, tại các NTQĐ

(Học viện Hậu cần, Trường Sĩ quan Chính trị, Trường sĩ quan Lục quân 1); các báo cáo về chất lượng chính trị của HV đào tạo sĩ quan ở các NTQĐ nhằm làm rõ vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ hiện nay.

+ Phương pháp phỏng vấn sâu: Phỏng vấn sâu 30 cán bộ, học viên của Học viện Hậu cần, Trường Sĩ quan chính trị, Trường Sĩ quan Lục quân 1 (phỏng vấn 12 cán bộ và 18 học viên) để làm rõ vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ hiện nay. Việc thực hiện các PVS đối với CBGV và HV các NTQĐ vừa bảo đảm tính đại diện, tính đa dạng của các chuyên ngành đào tạo, vừa phù hợp với nguồn lực và thời gian triển khai nghiên cứu. Bên cạnh đó số lượng PVS như vậy cũng cho phép so sánh, đối chiếu giữa các nhóm chủ thể nâng cao độ tin cậy và chiều sâu phân tích cho nghiên cứu.

- Phương pháp nghiên cứu định lượng

+ Nghiên cứu thực hiện khảo sát bằng bảng hỏi đối với CBGV và HV đào tạo sĩ quan tại các NTQĐ.

+ Về cách thức chọn mẫu: Hiện nay có 17 học viện, trường sĩ quan quân đội đang đào tạo học viên trở thành SQQĐ bao gồm: Học viện Hậu cần, Học viện Kỹ thuật Quân sự, Học viện Quân y, Học viện Khoa học Quân sự, Học viện Biên phòng, Học viện Phòng không – Không quân, Học viện Hải quân, Trường Sĩ quan Lục quân 1, Trường Sĩ quan Lục quân 2, Trường Sĩ quan Chính trị, Trường Sĩ quan Pháo binh, Trường Sĩ quan Công binh, Trường Sĩ quan Thông tin, Trường Sĩ quan Tăng thiết giáp, Trường Sĩ quan Phòng hóa, Trường Sĩ quan Đặc công, Trường Sĩ quan Không quân. Các học viện, trường sĩ quan quân đội thuộc 03 nhóm ngành chính gồm: 1) đào tạo sĩ quan chỉ huy tham mưu, 2) đào tạo sĩ quan chính trị, 3) đào tạo sĩ quan bảo đảm.

Để đảm bảo tính đại diện cho các nhóm ngành đào tạo, nghiên cứu thực hiện chọn mỗi nhóm ngành 01 nhà trường để nghiên cứu. Cụ thể nhóm ngành đào tạo sĩ quan bảo đảm chọn Học viện Hậu Cần, nhóm ngành đào tạo sĩ quan chính trị chọn Trường Sĩ quan chính trị, nhóm ngành đào

tạo sĩ quan chỉ huy tham mưu chọn trường Sĩ quan Lục quân 1. Mẫu được lấy theo công thức:

$$n = \frac{\varepsilon^2 \times N \times p \times (1 - p)}{(m^2 \times (N - 1)) + (\varepsilon^2 \times p \times (1 - p))}$$

Trong đó: n là cỡ mẫu cần lấy; N là dung lượng của tổng thể; ε là hệ số tin cậy ứng với mức tin cậy r định trước ($\varepsilon = 95\%$; p tỷ lệ cần ước lượng (giả định $p=0,5$); m là phạm vi sai số ước lượng (sai số không vượt quá 5%)

Theo thống kê của 03 nhà trường, số lượng HV đào tạo SQQĐ khoảng 20.000 HV dựa theo công thức tính mẫu, số mẫu tính được là 377 đơn vị mẫu, tuy nhiên để tăng độ tin cậy của thông tin, nghiên cứu tiến hành khảo sát đối với 450 HV thuộc 03 nhà trường đã được chọn đại diện, mỗi nhà trường khảo sát đối với 150 HV từ năm thứ nhất đến năm thứ tư, mẫu được chia đều theo cơ cấu HV của các năm học (từ năm thứ nhất đến năm thứ tư mỗi đối tượng năm học chọn 25% số lượng mẫu). Sau khi chia số lượng mẫu theo cơ cấu mẫu đối tượng HV của các năm học, mẫu được chọn theo phương pháp ngẫu nhiên đơn giản thuận tiện theo số lượng đã phân bổ. Cụ thể như sau:

Trường Đối tượng	Học viện Hậu Cần (Đại diện chuyên ngành Hậu Cần - kỹ thuật)	Trường Sĩ quan Lục quân 1 (đại diện chuyên ngành Chỉ huy – Tham mưu)	Trường Sĩ quan Chính trị (Đại diện chuyên ngành Chính trị)
Năm thứ nhất	37	38	37
Năm thứ hai	37	38	37
Năm thứ ba	38	37	38
Năm thứ tư	38	37	38

Đối với CBGV: căn cứ vào số lượng thực tế ở từng nhà trường cho thấy: Học viện Hậu cần có khoảng 635 CBGV, Trường Sĩ quan Lục quân 1 có 720

CBGV và Trường Sĩ quan Chính trị khoảng 650 CBGV, số lượng tương đối cân đối. Theo công thức xác định dung lượng mẫu, số mẫu khảo sát đối với CBGV được tính là 322 và nghiên cứu đã tiến hành khảo sát thực tế 325 trường hợp tại 03 nhà trường. Cách chọn mẫu dựa trên cơ cấu của các NTQĐ, trong đó đội ngũ CBGV bao gồm ba nhóm: cán bộ quản lý đơn vị (hệ/tiểu đoàn), cán bộ các cơ quan và giảng viên các khoa giáo viên. Số lượng mẫu được phân bổ tương đối đồng đều: Học viện Hậu cần và Trường Sĩ quan Lục quân 1, mỗi trường 108 mẫu; Trường Sĩ quan Chính trị 109 mẫu, đảm bảo phản ánh đầy đủ ba nhóm đối tượng CBGV trong các nhà trường.

Trường Đối tượng	Học viện Hậu Cần (Đại diện chuyên ngành Hậu Cần - kỹ thuật)	Trường Sĩ quan Lục quân 1 (Đại diện chuyên ngành Chỉ huy – Tham mưu)	Trường Sĩ quan Chính trị (Đại diện chuyên ngành Chính trị)
Giảng viên	36	36	37
Cán bộ quản lý	36	36	36
Cán bộ cơ quan	36	36	36

- Quy trình thu thập và phân tích thông tin

Quá trình thu thập dữ liệu được thực hiện theo bốn bước.

Bước 1, xây dựng và thử nghiệm bảng hỏi tại Trường Sĩ quan Chính trị để hoàn thiện công cụ khảo sát.

Bước 2, khảo sát chính thức được triển khai tại ba nhà trường. Các bảng hỏi được phát trực tiếp tại đơn vị quản lý học viên và các cơ quan, khoa giáo viên nhằm bảo đảm tỷ lệ thu hồi cao. Quá trình thu thập thông tin, nghiên cứu sinh giải thích rõ mục đích và nguyên tắc ẩn danh để tăng tính trung thực của câu trả lời.

Bước 2, Làm sạch dữ liệu: toàn bộ các phiếu khảo sát được kiểm tra và làm sạch dữ liệu, Quá trình làm sạch có 05 phiếu khảo sát dành cho học viên

không hợp lệ được loại bỏ (không có thông tin). Các dữ liệu được mã hóa và nhập liệu vào phần mềm SPSS 26.0.

Bước 4, dữ liệu định tính từ phỏng vấn sâu được được tổng hợp theo các nội dung đánh giá làm cơ sở minh chứng cho các nhận định, đánh giá.

- Phương pháp xử lý thông tin

Số liệu của cuộc điều tra được phân tích, xử lý bằng chương trình SPSS 26.0 trên máy vi tính và được phân tích tần suất, so sánh, kiểm định, phân tích tương quan Pearson/Spearman và hồi quy tuyến tính để kiểm chứng các giả thuyết.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 của Luận án đã tập trung làm rõ cơ sở lý luận về vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ. Nội dung chương tập trung là rõ nội hàm các khái niệm có liên quan và đi sâu phân tích khái niệm vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ. Chỉ ra vai trò của NTQĐ được thể hiện ở nhiều khía cạnh khác nhau, trong đó quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ, NTQĐ có các vai trò cơ bản gồm: 1) Giáo dục lý luận chính trị; 2) Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện PCCT; 3) xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự. Luận án sử dụng 02 lý thuyết xã hội học gồm lý thuyết lý thuyết vai trò – vị thế xã hội và xã hội hoá và vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng và pháp luật của nhà nước Việt Nam về xây dựng quân đội, đặc biệt là yêu cầu xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị để làm rõ vai trò của NTQĐ trong giáo dục, rèn luyện PCCT cho HV đào tạo SQQĐ, đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ, SQQĐ trong tình hình mới. Luận án cũng tập trung khái quát địa bàn và phương pháp nghiên cứu, trong đó tập trung làm rõ phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp định lượng sử dụng trong luận án.

Chương 3

THỰC TRẠNG VAI TRÒ CỦA NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI TRONG QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHẨM CHẤT CHÍNH TRỊ CỦA HỌC VIÊN ĐÀO TẠO SĨ QUAN QUÂN ĐỘI

3.1. THỰC TRẠNG VAI TRÒ GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHẨM CHẤT CHÍNH TRỊ CỦA HỌC VIÊN ĐÀO TẠO SĨ QUAN QUÂN ĐỘI

3.1.1. Những kết quả đạt được

Giáo dục lý luận chính trị (LLCT) là quá trình trang bị cho người học những tri thức cơ bản và hệ thống về thế giới quan, phương pháp luận, tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân, đồng thời hình thành niềm tin, thái độ và hành vi chính trị đúng đắn. Giáo dục lý luận chính trị bao gồm các nội dung cơ bản và hệ thống nhằm trang bị cho HV thế giới quan khoa học, phương pháp luận đúng đắn và PCCT vững vàng. Trong đó tập trung vào các nội dung như: giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và những vấn đề thời sự chính trị – quốc tế, rèn luyện đạo đức cách mạng, ý thức chính trị và trách nhiệm công dân, xây dựng phẩm chất người quân nhân, tính tổ chức, tính kỷ luật, đảm bảo sẵn sàng hoàn thành nhiệm vụ được giao ...

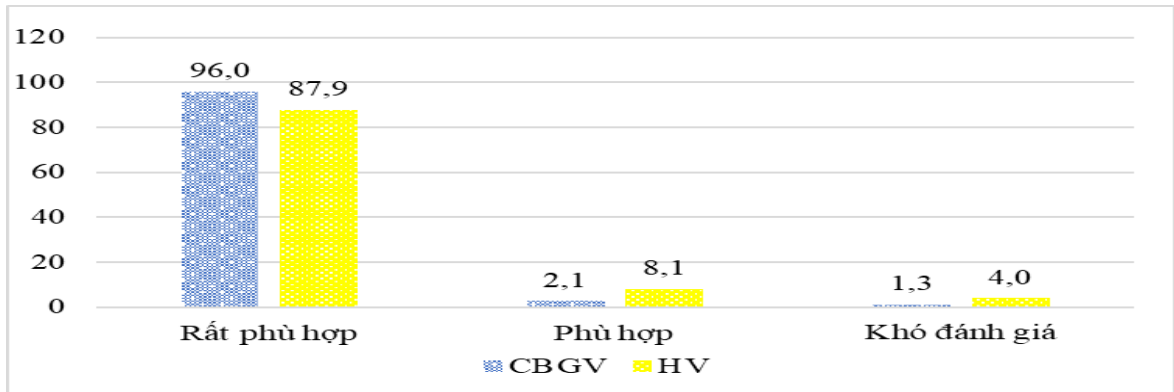
Ở các NTQĐ, nội dung giáo dục LLCT được lồng ghép ở nhiều môn học trong chương trình đào tạo như: Mác – Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Các môn học lịch sử, đường lối của Đảng; Môn học Công tác đảng, công tác chính trị; Các môn khoa học xã hội và nhân văn khác (tâm lý học xã hội học,...); Các môn học quân sự (chiến thuật, bắn súng, quân sự chung...) và các môn học khác. Một giảng viên chia sẻ: *“Theo tôi các nội dung giáo dục LLCT được thể hiện trong nhiều môn học, trong đó nhiều nhất là các môn Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, lịch sử Đảng Cộng sản Việt*

Nam và các môn công tác đảng, công tác chính trị” (PVS, Nam 41 tuổi, giảng viên Trường Sĩ quan Lục quân 1).

Qua nghiên cứu chương trình đào tạo của các nhà trường cho thấy, thời lượng dành cho giáo dục LLCT ở các nhà trường chiếm tỷ lệ khá lớn trong chương trình đào tạo. Cụ thể: Trong thời gian đào tạo 4 năm, HV Trường Sĩ quan Chính trị phải học tập 5000 tiết (46 học phần), trong đó số tiết liên quan tới các môn giáo dục lý luận chính trị là 3850 tiết (27 học phần). Tại trường Sĩ quan Lục quân 1 dành 506 tiết (14 học phần). Học viện Hậu cần thời gian dành cho các nội dung giáo dục LCCT là 1100 tiết (14 học phần và 22 tín chỉ). Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy: *“Ở nhà trường, các nội dung DGLLCT được thực hiện ở nhiều môn học, trong đó tập trung và các môn lý luận như: Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng, CTĐ, CTCT và một số môn KHXH&NV khác. Các môn học liên quan tới huấn luyện quân sự và khọc cơ bản cũng có chứa các nội dung này, nhưng theo tôi không nhiều và thể hiện không rõ nét như các môn thuộc KHXH&NV”* (PVS: Nam, 47 tuổi, Giảng viên Học viện Hậu Cần). *“Các nội dung liên quan tới GDLLCT chúng em được học ở nhiều môn như Triết học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng, CTĐ, CTĐ còn trong các môn quân sự như chiến thuật, điều lệnh, bắn súng thì rất ít”*. (PVS: Nam, 21 tuổi, HV năm thứ hai, Trường Sĩ quan Lục Quân 1)

Việc xây dựng, bố trí các nội dung giáo dục LLCT hợp lý trong chương trình đào tạo góp phần tích cực vào nâng cao chất lượng GDLLCT của các NTQĐ nói chung và giáo dục PCCT cho HV nói riêng. Trong thời gian qua, các NTQĐ đã tích cực nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện và bổ sung nội dung chương trình đào tạo. Theo đó các nội dung GDLLCT ở các NTQĐ được thiết kế và bố trí khoa học, chặt chẽ hơn, kết hợp giữa giáo dục lý luận với các hoạt động thực tiễn giúp HV nắm vững lý luận chính trị từ đó có nhận thức và hành động chính trị đúng đắn.

Đơn vị: %



Biểu đồ 3.1. Tỷ lệ CBGV, HV đánh giá mức độ phù hợp của việc bố trí các nội dung GDLLCT cho HV trong chương trình đào tạo

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Biểu đồ 3.1 cho thấy, đa phần CBGV và HV đều đánh giá nội dung giáo dục LLCT được bố trí trong chương trình đào tạo là phù hợp với tỷ lệ người đồng tình khá cao. Điều đó cho thấy chương trình đào tạo ở các NTQDD đã được xây dựng một cách khoa học, bám sát mục tiêu và đối tượng đào tạo.

Trong giáo dục nói chung và giáo dục LLCT nói riêng, chất lượng các bài giảng và phương pháp giảng dạy của giảng viên đóng vai trò quan trọng quyết định chất lượng của hoạt động này. Kết quả nghiên cứu cho thấy chất lượng các bài giảng của giảng viên đều có chất lượng khá tốt, các bài giảng đều đảm bảo tốt về tri thức khoa học, tính định hướng chính trị xã hội, tính đấu tranh phê phán các quan điểm sai trái, tính thực tiễn... Kết quả khảo sát chỉ ra có hơn 90% số người được khảo sát đánh giá những nội dung này trong bài giảng của giảng viên ở mức độ tốt [Phụ lục 1 – bảng 1]. Điều đó cho thấy đội ngũ giảng viên và các NTQĐ đã quan tâm tới hoạt động giáo dục LLCT, chú trọng đầu tư nâng cao chất lượng giảng dạy LLCT qua đó góp phần nâng cao bản lĩnh, PCCT cho HV. Về phương pháp giảng dạy, đội ngũ giảng viên đã sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học tích cực, kết hợp giữa thuyết trình, giảng giải với các phương pháp dạy học hiện đại, phát huy tính tích cực của người học trong quá trình dạy học,

phát huy tốt hiệu quả của các phương tiện dạy học trong quá trình giảng dạy. *“Đội ngũ giảng viên sử dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy, kết hợp giữa thuyết trình, giảng giải, phân tích, nêu vấn đề, phát vấn qua đó giúp chúng em hiểu và nắm chắc nội dung hơn. Đồng thời chúng em cũng giải pháp được ngay những thắc mắc trong quá trình học tập”*. (Nam, 21 tuổi, HV năm thứ ba, Trường Sĩ quan Chính trị)

Kết quả khảo sát về phương pháp giảng dạy của giảng viên có 93,8% số CBGV và 83,8% HV đánh giá phương pháp của giảng viên ở mức độ tốt [Phụ lục 1 – bảng 1]. Đây là những minh chứng cho thấy sự phù hợp giữa phương pháp giảng dạy và đặc điểm người học, đồng thời phản ánh nỗ lực của giảng viên trong việc đổi mới, vận dụng linh hoạt phương pháp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục PCCT cho HV sĩ quan.

Các môn học lý luận trong chương trình đào tạo đã có những đóng góp quan trọng trong việc trang bị tri thức, định hướng tư tưởng, xây dựng bản lĩnh chính trị cho HV, qua đó hình thành những PCCT cơ bản của người SQQĐ cho HV như: lòng trung thành, tinh thần sẵn sàng chiến đấu hy sinh, sẵn sàng nhận nhiệm vụ, tính tổ chức, tính kỷ luật... Đây là những đặc trưng cơ bản của PCCT đã được các NTQĐ tập trung lồng ghép trong các môn học LLCT. Qua khảo sát cho thấy: phần lớn CBGV và HV đều đánh giá các môn học đều chứa các nội dung giáo dục về PCCT, nhất là các môn giáo dục LLCT. Cụ thể: Ở ba nhóm môn học lý luận chính trị cốt lõi gồm: các môn Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, và Lịch sử, đường lối của Đảng nhận được sự đánh giá cao của CBGV và HV với 100% số người trả lời cho rằng các môn học này đều chứa các nội dung giáo dục PCCT ở mức “nhiều” và “rất nhiều” (trong đó tỷ lệ đánh giá “rất nhiều” dao động từ khoảng 50% đến 65%). Tiếp theo là môn CTĐ, CTCC, các môn khoa học xã hội và nhân văn khác cũng được ghi nhận có đóng góp tích cực, với khoảng 80–85% đánh giá ở mức “rất nhiều” và “nhiều” và cuối cùng là các môn khoa học quân sự và các môn khoa học khác [Phụ lục 1 – bảng 2]. Qua tìm hiểu

ở đội ngũ CBGV được biết: *“Các nội dung giáo dục liên quan tới PCCT có nhiều trong các môn học, trong đó nhiều hơn là các môn lý luận chính trị như Triết học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, các môn công tác đảng, công tác chính trị, các môn học khác cũng có nhưng mức độ không nhiều như các môn lý luận”* (PVS, Nam, 41 tuổi, Giảng viên Trường Sĩ quan Lục quân 1)

Kết quả trên là minh chứng cho thấy trong giáo dục PCCT cho HV, các môn LLCT chứa đựng khá lớn các nội dung này. Chính vì vậy mà trong chương trình đào tạo của các NTQĐ, thời lượng dành cho các môn giáo dục LLCT được bố trí khá nhiều.

Bên cạnh các hoạt động giáo dục chính khóa, các hoạt động bổ trợ giáo dục cũng được các nhà trường duy trì nghiêm túc, thường xuyên và chặt chẽ. Giáo dục chính trị là hoạt động quan trọng được thực hiện thường xuyên ở các NTQĐ. Thông qua các hoạt động giáo dục chính trị góp phần bồi dưỡng sâu sắc ý thức trách nhiệm chính trị, lòng yêu nước, tinh thần cảnh giác cách mạng, đồng thời rèn luyện bản lĩnh, lập trường kiên định trước mọi tác động tiêu cực. Từ đó giúp HV phát triển toàn diện cả về nhận thức, tư tưởng, đạo đức và tác phong, đảm bảo phẩm chất "Bộ đội Cụ Hồ"... qua đó góp phần nâng cao trình độ lý luận chính trị của HV. Hàng năm, các NTQĐ căn cứ vào kế hoạch, hướng dẫn, nội dung giáo dục chính trị của Tổng Cục Chính trị, các nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục chính trị hàng năm cho các đối tượng trong nhà trường, trong có đó HV. Nội dung giáo dục tập trung giáo dục, quán triệt các chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Quân ủy Trung ương, Tổng Cục chính trị, giáo dục lịch sử, truyền thống dân tộc; xây dựng động cơ trách nhiệm, tinh thần đoàn kết khắc phục khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ; thống nhất nhận thức, tư tưởng trước những vấn đề quốc tế và tình hình chính trị - xã hội trong nước...Kết thúc mỗi năm, các nhà trường đều tổ chức kiểm tra nhận thức chính trị của các đối tượng. Qua kiểm tra nhận thức chính trị năm 2024: Trường Sĩ quan Chính trị có 100% đạt yêu cầu,

trong đó 93,6% đạt khá, giỏi [92, tr2]. Học viện Hậu Cần 100% đạt yêu cầu, trong đó 94,65% khá, giỏi [27, tr.2]

Các hoạt động sau bài giảng như; trao đổi, thảo luận, tọa đàm, trao đổi, tham quan nhằm củng cố vững chắc hơn kiến thức lý luận cho HV, đồng thời giúp HV vận dụng tri thức lý luận với thực tiễn thông cũng được các nhà trường duy trì nghiêm túc, chặt chẽ. Ở các môn học, nhất là các môn lý luận thường được các nhà trường thiết kế các nội dung xemina, tham quan, thực tế. Các hoạt động nghiên cứu khoa học được các nhà trường tổ chức hàng năm. Hoạt động thực tập, thực tế được xây dựng theo chương trình đào tạo và yêu cầu của các môn học. Thông qua các hoạt động này góp phần củng cố tri thức lý luận chính trị, qua đó giúp HV củng cố và hoàn thiện hơn về PCCT. Qua trao đổi với cán bộ quản lý học viên về việc tổ chức các hoạt động hỗ trợ giáo dục và mức độ đóng góp của các hoạt động này trong quá trình hình thành PCCT của HV cho thấy: “*Ở nhà trường các hoạt động hỗ trợ được tổ chức thường xuyên, đa dạng, gắn chặt với mục tiêu giáo dục. Các hoạt động này góp phần trực tiếp rèn luyện bản lĩnh chính trị và phẩm chất nghề nghiệp cho học viên. Trong đó, hoạt động giáo dục chính trị có vai trò nổi bật nhất vì hoạt động này giúp hình thành lập trường, niềm tin và lý tưởng cách mạng*”. (PVS: Nam, 34 tuổi, cán bộ quản lý, Học viện Hậu Cần)

Kết quả khảo sát mức độ đóng góp của các hoạt động hỗ trợ vào quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ cho thấy các hoạt động hỗ trợ đều tham gia vào quá trình hình thành PCCT của HV, trong đó hoạt động giáo dục chính trị được đánh giá cao nhất, với 89,3% CBGV và 89,2% HV cho rằng hoạt động này “góp phần rất nhiều” vào giáo dục LLCT. Tiếp đến là các hoạt động thực tập, thực tế với 72% CBGV và 71,7% HV đánh giá ở mức “rất nhiều”. Các hoạt động sau bài giảng và hoạt động ngoại khóa, tham quan cũng nhận được đánh giá tích cực, đa số ở mức “rất nhiều” và “nhiều”, tỷ lệ “trung bình” rất thấp và không có đánh

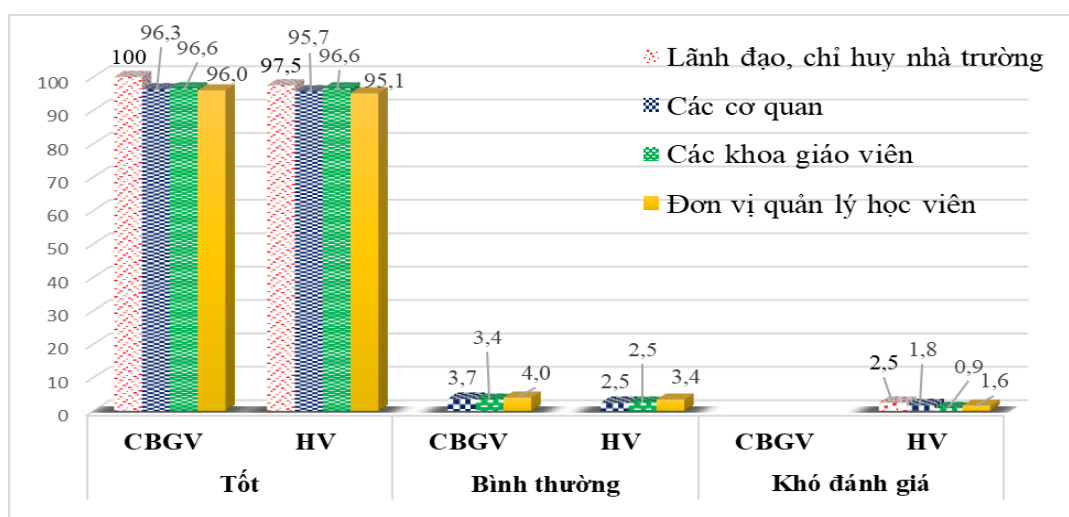
giá nào ở mức “ít” hoặc “không góp phần”. Đáng chú ý, hoạt động nghiên cứu khoa học được hơn một nửa số người khảo sát đánh giá là “rất nhiều” và khoảng 38–39% đánh giá là “nhiều”, tuy nhiên có khoảng 7% đánh giá ở mức “trung bình”. Riêng nhóm “hoạt động khác” nhận được tỷ lệ đánh giá “trung bình” cao hơn (24–25%), thậm chí có 1,8% HV đánh giá là “không góp phần” [Phụ lục 1 – bảng 3].

Quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục, các lực lượng trong NTQĐ đã phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của mình trong xây dựng nội dung chương trình và tổ chức hoạt động dạy học. Các NTQĐ đã chú trọng kết hợp giữa giáo dục lý thuyết với giáo dục thực thành, tăng cường các hoạt động bồi dưỡng tư tưởng chính trị và đạo đức. Đội ngũ giảng viên, cán bộ giáo dục không ngừng nâng cao chất lượng giảng dạy, khuyến khích HV phát huy tính tự giác và sáng tạo, từ đó củng cố PCCT toàn diện cho HV. Theo kết quả tổng kết năm học của Cục Nhà trường, trong năm học 2024 – 2025 các NTQĐ trong toàn quân đã xây dựng, bổ sung 745 chương trình đào tạo, trong đó xây dựng mới 371 chương trình, chỉnh sửa 374 chương trình [11]. Qua nghiên cứu báo cáo tổng kết các năm học của các NTQĐ cho thấy, các lực lượng trong các NTQĐ đã đề cao trách nhiệm tổ chức và thực hiện các hoạt động dạy học, kịp thời điều chỉnh bổ sung, đổi mới quy trình, chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. “Quản lý, điều hành, đánh giá chặt chẽ các hoạt động dạy – học, kịp thời điều chỉnh kế hoạch, lịch huấn luyện đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Hoàn thành việc nghiên cứu, xây dựng chương trình khung đào tạo 4 năm theo đề án “Đổi mới quy trình, chương trình đào tạo cán bộ các cấp trong Quân đội đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới” [88, tr.1].

Kết quả khảo sát trách nhiệm của các lực lượng trong giáo dục LLCT cho HV cho thấy phần lớn những người được khảo sát đều đánh giá cao trách nhiệm của các lực lượng trong tổ chức giáo dục thực hiện các nội

dung PCCT cho HV trong chương trình đào tạo. Cụ thể: Đánh giá ở mức độ “tốt” đối với Lãnh đạo, chỉ huy nhà trường có 100% số CBGV và 97,3% HV tham gia trả lời đánh giá; đối với các cơ quan chức năng có 93,7% CBGV và 95,7% HV; tỷ lệ đánh giá của các đối tượng ở mức độ này đối với CBGV các khoa giáo viên lần lượt là 98,0% và 96,0%; đối với đội ngũ cán bộ quản lý học viên là 96,7% và 95,1% (Biểu đồ 3.2). Điều đó cho thấy các lực lượng trong nhà trường đã phát huy tốt trách nhiệm của mình trong thực hiện các nội dung giáo dục PCCT cho HV trong chương trình đào tạo.

Đơn vị: %



Biểu đồ 3.2. Tỷ lệ CBGV và HV đánh giá trách nhiệm của các hoạt lực lượng trong thực hiện các nội dung GDLLCT trong chương trình đào tạo

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Từ tiếp cận của lý thuyết vai trò – vị thế, kết quả thực trạng cho thấy giảng viên và học viên đã thực hiện tương đối phù hợp kỳ vọng vai trò trong môi trường quân sự. Giảng viên đảm nhận tốt vai trò truyền thụ tri thức chính trị, định hướng tư tưởng và nêu gương; còn học viên thể hiện sự phù hợp giữa kỳ vọng vai trò và hành vi tiếp nhận, nội hóa tri thức LLCT. Mức độ đánh giá cao của cả CBGV và HV về nội dung, phương pháp và tổ chức hoạt động LLCT phản ánh sự phù hợp giữa “vị thế – vai trò” và hiệu quả hình thành PCCT.

Dưới góc nhìn lý thuyết xã hội hóa, các hoạt động giáo dục LLCT ở NTQĐ là chuỗi tác động xã hội hóa đặc thù, giúp học viên nội hóa hệ giá trị chính trị – quân sự thông qua học tập lý thuyết, dự giờ chính trị, thảo luận, thực tế và ngoại khóa. Các tương tác này tạo nên “xã hội hóa thứ cấp” đặc trưng của môi trường quân sự, qua đó hình thành bản lĩnh, niềm tin và chuẩn mực chính trị của người sĩ quan tương lai.

Như vậy, có thể thấy các NTQĐ đã thực hiện tốt vai trò giáo dục LLCT. Việc thực hiện tốt vai trò này đã góp phần quan trọng trong quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ. Thông qua các hoạt động này, đặc biệt là hoạt động giảng dạy các môn học lý luận chính trị trong chương trình đào tạo đã góp phần bồi đắp lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, Tổ quốc và nhân dân; hun đúc tinh thần sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; rèn luyện ý thức trách nhiệm, sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ; xây dựng tư cách đạo đức, lối sống giản dị, tình đồng chí – đồng đội và rèn luyện tác phong mẫu mực, tính tổ chức, tính kỷ luật nghiêm minh. Đây là nền tảng quan trọng giúp HV hình thành và phát triển PCCT của người SQQĐ.

3.1.2. Những hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động giáo dục LLCT trong chương trình đào tạo ở các NTQĐ vẫn tồn tại một số hạn chế, như nhận thức, trách nhiệm của một số CBGV trong thực hiện kế hoạch, nội dung, chương trình đào tạo chưa thực sự tốt; nội dung, hình thức giáo dục chưa phong phú, đa dạng; phương pháp giáo dục có thời điểm chưa thực sự phù hợp với đối tượng và nội dung môn học, học phần. Báo cáo tổng kết của các nhà trường chỉ ra: “Giám sát, điều hành hoạt động dạy, học có thời điểm chưa chặt chẽ. Đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy chưa thực sự quyết liệt; chất lượng một số bài giảng chưa cao. Còn giảng viên phát ngôn thiếu tính định hướng tư tưởng, xu hướng nghề nghiệp cho HV... [97, tr.6]. Kết quả khảo sát cho thấy còn 8,0% số cán bộ giảng viên và 8,1% số HV được khảo sát đồng tình với hạn chế này (bảng 3.1).

**Bảng 3.1. Tỷ lệ CBGV và HV đánh giá hạn chế trong thực hiện
vai trò giáo dục lý luận chính trị của NTQĐ**

Đơn vị: %

TT	Hạn chế	Đối tượng	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến	Đồng ý một phần	Hoàn toàn đồng ý
1	Một bộ phận CBGV, HV chưa thật sự nhận thức rõ ràng về vai trò của PCCT	CBGV	32,0	60,0	0	8,0	0
		HV	28.5	63.1	0	8.1	0
2	Việc lồng ghép nội dung giáo dục PCCT vào các môn học, hoạt động thực tiễn còn mang tính hình thức, thiếu chiều sâu và chưa thực sự gắn với thực tiễn chiến đấu, huấn luyện	CBGV	50,2	42,2	0	7,7	0
		HV	50.8	41.8	0	7.4	0
3	Một số nội dung chưa theo kịp yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới	CBGV	36,6	55,1	0	8,3	0
		HV	33.9	58.7	0	7.4	0
4	Tính thực tiễn chính trị trong các bài giảng chưa cao	CBGV	26,8	66,2	0	7,1	0
		HV	23.8	68.8	0	7.4	0
5	Phương pháp giáo dục còn đơn điệu	CBGV	25,8	66,2	0	8,0	0
		HV	23.8	68.1	0	8.1	0

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Chất lượng một số bài giảng chưa thực sự tốt, một số bài giảng vẫn thiên về truyền đạt lý thuyết thuần túy, thiếu các tình huống thực hành gắn với bối

cảnh chính trị, quân sự cụ thể, dẫn đến việc HV tiếp thu kiến thức một cách thụ động, thiếu khả năng vận dụng vào thực tiễn công tác sau này. Bên cạnh đó, tính định hướng đấu tranh, phê phán, phán bác quan điểm sai trái, thù địch trong từng bài giảng của giảng viên có thời điểm chưa cao. Phương pháp giảng dạy chưa linh hoạt, chưa tạo được sự tương tác hai chiều, khiến quá trình giáo dục chính trị trở nên khô khan và giảm tính hấp dẫn. “Chất lượng bài giảng, duy trì ôn luyện, luyện tập của số ít khoa, hệ, tiểu đoàn còn hạn chế” [19, tr.7]. “Chất lượng một số bài giảng, ngân hàng đề thi, đáp án môn học chưa cao” [28, tr.13]. Qua trao đổi một giảng viên chia sẻ: *“Theo tôi việc gắn kết giữa lý luận với thực tiễn ở một số giảng viên trong quá trình giảng dạy còn hạn chế, nhất là những giảng viên trẻ kinh nghiệm thực tiễn chưa nhiều”* (PVS Nam. 40 tuổi, Giảng viên Trường Sĩ quan Chính trị).

Kết quả khảo sát cho thấy còn 1,8% đến 8,1% số người được khảo sát đánh giá chất lượng bài giảng của giảng viên ở mức độ bình thường; còn 0,9% đến 2,0% số người đánh giá tính đấu tranh, phê phán, tính thực tiễn của bài giảng chưa tốt; ngoài ra còn 1,5% đến 6,1% số người còn băn khoăn (khó đánh giá) chất lượng các bài giảng [Phụ lục 1- bảng 1]. Điều đó cho thấy trong thời gian tới đội ngũ CBGV làm tham gia giảng dạy các môn lý luận chính trị cần tăng cường tính thực tiễn, tính định hướng đấu tranh để nâng cao chất lượng bài giảng

Về phương pháp giảng dạy của giảng viên, tuy phần lớn được đánh giá ở mức độ tốt, song vẫn còn tồn tại những hạn chế đáng lưu ý cần được quan tâm khắc phục. Một số giảng viên vẫn thiên về lối thuyết trình truyền thống, thiếu sự đổi mới trong cách tiếp cận bài giảng. Việc sử dụng các phương pháp dạy học tích cực như thảo luận nhóm, giải quyết tình huống, mô phỏng, đóng vai... còn hạn chế, dẫn tới sự đơn điệu, thụ động trong tiếp nhận tri thức của HV. Điều này phản ánh ở mức độ đánh giá từ HV: theo số liệu khảo sát, còn 2,0% số HV đánh giá phương pháp giảng dạy chỉ ở mức bình thường, 0,9% CBGV cũng đồng quan điểm. Bên cạnh đó, còn có từ 2,8% đến 10,1% số người

được hỏi cho biết khó đánh giá phương pháp giảng dạy, cho thấy sự thiếu ấn tượng, chưa để lại dấu ấn rõ nét trong quá trình giảng dạy [Phụ lục 1 – bảng 1].

Một số đơn vị chưa khai thác triệt để các phương tiện công nghệ thông tin như bài giảng điện tử, mô hình trực quan, phần mềm hỗ trợ tương tác dẫn đến nội dung bài giảng thiếu sức hấp dẫn, không kích thích được sự chủ động, sáng tạo của HV. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh giáo dục hiện đại, khi yêu cầu đào tạo đội ngũ sĩ quan không chỉ dừng lại ở việc tiếp nhận lý luận, mà còn phải phát triển tư duy phản biện, kỹ năng xử lý tình huống thực tiễn và khả năng lãnh đạo. Kết quả phỏng vấn sâu ở một số nhà trường cho thấy: *“Trong một số môn học lý luận chính trị, giảng viên vẫn sử dụng hình thức giảng bài theo lối thuyết trình là chính, ít khi sử dụng các công cụ trình chiếu, video minh họa hay phần mềm hỗ trợ tương tác. Những giờ học như vậy thường thiếu sinh động, khiến chúng em khó tiếp cận kiến thức một cách sâu sắc”* (PVS Nam, 21 tuổi, HV năm thứ hai, Trường Sĩ quan Lục quân 1). *“Tôi nhận thấy việc áp dụng công nghệ như phần mềm mô phỏng, bản đồ tư duy... sẽ giúp bài học sinh động hơn. Tuy nhiên, không phải ai cũng được tập huấn bài bản về công nghệ, mà nhiều đồng chí vẫn quen với lối dạy truyền thống”* (PVS Nam, 38 tuổi, Giảng viên Học viện Hậu Cần).

Hiệu quả tổ chức các hoạt động ngoại khóa ở một số đơn vị, nhà trường có thời điểm hiệu quả chưa cao, chưa tạo được sự gắn kết chặt chẽ giữa lý luận với thực tiễn. Một số hoạt động chưa bám sát với chương trình đào tạo chính khóa, dẫn tới nội dung ngoại khóa chưa bám sát hoặc chưa khai thác hết các chủ đề lý luận chính trị đã học. Nhiều hoạt động mang tính phong trào, thiên về hình thức biểu diễn hoặc tuyên truyền đơn thuần, thiếu khâu tổ chức trải nghiệm, thực hành tình huống cụ thể để HV rèn luyện năng lực vận dụng tri thức vào xử lý nhiệm vụ thực tế. Cách thức tổ chức các hoạt động ở một số đơn vị chưa thật sự khoa học dẫn đến hiệu quả của các hoạt động bổ trợ, ngoại khóa chưa cao... *“Tổ chức hoạt động học tập, ngoại khóa cho HV của một số cán bộ quản lý có thời điểm chưa khoa học, hiệu quả thấp”* [94, tr.6].

Những hạn chế trong phương pháp giảng dạy không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng tiếp thu tri thức của HV, mà còn gián tiếp ảnh hưởng đến hiệu quả

giáo dục PCCT cho HV ở các NTQĐ hiện nay. Những hạn chế trên do nhiều nguyên nhân khác nhau bao gồm cả khách quan và chủ quan tạo nên. Trong đó có các nguyên nhân cơ bản sau:

Một bộ phận CBGV nhận thức về vị trí, vai trò của giáo dục PCCT trách nhiệm thực hiện của một số cơ quan, đơn vị có thời điểm chưa cao; một số giảng viên vẫn coi đây là nội dung phụ trợ, chưa gắn kết chặt chẽ với giảng dạy chuyên ngành dẫn tới một số giảng viên còn tư duy đơn giản, chưa chú trọng tới lồng ghép các nội dung giáo dục PCCT trong các môn học. Báo cáo tổng kết năm học 2023-2024 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2024-2025 chỉ ra: “nhận thức, trách nhiệm của một số CBGV về nhiệm vụ GD-ĐT chưa đầy đủ; một số nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục ở nhà trường chưa thực sự mẫu mực, trách nhiệm chưa cao...” [55, tr.11]. Kết quả khảo sát cho thấy còn từ 2,0% đến 3,3% số CBGV và HV cho rằng trách nhiệm của một số chủ thể còn ở mức độ bình thường. Một số người trả lời còn tỏ ra khó đánh giá về trách nhiệm của các lực lượng trong hoạt động này (Biểu đồ 3,3). Kết quả trên cho thấy, mặc dù phần lớn các lực lượng trong NTQĐ đã phát huy tốt trách nhiệm của mình trong giáo dục PCCT cho HV trong chương trình đào tạo, tuy nhiên còn một số bộ phận chưa hài lòng với trách nhiệm của một số lực lượng. Điều đó cho thấy, trong thời gian tới cần tiếp tục tăng cường hơn nữa trách nhiệm của các lực lượng ở các NTQĐ trong giáo dục PCCT cho HV.

Năng lực sư phạm của đội ngũ CBGV chưa đồng đều, một bộ phận giảng viên thiếu kỹ năng thiết kế bài giảng tích hợp, chưa làm chủ các phương pháp dạy học tích cực như thảo luận nhóm, mô phỏng tình huống, giáo dục qua trải nghiệm... Phần lớn hiện nay đội ngũ giảng viên vẫn sử dụng phương pháp giảng dạy truyền thống là chính, điều này dẫn đến sự nhàm chán trong tiếp nhận, hạn chế khả năng tư duy phản biện và chủ động của HV. Mặt khác, đặc điểm tâm lý, nhận thức của HV sĩ quan có tính đặc thù (vừa mang tính lý tưởng, vừa chịu kỷ luật nghiêm ngặt) đòi hỏi phương pháp giáo dục phải linh hoạt, tương tác, gần với

thực tiễn chiến đấu. Khi phương pháp không phù hợp, việc hình thành PCCT khó đạt hiệu quả sâu sắc và bền vững.

Một số đơn vị còn chưa tích cực đổi mới về nội dung giáo dục chính trị tư tưởng, việc cập nhật các kiến thức chính trị tư tưởng và các vấn đề thực tiễn chính trị xã hội ở một số CBGV còn hạn chế dẫn đến bài giảng thiếu tính thời sự, thiếu sức hấp dẫn, không khơi gợi được sự quan tâm thực chất của HV. Hơn nữa các hình thức giáo dục đào tạo chưa có sự đổi mới, sáng tạo, chưa thực sự phát huy được tư duy và tính tích cực của người học trong quá trình đào tạo để biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo của HV...

Những hạn chế trên do nhiều nguyên nhân khác nhau tạo nên như Nhận thức và trách nhiệm của đội ngũ CBGV chưa đồng đều, một bộ phận cán bộ, giảng viên (CBGV) chưa thật sự coi giáo dục PCCT là nhiệm vụ trung tâm. Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024 ghi rõ: “nhận thức, trách nhiệm của một số CBGV về nhiệm vụ GD–ĐT chưa đầy đủ; một số nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục ở nhà trường chưa thực sự mẫu mực, trách nhiệm chưa cao” [98, tr.11]. Nhiều giảng viên, đặc biệt là giảng viên trẻ, thiếu kinh nghiệm thực tiễn và kỹ năng thiết kế bài giảng tích hợp. Họ còn phụ thuộc vào phương pháp thuyết trình truyền thống, ít vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực như thảo luận nhóm, mô phỏng, giáo dục qua trải nghiệm, khiến bài giảng thiếu sức hấp dẫn, giảm khả năng phát triển tư duy phản biện của học viên. Việc cập nhật, bổ sung những vấn đề chính trị – xã hội mới, các tình huống thực tiễn chiến đấu chưa kịp thời. Điều này làm bài giảng thiếu tính thời sự, giảm khả năng gắn kết lý luận với thực tiễn, nhất là trong bối cảnh các thách thức an ninh phi truyền thống và công nghệ tác chiến mới nổi lên mạnh mẽ. Một số đơn vị còn lúng túng trong thiết kế và triển khai, dẫn đến hoạt động ngoại khóa thiên về hình thức, ít tạo cơ hội cho học viên trải nghiệm và vận dụng kiến thức chính trị vào thực tiễn.

Bên cạnh đó, đặc thù đối tượng học viên đào tạo phần lớn là thanh niên mới trưởng thành (18–24 tuổi), đang trong quá trình chuyển hóa từ “thanh niên

dân sự” sang “quân nhân”. Đặc điểm tâm lý này đòi hỏi phương pháp giáo dục phải linh hoạt, gần gũi, có tính tương tác cao. Cùng với đó, sự phát triển nhanh của công nghệ thông tin, mạng xã hội và những thông tin đa chiều, thậm chí sai lệch, tạo ra thách thức cho việc giữ vững định hướng tư tưởng, buộc giảng viên phải không ngừng đổi mới để duy trì tính thuyết phục.

Một phần những hạn chế của hoạt động giáo dục LLCT có thể lý giải bằng hiện tượng mơ hồ vai trò và xung đột vai trò ở một bộ phận giảng viên khi chưa xác định rõ mức độ phải kết hợp giữa lý luận và thực tiễn trong từng bài giảng. Đồng thời, xét theo lý thuyết xã hội hóa, việc một số học viên chưa được tạo điều kiện tiếp cận đầy đủ các trải nghiệm thực tiễn dẫn tới quá trình nội hóa giá trị chính trị chưa sâu, ảnh hưởng đến hiệu quả tiếp thu LLCT và mức độ phát triển phẩm chất chính trị giữa các nhóm học viên.

Nhìn chung vai trò giáo dục LLCT đã được các NTQĐ thực hiện khá tốt, qua đó góp phần nâng trang bị tri thức lý luận chính trị, giúp HV có nhận thức chính trị đúng đắn và định hình PCCT. Tuy nhiên cũng còn những hạn chế nhất định cần được bổ sung trong thời gian tới.

3.2. THỰC TRẠNG VAI TRÒ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, RÈN LUYỆN PHẨM CHẤT CHÍNH TRỊ CHO HỌC VIÊN ĐÀO TẠO SĨ QUAN QUÂN ĐỘI

3.2.1. Những kết quả đạt được

Ngoài chương trình đào tạo chính quy, các NTQĐ còn tổ chức đa dạng các hoạt động ngoại khóa nhằm bồi dưỡng và rèn luyện PCCT cho HV. Các hoạt động này, từ sinh hoạt Đảng, sinh hoạt đơn vị, cho đến các hoạt động văn hóa, văn nghệ, dã ngoại, dân vận và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đều đóng góp vào việc hình thành bản lĩnh và ý thức chính trị vững vàng. Cụ thể, sinh hoạt Đảng và sinh hoạt đơn vị giúp HV nâng cao nhận thức về đường lối của Đảng và rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật. Các hoạt động văn hóa và thể thao góp phần bồi đắp lòng yêu nước và tinh thần đoàn kết. Đặc biệt, các hoạt

động dã ngoại, dân vận không chỉ củng cố mối quan hệ quân - dân mà còn rèn luyện ý thức phục vụ nhân dân và khả năng vượt khó. Bên cạnh đó, việc duy trì nghiêm ngặt các chế độ, nền nếp điều lệnh, điều lệ hàng ngày còn rèn luyện tác phong chính quy, chuẩn mực cho người sĩ quan. Tổng hòa các hoạt động này tạo nên một môi trường thực tiễn đa chiều, nơi PCCT của HV được tôi luyện một cách toàn diện.

Thực tiễn tổ chức hoạt động giáo dục, rèn luyện PCCT cho học viên ở các NTQĐ cũng cho thấy sự vận hành rõ nét của các cơ chế xã hội học, đặc biệt là lý thuyết vai trò – vị thế và lý thuyết xã hội hóa. Theo quan điểm của lý thuyết vai trò – vị thế, mỗi học viên trong NTQĐ vừa mang vị thế “người học”, vừa mang vị thế “quân nhân”. Mỗi vị thế gắn với hệ thống kỳ vọng xã hội cụ thể, được thiết chế hóa thông qua sinh hoạt Đảng, sinh hoạt đơn vị, các hoạt động đoàn, văn hóa – thể thao và việc duy trì chế độ nền nếp, điều lệnh, điều lệ. Việc nhà trường duy trì đều đặn các hoạt động này giúp học viên thường xuyên “thực hành vai trò”, từ đó hình thành và củng cố những hành vi, chuẩn mực và tác phong chính trị – quân sự phù hợp với yêu cầu của người sĩ quan tương lai.

Dưới góc nhìn lý thuyết xã hội hóa, NTQĐ là môi trường xã hội hóa chính trị đặc thù, nơi học viên tiếp nhận, nội tâm hóa và chuyển hóa các giá trị chính trị – tư tưởng của Đảng thông qua cả kênh chính quy và thực tiễn. Những hoạt động như dân vận, dã ngoại, đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng hay tham gia các phong trào thanh niên đóng vai trò như các “tình huống xã hội hóa mở rộng”, giúp học viên trải nghiệm, thử thách và củng cố bản lĩnh chính trị trong môi trường thực tế. Chính sự lặp lại liên tục của các hoạt động này tạo nên cơ chế củng cố giá trị, khiến PCCT của học viên được hình thành không chỉ từ học tập lý luận mà còn từ quá trình tương tác xã hội và thực hành vai trò trong đời sống quân sự.

Kết quả khảo sát cho thấy có từ 61,8% đến 83,4% số CBGV và HV “hoàn toàn đồng ý” với các hoạt động này, 17,8% đến 32,2% lựa chọn ở mức độ “đồng ý”. Chỉ có tỷ lệ rất nhỏ từ 0,2% đến 1,1% đánh giá mức độ “không đồng ý” và 1,3% đến 6,7% còn “phân vân” về sự tham gia của các hoạt động [Phụ lục 1 – bảng 4]. Kết quả trên phản ánh sự đồng thuận mạnh mẽ và thống nhất trong nhận thức của cả hai nhóm đối tượng khảo sát về vai trò quan trọng của các hoạt động này đối với quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ. Đồng thời nó cũng phản ánh mức độ gắn kết giữa lý luận và thực tiễn trong công tác giáo dục chính trị hiện nay ở các NTQĐ. Báo cáo của một số nhà trường đánh giá: “Các đơn vị đã tổ chức nhiều hoạt động có ý nghĩa nhằm giáo dục lý luận chính trị, truyền thông cho HV nhân các sự kiện chính trị trọng đại của đất nước, qua đó góp phần bồi dưỡng lập trường, bản lĩnh chính trị, tinh thần yêu nước cho HV” [91, tr.2]. Học viện Hậu cần đã “tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, tinh thần cho bộ đội trong ngày nghỉ, dịp nghỉ lễ, tết; hoàn thành triển khai lắp đặt hệ thống pano, khẩu hiệu tuyên truyền; hoàn chỉnh, lắp đặt khánh tiết Phòng HCM các tiểu đoàn [25, tr.3]. “Nhà trường đã tổ chức quán triệt, học tập nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, học tập các chuyên đề giáo dục chính trị cho cán bộ, đoàn viên thanh niên đúng quy định” [98, tr.4].

Các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện được các đơn vị thực hiện thường xuyên, liên tục. Các hoạt động sinh hoạt của các tổ chức được thực hiện theo đúng quy định. Ở các đơn vị quản lý học viên, sinh hoạt của tổ chức đảng và các tổ chức quần chúng (Đoàn thanh niên, Hội đồng quân nhân...) được tiến hành theo tháng, mỗi tháng các tổ chức đều sinh hoạt định kỳ hàng tháng, ngoài ra căn cứ vào chương trình, nhiệm vụ các tổ chức có thể tổ chức các buổi sinh hoạt theo nhiệm vụ. Tổ chức chỉ huy chịu trách nhiệm quản lý, duy trì các chế độ nề nếp của đơn vị nên hoạt động này được thực hiện hàng ngày, hàng tuần... Các chế độ trong ngày (11 chế độ) được duy trì đầy đủ,

chặt chẽ, nghiêm túc. Các chế độ trong tuần hoạt động văn hóa văn nghệ (tối thứ tư hàng tuần), thể dục thể thao, điểm danh (tối chủ nhật), chào cờ, thông báo chính trị (sáng thứ hai hàng tuần). Bên cạnh đó các hoạt động công tác đảng, công tác chính trị khác như: đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu truyền thống của Đảng, Quân đội... cũng được các đơn vị tổ chức thường xuyên căn cứ vào các sự kiện chính trị của các ngành, các cơ quan. Những hoạt động của các tổ chức trong nhà trường được xác định rõ ràng theo chương trình và lịch công tác của từng tổ chức. Một cán bộ chia sẻ: *“Ở nhà trường quân đội, các hoạt động như sinh hoạt Đảng, sinh hoạt Đoàn, sinh hoạt đơn vị, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động khác được duy trì một cách thường xuyên, nề nếp và có tổ chức. Mỗi loại hình hoạt động đều có quy chế, kế hoạch và lịch trình rõ ràng, được lồng ghép vào chương trình công tác của nhà trường và đơn vị quản lý học viên”* (PVS: Nam, 41 tuổi, Cán bộ quản lý học viên Học viện Hậu Cần). Cùng quan điểm, một HV cho biết: *“Ở nhà trường, các hoạt động như sinh hoạt Đảng, sinh hoạt Đoàn, sinh hoạt đơn vị, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động khác được tổ chức khá bài bản và đều đặn. Các hoạt động được chỉ huy các cấp đưa vào lịch công tác của đơn vị theo tuần, tháng và tổ chức duy trì nghiêm túc, chặt chẽ”* (PVS, Nam, 21 tuổi, HV năm thứ 3 Trường Sĩ quan Lục quân 1)

Việc duy trì nghiêm túc, chặt chẽ các hoạt động, các chế độ nề nếp trong đơn vị là những hoạt động thiết thực, trực tiếp bồi dưỡng, rèn luyện PCCT cho học viên. Các hoạt động này đã góp phần tạo nên môi trường chính trị thực tiễn để học viên tu dưỡng, rèn luyện các PCCT mình. Thông qua hoạt động của tổ chức đảng, các chỉ thị, nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước được truyền tải tới học viên, góp phần củng cố trí thức lý luận chính trị, xây dựng niềm tin và mục tiêu, lý tưởng cho học viên.

Các NTQĐ đã tổ chức đa dạng nhiều hoạt động có tính giáo dục cao, tổ chức các hội thi, hội thao xây dựng nhiều mô hình hoạt động để thu hút học viên tham gia như: mô hình “Chi đoàn học tập giỏi, kỷ luật nghiêm”, “Ngôi nhà 100 đồng”, câu lạc bộ “Lý luận trẻ”, phong trào “Tuổi trẻ sáng tạo khoa học”, “Tuổi trẻ sáng tạo trong Quân đội”, “Hội thi cán bộ đoàn giỏi”... Những hoạt động này không chỉ tạo môi trường rèn luyện ý chí, bản lĩnh, mà còn giúp học viên tiếp nhận các giá trị cách mạng, truyền thống quân đội và mối gắn bó quân–dân, qua đó củng cố lòng trung thành, tinh thần xung kích, sáng tạo, từ đó củng cố và hoàn thiện phẩm chất chính trị của mình.

Qua nghiên cứu báo cáo tại một số nhà trường cho thấy, các tổ chức Đoàn thanh niên của Trường Sĩ quan lục quân 1 đã tổ chức nhiều phong trào, mô hình thu hút được đông đảo đoàn viên thanh niên, học viên tham gia như: phong trào “Thanh niên Quân đội rèn đức, luyện tài, xung kích, sáng tạo, quyết thắng”, như mô hình “Chi đoàn học tập giỏi, kỷ luật nghiêm”, “Ngôi nhà 100 đồng”, Câu lạc bộ “Lý luận trẻ”; tham gia Giải thưởng "Tuổi trẻ sáng tạo trong Quân đội" lần thứ XXI đạt kết quả tốt. Tổ chức tốt Hội thi cán bộ đoàn giỏi năm 2024 [98, tr.4]. Năm 2023, Học viện Hậu Cần đã tổ chức tốt Ngày hội hiến máu tình nguyện “Chủ nhật đỏ” lần thứ 15, phong trào đã thu hút được 364 cán bộ, đoàn viên tham gia hiến máu tình nguyện và thu được 364 đơn vị máu; phong trào “Tuổi trẻ sáng tạo khoa học”¹ và hoạt động các câu lạc bộ; hoạt động VHVN, TDTT, vui chơi, giải trí, trong các ngày nghỉ, dịp lễ, tết. Tổ chức tốt các hoạt động tình nguyện hè tại xã Yên Đỗ, Phú Lương, Thái Nguyên và quận Long Biên. Phối hợp với Trung tâm văn hóa và thể thao quận Long Biên tổ chức luyện tập và biểu diễn Chương trình nghệ thuật đặc biệt kỷ niệm 20 năm Ngày thành lập quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Tổ chức Hội thi cán bộ phụ nữ giỏi năm 2023 cấp Học viện và thành lập

¹ Tham dự Giải thưởng TTST trong Quân đội lần thứ XXII năm 2022, Học viện có 11 đề tài, SK đạt giải, bao gồm: 02 giải Nhì, 05 giải Ba, 04 giải Khuyến khích; Học viện được Bộ Quốc phòng tặng Bằng khen.

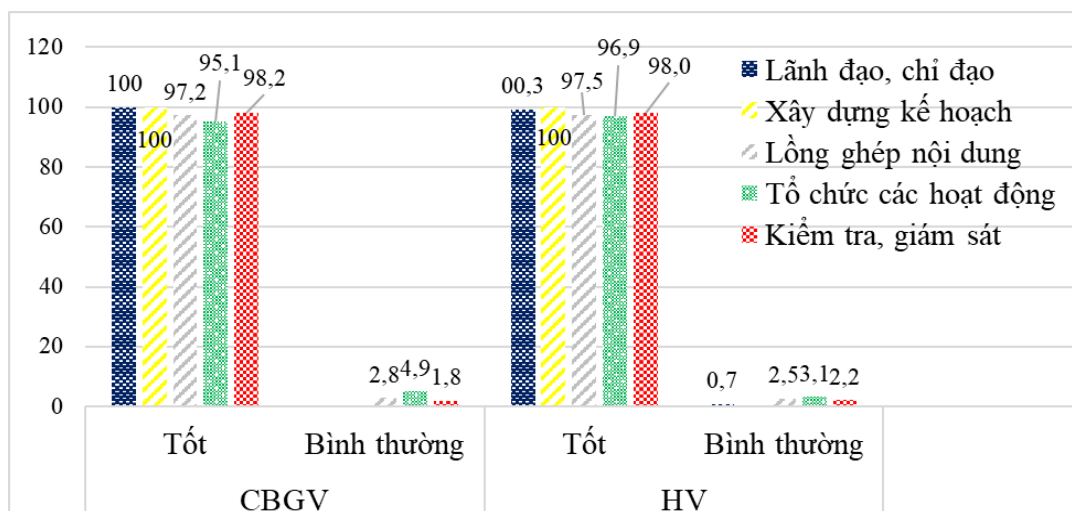
đội tuyển luyện tập, tham gia thi cấp toàn quân đạt kết quả xuất sắc. Tổ chức thăm hỏi, tặng quà, động viên cán bộ, đoàn viên, hội viên có hoàn cảnh khó khăn, mắc bệnh hiểm nghèo trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão 2023 [25, tr.7-8].

Các NTQĐ đã quán triệt và thực hiện nghiêm quy định của Đảng, Quân đội về thực hiện công tác dân vận. Hàng năm, các nhà trường đều tổ chức cho 100% học viên tham gia các đợt “công tác dân vận, hè tình nguyện” tại các địa phương nơi đóng quân. Đây là không chỉ là hoạt động mang tính phong trào mà còn là một hình thức giáo dục chính trị đặc thù, gắn lý luận với thực tiễn. Các đợt dân vận, hè tình nguyện là môi trường rèn luyện bản lĩnh và phẩm chất chính trị trực tiếp, bởi học viên phải tiếp xúc với quần chúng nhân dân trong nhiều điều kiện địa bàn khác nhau, từ đó hình thành tinh thần “vì nhân dân phục vụ”, ý thức trách nhiệm xã hội và kỹ năng công tác dân vận. Đồng thời, hoạt động này giúp HV chuyển hóa các giá trị chính trị đã học thành các hành động cụ thể. Những tri thức lý luận về đường lối của Đảng, chính sách dân tộc, tôn giáo, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc... được học viên vận dụng trong giao tiếp, tuyên truyền, hỗ trợ nhân dân, biến kiến thức thành niềm tin và hành động cụ thể. Bên cạnh đó, thông qua việc cùng ăn, cùng ở, cùng lao động với nhân dân giúp HV nhận thức và thể hiện được giá trị PCCT của người quân nhân, người sĩ quan quân đội trong quan hệ với nhân dân. Chính vì vậy các hoạt động dân vận kết nghĩa do các NTQĐ tổ chức cho HV tham gia chính là lớp học chính trị thực tế nhất để học viên tiếp tục tiếp thu các giá trị PCCT ngoài sách vở, đồng thời tạo điều kiện cho HV vận tri thức, thể hiện các PCCT đã được nhà trường trang bị trong các mối quan hệ công tác cụ thể, thực tế. Một học viên chia sẻ: *“Qua các đợt dân vận, em nhận ra rằng, lý luận chính trị không chỉ nằm trong sách vở mà còn thể hiện qua từng việc làm cụ thể. Em cảm thấy trách nhiệm và tự hào khi được nhân dân tin tưởng, quý mến. Đây thực sự là môi trường giúp em rèn luyện bản lĩnh, đạo đức người quân nhân cách mạng”* (PVS: Nam, 22 tuổi, HV năm thứ tư, Học viện Trường Sĩ quan Chính trị).

Các NTQĐ đã tích cực tổ chức các hoạt động cho học viên tham gia đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng thông qua phát động các phong trào thi viết bảo chính luận, tham gia đăng tải các bài viết tuyên truyền quan điểm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, nhà nước và đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng. Đây là môi trường chính trị thực tiễn rèn luyện PCCT cho HV. Thông qua hoạt động này không chỉ giúp HV nâng cao bản lĩnh, lập trường tư tưởng vững vàng mà còn hình thành năng lực nhận diện, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Trong thời gian qua các NTQĐ đã tích cực đẩy mạnh các hoạt động bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng nhất là trên không gian mạng. Cụ thể, Tại Học viện Hậu Cần năm 2024 có 24 tác phẩm tham gia cuộc thi chính luận cấp toàn quân; trong 6 tháng đầu năm 2024 các trang, nhóm, blog của lực lượng 47 đã đăng tải và chia sẻ 7.653 bài viết, thực hiện 8171 lượt bình luận và 15.674 lượt like trên các nhóm của Học viện [26, tr.2]. Trường Sĩ quan Chính trị năm 2024 có 42 tác phẩm tham gia dự thi Cuộc thi viết “Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới”; trong 6 tháng đầu năm 2024 có 210.786 bài viết được đăng tải, 378.862 lượt chia sẻ, 21.863 lượt bình luận trên nền tảng mạng xã hội, 61 clip trên kênh Youtube CHINHTRI.VN [92, tr.3].

Đội ngũ cán bộ các cấp, đặc biệt là cán bộ quản lý học viên, đã đề cao trách nhiệm từ khâu xây dựng kế hoạch đến xác định nội dung, phương pháp rèn luyện và đánh giá kết quả. Các kế hoạch được xây dựng cụ thể, chi tiết và bám sát mục tiêu đào tạo, nhiệm vụ chính trị. Nội dung rèn luyện được thiết kế đa dạng, kết hợp chặt chẽ giữa lý luận được giảng viên trang bị với thực tiễn của đơn vị. Đội ngũ cán bộ đã áp dụng các phương pháp giảng dạy sáng tạo, phù hợp với đặc thù của từng đối tượng HV. Việc đánh giá kết quả rèn luyện được thực hiện toàn diện, khách quan đúng với năng lực của từng HV trong suốt quá trình. Kết quả khảo sát chỉ ra:

Đơn vị: %



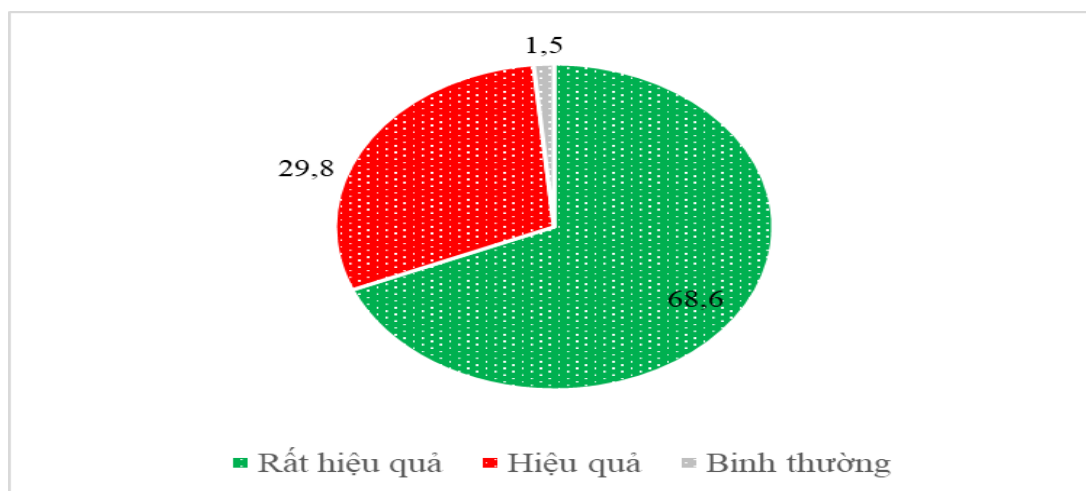
Biểu đồ 3.3: Tỷ lệ CBGV đánh giá trách nhiệm của các tổ chức ở NTQĐ trong tổ chức các hoạt động rèn luyện PCCT cho HV

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Biểu đồ 3.3 cho thấy các lực lượng đã thể hiện trách nhiệm cao trong tổ chức giáo dục, rèn luyện PCCT cho HV. Tỷ lệ người được khảo sát đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo và xây dựng kế hoạch được đánh giá tốt ở mức tuyệt đối hoặc gần tuyệt đối (đạt tỷ lệ từ 99,3% trở lên), cho thấy vai trò chỉ huy được phát huy hiệu quả. Có từ 96,0% đến 99,5% số người trả lời đánh giá các nội dung như lồng ghép giáo dục chính trị, tổ chức hoạt động rèn luyện và kiểm tra, ở mức độ tốt, điều này phản ánh sự phối hợp đồng bộ, sáng tạo và minh bạch trong triển khai. Nhìn chung, các lực lượng đã thực hiện tốt vai trò, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục chính trị và xây dựng môi trường sư phạm tích cực trong đơn vị. Kết quả này cũng được học viên khẳng định trong phỏng vấn sâu: “Theo em đội ngũ cán bộ các cấp đã phát huy tốt trách nhiệm trong thực hiện các hoạt động của đơn vị nói chung và hoạt động rèn luyện PCCT cho học viên. Kế hoạch tổ chức các hoạt động được xây dựng cụ thể, chi tiết. Nội dung, thời gian thực rõ ràng, phương pháp tiến hành phù hợp....” (PVS, Nam, 23 tuổi, HV năm thứ tư, Học viện Hậu Cần).

Các hoạt động do các tổ chức trong NTQĐ đã mang lại những hiệu quả tích cực trong củng cố, rèn luyện PCCT cho HV. Thông qua các hoạt động như sinh hoạt đảng, sinh hoạt đơn vị, sinh hoạt của các tổ chức quần chúng, hoạt động văn hóa, văn nghệ thể dục, thể thao... không chỉ góp phần bồi dưỡng kiến thức chính trị mà còn góp phần rèn luyện tinh thần trách nhiệm, lòng yêu nước và bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thần sẵn sàng chiến đấu, ý thức tổ chức kỷ luật và bồi dưỡng phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” cho HV. Một cán bộ chia sẻ: *“Theo tôi, các hoạt động do các tổ chức trong nhà trường thực hiện đều mang lại những hiệu quả tích cực trong giáo dục, rèn luyện PCCT cho HV nhưng cũng có những hoạt động do có thời điểm duy trì chưa chặt chẽ nên hiệu quả có lúc chưa cao”* (PVS, Nam, 34 tuổi, Cán bộ quản lý học viên, Trường Sĩ quan Chính trị).

Đơn vị: %



Biểu đồ 3.4. Tỷ lệ CBGV đánh giá hiệu quả của các hoạt động ở NTQĐ trong rèn luyện PCCT cho HV đào tạo SQQĐ

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Kết quả biểu đồ 3.4 cho thấy các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện PCCT cho HV ở các NTQĐ đều đạt hiệu quả tích cực khi phần lớn số CBGV được khảo sát đánh giá cao hiệu quả của các hoạt động này. Cụ thể có 68,6% số người

đánh giá ở mức độ rất hiệu quả, 29,8% đánh giá hiệu quả, tỷ lệ đánh giá hiệu quả ở mức độ bình thường chỉ chiếm dưới 2,0%. Điều đó chứng tỏ rằng các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện của đội ngũ cán bộ các cấp đã phát huy tốt vai trò của mình trong bồi dưỡng, rèn luyện PCCT cho HV.

Đi sâu phân tích mức độ đóng góp của các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện PCCT cho HV ở các NTQĐ. Qua khảo sát cho thấy, phần lớn những người được khảo sát đều đánh giá cao mức độ đóng góp của các hoạt động trong bồi dưỡng, rèn luyện PCCT cho HV. Trong đó hoạt động duy trì chế độ nền nếp, điều lệnh, điều lệ được đánh giá với mức độ rất nhiều cao nhất ở cả hai nhóm đối tượng khảo sát (79,7% với CBGV và 69,7% với HV). Điều này cho thấy tính kỷ luật và tác phong chính quy không chỉ là yêu cầu cơ bản đối với tổ chức quân sự mà còn là cốt lõi của PCCT, phẩm chất cơ bản của người sĩ quan, người quân nhân. Các hoạt động mang tính chính trị trực tiếp như sinh hoạt của tổ chức Đảng, hoạt động của tổ chức chỉ huy, và đặc biệt là hoạt động bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đều được đánh giá rất cao (trên 60% CBGV và trên 50% HV đánh giá ở mức độ rất nhiều), cho thấy vai trò trung tâm của các thiết chế và nhiệm vụ chính trị trong việc định hình nhận thức, lập trường và bản lĩnh đấu tranh cho HV. Các hoạt động mang tính thực tiễn và mềm dẻo như văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao các hoạt động của các tổ chức quần chúng dân vận, tình nguyện cũng có những đóng góp tích cực trong rèn luyện kỹ năng mềm, ý chí vượt khó, và đặc biệt là củng cố mối quan hệ quân dân, góp phần phát triển toàn diện các khía cạnh của PCCT. Kết quả khảo sát cũng cho thấy có sự chênh lệch trong nhận định về mức độ đóng góp giữa CBGV và HV ở một số hoạt động như bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và dân vận, tình nguyện [Bảng 3.2]. Sự chênh lệch trong đánh giá này có thể do CBGV là những người trên cương vị lãnh đạo, quản lý và giáo dục có kinh nghiệm công tác và tầm nhìn chiến lược nên nhận thức được toàn bộ ý nghĩa chính trị sâu sắc và lâu dài của các hoạt động này đối với việc hình

thành bản lĩnh, lập trường và đạo đức của người sĩ quan. Trong khi đó HV với kinh nghiệm sống và trải nghiệm thực tiễn còn hạn chế, nên có xu hướng đánh giá dựa trên cảm nhận trực tiếp, cụ thể và những tác động dễ nhận thấy hơn.

Bảng 3.2: Tỷ lệ CBGV và HV đánh giá mức độ đóng góp của các hoạt động và quá trình hình thành PCCT của HV

Đơn vị: %

TT	Hoạt động	Đối tượng	Bình thường	Nhiều	Rất nhiều
1	Hoạt động sinh hoạt của tổ chức đảng	CBGV	2,2	35,4	62,5
		HV	2,2	33,7	64,0
2	Hoạt động sinh hoạt của các tổ chức quần chúng	CBGV	7,1	41,8	51,1
		HV	6,5	41,8	51,9
3	Hoạt động của tổ chức chỉ huy	CBGV	3,1	32,3	64,6
		HV	2,5	33,5	64,0
4	Hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao	CBGV	7,7	34,5	57,8
		HV	6,0	36,0	58,0
5	Hoạt động dân vận, tình nguyện	CBGV	8,9	37,2	53,8
		HV	12,8	42,0	45,2
6	Hoạt động bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng	CBGV	3,4	29,2	67,4
		HV	7,4	40,7	51,9
7	Hoạt động duy trì chế độ nền nếp, điều lệnh, điều lệ	CBGV	0	20,3	79,7
		HV	2,2	28,1	69,7

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Việc duy trì, thực hiện thường xuyên, nghiêm túc và có hiệu quả các hoạt động giáo dục, rèn luyện của các tổ chức ở các NTQĐ đã góp phần tích cực vào bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, củng cố niềm tin, nâng cao ý thức trách nhiệm và hình thành lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, Tổ quốc và nhân dân; hun đúc lý tưởng cách mạng, bản lĩnh kiên cường và ý chí sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; rèn luyện bản lĩnh, ý thức trách nhiệm và tinh thần chủ động, sẵn sàng nhận và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao; hình thành và phát triển phẩm chất quân nhân cách mạng trong môi trường

tập thể quân đội, rèn luyện lối sống tích cực, tinh thần đoàn kết, trách nhiệm và hành vi ứng xử chuẩn mực và rèn luyện tác phong quân nhân chính quy, ý thức tổ chức kỷ luật và hành vi gương mẫu trong môi trường giáo dục thực tiễn.

3.2.2. Những hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện PCCT cho HV ở các NTQĐ cũng còn những hạn chế nhất định như:

Việc tổ chức các hoạt động ở một số nhà trường có thời điểm thiếu chặt chẽ, thiếu chiều sâu và chưa thực sự đồng bộ. Ở một số đơn vị, hoạt động của tổ chức đảng chưa thực sự phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện. Chất lượng sinh hoạt của một số chi bộ còn hạn chế chưa chú trọng đổi mới nội dung, nhất là gắn các nội dung giáo dục PCCT trong các buổi sinh hoạt. Kết quả phỏng vấn sâu với một giảng viên chính trị cho thấy: *“Có nơi sinh hoạt chi bộ diễn ra đúng kế hoạch nhưng nội dung còn nặng về báo cáo, ít tạo không gian để đảng viên, đặc biệt là học viên trao đổi, phản biện hoặc tự rút kinh nghiệm chính trị cho bản thân”* (PVS, Nam, 38 tuổi, Giảng viên Trường Sĩ quan Lục quân 1)

Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả giáo dục PCCT cho HV có đơn vị còn hình thức, chưa gắn với thực tiễn rèn luyện hằng ngày. Công tác phân loại đánh giá kết quả rèn luyện đảng viên, học viên. “Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng của một số cấp ủy, tổ chức đảng... có nơi xử lý vụ việc vi phạm kỷ luật chưa chặt chẽ, còn để đơn thư” [77, tr.5].

Một số đơn vị vẫn duy trì các hoạt động theo kiểu hành chính, nặng về truyền đạt một chiều, thiếu tính tương tác, chưa phát huy được vai trò chủ thể của HV trong quá trình tiếp nhận và thực hành nội dung chính trị. Chất lượng tổ chức một số hoạt động chưa cao nên mức độ đóng góp của các hoạt động vào việc bồi dưỡng, rèn luyện PCCT cho HV chưa đáp ứng so với kỳ vọng. Kết quả khảo sát cho thấy, mặc dù phần lớn những người được khảo sát đánh giá các hoạt động đều góp phần “rất nhiều” và “nhiều” vào việc bồi dưỡng, rèn luyện PCCT cho HV, tuy nhiên vẫn còn từ 2,2% đến 12,8% số người được khảo sát

đánh giá đóng góp của các hoạt động này ở mức độ “bình thường”. Điều đó chứng tỏ các hoạt động chưa thực sự đi vào chiều sâu, chưa bám sát thực tiễn hoặc hình thức tổ chức còn đơn điệu chưa phù hợp với đặc điểm HV nên mức độ đóng góp còn những hạn chế nhất định. Một HV chia sẻ: *“Theo em thấy một số hoạt động được tổ chức chất lượng chưa thật sự tốt, nhiều khi học viên tham gia theo quy định chứ trách nhiệm chưa tốt. Chẳng hạn trong các buổi sinh hoạt chi bộ, khi lấy ý kiến đóng góp thì nhiều đảng viên ngại phát biểu, nhiều khi cán bộ phải chỉ định người phát biểu. Hay trong sinh hoạt văn hóa văn nghệ, một số học viên cũng không thực sự thích thú nhưng vì quy định nên họ phải tham gia”* (PVS, Nam 20 tuổi, HV năm thứ hai, Trường Sĩ quan Lục quân 1).

Trách nhiệm của đội ngũ cán bộ các cấp trong tổ chức, tham gia kiểm tra, giám sát các hoạt động còn hạn chế. Một số cán bộ còn tình trạng "việc ai nấy làm", "đúng trách nhiệm thì mới làm", không chủ động “lấn sân”. Điều này làm giảm hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, tạo nên những rời rạc và tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện PCCT cho HV. “Một số cấp ủy, chỉ huy đơn vị chưa quyết liệt trong triển khai thực hiện, đề ra chủ trương nhưng thiếu các biện pháp cụ thể, đồng bộ, hiệu quả; kiểm tra, đôn đốc không thường xuyên...” [10, tr.16]. Công tác quản lý, duy trì kỷ luật ở một số nhà trường có thời điểm chưa chặt chẽ nên còn HV dao động về tư tưởng, chưa yên tâm học tập, công tác. Báo cáo tổng kết năm học 2023- 2024 của Cục nhà trường – Bộ Tổng Tham mưu chỉ ra “Công tác giáo dục, quản lý học viên ở một số nhà trường có thời điểm chưa tốt; còn có HV không yên tâm công tác xin thôi học” [56, tr.11]. Báo cáo của một số nhà trường cũng đánh giá: “Công tác quản lý, rèn luyện kỷ luật có đơn vị chưa thường xuyên, vững chắc; vẫn còn CBGV vi phạm khuyết điểm phải xử lý kỷ luật” [19, tr.8]; “Chất lượng xây dựng chính quy, quản lý kỷ luật, chấp hành quy định bảo đảm an toàn có nội dung chưa vững chắc, vẫn còn xảy ra các vụ việc mất an toàn; vi phạm quy định sử dụng điện thoại di động, đánh bạc trên mạng; vắng mặt trái phép” [94, tr.6]...

Ngoài ra, sự thiếu đồng bộ trong tổ chức hoạt động cũng thể hiện ở việc thiếu cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các tổ chức trong nhà trường như tổ chức đảng, tổ chức chỉ huy, các tổ chức quần chúng. Các hoạt động thường diễn ra rời rạc, thiếu tính liên thông, khiến quá trình giáo dục PCCT cho HV bị cắt khúc, không tạo được tác động hệ thống và liên tục. Điều đó dẫn đến hiệu quả giáo dục, rèn luyện PCCT cho HV không bền vững, thiếu chiều sâu lý luận và thực tiễn. ‘Công tác phối hợp, hiệp đồng giữa các cơ quan, đơn vị, nhà trường trong thực hiện một số nhiệm vụ chưa chặt chẽ’ [56, tr.12]. Kết quả phỏng vấn sâu cũng phản ánh thực trạng này “*Trong quản lý học viên, chúng tôi chủ yếu quan tâm đến thực hiện nhiệm vụ huấn luyện và duy trì nội vụ, điều lệnh; còn việc giáo dục tư tưởng, chính trị thường được giao cho cán bộ chính trị, đôi khi thiếu sự thống nhất trong phương pháp và mục tiêu.*” (PVS, Nam 35 tuổi, Cán bộ quản lý Trường Sĩ quan Chính trị).

Một số hạn chế nêu trên có thể được lý giải rõ hơn dưới góc nhìn lý thuyết vai trò – vị thế và lý thuyết xã hội hóa. Theo lý thuyết vai trò, hiệu quả của các hoạt động rèn luyện PCCT phụ thuộc vào sự rõ ràng và thống nhất trong kỳ vọng vai trò giữa các tổ chức Đảng, tổ chức chỉ huy và các tổ chức quần chúng. Khi kỳ vọng không được xác định rõ hoặc trách nhiệm bị chồng chéo, sẽ xuất hiện tình trạng mơ hồ vai trò và phối hợp thiếu nhịp nhàng, dẫn đến hoạt động bị hành chính hóa, kém hấp dẫn và thiếu chiều sâu. Xét theo lý thuyết xã hội hóa, một số hoạt động còn mang tính hình thức cho thấy chu trình xã hội hóa chính trị đối với học viên bị gián đoạn. Khi nội dung ít tương tác, thiếu thực tiễn hoặc không duy trì thường xuyên, học viên khó nội tâm hóa giá trị chính trị, dẫn đến việc tham gia chỉ mang tính nghĩa vụ. Bên cạnh đó, sự thiếu đồng bộ giữa các thiết chế trong nhà trường làm gián đoạn quá trình củng cố giá trị, khiến tác động giáo dục PCCT không liên tục và hiệu quả chưa cao. Như vậy, những hạn chế trên không chỉ phản ánh yếu tố tổ chức mà còn cho thấy sự vận hành chưa trọn vẹn của cơ chế vai trò và quá trình xã hội hóa chính trị trong NTQĐ.

Những hạn chế trong tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện PCCT cho HV ở các NTQĐ do nhiều nguyên nhân khác nhau tạo nên, trong đó có cả khách quan và chủ quan. Trong đó tập trung vào các nguyên nhân đó là:

Trách nhiệm của đội ngũ cán bộ các cấp trong tổ chức, kiểm tra, giám sát các hoạt động giáo dục PCCT còn hạn chế. Một số cán bộ, nhất là cán bộ trung gian, chưa thực sự quan tâm đúng mức đến các hoạt động giáo dục chính trị, nhất là những hoạt động không thuộc phạm vi nhiệm vụ được phân công. “Trách nhiệm của một số cấp ủy, chỉ huy, chính ủy, chính trị viên trong lãnh đạo, chỉ đạo chưa được đề cao; tính chiến đấu, tính phê bình và tự phê bình còn hạn chế” [8, tr.10].

Tình trạng khoán trắng cho cấp dưới hoặc chỉ làm cho có, thiếu kiểm tra, đánh giá thường xuyên dẫn đến hiệu quả các hoạt động không cao. Mặt khác, năng lực tổ chức hoạt động giáo dục, kỹ năng sư phạm và sự tâm huyết của một bộ phận CBGV chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới. Trong khi đó, công tác bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm quân sự, phương pháp giáo dục chính trị chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục. “Năng lực tiến hành CTĐ, CTCT của một số cán bộ chưa theo kịp sự phát triển tình hình, yêu cầu nhiệm vụ...” [80, tr.10].

Công tác tham mưu hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra của các cơ quan chuyên môn trong tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện có thời điểm chưa thực sự kịp thời. ... Chính điều này làm giảm tính chủ động, sáng tạo trong việc xây dựng nội dung, lựa chọn hình thức và phương pháp giáo dục PCCT phù hợp với đặc điểm HV sĩ quan hiện nay. Bên cạnh đó, ý thức, trách nhiệm của một số HV trong tham gia các hoạt động do nhà trường tổ chức chưa thực sự tích cực nên hiệu quả giáo dục, bồi dưỡng rèn luyện PCCT do các hoạt động mang lại chưa đạt được so với kỳ vọng đặt ra. “Công tác tham mưu, đôn đốc, kiểm tra của một số cơ quan chuyên môn (chính trị, đào tạo, khảo thí, tham mưu – hành chính) của một số nhà trường chưa kịp thời, chưa sâu sát, hiệu quả chưa cao. Công tác kiểm tra lãnh đạo, chỉ huy một số cơ quan, đơn vị, nhà trường chưa thường xuyên, sâu sát” [56, tr.11]....

3.3. THỰC TRẠNG VAI TRÒ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG VĂN HÓA CHÍNH TRỊ QUÂN SỰ TRONG QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHẨM CHẤT CHÍNH TRỊ CỦA HỌC VIÊN ĐÀO TẠO SĨ QUAN QUÂN ĐỘI

3.3.1. Những kết quả đạt được

NTQĐ là môi trường giáo dục, không gian diễn ra các hoạt động giáo dục, rèn luyện đối với HV đào tạo SQQĐ; đồng thời đó cũng là môi trường văn hóa chính trị quân sự giúp HV hình thành, hoàn thiện phẩm chất của người quân nhân, người SQQĐ trong đó có PCCT. Môi trường văn hóa chính trị quân sự trong NTQĐ là tổng hòa các yếu tố giá trị, chuẩn mực, truyền thống, không khí sinh hoạt, giao tiếp, ứng xử và hệ thống thiết chế giáo dục chính trị, tư tưởng được duy trì trong không gian quân sự đặc thù. Môi trường văn hóa chính trị quân sự ở các NTQĐ được cấu thành từ các hoạt động như: thực hành dân chủ ở cơ sở, tinh thần đoàn kết trong đơn vị, tính chất mối quan hệ giữa CBGV và HV, sự gương mẫu về PCCT của đội ngũ CBGV trong nhà trường, bầu không khí học tập và rèn luyện của HV, cảnh quan môi trường trong đơn vị và sự nghiêm minh của kỷ luật quân đội...

Ở các NTQĐ, các hoạt động xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự được các nhà trường triển khai thường xuyên, qua đó góp phần tạo nên không gian giáo dục toàn diện, kỷ cương và mang đậm các giá trị chính trị, tư tưởng. Các hoạt động thực hành dân chủ ở cơ sở được duy trì định kỳ hàng quý và vào các dịp sơ, tổng kết của các đơn vị, nhà trường. Thông qua các buổi sinh hoạt Đảng, đoàn thể, sinh hoạt đối thoại, sinh hoạt ngày chính trị văn hóa tinh thần. Thông qua các hoạt động thực hành dân chủ cơ sở, HV có cơ hội trực tiếp nêu ý kiến, đề xuất và phản biện đối với đội ngũ cán bộ các cấp. Thực tiễn này được một học viên chia sẻ cụ thể rằng: *“Ở đơn vị các hoạt động thực hành dân chủ được duy trì thường xuyên, hàng tháng trong các buổi sinh hoạt động vị, sinh hoạt văn hóa tinh thần chúng em được phát biểu, trình bày những tâm tư nguyện vọng,*

các đóng góp trên các mặt công tác tới lãnh đạo chỉ huy các cấp...”(PVS, Nam 19 tuổi, HV năm thứ hai, Học viện Hậu Cần).

Các đơn vị và các nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao qua đó xây dựng mối quan hệ đoàn kết trong nội bộ đơn vị, giúp HV gắn kết với nhau hơn, giúp đỡ nhau trong học tập và rèn luyện. Kết quả trên được minh chứng thông qua chia sẻ HV: *“Đơn vị thường xuyên tổ chức các hoạt động để xây dựng tinh thần đoàn kết trong đơn vị như tổ chức các hoạt động giao lưu văn nghệ, thể dục thể thao, sinh nhật đồng đội, đối thoại dân chủ... qua đó giúp học viên với cán bộ, học viên với học viên gắn kết chặt chẽ với nhau hơn”* (PVS, Nam 23 tuổi, HV năm thứ tư, Trường Sĩ quan Chính trị)

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn số người được khảo sát đánh giá việc thực hành dân chủ và hoạt động xây dựng tinh thần đoàn kết ở đơn vị ở các NTQĐ đã được thực hiện tốt (mức độ “rất tốt” chiếm khoảng 60%, mức độ “tốt” chiếm khoảng 32%) [Phụ lục 1 – bảng 5]. Điều đó cho thấy, các NTQĐ đã thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả quy chế dân chủ ở cơ sở, nhờ đó mức độ dân chủ ở các đơn vị trong NTQĐ được đảm bảo, qua đó tạo ra một môi trường giáo dục, rèn luyện cởi mở, đoàn kết, minh bạch cho HV, từ đó tạo nền tảng vững chắc cho việc bồi dưỡng, rèn luyện PCCT cho HV.

Đội ngũ CBGV không chỉ là người thầy, người cán bộ lãnh đạo quản lý, người chỉ huy mà còn là người đồng chí, đồng đội của HV. Sự gương mẫu về PCCT của CBGV là mẫu hình thực tiễn để HV học tập và noi theo. Đồng thời chính sự cởi mở, gần gũi, trách nhiệm của CBGV đối với HV sẽ giúp cho quan hệ xã hội giữa HV với CBGV gần gũi hơn. Thực tế qua nghiên cứu tại một số NTQĐ cho thấy đội ngũ CBGV luôn gần gũi, thân thiện, cởi mở, trách nhiệm trong quản lý, giáo dục, rèn luyện HV. Đội ngũ cán bộ quản lý tận tâm, sâu sát, luôn lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của HV. Kết quả khảo sát phần lớn những người được khảo sát đều đánh giá cao hoạt động xây dựng mối quan hệ giữa

CBGV và HV. Cụ thể có khoảng 69,2% CBGV và 58,7% HV được khảo sát đánh giá hoạt động ở mức độ “rất tốt”, tỷ lệ đánh giá ở mức độ tốt của các nhóm lần lượt là 25,8% và 25,7% [Phụ lục 1 – bảng 5]. Điều đó cho thấy quan hệ giữa CBGV và HV không chỉ là mối quan hệ quản lý – phục tùng, cấp trên – cấp dưới mà được xây dựng trên nền tảng sự tôn trọng, đồng hành, chia sẻ, hỗ trợ HV trong quá trình học tập, rèn luyện và giải quyết những khó khăn trong cuộc sống cũng như tâm tư, tình cảm. Kết quả phỏng vấn sâu cũng củng cố nhận định này, khi một HV chia sẻ: *“Tôi nghĩ, cán bộ quản lý không khi là người chỉ huy cấp trên, mà còn là người anh, người đồng chí, đồng đội sẵn sàng lắng nghe những tâm tư, chia sẻ của học viên không chỉ trong học tập mà cả trong đời sống thường ngày và sẵn sàng cùng học viên vượt qua những khó khăn, thử thách trong quá trình học tập, rèn luyện”* (Nam, 22 tuổi, HV năm thứ tư, Trường Sĩ quan Lục quân).

Môi trường cảnh quan đơn vị, không khí học tập, rèn luyện của HV và sự nghiêm minh, chặt trong duy trì kỷ luật ở đơn vị là những yếu tố đóng vai trò, tác động một cách sâu sắc và liên tục. Môi trường cảnh quan trong NTQĐ chính quy, xanh, sạch, đẹp, không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho sinh hoạt, học tập mà còn là yếu tố quan trọng trong việc xây dựng ý thức trách nhiệm, tính kỷ luật, và lòng tự hào về đơn vị. Bầu không khí trong học tập, rèn luyện lành mạnh, dân chủ, cởi mở, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau là không gian xã hội hóa tích cực thúc đẩy sự trao đổi tư tưởng, khuyến khích tư duy phản biện trong khuôn khổ kỷ luật. Kỷ luật nghiêm minh, chặt chẽ thông qua duy trì và thực hiện nghiêm các chế độ nề nếp, điều lệnh, điều lệ giúp HV hình thành ý thức tự giác, rèn luyện tác phong chính quy, sự kiên định và khả năng thích nghi với môi trường quân sự... qua đó các giá trị của PCCT được hình thành củng cố và phát triển ở HV.

Các hoạt động xây dựng cảnh quan môi trường đơn vị, xây dựng bầu không khí học tập tích cực và duy trì chặt chẽ, nghiêm minh kỷ luật quân đội

đã được các nhà trường quan tâm xây dựng. Kết quả khảo sát cho thấy có từ 57,1 – 63,1% số CBGV và HV đánh giá việc xây dựng bầu không khí tích cực trong học tập, rèn luyện của HV, xây dựng môi trường cảnh quan đơn vị, và duy trì kỷ luật được thực hiện ở mức độ “rất tốt”; tỷ lệ đánh giá tốt chiếm khoảng 32% - 38% [Phụ lục 1- bảng 5]. Kết quả trên không chỉ thể hiện sự đồng thuận cao trong nhận thức của các chủ thể về chất lượng thực thi các nội dung này, mà còn khẳng định vai trò nền tảng của chúng trong việc tạo dựng một môi trường xã hội hóa quân sự lý tưởng. Bên cạnh đó cũng cho thấy sự quan tâm của lãnh đạo, chỉ huy nhà trường và các đơn vị trong xây dựng môi trường văn hóa, cảnh quan ở đơn vị, tạo môi trường lành mạnh, tích cực cho HV quá trình học tập, rèn luyện; đồng thời cũng tạo ra môi trường tốt để lan tỏa những giá trị tốt đẹp của dân tộc, quân đội và đơn vị. Qua đó giúp HV củng cố niềm tin chính trị, hiểu rõ trách nhiệm, sứ mệnh của mình đối với đất nước, với quân đội, từ đó nêu cao trách nhiệm, có động cơ học tập, rèn luyện đúng đắn, tích cực tu dưỡng về PCCT để trở thành người SQQĐ theo mục tiêu đề ra. Minh chứng thực tiễn cũng được thể hiện trong chia sẻ của một HV: *“Cảnh quan môi trường cảnh quan đơn vị em thường xuyên được quan tâm, củng cố, học viên có tinh thần đoàn kết, cởi mở, tôn trọng, giúp đỡ nhau. Đây là môi trường thuận lợi cho chúng em trong quá trình học tập, rèn luyện tại nhà trường”* (Nam, 22 tuổi, HV năm thứ tư, Trường Sĩ quan Chính trị).

Sự quan tâm của lãnh đạo, chỉ huy các cấp ở các NTQĐ trong xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự đã góp phần lan tỏa tích cực các giá trị văn hóa tới HV trong không gian, môi trường quân sự, Kết quả khảo sát cho thấy đa phần những người được khảo sát đều đánh giá mức độ đóng góp của các hoạt động trong xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự tới việc giáo dục, rèn luyện PCCT cho HV. Trong đó phát huy sự gương

mẫu về PCCT của đội ngũ CBGV, xây dựng bầu không khí học tập, rèn luyện tích cực và duy trì kỷ luật nghiêm minh là những hoạt động có tỷ lệ người lựa chọn đóng góp ở mức độ “rất nhiều” cao hơn. Tuy nhiên các hoạt động khác cũng có những đóng góp không nhỏ [Bảng 3.3]. Từ góc nhìn lý thuyết vai trò – vị thế, môi trường văn hóa chính trị quân sự trong NTQĐ tạo ra hệ thống kỳ vọng vai trò rõ ràng đối với học viên – những người đang chuyển từ vị thế thanh niên sang vị thế quân nhân, sĩ quan tương lai. Các chuẩn mực về kỷ luật, đoàn kết, tác phong, ứng xử và nêu gương của cán bộ hình thành “trường vai trò” thống nhất, trong đó CBGV đóng vai trò hình mẫu tham chiếu. Nhờ vậy, học viên có điều kiện nội tâm hóa chuẩn mực chính trị và chuyển hóa thành hành vi trong quá trình rèn luyện hằng ngày. Điều này lý giải vì sao các yếu tố như kỷ luật, nêu gương, bầu không khí đoàn kết được đánh giá có mức đóng góp cao đối với việc hình thành PCCT. Điều đó một lần nữa khẳng định môi trường văn hóa chính trị có vai trò quan trọng trong quá trình hình thành phẩm chất, nhất là PCCT của người SQQĐ ở HV đào tạo SQQĐ trong các NTQĐ hiện nay.

Bảng 3.3. Tỷ lệ CBGV và HV đánh giá đóng góp của môi trường văn hóa chính trị quân sự tới quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ

Đơn vị: %

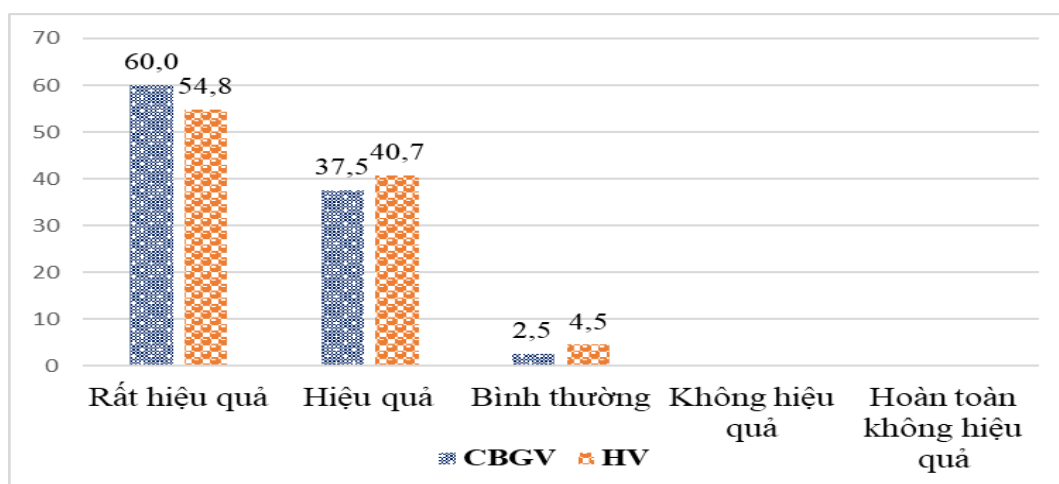
TT	Hoạt động	Đối tượng	Trung bình	Nhiều	Rất nhiều
1	Thực hành dân chủ ở cơ sở	CBGV	2,8	56,3	40,9
		HV	2.2	59.1	38.7
2	Xây dựng tinh thần đoàn kết trong đơn vị	CBGV	2,5	54,5	43,1
		HV	1.6	58.7	39.8
3	Xây dựng quan hệ gần gũi, thân thiện giữa cán bộ khung và học viên	CBGV	0,3	53,5	46,2
		HV	2.0	57.3	40.7

4	Xây dựng quan hệ gần gũi, thân thiện giữa giảng viên và học viên	CBGV	1,2	52,6	46,2
		HV	1.6	54.6	43.8
5	Phát huy sự gương mẫu về PCCT của đội ngũ CBGV	CBGV	1,8	40,0	58,2
		HV	1.3	34.6	64.3
6	Xây dựng bầu không khí học tập, rèn luyện tích cực	CBGV	1,8	43,7	54,5
		HV	2.2	41.3	56.4
7	Xây dựng môi trường, cảnh quan đơn vị	CBGV	3,4	49,5	47,1
		HV	2.7	56.0	41.3
8	Duy trì kỷ luật nghiêm minh	CBGV	1,8	35,4	62,8
		HV	2.5	36.0	61.6

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Về mức độ hiệu quả, nhìn chung các hoạt động trong môi trường văn hóa chính trị quân sự đã mang lại những hiệu quả tích cực trong giáo dục, rèn luyện PCCT cho HV. Trong môi trường đó, các khuôn mẫu hành vi về chuẩn mực chính trị, các giá trị đạo đức cách mạng, niềm tin, lý tưởng, tính tổ chức, tính kỷ luật được duy trì chặt chẽ, nghiêm minh đã mang lại hiệu quả tích cực trong giáo dục, bồi dưỡng và rèn luyện PCCT cho HV.

Đơn vị: %



Biểu đồ 3.5. Tỷ lệ CBGV và HV đánh giá mức độ hiệu quả của môi trường văn hóa trong giáo dục rèn luyện PCCT của HV

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Biểu đồ 3.5 phản ánh mức độ hiệu quả của môi trường văn hóa quân sự trong giáo dục, rèn luyện PCCT cho HV. Kết quả cho thấy cả đội ngũ CBGV và HV đều đánh giá cao hiệu quả của môi trường văn hóa chính trị quân sự đối với quá trình hình thành PCCT của HV đào SQQĐ. Cụ thể, có 60% CBGV và 54,8% HV nhận định MTVH có tác động “rất hiệu quả”, trong khi tỷ lệ đánh giá “hiệu quả” cũng chiếm tỷ lệ cao (37,5% ở CBGV và 40,7% ở HV). Chỉ có một tỷ lệ rất nhỏ đánh giá ở mức “bình thường” (2,5% CBGV và 4,5% HV), và không có ý kiến nào cho rằng yếu tố này “không hiệu quả” hoặc “hoàn toàn không hiệu quả”. Điều này phản ánh sự đồng thuận cao giữa người dạy và người học về vai trò của môi trường văn hóa chính trị quân sự như một nền tảng quan trọng góp phần nuôi dưỡng bản lĩnh chính trị, ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm của HV.

Qua trao đổi với HV, về nội dung này, nhiều HV cũng đồng tình môi trường văn hóa quân sự mang lại hiệu quả tốt trong giáo dục, rèn luyện PCCT cho HV. Đặc biệt là sự nghiêm minh của kỷ luật, sự gương mẫu của đội ngũ CBGV và bầu không khí đoàn kết, dân chủ trong đơn vị là môi trường thuận lợi giúp HV tu dưỡng, rèn luyện PCCT trong quá trình học tập, rèn luyện tại các NTQĐ. Một HV chia sẻ: *“Môi trường trong đơn vị vừa nghiêm khắc vừa gần gũi, thầy cô gương mẫu từ tác phong, lời nói đến hành động. Điều này giúp chúng em không chỉ học kiến thức mà còn rèn luyện tác phong, suy nghĩ và hành động theo chuẩn mực của người sĩ quan”* (PVS, Nam, 22 tuổi, HV năm thứ ba, Trường Sĩ quan Lục quân 1).

Từ lý thuyết xã hội hóa, môi trường văn hóa chính trị quân sự được xem như một thiết chế xã hội hóa đặc thù, kết hợp tác động chính thức (điều lệnh, chế độ ngày, tuần, sinh hoạt chính trị) và phi chính thức (quan hệ đồng đội, ảnh hưởng tập thể, gương mẫu của cán bộ). Sự tương tác thường xuyên, liên tục trong môi trường này giúp học viên “vừa học, vừa trải nghiệm, vừa thực hành” các giá trị chính trị, qua đó tạo ra quá trình xã hội hóa mạnh mẽ và nhất quán trong môi trường quân sự.

Việc duy trì hiệu quả các hoạt động của môi trường văn hóa chính trị quân sự đã đã góp phần bồi đắp lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, Tổ quốc và nhân dân, xây dựng thế giới quan và niềm tin chính trị đúng đắn; hun đúc tinh thần sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; rèn luyện ý thức trách nhiệm, tính kỷ luật, sự chủ động và tinh thần vượt khó khăn gian khổ, sẵn sàng nhận và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ; hình thành tư cách đạo đức, lối sống giản dị, tình đồng chí – đồng đội gắn bó và kỷ luật tự giác nghiêm minh...

3.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả tích cực, vai trò của môi trường văn hóa chính trị quân sự trong giáo dục, rèn luyện PCCT của HV đào tạo SQQĐ cũng còn những hạn chế nhất định đó là:

Mặc dù đa số các hoạt động xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự ở các NTQĐ được duy trì tương đối thường xuyên. Tuy nhiên có thời điểm một số hoạt động duy trì chưa thật sự chặt chẽ. Qua khảo sát cho thấy còn từ 0,3 đến 2,7% số người trả lời đánh giá các hoạt động này được duy trì “chưa tốt”, ngoài ra còn từ 1,1% đến 7,0% số người đánh giá ở mức độ “bình thường” [Phụ lục 1 – bảng 5]. Báo cáo Tổng kết năm học 2023 – 2024 của Bộ Tổng Tham mưu đánh giá: “Công tác xây dựng chính quy, quản lý kỷ luật ở một số nhà trường chưa vững chắc, còn để xảy ra vụ việc nghiêm trọng phải xử lý kỷ luật” [56, tr.11]. Báo cáo tổng kết các nhà trường cũng chỉ ra: “Lễ tiết tác phong quân nhân, xưng hô chào hỏi theo điều lệnh của cán bộ, nhân viên, học viên còn hạn chế. Khu vực vệ sinh doanh trại, sắp xếp phòng ở, nơi làm việc không đúng quy định.”. [94, tr.6]. Kết luận số 841/KL-CT của Tổng Cục chính trị chỉ ra: Kết quả trên cho thấy sự thiếu ổn định, đồng đều giữa các đơn vị trong thực hiện các hoạt động xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự; đồng thời cũng phản ánh tính bền vững và chiều sâu của công tác này chưa thật sự vững chắc...[78, tr.1]

Chất lượng và hiệu quả của các hoạt động chưa đồng đều giữa các đơn vị. Báo cáo tổng kết của Bộ Tổng Tham mưu (2024) chỉ ra rằng công tác xây dựng

chính quy, quản lý kỷ luật ở một số nhà trường còn dễ xảy ra các vụ việc vi phạm nghiêm trọng [56, tr.11]. Báo cáo tổng kết của Trường Sĩ quan Lục quân 1 (2025) cũng nêu rõ “tình trạng lễ tiết tác phong quân nhân, xưng hô chào hỏi chưa đúng điều lệnh; vệ sinh doanh trại, phòng ở, nơi làm việc chưa bảo đảm quy định.” [99, tr.8]. Kết quả khảo sát chỉ ra, trong thực hành dân chủ ở cơ sở còn 5,2% số CBGV và 5,8% HV đánh giá hoạt động này thực hiện ở mức độ “bình thường”, tỷ lệ đánh giá ở mức độ chưa tốt chiếm lần lượt là 0,9% và 2,2%. Trong xây dựng tinh thần đoàn kết ở đơn vị còn từ 5,8% CBGV và 7,0% HV đánh giá thực hiện ở mức độ “bình thường”, 1,2% và 1,6% đánh giá “chưa tốt [Phụ lục 1 - Bảng 5]. Hạn chế trên không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự, đến hình ảnh, uy tín của nhà trường mà còn làm giảm tác động tích cực của môi trường văn hóa chính trị quân sự đối với quá trình hình thành và rèn luyện PCCT của HV.

Việc gắn kết giữa xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự với quá trình giáo dục, rèn luyện PCCT cho HV chưa được phát huy đầy đủ. Một số CBGV và HV chưa thực sự coi đây là nhiệm vụ gắn bó mật thiết với chất lượng đào tạo, dẫn đến sự thiếu chủ động, sáng tạo trong tổ chức và tham gia các hoạt động. Một cán bộ chia sẻ: *“Chúng tôi vẫn xác định xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự là nhiệm vụ quan trọng, nhưng trong thực tế triển khai, một số đồng chí cán bộ vẫn coi đây là công việc bổ trợ, không trực tiếp tác động đến kết quả đào tạo. Do đó, khi có các nhiệm vụ chuyên môn khác, hoạt động này thường bị dồn xuống ưu tiên thấp hơn”* (PVS, Nam 37 tuổi, Cán bộ quản lý Trường Sĩ quan Lục quân 1). Tương tự, một giảng viên cho biết: *“Các hoạt động môi trường văn hóa chính trị quân sự thường theo kế hoạch chung, chưa gắn chặt với nội dung môn học hay mục tiêu rèn luyện PCCT của học viên. Nhiều khi các buổi sinh hoạt diễn ra mang tính hình thức, chưa tạo ra tác động sâu”* (PVS,

Nam, 38 tuổi, Giảng viên Học viện Hậu Cần). Ngay cả từ góc nhìn của học viên, hạn chế này cũng được phản ánh rõ: *“Các hoạt động môi trường văn hóa chính trị quân sự có ý nghĩa, nhưng chưa được lồng ghép khéo léo vào quá trình học tập và rèn luyện hằng ngày. Nhiều buổi chỉ mang tính chấp hành kế hoạch, chưa thực sự khơi gợi hứng thú và chủ động của học viên”* (PVS, Nam, 22 tuổi, HV năm thứ 4, Trường Sĩ quan Chính trị)

Những dẫn chứng định tính trên cho thấy, sự thiếu gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng môi trường văn hóa quân sự với quá trình giáo dục, rèn luyện PCCT bắt nguồn từ nhận thức chưa đầy đủ của một bộ phận CBGV và HV, phương thức tổ chức hoạt động chưa sáng tạo, cùng với đó là hạn chế trong việc lồng ghép nội dung giáo dục chính trị vào các hoạt động văn hóa, môi trường. Điều này không chỉ làm giảm hiệu quả tác động của môi trường văn hóa chính trị quân sự đối với sự hình thành PCCT của HV, mà còn ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo sĩ quan của các NTQĐ.

Những hạn chế trong thực hiện các vai trò của NTQĐ trong thời gian qua do nhiều nguyên nhân khác nhau cả khách quan và chủ quan, trong đó có các nguyên nhân cơ bản sau:

Đặc thù nhiệm vụ đào tạo và huấn luyện ở các NTQĐ đòi hỏi phải phân bổ hợp lý nguồn lực về thời gian, nhân lực và cơ sở vật chất cho nhiều nhiệm vụ đồng thời, bao gồm giảng dạy lý thuyết, huấn luyện thực hành, công tác chính trị – tư tưởng, và các hoạt động ngoại khóa. Sự chòng chéo và áp lực tiến độ khiến cho việc duy trì thường xuyên, toàn diện các nội dung xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự không phải lúc nào cũng được đảm bảo. Điều này dẫn đến tình trạng một số hoạt động bị gián đoạn hoặc triển khai theo hình thức đối phó, làm giảm tính liên tục và hiệu quả của quá trình giáo dục, rèn luyện PCCT cho HV.

Tác động của bối cảnh xã hội trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế tạo ra những yêu cầu ngày càng cao đối với giáo dục – đào tạo sĩ quan, cả về nội dung, phương pháp lẫn kỹ năng toàn diện. Quá trình này đồng thời làm gia tăng áp lực cải tiến, đổi mới hoạt động xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự. Một số nhà trường chưa kịp thích ứng với các thay đổi về mục tiêu, yêu cầu và tiêu chuẩn đánh giá, dẫn tới sự lúng túng trong tổ chức hoạt động, làm cho tính đồng bộ và chiều sâu của môi trường văn hóa chưa được bảo đảm.

Cơ sở hạ tầng, doanh trại và cảnh quan môi trường ở một số nhà trường đã xuống cấp hoặc chưa được đầu tư đồng bộ, ảnh hưởng trực tiếp đến việc duy trì các chuẩn mực về chính quy, kỷ luật, vệ sinh môi trường. Hạn chế về điều kiện vật chất không chỉ tác động đến hình thức, diện mạo của đơn vị, mà còn ảnh hưởng đến tâm lý, động lực học tập và rèn luyện của HV. Việc thiếu các hạng mục hỗ trợ như không gian sinh hoạt văn hóa, thể thao, hoặc khu vực sinh hoạt chung đạt chuẩn cũng làm giảm hiệu quả gắn kết cộng đồng và bồi dưỡng PCCT qua môi trường sống, học tập và rèn luyện hằng ngày.

Nhận thức và trách nhiệm của một bộ phận CBGV về vai trò của môi trường văn hóa chính trị quân sự trong hình thành PCCT của HV chưa đầy đủ và sâu sắc. Một số cán bộ vẫn coi đây là nhiệm vụ mang tính bổ trợ, thứ yếu so với công tác giảng dạy hoặc huấn luyện chuyên môn. Sự thiếu quan tâm, đầu tư về thời gian, công sức và phương pháp tổ chức dẫn đến hoạt động chưa đạt hiệu quả mong muốn, khó phát huy được vai trò định hướng, dẫn dắt của CBGV trong xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, chính quy.

Công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự ở một số đơn vị còn mang tính hình thức, thiếu bám sát thực tiễn và chưa có cơ chế phản hồi, điều chỉnh kịp thời. Việc đánh giá kết quả thường dựa nhiều vào báo cáo định kỳ, chưa chú trọng khảo sát, ghi nhận ý kiến phản ánh từ HV hoặc quan sát trực tiếp. Do đó, những tồn tại, hạn chế về nội dung và hình thức hoạt động đôi khi không được phát hiện sớm, dẫn đến khó khăn trong khắc phục và nâng cao chất lượng thực hiện.

Hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động ở một số đơn vị còn đơn điệu, thiếu sáng tạo, chưa thực sự gắn kết với các nội dung giáo dục – rèn luyện PCCT. Các hoạt động chủ yếu tập trung vào việc tuyên truyền, truyền đạt thông tin theo một chiều, ít chú trọng phát huy tính chủ động, tích cực và sáng tạo của HV. Điều này không chỉ làm giảm hứng thú tham gia, mà còn hạn chế tác dụng của môi trường văn hóa như một công cụ giáo dục sinh động, giàu tính tương tác và trải nghiệm thực tiễn.

Ý thức tự giác của một bộ phận HV trong việc chấp hành điều lệnh, kỷ luật, giữ gìn lễ tiết tác phong quân nhân và bảo vệ cảnh quan môi trường chưa cao. Vẫn tồn tại hiện tượng HV thực hiện nhiệm vụ một cách đối phó, mang tính hình thức, hoặc chỉ chấp hành khi có sự kiểm tra của cán bộ. Nguyên nhân có thể xuất phát từ động cơ học tập, rèn luyện chưa thực sự vững vàng, hoặc từ việc môi trường giáo dục chưa đủ sức khích lệ, tạo áp lực tích cực để HV duy trì kỷ luật và tác phong chuẩn mực một cách tự giác.

Môi trường văn hóa chính trị quân sự ở các NTQĐ giữ vai trò nền tảng trong hình thành, rèn luyện PCCT của HV. Các yếu tố như cảnh quan, bầu không khí học tập, rèn luyện, tinh thần đoàn kết, sự gương mẫu của CBGV và kỷ luật quân đội đã phát huy hiệu quả tích cực, được đa số CBGV, HV đánh giá cao. Tuy nhiên, vẫn còn hạn chế ở một số đơn vị như hoạt động duy trì chưa thường xuyên, hình thức đơn điệu, hiệu quả chưa đồng đều, kỷ luật và lễ tiết tác phong còn thiếu nghiêm túc. Nguyên nhân xuất phát từ cả yếu tố khách quan (điều kiện cơ sở vật chất, đặc thù nhiệm vụ) và chủ quan (nhận thức, trách nhiệm, phương pháp tổ chức, kiểm tra giám sát).

Từ những phân tích trên có thể thấy các NTQĐ đã thực hiện tương đối tốt vai trò giáo dục LLCT, vai trò tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện PCCT và vai trò xây dựng MTVH chính trị quân sự. Tuy nhiên mức độ thực hiện các vai trò giữa các nhà trường có sự khác biệt nhau:

Bảng 3.4. Mức độ đóng góp của các vai trò trong quá trình hình thành PCCT của học viên theo các trường

Đơn vị: %

TT	Vai trò	Đối tượng	Trường SQLQ1		Học viện Hậu cần		Trường SQCT	
			CBGV	HV	CBGV	HV	CBGV	HV
1	Vai trò giáo dục LLCT	Trung bình	6,5	7,3	13,9	7,4	3,7	2,7
		Nhiều	52,8	56,0	56,5	56,1	10,1	51,7
		Rất nhiều	40,7	36,7	29,6	36,5	86,2	45,6
2	Vai trò bồi dưỡng, rèn luyện	Trung bình	3,7	5,3	6,5	8,8	1,8	4,1
		Nhiều	25,9	40,0	45,4	34,5	29,4	33,3
		Rất nhiều	70,4	54,7	48,1	56,8	68,8	62,6
3	Vai trò xây dựng MTVH	Trung bình	2,8	3,3	4,6	2,0	1,8	1,4
		Nhiều	65,7	54,0	65,7	60,8	45,0	54,4
		Rất nhiều	31,5	42,7	29,6	37,2	53,2	44,2

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Kết quả Bảng 3.4 cho thấy mức độ đóng góp của ba vai trò của NTQĐ trong hình thành PCCT của học viên đều được đánh giá cao, với tổng tỷ lệ lựa chọn “nhiều” và “rất nhiều” tại các trường đều vượt 80%. Tuy nhiên, có sự khác biệt rõ rệt giữa các trường và giữa hai nhóm đối tượng. Trường Sĩ quan Chính trị nổi bật ở vai trò giáo dục lý luận chính trị khi giảng viên đánh giá “rất nhiều” tới 86,2%, điều phản ánh đặc thù đào tạo của Trường Sĩ quan Chính trị là trung tâm lý luận chính trị trong Quân đội nên rất coi trọng tri thức LCCT. Hơn nữa trong chương trình đào tạo, thời gian dành các môn học LLCT ở Trường SQCT cũng nhiều hơn so với các trường khác; yêu cầu chuẩn đầu ra đối với cán bộ chính trị phải là đảng viên. Do đó giáo dục LLCT được coi trọng nên đóng góp của vai trò này lớn hơn. Trong khi đó Trường Sĩ quan Lục quân 1 và Học viện Hậu cần là cơ sở đào tạo chỉ huy tham mưu, chỉ huy bảo đảm có nội dung đào tạo thiên về thực hành nhiều hơn nên tỷ lệ CBGV đánh giá vai trò bồi dưỡng, rèn luyện và xây dựng môi trường văn hóa đều trên 90% ở mức độ “nhiều” và “rất nhiều”. Điều

đó cho thấy các trường đào tạo sĩ quan chỉ huy và bảo đảm ưu tiên hơn trong việc rèn luyện thực hành và xây dựng môi trường chính quy. Những khác biệt này phản ánh đặc điểm nhiệm vụ, chương trình đào tạo của từng trường và khẳng định ba vai trò của NTQĐ đều có đóng góp lớn, nhưng trọng tâm thực hiện cần được điều chỉnh linh hoạt phù hợp chức năng của mỗi cơ sở.

Để so sánh xem vai trò nào đóng góp nhiều nhất tới quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ, nghiên cứu tiến hành phân tích tương quan và phân tích hồi quy để xác định:

Bảng 3.5. Phân nhóm và đặt tên biến đại diện

Tên nhóm	Biến	Giải thích
Phẩm chất chính trị (PCCT)	PCCT1	Trung thành với Đảng, Tổ quốc và nhân dân
	PCCT2	Sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội
	PCCT3	Sẵn sàng nhận và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ
	PCCT4	Kỷ luật nghiêm minh
Vai trò giáo dục lý luận chính trị (GDLLCT)	GDLLCT1	Hoạt động giáo dục chính khóa
	GDLLCT2	Hoạt động giáo dục ngoại khóa
Vai trò tổ chức các hoạt động bồi dưỡng rèn luyện PCCT (BDRL)	BDRL1	Hoạt động của tổ chức đảng
	BDRL2	Hoạt động của các tổ chức quần chúng
	BDRL3	Hoạt động của tổ chức chỉ huy
	BDRL4	Hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao
	BDRL5	Hoạt động dân vận, tình nguyện
	BDRL6	Hoạt động bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng
	BDRL7	Hoạt động duy trì chế độ nền nếp, điều lệnh, điều lệ
Vai trò xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự	MTVH1	Thực hành dân chủ ở cơ sở
	MTVH2	Xây dựng tinh thần đoàn kết trong đơn vị
	MTVH3	Xây dựng quan hệ giữa cán bộ khung và học viên

	MTVH4	Xây dựng quan hệ giữa giảng viên và học viên
	MTVH5	Duy trì gương mẫu về PCCT của đội ngũ CBGV
	MTVH6	Xây dựng bầu không khí học, rèn của đơn vị học viên
	MTVH7	Xây dựng môi trường, cảnh quan đơn vị
	MTVH8	Duy trì kỷ luật nghiêm minh

Qua kiểm tra phân phối chuẩn của các biến số cho thấy, các biến số không có phân phối chuẩn nên nghiên cứu tiến hành phân tích tương quan Speaman. Kết quả phân tích chỉ ra:

Bảng 3.6. Kết quả phân tích tương quan Speaman giữa các vai trò NTQĐ với PCCT của HV đào tạo SQQĐ

Tương quan						
	GVLLCT		BDRLBDRL		MTVH	
	CBGV	HV	CBGV	HV	CBGV	HV
Hệ số tương quan R	0,796	0,648**	0,608	0,760**	0,634	0,744**
Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	0,011	0,000	0,003	0,000

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Nhìn vào bảng 3.6, có thể thấy giá trị Sig đều nhỏ hơn 0,05 nên có thể khẳng định có mối tương quan giữa các vai trò của NTQĐ với quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ. Hệ số tương quan khá cao ($R > 0,6$) và mang giá trị dương chứng tỏ đây là mối tương quan cùng chiều và rất mạnh. Tức là khi thực hiện tốt các vai trò này thì PCCT của HV càng được nâng lên. Như vậy giữa các vai trò của NTQĐ và quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ có mối tương quan với nhau nên đủ điều kiện để phân tích hồi quy. Sau khi thực hiện các kỹ thuật phân tích thu được kết quả như sau:

Bảng 3.7: Kết quả phân tích mô hình hồi quy tuyến tính

Nhân tố		Hệ số chuẩn hóa Beta	t	Giá trị p (Sig.)	Thống kê cộng tuyến	
					Độ chấp nhận của biến (Tolerance)	Hệ số phóng đại phương sai (VIF)
CBGV	Hằng số		21.603	0.000		
	GDLLCT	0.680	1.130	0.000	0.184	1.430
	BDRL	0.330	3.587	0.000	0.296	2.381
	MTVH	0.132	7.617	0.000	0.314	2.187
HV	Hằng số		6.196	0.000		
	GDLLCT	0.700	19.634	0.000	0.852	1.173
	BDRL	0.017	0.296	0.018	0.342	2.921
	MTVH	0.064	1.186	0.023	0.377	2.651

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Kết quả bảng 3.7 cho thấy ở cả hai nhóm CBGV và HV đều cho rằng vai trò giáo dục LLCT có đóng góp nhiều nhất tới quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ khi hệ số Beta lần lượt là 0,680 và 0,700. Kết quả này cho thấy giả thuyết đưa ra hoàn phù hợp khi cho rằng vai trò giáo dục LLCT có ảnh hưởng nhiều nhất đến quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ. Lý thuyết vai trò nhấn mạnh vai trò không chỉ là hành vi mà còn là sự thể hiện các giá trị, chuẩn mực và ý thức hệ xã hội được truyền tải. giá trị chính trị của mỗi quân nhân trong QĐNDVN là trung thành tuyệt đối với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân; sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc; sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ; kỷ luật tự giác, nghiêm minh. Những giá trị này đã được các NTQĐ truyền tải tới HV thông qua hoạt động GD-ĐT, thông qua các hoạt động ở đơn vị và qua hoạt động xây dựng MTVH chính trị quân sự, biến những giá trị chính trị đó trở thành PCCT của HV. Điều đó khẳng định các vai trò của NTQĐ đã được thực hiện khá tốt.

Kết quả phân tích hồi quy chỉ ra vai trò giáo dục LLCT là vai trò có đóng góp nhiều nhất tới quá trình hình thành PCCT của HV. Điều này được lý giải bằng

lý thuyết vai trò: giáo dục LLCT là cơ chế chính thức, tập trung truyền tải ý thức hệ (Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Quan điểm của Đảng, Pháp luật của Nhà nước). Việc truyền tải ý thức hệ này là nền tảng tri thức giúp HV lý giải và nội tâm hóa các giá trị chính trị thành PCCT của mình. Hay nói cách khác, giáo dục LLCT trang bị tri thức nền tảng để HV hiểu rõ và chấp nhận các kỳ vọng vai trò về PCCT của người SQQĐ.

Lý thuyết xã hội hóa xem NTQĐ là “thiết chế xã hội hóa đặc thù”, nơi HV chuyển hóa từ “thanh niên dân sự” thành “quân nhân, SQQĐ” thông qua việc lĩnh hội các giá trị, chuẩn mực và vai trò với cơ cấu xã hội đầu vào cũng khá đặc thù. Trong quá trình học tập, rèn luyện tại NTQĐ, HV không chỉ tiếp nhận những tri thức chính trị, quân sự theo chương trình đào tạo mà thực hiện các hoạt động theo quy định của quân đội (chế độ, giờ giấc, quy định... những hoạt động đó giúp HV từng bước nội tâm hóa các giá trị chính trị, quân sự, chuyển hóa từ nhận thức sang niềm tin và hành động. Đặc biệt, sự tương tác đa chiều giữa HV với cán bộ quản lý, giảng viên, đồng đội và môi trường văn hóa chính trị quân sự nghiêm minh tạo nên một không gian xã hội hóa toàn diện. Ở đó, các chuẩn mực và giá trị không chỉ được truyền thụ chính thức qua bài giảng, mà còn thấm sâu qua gương mẫu, kỷ luật, và truyền thống đơn vị. Chính sự kết hợp giữa tác động chính thức và phi chính thức này giúp quá trình hình thành PCCT của HV trở nên bền vững, gắn với hành vi thực tiễn và năng lực lãnh đạo, chỉ huy sau khi tốt nghiệp.

Việc thực hiện tốt các vai trò đã phân nào đáp ứng được kỳ vọng của Đảng, Nhà nước và Quân đội đối với các NTQĐ. Đồng thời thông qua thực hiện tốt các vai trò của mình, NTQĐ đã góp phần truyền tải, lan tỏa các giá trị của PCCT, tạo môi trường chính trị thực tiễn để HV thể hiện các giá trị đó trong quá trình học tập, rèn luyện của mình. Nhờ đó PCCT của HV đào tạo SQQĐ ngày càng được hoàn thiện hơn qua các năm học.

Bảng 3.8. Tổng hợp kết quả kiểm tra nhận thức chính trị của học viên các NTQĐ

Trường	Xếp	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư
--------	-----	--------------	-------------	------------	------------

	loại	SL	(%)	SL	(%)	SL	(%)	SL	(%)
SQCT	Giỏi	68	9.11	98	16.61	109	15.11	159	23.01
	Khá	509	68.24	393	66.61	523	72,53	483	69.89
	ĐYC	169	22.65	99	16.77	89	12.34	49	07.09
	Tổng	746	100	590	100	721	100	691	100
HVHC	Giỏi	23	12,92	16	8,11	51	20,00	68	19,15
	Khá	131	73,59	168	84,57	186	72,94	270	76,05
	ĐYC	24	13,48	15	7,24	18	7,05	17	4,78
	Tổng	178	100	199	100	255	100	355	100
SQLQ1	Giỏi	90	13,11	61	12,34	79	15,39	91	15,31
	Khá	491	71,57	376	76,11	376	73,29	439	73,90
	ĐYC	105	15,30	57	11,53	58	11,30	64	10,77
	Tổng	686	100	494	100	513	100	594	100

Nguồn: Tổng hợp từ các trường SQCT, HVHC, SQLQ1 năm 2024

Kết quả bảng 3.8 cho thấy nhận thức chính trị của học viên ở các năm học có sự khác biệt nhau, học viên càng có thời gian học tập dài trong NTQĐ thì kết quả kiểm tra nhận thức chính trị tốt hơn so với học viên có thời gian học tập ngắn. Sự chuyển biến về nhận thức chính trị của HV qua các năm học cho thấy quá trình chuyển biến về nhận thức, mục tiêu, lý tưởng, niềm tin dẫn đến hành động chính trị. Điều này hoàn toàn phù hợp với nguyên lý xã hội hóa giá trị PCCT trong môi trường quân sự. Ở giai đoạn năm thứ nhất, năm thứ hai HV chủ yếu chủ yếu là lĩnh hội kiến thức lý luận (Lý luận Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối quân sự của Đảng). Khi tri thức lý luận được tiếp thu đủ lượng, dưới tác động của kỷ luật và môi trường sống tập thể, nó dần được chuyển hóa thành niềm tin cá nhân, tạo tiền đề vững chắc về tư tưởng ở giai đoạn năm thứ ba và năm thứ tư. Từ đó HV tự điều chỉnh hành vi phù hợp với những chuẩn mực về PCCT phù hợp với môi trường quân sự và tiêu chuẩn của người SQQĐ tương lai.

Nhờ vào việc thiết kế nội dung, chương trình phù hợp với đặc thù của từng đối tượng, trách nhiệm của các lực lượng trong NTQĐ mà PCCT của HV đào tạo SQQĐ ngày càng hình thành rõ nét và hoàn thiện đáp ứng tốt tiêu chuẩn về PCCT khi tốt nghiệp.

Bảng 3.9. Tỷ lệ CBGV và HV đánh giá phẩm chất chính trị của HV trước khi ra trường

Đơn vị %

TT	PCCT	Đối tượng	Bình thường	Tốt	Rất tốt
1	Trung thành với Đảng, Tổ quốc, và nhân dân	CBGV	1,2	26,8	72,0
		HV	1,8	30,1	68,1
2	Sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	CBGV	8,0	49,5	41,8
		HV	2,7	50,1	42,7
3	Sẵn sàng nhận và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ	CBGV	4,3	39,7	55,4
		HV	1,6	40,4	58,0
4	Kỷ luật tự giác, nghiêm minh	CBGV	4,0	44,9	51,1
		HV	2,0	42,2	55,7

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Kết quả bảng 3.9 cho thấy, đa số những người tham gia trả lời đều đánh giá PCCT của HV trước khi tốt nghiệp ra đều đều đạt mức độ “tốt” trở lên. Trong đó phẩm chất Trung thành với Đảng, Tổ quốc, Nhân dân và nêu cao phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” chiếm tỷ lệ gần như tuyệt đối. Tỷ lệ đánh giá ở mức độ “bình thường” rất nhỏ, không có trường hợp nào đánh giá “chưa tốt” hoặc “hoàn toàn chưa tốt”. Điều đó cho thấy công tác giáo dục, rèn luyện PCCT cho HV của các NTQĐ đã đi đúng hướng, nội dung, phương pháp giáo dục phù hợp với đối tượng học viên. Tuy nhiên vẫn còn một bộ phận đánh giá các phẩm chất ở mức độ chưa cao như phẩm chất sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội (chiếm 8,0% đối với CBGV và 2,7% đối với HV), hay kỷ luật nghiêm minh (4,0% với CBGV và 2,0% với HV) (Bảng 3.5). Điều

này có thể lý giải trong điều kiện thời bình, chưa chưa thấy rõ tinh thần sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập dân tộc của HV nên nhóm CBGV còn tỏ ra thận trọng trong đánh giá phẩm chất này. Bên cạnh đó, trong quá trình học tập, rèn luyện, nhận thức của một số HV chưa thực sự tốt, chấp hành kỷ luật chưa nghiêm túc như trong các báo cáo đã đánh giá nên tỷ lệ đánh giá phẩm chất này của HV chưa được cao so với các phẩm chất khác...

Tiểu kết chương 3

Chương 3 của luận án đã tập trung khảo sát, phân tích thực trạng vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ hiện nay. Kết quả nghiên cứu cho thấy các NTQĐ đã thực hiện tốt vai trò giáo dục LLCT, vai trò tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện PCCT và vai trò xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự. Trong đó giáo dục LLCT được đánh giá có vai trò quan trọng là cơ sở nền tảng trong quá trình hình thành PCCT của HV, các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện PCCT và môi trường văn hóa chính trị quân sự là môi trường hoạt động thực tiễn giúp HV gắn kết lý luận với thực tiễn, lan tỏa những giá trị của PCCT đối với HV. Nghiên cứu cũng thực hiện một số phân tích cho thấy giữa các việc thực hiện vai trò có mối tương quan khá chặt chẽ với quá trình hình thành PCCT của HV. Tuy nhiên quá trình thực hiện vai trò của NTQĐ cũng còn những hạn chế nhất định đòi hỏi cần phải phân tích làm rõ các yếu tố ảnh hưởng tới việc thực hiện vai trò của NTQĐ và thực hiện đồng bộ các giải pháp để phát huy tốt hơn vai trò của NTQĐ trong thời gian tới, nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại trong giai đoạn hiện nay.

Chương 4

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI TRONG QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHẨM CHẤT CHÍNH TRỊ CỦA HỌC VIÊN ĐÀO TẠO SĨ QUAN QUÂN ĐỘI

4.1. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC THỰC HIỆN VAI TRÒ CỦA NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI TRONG QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHẨM CHẤT CHÍNH TRỊ CỦA HỌC VIÊN ĐÀO TẠO SĨ QUAN QUÂN ĐỘI

4.1.1. Ảnh hưởng của đường lối, chính sách Đảng, Nhà nước và Quân đội về quốc phòng, an ninh đến việc thực hiện vai trò của nhà trường quân đội (YT1)

Đường lối, chính sách của Nhà nước, Quân đội về QPAN đóng vai trò nền tảng và quyết định đối với toàn bộ hoạt động GD-ĐT và giáo dục PCCT trong các NTQĐ. Đây là kim chỉ nam tối thượng để xác định mục tiêu, nội dung, chương trình, đồng thời cung cấp cơ sở lý luận vững chắc để xây dựng bản lĩnh chính trị kiên định cho HV.

Trong những năm qua, nhiều đường lối và chính sách cụ thể của Đảng, Nhà nước và Quân đội về quốc phòng – an ninh đã tạo khuôn khổ trực tiếp cho các NTQĐ trong thực hiện vai trò giáo dục, bồi dưỡng và rèn luyện PCCT cho học viên. Trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng và các nghị quyết chiến lược như Nghị quyết 51-NQ/TW ngày 05/9/2019 về “Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia” và Nghị quyết 44-NQ/TW ngày 24/11/2023 về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới” xác định rõ yêu cầu xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại và tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân. Các quan điểm này định hướng trực tiếp mục tiêu, nội dung và chương trình giáo dục LLCT trong NTQĐ, bảo đảm học viên có nền tảng tư tưởng vững chắc và khả năng đấu tranh chống quan điểm sai trái, âm mưu “diễn biến hòa bình” và “phi chính trị hóa quân đội”.

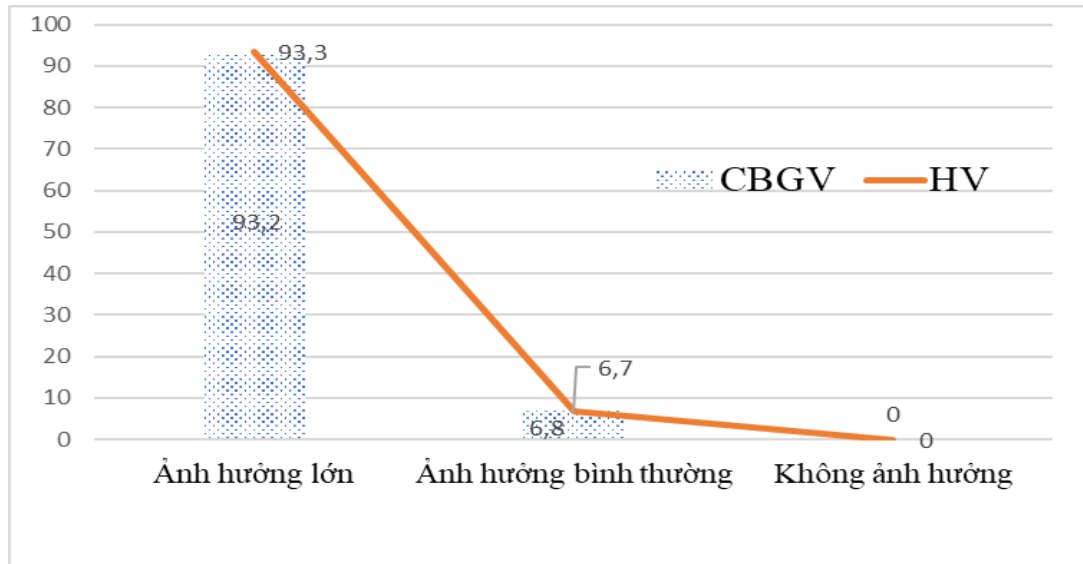
Cùng với đó, các văn bản pháp luật như Luật Quốc phòng (2018), Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh (2013) và Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp (2024) đặt ra yêu cầu phát triển nguồn nhân lực sĩ quan có trình độ, bản lĩnh chính trị và năng lực thích ứng với chiến tranh công nghệ cao, an ninh phi truyền thống và không gian mạng. Đây là căn cứ để các NTQĐ điều chỉnh chương trình đào tạo, tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện kỷ luật và xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự chặt chẽ.

Ngoài ra, loạt văn bản như Nghị quyết 847-NQ/QUTW 28/12/2021 của Quân ủy Trung ương về phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”; Chỉ thị số 2423-CT/QUTW ngày 09/11/2023 “Về đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị trong giai đoạn mới”; Chỉ thị 47/CT-CT ngày 08/01/2016 về tổ chức lực lượng đấu tranh chống quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị trên không gian mạng trong Quân đội nhân dân Việt Nam... tạo ra khung hành động cụ thể cho NTQĐ trong tổ chức các hoạt động giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện PCCT. Đây là cơ sở để các trường tăng cường sinh hoạt chính trị, đổi mới phương pháp giảng dạy LLCT, mở rộng hoạt động ngoại khóa chính trị – xã hội, xây dựng môi trường dân chủ, đoàn kết và kỷ luật. Phương hướng nhiệm vụ năm học 2024-2025 xác định “Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương QWTU, BQP về công tác quân sự, quốc phòng, giáo dục và đào tạo... các cơ quan, đơn vị, nhà trường bổ sung vào nghị quyết, chương trình, kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm thực chất để nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường thực sự là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị và quân đội” [56, tr.11].

Kết quả khảo sát chỉ ra tất cả những người trả lời đều cho rằng yếu tố này có ảnh hưởng đến việc thực hiện vai trò của NTQĐ, trong đó đánh giá ở mức độ ảnh hưởng lớn chiếm 93,2% (CBGV) và 93,3% (HV) [Biểu đồ 4.1]. Điều đó cho thấy một sự thống nhất cao về nhận thức, chứng tỏ rằng đường lối của Đảng đã được quán triệt sâu sắc và trở thành nhận thức chung, nhất quán trong toàn quân. Đồng thời kết quả này cũng phản ánh sự tiếp nối và

phát huy truyền thống “chính trị trọng hơn quân sự” của quân đội ta và khẳng định rằng các NTQĐ đã làm tốt vai trò là trung tâm giáo dục, bồi dưỡng PCCT cho thế hệ cán bộ tương lai.

Đơn vị: %



Biểu đồ 4.1. Tỷ lệ CBGV và HV đánh giá mức độ ảnh hưởng của đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và Quân đội về QPAN tới việc thực hiện vai trò của NTQĐ

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Để đánh giá chính xác và khách quan hơn mức độ ảnh hưởng của đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và Quân đội về QPAN đến việc thực hiện vai trò của NTQĐ, nghiên cứu tiến hành kiểm định Kruskal-Wallis H. Kết quả kiểm định được trình bày trong bảng 4.1 dưới đây.

Bảng 4.1: Tổng hợp kết quả kiểm định Kruskal-Wallis H về ảnh hưởng của yếu tố đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và Quân đội về QPAN đến việc thực hiện các vai trò của NTQĐ

Nhóm đối tượng	Các vai trò	Mức độ ảnh hưởng	Trung bình Hạng (Mean Rank)	Giá trị P-value (Sig)
CBGV	GDLLCT	Lớn	173.09	0,000

	BDRL	Bình thường	24.07	0,000
		Lớn	172.31	
		Bình thường	34.73	
	MTVH	Lớn	170.85	0,000
		Bình thường	54.86	
HV	GDLLCT	Lớn	236.52	0,000
		Bình thường	35.92	
	BDRL	Lớn	236.98	0,000
		Bình thường	29.58	
	MTVH	Lớn	232.43	0,000
		Bình thường	92.50	

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Kết quả bảng 4.1 cho thấy giá trị p (Sig.) đều bằng 0.000 cho tất cả các vai trò và ở cả hai nhóm đối tượng. Điều này có ý nghĩa thống kê cao ($p < 0.001$), cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trong đánh giá giữa các nhóm trả lời về mức độ ảnh hưởng từ đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và Quân đội về QPAN đối với việc thực hiện các vai trò của NTQĐ. Điểm đáng chú ý trong phân tích này là một xu hướng nhất quán là nhận định của CBGV và HV về đường lối, chính sách có mức độ "ảnh hưởng lớn" có Trung bình Hạng cao hơn đáng kể so với những người cho là "ảnh hưởng bình thường". Điều đó cho thấy các NTQĐ đã nhận thức được ảnh hưởng mạnh mẽ của các đường lối, chính sách từ Nhà nước và Quân đội về QPAN nên đã chủ động trong thực hiện các vai trò.

Kết quả kiểm định Kruskal-Wallis đã khẳng định giữa có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và Quân đội về QPAN với việc thực hiện các vai trò của NTQĐ. Để hiểu rõ hơn về chiều hướng tác động của yếu tố này tới việc thực hiện các vai trò của NTQĐ, nghiên cứu tiếp tục thực hiện phân tích tương quan. Kết quả như sau:

Bảng 4.2. Kết quả phân tích tương quan giữa yếu tố đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và Quân đội về QPAN với việc thực hiện các vai trò của NTQĐ

Tên biến	Đối tượng	Chỉ tiêu	Các vai trò		
Yếu tố đường lối, chính sách của Nhà nước và Quân đội về QPAN			GDLLCT	BDRL	MTVH
	CBGV	Hệ số R	0,552**	0,536**	0,424**
		Sig	0,000	0,000	0,000
	HV	Hệ số R	0,539**	0,597**	0,366**
Sig		0,000	0,000	0,000	
**. Có tương quan với độ tin cậy 99%					

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Kết quả phân tích tương quan (Bảng 4.2) cho thấy giá trị Sig = 0,000 nhỏ hơn 0,001 chứng tỏ đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và Quân đội về QPAN với việc thực hiện các vai trò của NTQĐ có mối tương quan có ý nghĩa thống kê. Hệ số R đều dương chứng tỏ đây là mối tương quan cùng chiều. Tức là khi đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và Quân đội về QPAN càng chặt chẽ, rõ ràng thì việc thực hiện các vai trò của NTQĐ càng rõ nét hơn. Trong nhóm CBGV thì yếu tố đường lối, chính sách của Nhà nước và Quân đội về QPAN có mối tương quan mạnh nhất với vai trò giáo dục LLCT (R=0,552) ở HV thì mối tương quan mạnh nhất với vai trò tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện PCCT (R=0,597).

4.1.2. Ảnh hưởng của chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên đến việc thực hiện vai trò của nhà trường quân đội trong quá trình hình thành phẩm chất chính trị của học viên đào tạo sĩ quan quân đội (YT2)

Chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên được thể hiện thông qua trình độ chuyên môn; năng lực sư phạm và phương pháp giảng dạy; phẩm chất đạo đức, lối sống; kinh nghiệm thực tiễn... những nội dung này quyết định trực tiếp tới việc thực hiện các vai trò của NTQĐ. Do đó xây dựng đội ngũ CBGV có chất lượng được xác định là nội dung quan trọng, then chốt. Nghị quyết

Đại Hội XIII của Đảng: “Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là khâu theo chốt” [15, tr.59].

Chất lượng đội ngũ CBGV là một trong những yếu tố quyết định hiệu quả thực hiện các vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của học viên đào tạo SQQĐ. Cụ thể:

Trình độ lý luận chính trị, năng lực sư phạm và kinh nghiệm thực tiễn của CBGV trực tiếp chi phối chất lượng giáo dục LLCT. Giảng viên có lập trường tư tưởng vững vàng, có khả năng phân tích sâu sắc các vấn đề chính trị, quân sự, gắn lý luận với thực tiễn đấu tranh bảo vệ Tổ quốc sẽ giúp học viên tiếp thu kiến thức một cách thuyết phục, hình thành niềm tin chính trị đúng đắn và nâng cao năng lực nhận diện, phản bác quan điểm sai trái. của học viên trong nhận thức và thái độ chính trị.

Bên cạnh đó, phong cách lãnh đạo, phẩm chất đạo đức, tác phong công tác và ý thức nêu gương của đội ngũ CBGV, nhất là đội ngũ cán bộ quản lý đơn vị có ảnh hưởng mạnh tới quá trình rèn luyện PCCT của học viên. Trong môi trường quân đội, cán bộ là lực lượng “gương mẫu đi đầu”, giữ vai trò định hướng hành vi, điều chỉnh kỷ luật và thúc đẩy động cơ phấn đấu của học viên. Khi đội ngũ cán bộ thể hiện chuẩn mực về kỷ luật, lối sống, trách nhiệm, tinh thần đoàn kết và thái độ chính trị đúng đắn, học viên có xu hướng nội tâm hóa những giá trị này và chuyển hóa thành hành vi rèn luyện hằng ngày. Ngược lại, sự thiếu gương mẫu hoặc biểu hiện lệch chuẩn từ CBGV dễ tạo ra tác động tiêu cực, ảnh hưởng đến động cơ học tập, niềm tin và sự kiên định chính trị của học viên.

Bên cạnh đó, chất lượng CBGV còn tác động mạnh đến vai trò xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự. Cán bộ, giảng viên chính là chủ thể tạo lập bầu không khí tổ chức, thực thi quy chế dân chủ, xây dựng kỷ luật, duy trì chính quy và hình thành chuẩn mực ứng xử trong đơn vị. Một môi trường văn hóa được thiết lập bởi đội ngũ cán bộ có phẩm chất tốt, có ý thức trách nhiệm, gần gũi, công tâm sẽ góp phần nuôi dưỡng tinh thần đoàn kết, ý

chí phần đầu và ý thức tổ chức kỷ luật của học viên, từ đó thúc đẩy quá trình hình thành PCCT diễn ra sâu sắc và bền vững hơn.

Như vậy, chất lượng đội ngũ CBGV tác động đồng thời đến cả ba vai trò của NTQĐ: giáo dục LLCT, tổ chức hoạt động rèn luyện và xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự. Đây là yếu tố trung tâm, mang tính quyết định đối với hiệu quả hình thành PCCT của học viên, bởi CBGV vừa là chủ thể truyền thụ, vừa là người tổ chức, hướng dẫn và là tấm gương trực quan sinh động cho học viên noi theo trong suốt quá trình đào tạo.

Kết quả khảo sát cho thấy: 100%% số CBGV và HV được khảo sát đánh giá chất lượng đội ngũ CBGV có ảnh hưởng đến việc thực hiện vai trò của NTQĐ, trong đó đánh giá ở mức độ “ảnh hưởng lớn” chiếm hơn 96% [Phụ lục 1- bảng 6]. Trao đổi với CBGV trong các NTQĐ về nội dung này, một giảng viên chia sẻ: *“Theo tôi đội ngũ CBGV là lực lượng quyết định đến việc thực hiện các vai trò của NTQĐ vì họ là những người trực tiếp công tác và thực hiện các vai trò này. Chất lượng đội ngũ CBGV tốt thì việc thực hiện các vai trò sẽ tốt và ngược lại”* (PVS: Nam 47 tuổi, Giảng viên Học viện Hậu Cần).

Đi sâu kiểm định sự khác biệt giữa chất lượng đội ngũ CBGV với việc thực hiện các vai trò của NTQĐ, kết quả chỉ ra

Bảng 4.3. Tổng hợp kết quả kiểm định Kruskal-Wallis H về ảnh hưởng của chất lượng đội ngũ CBGV đến việc thực hiện các vai trò của NTQĐ

Nhóm đối tượng	Các vai trò	Mức độ ảnh hưởng	Trung bình Hạng (Mean Rank)	Giá trị P-value (Sig)
CBGV (N=325)	GDLLCT	Lớn	167.75	0.000
		Bình thường	13.50	
	BDRL	Lớn	167.18	0.000
		Bình thường	31.40	
	MTVH	Lớn	167.71	0.000
		Bình thường	14.55	
HV	GDLLCT	Lớn	231.83	0.000

(N=445)	BDRL	Bình thường	13.50	0.000
		Lớn	231.81	
		Bình thường	14.00	
	MTVH	Lớn	229.72	0.000
		Bình thường	63.50	

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Bảng 4.3 cho thấy chất lượng đội ngũ CBGV có ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê tới việc thực hiện các vai trò của NTQĐ. Giá trị Sig ở cả hai nhóm CBGV và HV đều nhỏ hơn 0,05 chứng tỏ có sự khác biệt rõ rệt về mức độ thực hiện các vai trò này giữa những người đánh giá chất lượng đội ngũ CBGV có mức độ "Ảnh hưởng lớn" và những người đánh giá là "Ảnh hưởng bình thường". Điểm đáng chú ý là giá trị Trung bình Hạng (Mean Rank) ở mức độ "ảnh hưởng lớn" đều cao hơn mức độ "ảnh hưởng bình thường" ở cả hai nhóm CBGV và HV. Kết quả này khẳng định tầm quan trọng tuyệt đối của chất lượng đội ngũ CBGV đối với hiệu quả hoạt động của NTQĐ.

Để định lượng hóa mức độ và chiều hướng của mối quan hệ giữa các yếu tố này và việc thực hiện vai trò của nhà trường, nghiên cứu tiến hành phân tích tương quan. Kết quả được trình bày trong bảng 4.4

Bảng 4.4. Kết quả phân tích tương quan giữa chất lượng đội ngũ CBGV với việc thực hiện các vai trò của NTQĐ

Tên biến	Đối tượng	Chỉ tiêu	Các vai trò		
Chất lượng đội ngũ CBGV			GDLLCT	BDRL	MTVH
	CBGV (N=325)	Hệ số R	0,403**	0,371**	0,424**
		Sig	0,000	0,000	0,000
	HV (N=445)	Hệ số R	0,471**	0,512**	0,365**
		Sig	0,000	0,000	0,000
**. Có tương quan với độ tin cậy 99%					

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Kết quả phân tích tương quan cũng cho thấy giá trị Sig đều nhỏ hơn 0,01 chứng tỏ giữa chất lượng đội ngũ CBGV và việc thực hiện các vai trò của NTQĐ có mối tương quan có ý nghĩa thống kê. Hệ số R đều mang giá trị dương thể hiện mối tương quan cùng chiều, tức là chất lượng đội ngũ CBGV tốt thì việc thực hiện các vai trò này cũng tốt. Tuy nhiên tính chất các mối tương quan chỉ diễn ra ở mức độ trung bình ($0,3 < R < 0,5$). Điều này có thể lý giải việc thực hiện các vai trò của NTQĐ không chỉ phụ thuộc vào chất lượng đội ngũ CBGV mà còn chịu sự chi phối của nhiều nhân tố khác.

4.1.3. Ảnh hưởng của mục tiêu, chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục đến việc thực hiện vai trò của nhà trường quân đội trong quá trình hình thành phẩm chất chính trị của học viên đào tạo sĩ quan quân đội (YT3)

Mục tiêu, chương trình, nội dung và phương pháp giáo dục là những yếu tố then chốt quyết định chất lượng và hiệu quả thực hiện các vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT cho học viên đào tạo SQQĐ.

Mục tiêu giáo dục đào tạo của mỗi nhà trường được xác định trên cơ sở đường lối quân sự – quốc phòng của Đảng, từ đó quy định rõ chuẩn đầu ra về phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực tư duy và hành động chính trị của học viên. Khi mục tiêu được xác định đúng và nhất quán, các hoạt động giáo dục LLCT, rèn luyện và xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự được triển khai thống nhất, tạo nền tảng cho việc hình thành và phát triển PCCT của học viên.

Chương trình và nội dung giáo dục có tác động trực tiếp đến việc truyền thụ kiến thức, kỹ năng và giá trị chính trị. Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tích hợp kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quân sự, quốc phòng của Đảng, kiến thức về an ninh phi truyền thống, đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và phòng chống “diễn biến hòa bình”. Việc cập nhật nội dung mới theo yêu cầu thực tiễn, nhất là các nội dung về chiến tranh thông tin,

không gian mạng và nhận diện âm mưu “phi chính trị hóa quân đội”, giúp các nhà trường thực hiện hiệu quả vai trò giáo dục LLCT và bồi dưỡng bản lĩnh chính trị cho học viên.

Phương pháp giáo dục là yếu tố quyết định việc hình thành nhận thức, thái độ và hành vi chính trị của học viên. Việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, tư duy phản biện và khả năng tự học của học viên góp phần làm sâu sắc thêm tri thức chính trị và nâng cao năng lực vận dụng vào thực tiễn. Những phương pháp như thảo luận nhóm, tình huống chính trị – quân sự, mô phỏng, hoạt động ngoại khóa, diễn đàn thanh niên... tạo môi trường trải nghiệm và tương tác cao, thúc đẩy học viên nội tâm hóa các giá trị chính trị và rèn luyện các phẩm chất cần thiết của người sĩ quan.

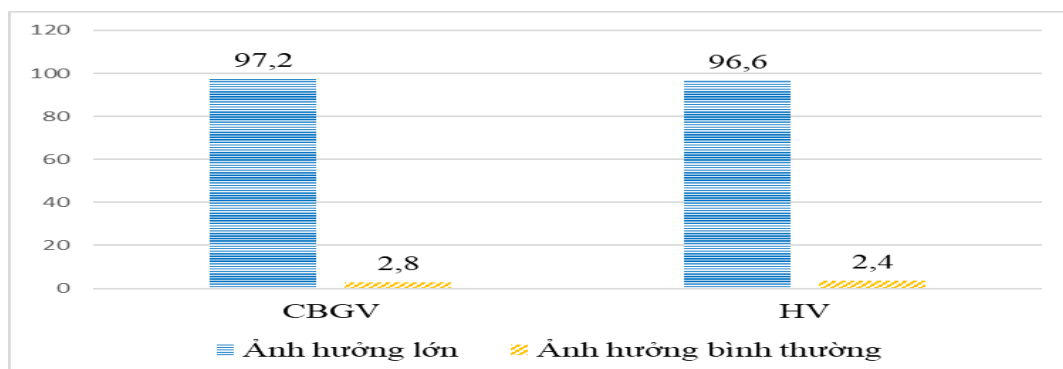
Đặc biệt, trong môi trường quân đội, phương pháp giáo dục gắn học với rèn, gắn dạy học với kỷ luật và nêu gương, được thực hiện thông qua chế độ ngày, tuần, nền nếp đơn vị và tinh thần đoàn kết tập thể, đã tạo ra “môi trường xã hội hóa chính trị” mạnh mẽ. Điều này giúp học viên không chỉ tiếp thu tri thức LLCT mà còn hình thành thái độ chính trị, ý chí phấn đấu và bản lĩnh trước những tác động của tình hình thế giới, khu vực và mặt trái kinh tế thị trường.

Như vậy, mục tiêu, chương trình, nội dung và phương pháp giáo dục tạo thành một chỉnh thể thống nhất, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả thực hiện ba vai trò của NTQĐ. Đây là những yếu tố nội lực quan trọng giúp NTQĐ hình thành PCCT của học viên một cách toàn diện, vững chắc và phù hợp yêu cầu xây dựng đội ngũ sĩ quan trong giai đoạn hiện nay.

Kết quả khảo sát cho thấy tất cả những người tham gia trả lời đều đánh giá mục tiêu, chương trình, nội dung và phương pháp giảng dạy đều ảnh hưởng tới việc thực hiện vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của học viên, trong đó khoảng 97% số người trả lời đánh giá mức độ “ảnh hưởng lớn”, còn lại đánh giá ảnh hưởng ở mức độ “bình thường” (Biểu đồ 4.2). Điều đó cho thấy CBGV và HV đã nhận thức được ảnh hưởng của mục

tiêu, chương trình, nội dung và phương pháp giáo dục tới việc thực hiện vai trò của NTQĐ, đồng thời cũng khẳng định mục tiêu, chương trình, nội dung đóng vai trò định hướng nội dung giáo dục, rèn luyện còn phương pháp giảng dạy là cầu nối, cách thức truyền tải kiến thức từ đội ngũ CBGV tới HV qua đó hình thành PCCT ở người HV. Nhận thức này cũng được phản ánh rõ trong phỏng vấn sâu: một giảng viên Trường Sĩ quan Chính trị khẳng định “*Theo tôi, mục tiêu, chương trình đào tạo có ảnh hưởng rất lớn tới việc thực hiện vai trò của NTQĐ, nếu mục tiêu, cụ thể, rõ ràng sẽ giúp các cơ quan, đơn vị xây dựng chương trình đào tạo phù hợp, xác định đúng nội dung sát với mục tiêu, chương trình, từ đó sẽ hoàn thành tốt được vai trò, nhiệm vụ được phân công*” (PVS: Nam 40 tuổi, giảng viên Trường Sĩ quan Chính trị). Một học viên Trường Sĩ quan Lục quân 1 nhấn mạnh “*Em nghĩ phương pháp giảng dạy và quản lý của CBGV rất quan trọng. Phương pháp phù hợp sẽ giúp chúng em hiểu rõ hơn nội dung mang hiệu quả học tập tốt hơn*”(PVS: Nam 20 tuổi, HV năm thứ hai, Trường Sĩ quan Lục quân 1).

Đơn vị: %



Biểu đồ 4.2: Tỷ lệ CBGV và HV đánh giá ảnh hưởng của mục tiêu, nội dung, chương trình và phương pháp giảng dạy đến việc thực hiện vai trò của NTQĐ

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Như vậy cho thể thấy, mục tiêu, chương trình, nội dung và phương pháp giáo dục có ảnh hưởng không nhỏ tới việc thực hiện vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của HV. Để kiểm tra sự ảnh hưởng của mục tiêu, chương

trình, nội dung và phương pháp giảng dạy đến các vai trò có sự khác biệt hay không, nghiên cứu thực hiện kiểm định Kruskal-Wallis H. Kết quả chỉ ra:

Bảng 4.5. Tổng hợp kết quả kiểm định Kruskal-Wallis H về ảnh hưởng của mục tiêu, chương trình, nội dung và phương pháp giảng dạy đến việc thực hiện các vai trò của NTQĐ

Nhóm đối tượng	Các vai trò	Mức độ ảnh hưởng	Mục tiêu, chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục	
			Trung bình Hạng (Mean Rank)	Giá trị P-value (Sig)
CBGV (N=325)	GDLLCT	Lớn	167.26	0.000
		Bình thường	13.50	
	BDRL	Lớn	166.86	0.000
		Bình thường	27.33	
	MTVH	Lớn	167.20	0.000
		Bình thường	15.56	
HV (N=445)	GDLLCT	Lớn	230.31	0.000
		Bình thường	13.50	
	BDRL	Lớn	230.29	0.000
		Bình thường	14.00	
	MTVH	Lớn	229.07	0.000
		Bình thường	49.00	

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Kết quả bảng 4.5 cho thấy tất cả các giá trị Sig đều nhỏ hơn 0,05 chứng tỏ có sự khác biệt về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tới việc thực hiện vai trò của NTQĐ. Hạng trung bình về mức độ “ảnh hưởng lớn” của các yếu tố đến việc thực hiện các vai trò đều khá cao chứng tỏ mức độ ảnh hưởng lớn của các yếu tố tới việc thực hiện các vai trò. Kết quả này hoàn toàn phù hợp với biểu đồ 4.2 đã chỉ ra. Từ kết quả trên cho thấy để phát huy tốt hơn nữa vai trò của NTQĐ cần tiếp tục nghiên cứu đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp giảng dạy gắn với thực tiễn theo tinh thần Nghị quyết số 29-

NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo” và Nghị quyết số 1657-NQ/QUTWW ngày 20/12/2022 của Quân ủy Trung ương về “đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới”.

Nhằm xác định mức độ chặt chẽ của mối liên hệ mục tiêu, chương trình, nội dung và phương pháp giảng dạy và các vai trò của NTQĐ, chúng tôi tiếp tục sử dụng phương pháp phân tích tương quan. Bảng 4.5 trình bày kết quả chi tiết.

Bảng 4.6. Kết quả phân tích tương quan giữa mục tiêu, chương trình, nội dung và phương pháp giáo dục với việc thực hiện các vai trò của NTQĐ

Tên biến	Đối tượng	Chỉ tiêu	Các vai trò		
Mục tiêu, chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục			GDLLCT	BDRL	MTVH
	CBGV	Hệ số R	0,382**	0,372**	0,398**
		Sig	0,000	0,000	0,000
	HV	Hệ số R	0,428**	0,466**	0,371**
		Sig	0,000	0,000	0,000
**. Có tương quan với độ tin cậy 99%					

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Bảng 4.6 cho thấy tất cả các giá trị Sig đều bằng 0 nhỏ hơn 0.01 chứng tỏ có mối quan hệ tương quan giữa các yếu tố với việc thực hiện các vai trò của NTQĐ. Hệ số tương quan R mang giá trị dương chứng tỏ đây là mối quan hệ cùng chiều, tức là khi mục tiêu, chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy được cải thiện thì việc thực hiện các vai trò của NTQĐ cũng được nâng lên. Kết quả cũng cho thấy tính chất của mối quan hệ tương quan, trong đó giữa mục tiêu, chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục với các vai trò chỉ có mối tương quan ở mức độ trung bình ($0,3 < R < 0,5$), Điều này gợi mở một định hướng trong thời gian tới cần tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng phương pháp giảng dạy theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII xác định: “Tiếp tục đổi mới đồng bộ mục tiêu, nội dung, chương trình, phương thức,

phương pháp giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, phát triển con người toàn diện, đáp ứng những yêu cầu mới của phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, thích ứng với cuộc” [15, tr.58].

4.1.4. Ảnh hưởng của môi trường trường giáo dục trong nhà trường quân đội đến việc thực hiện vai trò của nhà trường quân đội trong quá trình hình thành phẩm chất chính trị của học viên đào tạo sĩ quan quân đội (YT4)

Môi trường giáo dục trong NTQĐ là một hệ thống tổng hợp, kết hợp giữa yếu tố chính trị, tư tưởng, tổ chức, kỷ luật, văn hóa quân sự và các mối quan hệ xã hội đặc thù. Những yếu tố này tác động trực tiếp đến việc thực hiện vai trò của NTQĐ và quyết định mức độ hình thành PCCT của học viên.

Môi trường chính trị, tư tưởng ổn định, thống nhất trong NTQĐ tạo điều kiện thuận lợi cho việc giáo dục LLCT, giúp học viên tiếp thu quan điểm, đường lối của Đảng một cách hệ thống và nhất quán. Việc duy trì nền nếp sinh hoạt Đảng, sinh hoạt chính trị, ngày chính trị – văn hóa – tinh thần, cùng các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước giúp học viên tăng cường ý thức chính trị, củng cố niềm tin, thái độ chính trị tích cực và tinh thần cảnh giác cách mạng.

Môi trường tổ chức, kỷ luật của NTQĐ là nhân tố quan trọng giúp học viên hình thành phẩm chất tuân thủ, tinh thần trách nhiệm và thói quen rèn luyện. Các chế độ ngày, tuần; quy định về lễ tiết, tác phong; các kiểm tra, đánh giá rèn luyện; sự nêu gương của cán bộ quản lý và giảng viên tạo ra một không gian giáo dục nghiêm túc, rèn luyện sự tự giác, tính kỷ luật và ý chí vượt khó. Đây là những thành tố cốt lõi của PCCT.

Tinh thần đoàn kết, tính nhân văn, ý thức tập thể, truyền thống đơn vị và bầu không khí sư phạm tích góp phần hình thành hệ giá trị và chuẩn mực ứng xử cho học viên. Trong môi trường ấy, các mối quan hệ đồng chí – đồng đội, quan hệ thầy – trò, quan hệ cấp trên – cấp dưới... trở thành kênh xã hội hóa quan trọng, giúp học viên lĩnh hội các giá trị chính trị và đạo đức quân nhân.

Ngoài ra, chất lượng cơ sở vật chất, phương tiện giảng dạy, mô hình huấn luyện, không gian học tập và sinh hoạt cũng ảnh hưởng đáng kể tới hiệu quả thực hiện các vai trò của NTQĐ. Cơ sở vật chất hiện đại, hệ thống thao trường, bãi tập, phòng học chuyên dụng, thư viện, học liệu số hóa giúp nâng cao chất lượng giáo dục LLCT và bồi dưỡng năng lực tự học, nghiên cứu của học viên. Không gian sư phạm khoa học, xanh - sạch - đẹp, chính quy, gần với chuẩn mực quân đội củng cố ý thức trách nhiệm và thái độ chính trị tích cực của học viên đối với môi trường họ đang rèn luyện.

Nhìn chung, môi trường giáo dục trong NTQĐ có tác động đa chiều, tạo nên “không gian xã hội hóa đặc thù”, nơi học viên được sống, trải nghiệm và rèn luyện hằng ngày. Chính sự tổng hòa của các yếu tố này bảo đảm NTQĐ phát huy đầy đủ vai trò giáo dục LLCT, tổ chức rèn luyện PCCT và xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự, qua đó hình thành PCCT cho đội ngũ sĩ quan tương lai.

Kết quả khảo sát cho thấy có trên 93% CBGV và HV đánh giá môi trường giáo dục có ảnh hưởng lớn tới việc thực hiện vai trò của NTQĐ [Phụ lục 1- Bảng 6]. Kết quả trên là minh chứng cho thấy môi trường giáo dục trong NTQĐ không chỉ là yếu tố hỗ trợ, mà là điều kiện nền tảng quyết định hiệu quả của các vai trò của NTQĐ. Để kiểm tra mức độ ảnh hưởng của môi trường văn hóa tới việc thực hiện các vai trò của NTQĐ, nghiên cứu tiến hành thực hiện kiểm định Kruskal-Wallis, kết quả như sau

Bảng 4.7. Tổng hợp kết quả kiểm định Kruskal-Wallis H về ảnh hưởng của môi trường giáo dục đến việc thực hiện các vai trò của NTQĐ

Nhóm đối tượng	Các vai trò	Mức độ ảnh hưởng	Môi trường giáo dục	
			Trung bình Hạng (Mean Rank)	Giá trị P-value (Sig)
CBGV (N=325)	GDLLCT	Lớn	172.04	0.000
		Bình thường	25.13	

	BDRL	Lớn	171.83	0.000
		Bình thường	28.35	
	MTVH	Lớn	170.36	0.000
		Bình thường	50.75	
HV (N=445)	GDLLCT	Lớn	235.68	0.000
		Bình thường	18.67	
	BDRL	Lớn	235.75	0.000
		Bình thường	17.60	
	MTVH	Lớn	231.51	0.000
		Bình thường	85.81	

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Kết quả bảng 4.7 cho thấy giá trị Sig đều nhỏ hơn 0,05 chứng tỏ có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về ảnh hưởng của môi trường giáo dục tới việc thực hiện các vai trò của NTQĐ. Giá trị hạng trung bình của mức độ “ảnh hưởng lớn” cao hơn mức độ “ảnh hưởng bình thường” rất nhiều cho thấy môi trường giáo dục có ảnh hưởng lớn tới mức độ thực hiện và hiệu quả các vai trò của NTQĐ đối với quá trình hình thành PCCT của HV, cả từ góc nhìn của CBGV và HV. Tuy nhiên hạng trung bình trong đánh giá của nhóm HV cao hơn so với nhóm CBGV, điều đó cho thấy HV trực tiếp cảm nhận tác động của môi trường giáo dục mạnh mẽ hơn. Nhóm CBGV đánh giá tương đối đồng đều giữa các vai trò, trong khi HV lại có sự chênh lệch nổi bật ở GDLLCT và BDRL Sự khác biệt này có thể lý giải đội ngũ CBGV là những người có kiến thức, kinh nghiệm nên có cái nhìn tổng thể, toàn diện hơn; trong khi HV là đối tượng chịu tác động trực tiếp từ môi trường giáo dục nên phản ứng rõ ràng hơn, đặc biệt với các hoạt động gắn liền đời sống và học tập hằng ngày.

Mặc dù kiểm định Kruskal-Wallis H đã khẳng định sự khác biệt có ý nghĩa thống kê, để hiểu rõ hơn về mức độ và chiều hướng tác động, nghiên cứu tiếp tục tiến hành phân tích tương quan. Kết quả được tổng hợp trong Bảng 4.7

Bảng 4.8. Kết quả phân tích tương quan giữa môi trường giáo dục với việc thực hiện các vai trò của NTQĐ

Tên biến	Đối tượng	Chỉ tiêu	Các vai trò		
Môi trường giáo dục			GDLLCT	BDRL	MTVH
		Hệ số R	0,519**	0,556**	0,424**
	Sig	0,000	0,000	0,000	
	HV	Hệ số R	0,555**	0,606**	0,363**
		Sig	0,000	0,000	0,000
**. Có tương quan với độ tin cậy 99%					

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Kết quả bảng 4.8 cho thấy tồn tại các mối liên hệ cùng chiều và có ý nghĩa thống kê cao (Sig = 0,000, độ tin cậy 99%) giữa môi trường giáo dục với việc thực hiện các vai trò của NTQĐ ở cả hai nhóm đối tượng khảo sát. Cụ thể, ở nhóm CBGV, môi trường giáo dục có mức tương quan mạnh nhất với vai trò BDR (R = 0,556), tiếp đến là GDLLCT (R = 0,519) và thấp hơn là MTVH (R = 0,424).. Ở nhóm HV cũng cho kết quả tương tự với hệ số tương quan của các vai trò lần lượt là 0,606; 0,555 và 0,363. Điều này phản ánh nhận thức của đội ngũ CBGV và HV rằng môi trường giáo dục thuận lợi sẽ đặc biệt hỗ trợ cho công tác bồi dưỡng, rèn luyện PCCT của HV, đồng thời cũng góp phần nâng cao hiệu quả GDLLCT và MTVH. Chính vì vậy cần quan tâm xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, tạo điều kiện để phát huy và lan tỏa các giá trị tốt đẹp trong nhà trường, đồng thời ngăn ngừa các tiêu cực trong môi trường giáo dục: “Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, kiên quyết khắc phục bệnh thành tích, ngăn ngừa và xử lý nghiêm các tiêu cực trong giáo dục và đào tạo” [15, tr.59].

4.1.5. Ảnh hưởng của mạng xã hội, sự chống phá của các thế lực thù địch, mặt trái kinh tế thị trường đến việc thực hiện vai trò của nhà trường quân đội trong quá trình hình thành phẩm chất chính trị của học viên đào tạo sĩ quan quân đội (YT5)

Mạng xã hội, sự chống phá của các thế lực thù địch và những mặt trái của kinh tế thị trường là những yếu tố ngoại sinh có ảnh hưởng tiêu cực, đa chiều và tạo ra những thách thức nghiêm trọng đối với việc thực hiện vai trò của NTQĐ. Những yếu tố này tác động đến tư tưởng, kỷ luật và đạo đức, lối sống của đội ngũ CBGV và HV trong thực hiện các nhiệm vụ nói chung và hoạt động giáo dục, rèn luyện PCCT cho HV.

Sự phát triển mạnh mẽ của Cách mạng công nghiệp 4.0 với các công nghệ cốt lõi như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, mạng xã hội và các nền tảng số đã tạo ra những chuyển biến sâu sắc trong phương thức truyền tải thông tin, đặc biệt là tốc độ lan truyền, mức độ phủ rộng và khả năng cá nhân hóa nội dung. Trong bối cảnh đó, mạng xã hội trở thành không gian thông tin vừa mở, vừa phân tán, nơi các thế lực thù địch và phần tử cơ hội chính trị triệt để lợi dụng để truyền bá quan điểm sai trái, xuyên tạc chủ nghĩa Mác – Lênin, đường lối quân sự của Đảng và phủ nhận vai trò lãnh đạo của quân đội. sự phát triển của mạng xã hội khiến các thông tin độc hại được khuếch đại, dễ tạo ra nhận thức phiến diện, dẫn đến sự dao động lập trường ở những đối tượng có nền tảng chính trị chưa vững chắc.

Đối với học viên đào tạo sĩ quan, đặc biệt là học viên năm thứ nhất và năm thứ hai vừa bước vào môi trường quân sự, khả năng sàng lọc và phân tích thông tin còn hạn chế, trong khi nhu cầu sử dụng mạng xã hội để kết nối, giải trí và cập nhật thông tin lại rất cao. Điều này làm gia tăng nguy cơ tiếp xúc với các nội dung kích động, xuyên tạc, lôi kéo hoặc “tẩy não mềm” thông qua các dạng nội dung được nguy trang dưới hình thức giải trí, hài hước, đời sống thường ngày. Nguy hiểm hơn, các công nghệ như AI tạo ra những video xuyên

tác, xấu độc khiến người học khó phân biệt thật – giả, dễ dẫn đến nhận thức không đúng, ảnh hưởng trực tiếp đến niềm tin chính trị, thái độ và động cơ phấn đấu của học viên. Một số học viên có thể rơi vào trạng thái hoài nghi, thiếu tin tưởng hoặc tiếp nhận thông tin phiến diện, từ đó nảy sinh lệch lạc trong nhận thức, giảm sút ý chí học tập, kỷ luật và mục tiêu phấn đấu trong nghề nghiệp quân sự.

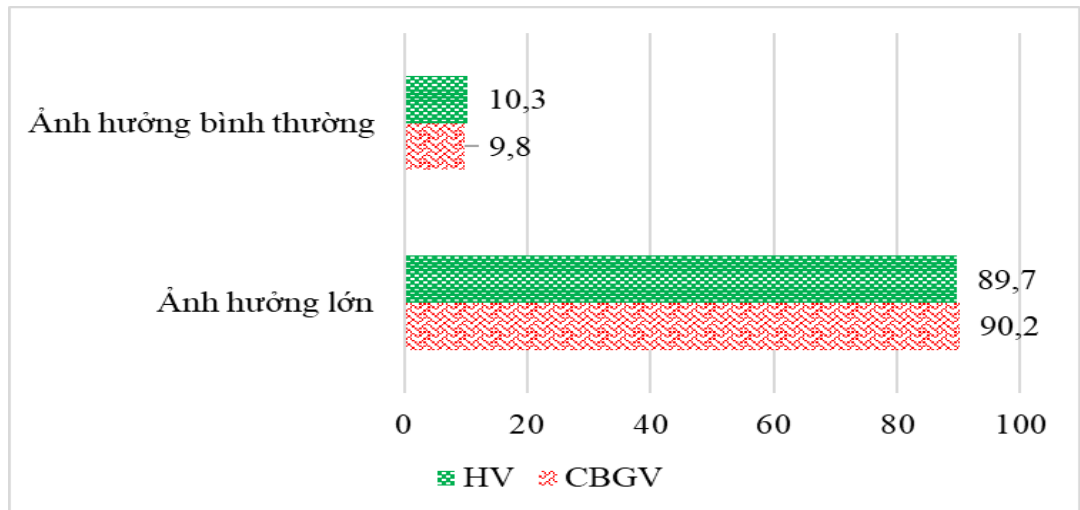
Các thế lực thù địch đẩy mạnh chiến lược “diễn biến hòa bình”, “phi chính trị hóa quân đội”, sử dụng các nền tảng số để xuyên tạc tình hình, tấn công vào uy tín Đảng, Quân đội và mục tiêu lý tưởng cách mạng của thế hệ trẻ quân đội. Những hoạt động này tạo ra áp lực trực tiếp cho NTQĐ trong xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự và tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện PCCT. NTQĐ phải chủ động cập nhật nội dung giáo dục, gắn rèn luyện kỷ luật với cảnh giác cách mạng, tăng cường sinh hoạt chính trị, kịp thời định hướng tư tưởng để học viên không bị tác động bởi luận điệu sai trái.

Những tác động của mặt trái của kinh tế thị trường đang gây ảnh hưởng đến một bộ phận học viên thông qua lối sống thực dụng, cá nhân chủ nghĩa, tâm lý hưởng thụ, đề cao giá trị vật chất hơn giá trị tinh thần. Những biểu hiện này dễ dẫn đến suy giảm động cơ phấn đấu, lỏng lẻo trong rèn luyện và thiếu tinh thần cống hiến. Điều này đặt ra yêu cầu NTQĐ phải tổ chức chặt chẽ các hoạt động rèn luyện, phát huy vai trò nêu gương của CBGV, xây dựng môi trường văn hóa trong sáng, kỷ luật nghiêm, qua đó định hình phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống cho học viên theo chuẩn mực của người sĩ quan quân đội.

Như vậy, các tác động từ mạng xã hội, chiến lược chống phá của các thế lực thù địch và mặt trái kinh tế thị trường vừa tạo ra thách thức, vừa làm tăng yêu cầu đối với NTQĐ trong việc thực hiện các vai trò cốt lõi: giáo dục LLCT, tổ chức hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện PCCT và xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự. Điều này đặt ra yêu cầu đối với các NTQĐ phải không ngừng nâng cao chất lượng GD-ĐT, nhất là giáo dục PCCT cho học viên. “cạnh tranh

chiến lược giữa các nước lớn, căng thẳng ở các điểm nóng xung đột... các thế lực thù địch tăng cường chống phá Đảng, Nhà nước và Quân đội... đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với công tác GD-ĐT Quân đội” [56, tr.12].

Đơn vị: %



Biểu đồ 4.3. Tỷ lệ CBGV và HV đánh giá ảnh hưởng của mạng xã hội, sự chống phá các thế lực thù địch, mặt trái kinh tế thị trường tới việc thực hiện vai trò của NTQĐ

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Kết quả biểu đồ 4.3 cho thấy mức độ ảnh hưởng của yếu tố mạng xã hội, sự chống phá của các thế lực thù địch và tác động mặt trái kinh tế thị trường tới việc thực hiện vai trò của NTQĐ, có khoảng 90% số người trả lời đánh giá những yếu tố này có “ảnh hưởng lớn” đến việc thực hiện vai trò của NTQĐ, còn lại đánh giá ảnh hưởng ở mức độ “bình thường”. Điều đó cho thấy các chủ thể trong NTQĐ đã nhận thức được ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài đến việc thực hiện vai trò của nhà trường. NTQĐ không phải là môi trường hoàn toàn “khép kín” mà luôn chịu tác động mạnh mẽ từ bối cảnh chính trị - xã hội bên ngoài. Đồng thời cũng cho thấy NTQĐ không chỉ đơn thuần là môi trường giáo dục, trang bị tri thức chuyên môn mà còn phải thực hiện nhiệm vụ bảo vệ tư tưởng, đấu tranh chống lại sự tác động tiêu cực của các yếu tố bên ngoài vào. Do đó NTQĐ phải tăng cường các biện pháp giáo dục, rèn luyện nâng cao bản

lĩnh chính trị, tư tưởng để tăng cường “sức đề kháng” cho HV trước những tác động từ bên ngoài. Một giảng viên chia sẻ: *“Tôi thấy hiện nay môi trường xã hội bên ngoài đang có những ảnh hưởng lớn tới việc thực hiện nhiệm vụ của CBGV và HV. Bởi lẽ họ không chỉ sống trong môi trường quân sự biệt lập mà có thường xuyên có mối liên hệ với gia đình, bạn bè và xã hội. Những ảnh hưởng từ các mối quan hệ xã hội bên ngoài phần nào tác động đến tư tưởng, thái độ của họ và ảnh hưởng tới chất lượng thực hiện các nhiệm vụ”* (PVS: Nam 42 tuổi, Giảng viên Trường Sĩ quan Chính trị).

Kết quả kiểm định Kruskal-Wallis cho thấy giá trị Sig = 0 chứng tỏ có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về sự ảnh hưởng của yếu tố này nên các vai trò của NTQDD. Hạng trung bình ở mức độ “ảnh hưởng lớn” cao hơn mức độ “ảnh hưởng trung bình” rất nhiều chứng tỏ các yếu tố này có những ảnh hưởng không nhỏ tới việc thực hiện các vai trò của NTQĐ. Trong đó yếu tố này ảnh hưởng nhiều hơn tới việc thực hiện vai trò giáo dục tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện, vai trò giáo dục LLCT khi trung bình hạng của các vai trò này cao hơn so với vai trò xây dựng MTVH chính trị quân sự (bảng 4.9).

Bảng 4.9. Tổng hợp kết quả kiểm định Kruskal-Wallis H về ảnh hưởng mạng xã hội, sự chống phá của các thế lực thù địch, mặt trái kinh tế thị trường đến việc thực hiện các vai trò của NTQĐ

Nhóm đối tượng	Các vai trò	Mức độ ảnh hưởng	Mạng xã hội	
			Trung bình Hạng (Mean Rank)	Giá trị P-value (Sig)
CBGV (N=325)	GDLLCT	Lớn	175.62	0.000
		Bình thường	47.41	
	BDRL	Lớn	175.67	0.000
		Bình thường	47.03	
	MTVH	Lớn	173.10	0.000
		Bình thường	70.55	
HV (N=445)	GDLLCT	Lớn	240.41	0.000
		Bình thường	71.98	

	BDRL	Lớn	242.41	0.000
		Bình thường	54.65	
	MTVH	Lớn	236.30	0.000
		Bình thường	107.63	

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Để kiểm tra xem liệu giữa ảnh hưởng của mạng xã hội, sự chống phá của các thế lực thù địch và mặt trái kinh tế thị trường với việc thực hiện các vai trò của NTQĐ hay không, nghiên cứu tiến hành phân tích tương quan Pearson. Kết quả phân tích tương quan cho thấy: giá trị Sig =0 (nhỏ hơn 0,05) có quan hệ có ý nghĩa thống kê). Hệ số tương quan R dao động từ 0,38 đến 0,60 cho thấy mối tương quan ở mức độ trung bình và mạnh. Cụ thể yếu tố này có mối tương quan mạnh với việc thực hiện vai trò giáo dục LLCT và vai trò tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện PCCT cho HV và có mối tương quan ở mức độ trung bình với việc thực hiện vai trò xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự (bảng 4.10). Kết quả trên cũng cho thấy những tác động từ bên ngoài tạo ra những thách thức đòi hỏi NTQĐ phải tăng cường vai trò giáo dục LLCT, tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện PCCT và xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự lành mạnh để chống lại những tác động tiêu cực từ bên ngoài vào.

Bảng 4.10. Kết quả phân tích tương quan giữa mạng xã hội, sự chống phá của các thế lực thù địch, mặt trái kinh tế thị trường với việc thực hiện các vai trò của NTQĐ

Tên biến	Đối tượng	Chỉ tiêu	Các vai trò		
Mạng xã hội, sự chống phá của các thế lực thù địch và mặt trái kinh tế thị trường	CBGV	Hệ số R	GDLLCT	BDRL	MTVH
		Sig	0,000	0,000	0,000
	HV	Hệ số R	0,525**	0,604**	0,388**
		Sig	0,000	0,000	0,000
	**. Có tương quan với độ tin cậy 99%				

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

4.1.6. Ảnh hưởng của nhận thức, thái độ, ý chí, nghị lực, động cơ phấn đấu của học viên đến việc thực hiện vai trò của nhà trường quân đội trong quá trình hình thành phẩm chất chính trị của học viên đào tạo sĩ quan quân đội (YT6)

Nhận thức, thái độ, ý chí, nghị lực và động cơ phấn đấu của HV là những yếu tố chủ quan mang tính quyết định đến hiệu quả thực hiện các vai trò của NTQĐ trong giáo dục và rèn luyện PCCT. Yếu tố này tạo thành một “sức mạnh nội sinh”, quyết định mức độ chuyển hóa tri thức thành hành vi, phẩm chất.

Nhận thức chính trị là nhân tố then chốt quyết định đến chất lượng, hiệu quả thực hiện các vai trò, nhất là giáo dục LLCT. Đây là cơ sở để học viên hiểu đúng đường lối của Đảng, bản chất, mục tiêu chiến đấu của Quân đội, từ đó hình thành thái độ học tập nghiêm túc, chủ động tiếp thu nội dung giáo dục LLCT. Khi nhận thức chính trị đúng đắn, học viên dễ dàng nội tâm hóa các giá trị chính trị, quy định điều lệnh, điều lệ quân đội, góp phần làm tăng hiệu quả vai trò giáo dục LLCT của NTQĐ.

Thái độ học tập và rèn luyện là yếu tố quyết định chất lượng các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện PCCT. Một học viên có thái độ tích cực sẽ tham gia đầy đủ các hoạt động chính trị – xã hội, sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt đoàn – hội, qua đó hình thành thói quen và bản lĩnh chính trị vững chắc. Ngược lại, thái độ thụ động hoặc học tập đối phó sẽ làm giảm hiệu quả tác động của NTQĐ dù chương trình và phương pháp giáo dục được tổ chức tốt.

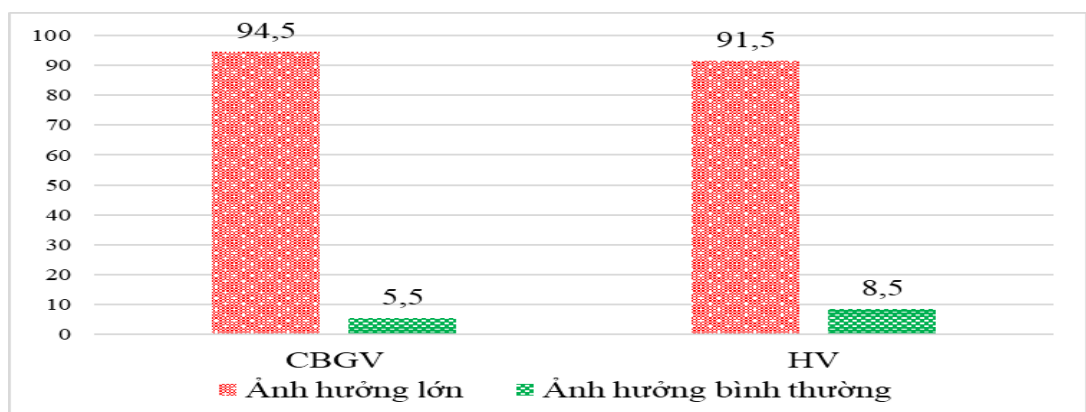
Ý chí, nghị lực và động cơ phấn đấu của HV là những yếu tố quyết định đến hiệu quả thực hiện các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện PCCT. Môi trường quân đội với tính kỷ luật cao và sự khắc nghiệt trong huấn luyện đòi hỏi HV phải có ý chí, nghị lực mạnh mẽ để vượt qua khó khăn. Khi HV có động cơ phấn đấu đúng đắn, họ sẽ biến những nội quy, kỷ luật thành hành vi tự giác, từ đó các PCCT như tính kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, lòng dũng cảm được bồi dưỡng

một cách vững chắc. . Thiếu ý chí, nghị lực sẽ dẫn đến tình trạng buông lỏng bản thân, làm giảm sút hiệu quả của mọi hoạt động rèn luyện.

Bên cạnh đó, HV không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà còn là chủ thể trực tiếp tham gia xây dựng môi trường. động cơ phấn đấu, ước muốn trở thành sĩ quan, tinh thần cống hiến, khát vọng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là nguồn lực tinh thần thúc đẩy học viên nỗ lực trong học tập và rèn luyện. Khi động cơ phấn đấu đúng đắn, học viên sẽ chủ động tìm hiểu chính trị, say mê nghiên cứu LLCT, tích cực tham gia hoạt động tập thể, góp phần tạo nên môi trường văn hóa chính trị quân sự tích cực trong NTQĐ.

Kết quả khảo sát cho thấy có hơn 90% số CBGV và HV được khảo sát đánh giá yếu tố này có ảnh hưởng lớn tới việc thực hiện vai trò của NTQĐ (biểu đồ 4.4). Điều đó cho thấy giáo dục không phải là một tiến trình một chiều, mà là một quá trình tương tác phức tạp, trong đó sự thành công phụ thuộc lớn vào sự chủ động, tích cực từ phía người học. Chính vì vậy để phát huy tốt vai trò của NTQĐ trong giáo dục, rèn luyện PCCT cho HV cần phát huy được vai trò tích cực, tự giác, chủ động của HV.

Đơn vị: %



Biểu đồ 4.4. Tỷ lệ CBGV và HV đánh giá mức độ ảnh hưởng từ nhận thức, thái độ, ý chí, nghị lực, động cơ phấn đấu của HV đến việc thực hiện vai trò của NTQĐ

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Để củng cố thêm tính khoa học và xác định sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm đánh giá, chúng tôi sử dụng kiểm định phi tham số Kruskal-Wallis H. Kết quả kiểm định như sau:

Bảng 4.11. Tổng hợp kết quả kiểm định Kruskal-Wallis H về ảnh hưởng từ nhận thức, thái độ, ý chí, nghị lực, động cơ phấn đấu của HV đến việc thực hiện các vai trò của NTQĐ

Nhóm đối tượng	Các vai trò	Mức độ ảnh hưởng	Mạng xã hội	
			Trung bình Hạng (Mean Rank)	Giá trị P (Sig)
CBGV (N=325)	GDLLCT	Lớn	171.01	0.000
		Bình thường	26.42	
	BDRL	Lớn	170.76	0.000
		Bình thường	30.72	
	MTVH	Lớn	169.88	0.000
		Bình thường	45.72	
HV (N=445)	GDLLCT	Lớn	238.26	0.000
		Bình thường	59.51	
	BDRL	Lớn	239.01	0.000
		Bình thường	51.49	
	MTVH	Lớn	233.79	0.000
		Bình thường	107.38	

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Kết quả kiểm định cho thấy giá trị Sig trong tất cả các trường hợp đều bằng 0 (nhỏ hơn 0,05) nên có đủ cơ sở khẳng định rằng có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa đánh giá của nhóm "ảnh hưởng lớn" và nhóm "ảnh hưởng bình thường". Hạng trung bình của nhóm "ảnh hưởng lớn" luôn rất cao, vượt trội so với nhóm "ảnh hưởng bình thường". Điều này một lần nữa củng cố cho nhận định rằng đại đa số CBGV và HV đều đánh giá các yếu tố ngoại sinh này có ảnh hưởng rất lớn đến việc thực hiện các vai trò của NTQĐ. Kết quả này không chỉ xác nhận tính đúng đắn của dữ liệu định lượng ban đầu (Biểu đồ 4.4) mà còn

phản ánh sự đồng thuận cao và nhận thức sâu sắc về những thách thức hiện hữu, đòi hỏi nhà trường phải có những giải pháp ứng phó hiệu quả và đồng bộ.

Để định lượng hóa mức độ và chiều hướng của mối quan hệ giữa các yếu tố này và việc thực hiện vai trò của nhà trường, nghiên cứu tiến hành phân tích tương quan. Kết quả được trình bày trong bảng 4.12

Bảng 4.12. Kết quả phân tích tương quan giữa nhận thức, thái độ, ý chí, nghị lực, động cơ phấn đấu của HV với việc thực hiện các vai trò của NTQĐ

Tên biến	Đối tượng	Chỉ tiêu	Các vai trò		
Nhận thức, thái độ, ý chí, nghị lực, động cơ phấn đấu của học viên			GDLLCT	BDRL	MTVH
	CBGV	Hệ số R	0,485**	0,510**	0,425**
		Sig	0,000	0,000	0,000
	HV	Hệ số R	0,521**	0,577**	0,361**
		Sig	0,000	0,000	0,000
**. Có tương quan với độ tin cậy 99%					

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Kết quả phân tích cho thấy tất cả các giá trị Sig đều bằng 0 chứng tỏ giữa nhận thức, thái độ, ý chí, nghị lực, động cơ phấn đấu của HV và các vai trò của NTQĐ có mối tương quan với nhau. Hệ số tương quan R mang giá trị dương và dao động từ 0,361 đến 0,577 chứng tỏ đây là mối tương quan cùng chiều diễn ra ở mức độ trung bình và mạnh, trong đó mối tương quan giữa nhận thức, thái độ, ý chí, nghị lực, động cơ phấn đấu của HV với vai trò giáo dục LLCT và vai trò tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện PCCT cho HV diễn ra mạnh ($R > 0,5$). Kết quả trên một lần nữa khẳng định yếu tố nội tại của HV là nhân tố quyết định trực tiếp đến hiệu quả của toàn bộ quá trình giáo dục và rèn luyện PCCT đã đề cập ở biểu đồ 4.4.

Như vậy tất cả các yếu tố phân tích ở trên đều ảnh hưởng và mỗi mối tương quan khá chặt chẽ với việc thực hiện vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ. Để định lượng hóa mức độ tác động và xác định yếu tố nào có ảnh hưởng mạnh nhất đến việc thực hiện vai

trò của NTQĐ, nghiên cứu tiến hành phân tích hồi quy giữa các yếu tố với việc thực hiện vai trò của NTQĐ. Sau khi thực hiện các kỹ thuật phân tích và loại bỏ các biến không đáp ứng điều kiện ($\text{Sig} > 0,05$ không có ý nghĩa trong mô hình), kết quả thu được như sau:

** Đối với thực hiện vai trò giáo dục lý luận chính trị*

Bảng 4.13. Kết quả mô hình hồi quy tuyến tính ảnh hưởng của các yếu tố đối với vai trò giáo dục LLCT

Nhân tố		Hệ số chuẩn hóa Beta	t	Giá trị p (Sig.)	Thông kê cộng tuyến	
					Độ chấp nhận của biến (Tolerance)	Hệ số phóng đại phương sai (VIF)
CBGV	Hằng số		4.506	0.000		
	YT1	0.122	2.493	0.013	0.899	1.112
	YT2	0.321	6.484	0.000	0.880	1.137
	YT3	0.230	4.757	0.000	0.923	1.083
	YT4	0.169	3.344	0.001	0.849	1.178
	YT6	0.194	4.084	0.000	0.954	1.049
HV	Hằng số		6.658	0.000		
	YT2	0.332	7.934	0.000	0.899	1.112
	YT3	0.243	5.958	0.000	0.948	1.055
	YT4	0.186	4.393	0.000	0.880	1.137
	YT6	0.167	4.184	0.000	0.990	1.010

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Dựa vào kết quả phân tích cho thấy hệ số Beta của YT2 (chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên) cao nhất ở cả hai nhóm khảo sát. Điều đó có nghĩa là chất lượng đội ngũ CBGV có ảnh hưởng lớn nhất tới việc thực hiện vai trò giáo dục LLCT, tiếp đến là yếu tố nội dung, mục tiêu, chương trình, phương pháp giáo dục. Theo lý thuyết vai trò – vị thế xã hội thì vai trò là tập hợp hành vi/chuẩn mực gắn với vị thế trong hệ thống xã hội. Các yếu tố chất lượng đội

ngũ CBGV và nội dung, mục tiêu, chương trình, phương pháp giáo dục phản ánh những kỳ vọng xã hội đối với NTQĐ khi thực hiện chức năng giáo dục LLCT. Khi chất lượng đội ngũ CBGV, mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục được đáp ứng tốt thì vai trò giáo dục LLCT được thực hiện đầy đủ, từ đó sẽ nâng cao vị thế NTQĐ.

Lý thuyết xã hội hóa chỉ ra NTQĐ là thiết chế xã hội hóa đặc thù, nơi HV chuyển từ “thanh niên dân sự” thành “quân nhân, sĩ quan”. Các yếu tố như chương trình, phương pháp, môi trường chính là tác nhân xã hội hóa chính thức và phi chính thức, giúp HV tiếp nhận và chuyên hóa giá trị chính trị thành PCCT. Việc chất lượng đội ngũ CBGV có hệ số Beta cao nhất ở cả CBGV và HV cho thấy đây là điều kiện quan trọng nhất để truyền tải hệ giá trị chính trị, tạo nền tảng cho sự chuyển hóa thành PCCT vững vàng ở HV.

** Đối với thực hiện vai trò tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện PCCT.*

Bảng 4.14: Kết quả mô hình hồi quy tuyến tính ảnh hưởng của các yếu tố đối với vai trò tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện PCCT

Nhân tố		Hệ số chuẩn hóa Beta	t	Giá trị p (Sig.)	Thống kê cộng tuyến	
					Độ chấp nhận của biến (Tolerance)	Hệ số phóng đại phương sai (VIF)
CBGV	Hằng số		4.667	0.000		
	YT1	0.220	4.533	0.000	0.694	1.441
	YT2	0.247	5.904	0.000	0.934	1.071
	YT3	0.173	3.892	0.000	0.833	1.200
	YT4	0.104	2.551	0.011	0.978	1.023
	YT6	0.353	7.578	0.000	0.758	1.319
HV	Hằng số		10.588	0.000		
	YT1	0.143	2.507	0.013	0.663	1.508
	YT2	0.107	2.164	0.031	0.872	1.147
	YT4	0.025	1.762	0.027	0.927	1.078
	YT6	0.131	2.761	0.003	0.958	1.044

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Kết quả bảng 4.14 cho thấy nhận thức thái độ, động cơ, ý chí phấn đấu của học viên và đường lối QPAN có ảnh hưởng lớn tới việc thực hiện vai trò BDRL cho HV khi hệ số Beta của các yếu tố này cao hơn các yếu tố khác. Điều này có thể lý giải quá trình xã hội hóa quân nhân là quá trình tương tác hai chiều. Kết quả quá trình xã hội hóa không chỉ phụ thuộc vào chủ thể truyền tải (CBGV) mà còn phụ thuộc vào nhận thức, thái độ của đối tượng tiếp nhận (HV). Chính vì vậy hiệu quả của các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện phụ thuộc không nhỏ vào tính tự giác của HV trong tham gia các hoạt động do nhà trường và đơn vị tổ chức. Bên cạnh đó, HV cũng có những vị thế xã hội nhất định, chỉ khi học viên thực hiện tốt vai trò của mình trong các hoạt động do nhà trường, đơn vị tổ chức thì vai trò của nhà trường mới được thực hiện tốt và đáp ứng được kỳ vọng của Quân đội đặt ra.

** Đối với thực hiện vai trò xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự:*

Bảng 4.15. Kết quả mô hình hồi quy tuyến tính ảnh hưởng của các yếu tố đối với vai trò xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự

Nhân tố		Hệ số chuẩn hóa Beta	t	Giá trị p (Sig.)	Thông kê cộng tuyến	
					Độ chấp nhận của biến (Tolerance)	Hệ số phóng đại phương sai (VIF)
CBGV	Hằng số		4.667	0.000		
	YT1	0.220	4.533	0.000	0.694	1.441
	YT2	0.173	3.892	0.000	0.833	1.200
	YT3	0.247	5.904	0.000	0.934	1.071
	YT4	0.104	2.551	0.011	0.978	1.023
	YT6	0.353	7.578	0.000	0.758	1.319
HV	Hằng số		3.554	0.000		
	YT2	0.229	6.604	0.000	0.872	1.147

	YT3	0.231	6.870	0.000	0.927	1.078
	YT4	0.181	5.182	0.000	0.859	1.165
	YT5	0.140	4.223	0.000	0.958	1.044
	YT6	0.360	9.683	0.000	0.761	1.314

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Bảng 4.15 cho thấy hệ số Beta của yếu tố nhận thức, thái độ, ý chí, động cơ phần đầu của học viên lớn nhất trong cả hai nhóm CBGV và HV. Điều đó có nghĩa đây là yếu tố ảnh hưởng lớn nhất tới việc thực hiện vai trò xây dựng môi trường văn hóa chính trị của NTQĐ. Lý thuyết vai trò – vị thế chỉ ra: NTQĐ có vị thế xã hội kép vừa là cơ sở đào tạo, vừa là tổ chức quân sự. MTVH chính trị quân sự phản ánh tập hợp hành vi vai trò của toàn thể thành viên, trong đó học viên là lực lượng đông đảo nhất. Chỉ khi học viên có nhận thức đúng, thái độ tích cực, ý chí và động cơ phần đầu cao, họ thực hiện trọn vẹn vai trò người học viên, người quân nhân lúc đó vai trò xây dựng MTVH chính trị quân sự mới được thực hiện tốt. Đây chính là lý do mà nhận thức, thái độ, ý chí, động cơ phần đầu của HBV có ảnh hưởng lớn nhất trong mô hình hồi quy.

4.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI TRONG QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHẨM CHẤT CHÍNH TRỊ CỦA HỌC VIÊN ĐÀO TẠO SĨ QUAN QUÂN ĐỘI HIỆN NAY

NTQĐ giữ vai trò trung tâm trong quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ. Thông qua các giáo dục lý luận chính trị, tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện và xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự, các giá trị, chuẩn mực về PCCT của người quân nhân, người SQQĐ được HV tiếp nhận, rèn luyện và hoàn thiện trong môi trường văn hóa quân sự. Tuy nhiên, trong bối cảnh tình hình mới với những yêu cầu ngày càng cao về chất lượng đào tạo sĩ quan, đặc biệt là yêu cầu xây dựng Quân đội vững mạnh về chính trị,

NTQĐ đang đối mặt với nhiều thách thức khách quan và chủ quan. Điều này đòi hỏi phải có những giải pháp đồng bộ, toàn diện và khả thi nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục PCCT cho HV, phát huy mạnh mẽ vai trò của NTQĐ trong quá trình đó. Trong đó cần tập trung các nhóm giải pháp cơ bản sau:

4.2.1. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao nhận thức cho các chủ thể, các lực lượng về vai trò của nhà trường quân đội trong giáo dục, rèn luyện phẩm chất chính trị cho học viên đào tạo sĩ quan quân đội hiện nay

Đây là giải pháp giữ vai trò then chốt, có ý nghĩa định hướng và là nền tảng cho các giải pháp khác. Nhận thức đúng đắn sẽ tạo sự thống nhất trong tư duy và hành động, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục chính trị trong nhà trường. Kết quả nghiên cứu thực trạng cho thấy nhận thức của một bộ phận CBGV và HV về vai trò của NTQĐ trong giáo dục, rèn luyện PCCT chưa thật sự đầy đủ, dẫn tới mức độ chủ động, trách nhiệm trong triển khai hoạt động còn chưa đồng đều giữa các đơn vị. Một số hoạt động giáo dục chính trị, rèn luyện kỷ luật vẫn diễn ra theo tính chất hành chính, hình thức; sự phối hợp giữa các lực lượng đôi khi thiếu chặt chẽ. Trong khi đó, bối cảnh mới về QPAN, sự chống phá tư tưởng ngày càng tinh vi, đòi hỏi NTQĐ phải giữ vững nền tảng tư tưởng, bảo đảm thống nhất cao trong nhận thức và hành động. Kết quả khảo sát cho thấy có 97,3% số CBGV và HV được khảo sát đồng tình với việc thực hiện giải pháp này [Phụ lục 1 – Bảng 7]. Điều đó cho thấy nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các chủ thể, các lực lượng về vai trò của NTQĐ trong giáo dục, rèn luyện PCCT cho HV đào tạo SQQĐ hiện nay là hết sức cần thiết. Để thực hiện tốt giải pháp này các NTQĐ cần thực hiện tốt một số nội dung sau:

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của cấp ủy, chỉ huy các cấp trong NTQĐ.

Đây là nội dung mang tính nền tảng mang tính định hướng và quyết định hiệu quả thực thi của toàn bộ giải pháp. Thực tiễn cho thấy, ở những nhà

trường mà cấp ủy, chỉ huy quan tâm sâu sát, tổ chức lãnh đạo chặt chẽ và quyết liệt, thì hoạt động giáo dục, rèn luyện PCCT cho HV được triển khai đồng bộ, bài bản và đạt hiệu quả cao và ngược lại. Do đó, cấp ủy, chỉ huy phải xác định giáo dục, rèn luyện PCCT cho HV là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên. Điều này cần được quán triệt, cụ thể hóa trong nghị quyết lãnh đạo, kế hoạch công tác, bảo đảm chỉ đạo xuyên suốt từ cấp chiến lược đến từng đơn vị học viên. Lãnh đạo phải gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện nhiệm vụ; tổ chức kiểm điểm, đánh giá định kỳ để bảo đảm mọi nhiệm vụ giáo dục chính trị đều được triển khai đồng bộ, liên tục và hiệu quả. Điều này hoàn toàn phù hợp với chỉ đạo của Bộ Tổng Tham mưu năm học 2024–2025 yêu cầu “Lãnh đạo, chỉ huy các cơ quan, đơn vị, nhà trường, đặc biệt là người đứng đầu phải quán triệt, xác định rõ trách nhiệm trong nâng cao chất lượng GD-ĐT của nhà trường” [55, tr.12].

Thứ hai, nâng cao chất lượng đội CBGV về bản lĩnh chính trị và năng lực sư phạm.

Chất lượng đội ngũ CBGV là nhân tố quyết định hiệu quả truyền thụ tri thức chính trị và định hướng giá trị cho HV. Vì vậy, NTQĐ cần thường xuyên bồi dưỡng, cập nhật cho CBGV những vấn đề lý luận, thực tiễn mới về chính trị, quốc phòng, an ninh; các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng và Quân đội; các quan điểm về xây dựng Quân đội vững mạnh về chính trị trong tình hình mới. Nội dung bồi dưỡng không chỉ tập trung vào lý luận cơ bản mà phải gắn với yêu cầu nhận diện, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch; kỹ năng xử lý tình huống tư tưởng phức tạp của học viên; yêu cầu bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong NTQĐ. Việc cập nhật tri thức mới giúp đội ngũ CBGV duy trì bản lĩnh chính trị kiên định, có năng lực phân tích và dẫn dắt tư tưởng cho học viên trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước diễn biến nhanh chóng, khó lường.

Phát huy vai trò nêu gương, gương mẫu của CBGV về PCCT. Bản lĩnh chính trị, tác phong mẫu mực, lời nói đi đôi với việc làm của CBGV chính là “bài học không lời” có sức giáo dục mạnh mẽ nhất đối với học viên. NTQĐ cần duy trì cơ chế đánh giá, xếp loại CBGV dựa trên cả phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và hiệu quả giảng dạy; đồng thời xây dựng môi trường thuận lợi để khuyến khích CBGV tự học, tự nghiên cứu, đổi mới phương pháp và tham gia các hoạt động khoa học. Việc khuyến khích CBGV viết bài báo khoa học, tham gia hội thảo, đề tài nghiên cứu gắn với thực tiễn GD-ĐT sĩ quan sẽ góp phần trực tiếp nâng cao chiều sâu tri thức và năng lực lập luận chính trị.

Các NTQĐ cần có cơ chế lựa chọn, quy hoạch, sử dụng cụ thể đối với đội ngũ CBGV. Trọng tâm là thu hút người có năng lực, PCCT tốt vào làm công tác giảng dạy; đồng thời xây dựng lộ trình đào tạo, bồi dưỡng theo từng nhóm chức danh. Quan tâm đến chính sách động viên, khích lệ tinh thần, bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần để CBGV yên tâm gắn bó lâu dài, toàn tâm toàn ý với công tác giáo dục, rèn luyện học viên.

Khi đội ngũ CBGV được nâng cao toàn diện về bản lĩnh chính trị và năng lực sư phạm, NTQĐ sẽ có đủ điều kiện để nâng cao chất lượng giáo dục LLCT, tổ chức tốt các hoạt động bồi dưỡng – rèn luyện PCCT và kiến tạo môi trường văn hóa chính trị quân sự lành mạnh. Điều này bảo đảm cho quá trình hình thành PCCT của học viên diễn ra liên tục, bền vững và đáp ứng yêu cầu của người sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam trong thời kỳ mới.

Thứ ba, tăng cường kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nâng cao nhận thức.

Kiểm tra, giám sát giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo đảm tính thực chất, đồng bộ và hiệu quả của nhiệm vụ giáo dục, rèn luyện PCCT cho học viên tại các NTQĐ. Đây không chỉ là khâu đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, mà còn là công cụ để nhận diện kịp thời những hạn chế trong

nhận thức, thái độ, trách nhiệm và phương pháp tổ chức của các chủ thể liên quan, từ đó định hướng điều chỉnh phù hợp. Trong điều kiện môi trường quân sự hiện nay, khi các yếu tố tác động từ bên ngoài ngày càng phức tạp và đa chiều, công tác kiểm tra, giám sát càng phải được thực hiện chặt chẽ, có chiều sâu và bám sát thực tiễn.

Các NTQĐ cần duy trì đồng thời hai hình thức kiểm tra: kiểm tra theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất. Kiểm tra theo kế hoạch giúp bảo đảm tính ổn định, nền nếp trong theo dõi hoạt động giáo dục chính trị, sinh hoạt đảng, đoàn, hội, duy trì kỷ luật và thực hiện điều lệnh. Kiểm tra đột xuất có vai trò xác định mức độ tự giác, thường xuyên và thực chất của các hoạt động, giúp phát hiện sớm biểu hiện lệch lạc trong nhận thức, thiếu nghiêm túc trong chấp hành quy định hoặc hình thức trong triển khai nhiệm vụ. Đây cũng là cơ sở để lãnh đạo, chỉ huy nhà trường đánh giá đúng thực chất tình hình tư tưởng, mức độ nỗ lực và động cơ phấn đấu của từng tập thể, cá nhân.

Tổ chức sơ kết và tổng kết theo giai đoạn có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá toàn diện hiệu quả thực hiện. Qua đó nhận diện kịp thời các yếu tố mới phát sinh, những điểm còn yếu trong tổ chức hoạt động, từ đó điều chỉnh mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục chính trị cho phù hợp. Đồng thời thông qua hoạt động sơ kết, tổng kết giúp các nhà trường rút ra kinh nghiệm, từ đó hình thành các mô hình, cách làm hiệu quả trong giáo dục, rèn luyện PCCT để nhân rộng trong toàn trường hoặc toàn quân.

Việc kết hợp chặt chẽ giữa kiểm tra, giám sát với sơ kết, tổng kết giúp bảo đảm tính liên tục trong quản lý giáo dục, đồng thời tạo ra vòng phản hồi giúp NTQĐ thường xuyên tự điều chỉnh và nâng cao chất lượng thực hiện các vai trò của mình. Qua đó, công tác giáo dục, rèn luyện PCCT cho học viên không chỉ được duy trì nền nếp mà còn ngày càng phát triển theo hướng thực chất, linh hoạt và thích ứng hiệu quả với yêu cầu đào tạo sĩ quan trong điều kiện mới.

4.2.2. Xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ khung về số lượng và chất lượng, thực sự gương mẫu về phẩm chất chính trị.

Đây là giải pháp có vai trò then chốt trong việc nâng cao hiệu quả giáo dục và rèn luyện PCCT cho HV đào tạo SQQĐ. NTQĐ môi trường có tính kỷ luật cao, mang tính tổ chức chặt chẽ, hoạt động theo điều lệnh và chịu sự lãnh đạo tuyệt đối về mọi mặt của Đảng. Trong môi trường đó, đội ngũ CBGV không chỉ thực hiện chức năng giảng dạy mà còn đóng vai trò như chủ thể định hướng tư tưởng, người tổ chức các hoạt động rèn luyện và là tấm gương chuẩn mực về phẩm chất chính trị cho học viên noi theo. Chính đặc thù này tạo nên căn cứ quan trọng để xây dựng giải pháp tăng cường đội ngũ CBGV. Qua khảo sát có 97,2% CBGV và 97,5% HV đồng tình với việc thực hiện giải pháp này [Phụ lục 1 – Bảng 7]. Điều này phản ánh nhận thức thống nhất rằng CBGV chính là chủ thể trung tâm, có tác động trực tiếp và lâu dài đến nhận thức, thái độ, động cơ và hành vi chính trị của học viên. Trong bối cảnh yêu cầu xây dựng Quân đội “vững mạnh về chính trị” và môi trường xã hội, an ninh tư tưởng diễn biến phức tạp, việc củng cố đội ngũ CBGV càng trở nên cấp thiết.

Để thực hiện có hiệu quả giải pháp này cần thực hiện tốt một số vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất, bảo đảm đội ngũ CBGV đủ về số lượng, chất lượng và cơ cấu

Bảo đảm đủ về số lượng và cơ cấu đội ngũ CBGV là yêu cầu nền tảng để NTQĐ duy trì sự ổn định và chất lượng trong giáo dục, rèn luyện PCCT cho học viên. Khi số lượng CBGV không đủ, nhà trường dễ rơi vào tình trạng quá tải, dồn lớp, kiêm nhiệm nhiều vị trí, dẫn đến giảm hiệu quả giảng dạy và hạn chế khả năng quản lý, theo dõi sự phát triển PCCT của học viên. Vì vậy, NTQĐ cần rà soát, bổ sung biên chế kịp thời, cơ cấu hóa đội ngũ theo chuyên ngành, trình độ và kinh nghiệm nhằm bảo đảm sự đồng bộ và tính kế thừa. Bên cạnh đó, việc quy hoạch, tạo nguồn cán bộ giảng dạy lâu dài, kết hợp luân chuyển hợp lý giữa các đơn vị sẽ giúp duy trì đội ngũ ổn định, đáp ứng

yêu cầu đổi mới giáo dục trong bối cảnh nhiệm vụ QPAN ngày càng cao và đòi hỏi chất lượng đào tạo sĩ quan ngày càng khắt khe.

Thứ hai, chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn, kiến thức chính trị, kỹ năng sư phạm, kỹ năng quản lý để CBGV có năng lực hoàn thành thành tốt các nhiệm vụ theo vị thế được phân công. Đây là yếu tố nền tảng quyết định khả năng đáp ứng yêu cầu giảng dạy, nghiên cứu và quản lý. CBGV có trình độ chuyên môn vững chắc sẽ hiểu sâu sắc nội dung bài giảng, đồng thời có khả năng cập nhật kiến thức mới, đổi mới phương pháp giảng dạy để phù hợp với đặc thù nhiệm vụ quân sự và yêu cầu phát triển của nhà trường. Tăng cường trang bị kiến thức chính trị sâu rộng, cập nhật các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước giúp CBGV có cơ sở vững chắc để vận dụng linh hoạt, sáng tạo trong giáo dục và rèn luyện PCCT cho HV. Bên cạnh đó, các NTQĐ cũng cần thường xuyên mở các lớp tập huấn nâng cao kỹ năng sư phạm và kỹ năng quản lý cho đội ngũ CBGV, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác giáo dục, rèn luyện PCCT cho HV. Báo cáo tổng kết năm học 2024 – 2025 xác định rõ phương hướng: “tăng cường công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nhà giáo, chủ động bồi dưỡng, tạo nguồn CBGV đi đào tạo, nhất là đào tạo sau đại học đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa CBGV của các nhà trường” [56, tr.14].

Thứ ba, đánh giá chất lượng cán bộ nghiêm túc, chặt chẽ, khách quan. Việc đánh giá chất lượng CBGV một cách nghiêm túc, chặt chẽ và khách quan là yếu tố then chốt nhằm đảm bảo hiệu quả và tính bền vững của đội ngũ CBGV trong NTQĐ. Quá trình đánh giá không chỉ giúp xác định chính xác năng lực, trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức và hiệu quả công tác của từng cá nhân, mà còn là cơ sở để phát hiện những hạn chế, tồn tại cần khắc phục kịp thời. Một hệ thống đánh giá khách quan và minh bạch sẽ tạo điều kiện thuận lợi để nhà trường có những điều chỉnh phù hợp về công tác đào tạo, bồi dưỡng hoặc bổ nhiệm cán bộ, từ đó nâng cao chất lượng toàn diện của

đội ngũ CBGV. Đồng thời, việc đánh giá nghiêm túc còn thúc đẩy CBGV có ý thức trách nhiệm, không ngừng tự hoàn thiện và nâng cao năng lực, góp phần xây dựng môi trường giáo dục chính trị lành mạnh, chuyên nghiệp và hiệu quả. Do vậy, đánh giá chất lượng cán bộ phải được thực hiện một cách khoa học, toàn diện, khách quan nhằm phát huy tối đa vai trò của đội ngũ cán bộ trong quá trình hình thành PCCT cho HV đào tạo SQQĐ.

4.2.3. Hoàn thiện, cập nhật, bổ sung nội dung chương trình đào tạo

Nội dung, chương trình đào tạo đóng vai trò then chốt quyết định chất lượng hiệu quả của hoạt động GD-ĐT nói chung và giáo dục PCCT cho HV đào tạo SQQĐ nói riêng ở các NTQĐ. Nội dung chương trình được thiết kế bài bản, khoa học sẽ đảm bảo sự phù hợp với mục tiêu giáo dục chính trị, đồng thời phản ánh đầy đủ những yêu cầu thực tiễn và đặc thù quân sự trong bối cảnh hiện nay. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 95% CBGV và HV được khảo sát đồng tình phải thường xuyên rà soát, hoàn thiện nội dung chương trình đào tạo [Phụ lục 1 – Bảng 7]. Bên cạnh đó, thực tiễn bối cảnh hiện nay có nhiều thay đổi nhanh chóng đòi hỏi các nhà trường cần phải thường xuyên rà soát, hoàn thiện, cập nhật và bổ sung nội dung, chương trình đào tạo.

Để thực hiện tốt giải pháp này quan tâm thực hiện các nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, cập nhật kịp thời các nội dung chính trị – tư tưởng theo quan điểm, đường lối mới của Đảng và Quân đội.

Đây là yêu cầu có tính chiến lược, bảo đảm chương trình đào tạo luôn gắn với nhiệm vụ xây dựng Quân đội vững mạnh về chính trị trong giai đoạn mới. Việc cập nhật cần bám sát các Văn kiện Đại hội XIII, Nghị quyết của Quân ủy Trung ương, chiến lược quốc phòng và chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Trọng tâm là bổ sung các vấn đề liên quan đến bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh phi truyền thống, tác chiến công nghệ cao, âm mưu “diễn biến hòa bình”, “phi chính trị hóa quân đội”. Thông qua đó, HV được trang bị năng lực phân tích, phản bác quan điểm sai trái, nhận diện thông tin độc hại trên không

gian mạng và giữ vững bản lĩnh chính trị. Nội dung cập nhật phải bảo đảm tính thời sự, tính chiến đấu, đồng thời góp phần hình thành niềm tin, lý tưởng cách mạng và thái độ chính trị chuẩn mực cho HV trước những diễn biến phức tạp của bối cảnh trong nước và quốc tế.

Thứ hai, thường xuyên rà soát, hoàn thiện nội dung chương trình các môn học khoa học xã hội và nhân văn, khoa học quân sự và các môn khoa học khác. Trong chương trình dành cho HV đào tạo SQQĐ, các môn học KHXH&NV, KHQS và các môn khoa học cơ bản đóng vai trò nền tảng trong việc hình thành phẩm chất, tri thức và PCCT cho HV đào tạo SQQĐ. Để nâng cao chất lượng đào tạo sĩ quan đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội trong tình hình mới, nội dung các môn học này cần được thường xuyên rà soát, cập nhật và hoàn thiện để phù hợp với thực tiễn chiến đấu và tình hình mới của đất nước. “xây dựng chương trình đào tạo đại học ngành quân sự và các chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra đã được phê chuẩn; phát triển chương trình đào tạo, đề cương học phần, môn học, chuyên đề (bài giảng) theo chuẩn đầu ra đã được phê duyệt; bổ sung, cập nhật nội dung, chương trình bồi dưỡng, đào tạo để trang bị các kiến thức, kỹ năng cho người học [56, tr14]

Đối với các môn KHXH&NV (như Triết học Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng, Tư tưởng Hồ Chí Minh...), việc rà soát, điều chỉnh nội dung phải bảo đảm tính khoa học, tính chiến đấu và tính thực tiễn, giúp HV hiểu sâu sắc bản chất cách mạng, khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, và những nguyên lý cơ bản để xử lý các vấn đề thực tiễn trong môi trường quân sự. Các nội dung phải gắn với tình hình thời sự, đặc biệt là những thách thức mới về tư tưởng, đạo đức, chính trị trong điều kiện hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Đối với các môn khoa học quân sự, nội dung cần tiếp tục được hoàn thiện theo hướng gắn lý thuyết với thực tiễn, cập nhật những tiến bộ khoa học, công nghệ quân sự hiện đại, xu hướng tác chiến mới và các hình

thái chiến tranh hiện đại. Đồng thời, cần tăng cường nội dung giáo dục tư tưởng, đạo đức quân nhân, tinh thần kỷ luật, trách nhiệm chính trị trong thực hiện nhiệm vụ QPAN. Với các môn khoa học cơ bản và chuyên ngành cần tích hợp giáo dục phẩm chất nghề nghiệp, trách nhiệm công dân và tinh thần phụng sự Tổ quốc, gắn tri thức khoa học với lý tưởng cách mạng và bản lĩnh chính trị của người HV quân đội.

Thứ ba, tăng cường tích hợp các nội dung giữa chuyên môn quân sự với giáo dục chính trị.

Việc tăng cường tích hợp nội dung giáo dục PCCT vào toàn bộ chương trình đào tạo xuất phát từ yêu cầu thực tiễn rằng PCCT của HV không chỉ hình thành trong các giờ học lý luận mà được bồi dưỡng liên tục thông qua mọi hoạt động học tập, huấn luyện và sinh hoạt quân sự. Vì vậy, các NTQĐ cần xây dựng cơ chế tích hợp khoa học, bảo đảm các giá trị chính trị – tư tưởng được lồng ghép tự nhiên, hợp lý trong từng môn học và hoạt động rèn luyện. Trong các môn khoa học quân sự, việc tích hợp có thể thể hiện thông qua yêu cầu về tinh thần kỷ luật, ý thức tổ chức, trách nhiệm chiến đấu. Trong huấn luyện thực hành và dã ngoại, việc gắn nhiệm vụ chuyên môn với giáo dục lòng trung thành, ý chí vượt khó sẽ giúp HV lĩnh hội các PCCT qua các trải nghiệm thực tiễn. Đồng thời, các hoạt động tập thể, ngoại khóa và các hoạt động phong trào cần được thiết kế nhằm củng cố lý tưởng cách mạng, tinh thần đoàn kết và thái độ chính trị chuẩn mực, góp phần hình thành PCCT một cách toàn diện, bền vững.

4.2.4. Đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng dạy học

Đây là giải pháp cốt lõi, trực tiếp góp phần phát huy vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT cho HV đào tạo SQQĐ. Nghị quyết Số1657-NQ/QUTW ngày 20/12/2022 của Quân ủy Trung ương xác định: “Đổi mới hình thức, phương pháp dạy học theo hướng hiện đại. Phát huy dân chủ quân sự, động viên tính tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo của

người học, chống áp đặt, dập khuôn máy móc; thực hiện lý luận liên hệ với thực tiễn, lý thuyết đi đôi với thực hành, lấy thực hành làm chính; kết hợp giữa học mới với ôn cũ, giáo dục tư tưởng với rèn luyện động tác, tác phong”. Kết quả nghiên cứu chỉ ra có trên 96% số CBGV và HV được khảo sát cho rằng cần đổi mới và nâng cao chất lượng dạy học. Điều đó đòi hỏi các NTQĐ phải phải đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy học, coi đây là điều kiện trực tiếp để phát huy vai trò của NTQĐ trong hình thành PCCT cho HV đào tạo sĩ quan quân đội.

Để thực hiện tốt giải pháp này, các NTQĐ cần tập trung thực hiện các nội dung cơ bản sau;

Thứ nhất, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HV.

Trong điều kiện đào tạo hiện nay, phương pháp “thầy giảng, trò ghi” không còn đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực tư duy độc lập, bản lĩnh chính trị và khả năng vận dụng kiến thức vào các tình huống quân sự cụ thể. Vì vậy, NTQĐ cần chuyển mạnh sang các phương pháp dạy học tích cực như dạy học dựa trên vấn đề, phân tích tình huống, thảo luận nhóm, học theo dự án, phản biện có kiểm soát và mô phỏng tình huống quân sự. Việc áp dụng các phương pháp này giúp HV chủ động chiếm lĩnh tri thức, phát triển tư duy phân tích – đánh giá, nâng cao khả năng liên hệ lý luận với thực tiễn. Đồng thời, quá trình học tập tích cực góp phần rèn luyện tác phong khoa học, ý thức tổ chức kỷ luật và bản lĩnh xử lý tình huống. Đây cũng là yêu cầu trực tiếp từ chủ trương đổi mới GD-ĐT của Quân đội theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực.

Thứ hai, nâng cao năng lực đội ngũ CBGV về chuyên môn, sư phạm và bản lĩnh chính trị.

Đây là yêu cầu mang tính quyết định đối với chất lượng giáo dục và quá trình hình thành PCCT cho HV. Giảng viên NTQĐ không chỉ giữ vai trò truyền đạt tri thức mà còn là chủ thể định hướng tư tưởng, chuẩn mực đạo đức và bản lĩnh chính trị cho học viên. Vì vậy, các nhà trường cần đẩy mạnh bồi

đưỡng kiến thức lý luận chính trị, cập nhật tình hình thế giới, khu vực, các nghị quyết, chỉ thị mới về QPAN, đồng thời nâng cao trình độ khoa học quân sự và khoa học xã hội – nhân văn. Bên cạnh đó, giảng viên phải được rèn luyện kỹ năng sư phạm hiện đại như thiết kế bài giảng tương tác, tổ chức hoạt động học tập tích cực và hướng dẫn tư duy phản biện. Bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp và tinh thần nêu gương phải trở thành tiêu chí xuyên suốt trong đánh giá giảng viên, bảo đảm họ thực sự là tấm gương mẫu mực để HV noi theo trong học tập và rèn luyện.

Thứ ba, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và học liệu số vào quá trình giảng dạy.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và học liệu số là yêu cầu tất yếu trong quá trình hiện đại hóa giáo dục quân sự, nhằm nâng cao tính trực quan, tính khoa học và hiệu quả của bài giảng. Việc đưa CNTT vào dạy học giúp tái hiện sinh động các tình huống chính trị, quân sự, hỗ trợ giảng viên đổi mới phương pháp truyền đạt, đồng thời tạo môi trường học tập linh hoạt, hấp dẫn đối với học viên. NTQĐ cần đầu tư đồng bộ phòng học thông minh, hệ thống mô phỏng huấn luyện, thư viện số, ngân hàng câu hỏi trực tuyến và phần mềm quản lý học tập để nâng cao hiệu quả đào tạo. Ứng dụng CNTT giúp HV tiếp cận tri thức nhanh hơn, chủ động hơn và tăng khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Đồng thời, việc học qua mô phỏng và học liệu số góp phần phát triển tư duy phân tích, xử lý tình huống và rèn luyện bản lĩnh chính trị – những năng lực cốt lõi của người sĩ quan trong điều kiện tác chiến hiện đại.

4.2.5. Xây dựng nhà trường mẫu mực, đoàn kết, dân chủ, kỷ cương

Xây dựng NTQĐ mẫu mực, đoàn kết, dân chủ, kỷ cương có ý nghĩa quan trọng trong phát huy vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ. Bởi lẽ bối cảnh mới đặt ra yêu cầu xây dựng Quân đội “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”, trong đó NTQĐ phải là “trung tâm văn hóa”, là nơi hội tụ các chuẩn mực chính trị, đạo đức, pháp luật để hình thành nên

nhân cách và năng lực chính trị của đội ngũ sĩ quan tương lai. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu thực trạng cho thấy môi trường văn hóa chính trị quân sự có tác động mạnh mẽ đến quá trình hình thành PCCT của HV. Những đơn vị duy trì nền nếp chính quy, đoàn kết tốt, dân chủ rộng rãi và kỷ cương nghiêm minh thường có chất lượng giáo dục PCCT cao hơn, HV có bản lĩnh chính trị vững hơn. Những yêu cầu này đòi hỏi các NTQĐ phải xây dựng được môi trường mẫu mực trên mọi phương diện, tạo nền tảng vững chắc cho giáo dục, rèn luyện PCCT.

Để Xây dựng môi trường văn hóa quân sự mẫu mực, đoàn kết, dân chủ các NTQĐ cần thực hiện tốt các nội dung sau:

Thứ nhất, quan tâm xây dựng môi trường mẫu mực về mọi mặt. Môi trường nhà trường mẫu mực không chỉ bao gồm khía cạnh cơ sở vật chất, trang thiết bị mà còn mang ý nghĩa sâu sắc về mặt tư tưởng, đạo đức. Xây dựng nhà trường mẫu mực về chuẩn mực văn hóa giúp thiết lập một hệ quy chiếu chuẩn mực, giúp HV tự giác tiếp thu các giá trị cách mạng, nâng cao nhận thức và tinh thần trách nhiệm trong quá trình học tập, rèn luyện. Từ đó, góp phần bồi đắp nền tảng đạo đức chính trị vững chắc, giúp HV hình thành lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị kiên định, đáp ứng yêu cầu công tác quân sự trong thời kỳ mới.

Thứ hai, thúc đẩy sự đoàn kết và đồng thuận trong nội bộ nhà trường. Đoàn kết và đồng thuận là những yếu tố then chốt quyết định sự thành công trong tổ chức hoạt động giáo dục và quản lý NTQĐ. Đoàn kết nội bộ không chỉ biểu hiện qua sự gắn bó giữa CBGV với nhau mà còn thể hiện trong mối quan hệ giữa các tập thể, các khoa, các đơn vị chức năng. Để thúc đẩy sự đoàn kết và đồng thuận trong nội bộ, NTQĐ cần thực hiện đồng bộ các giải pháp như tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng; phát huy dân chủ, xây dựng cơ chế phản hồi nội bộ minh bạch; nêu gương trách nhiệm của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý; tổ chức các hoạt động tập thể và xây dựng môi trường văn hóa sư phạm quân sự lành mạnh. Bên cạnh đó, cần tăng cường gắn kết lợi ích

cá nhân với mục tiêu chung của tập thể, kết hợp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý để góp phần nâng cao sự hiểu biết, chia sẻ và gắn bó giữa các thành viên trong nhà trường, từ đó lan tỏa các PCCT đến HV.

Thứ ba, xây dựng môi trường nhà trường dân chủ, duy trì kỷ cương, kỷ luật nghiêm minh. Các NTQĐ phải tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng nhằm nâng cao nhận thức cho CBGV và HV về mối quan hệ giữa dân chủ và kỷ luật trong quân đội. Đồng thời, cần hoàn thiện hệ thống quy chế nội bộ, đảm bảo tính công khai, minh bạch trong quản lý, điều hành; phát huy vai trò lãnh đạo của cấp ủy, chỉ huy các cấp và tổ chức quần chúng để tạo nên sự đồng thuận trong thực thi nhiệm vụ; thường xuyên tổ chức đối thoại dân chủ, xử lý nghiêm vi phạm và xây dựng môi trường văn hóa sư phạm quân sự lành mạnh thiết thực và hiệu quả theo Kết luận số 841/KL-CT ngày 27/3/2023 của Tổng Cục Chính trị: Tập trung xây dựng con người văn hóa trung Quân đội, phát triển toàn diện 05 đặc trưng cơ bản của phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, Chú trọng xây dựng mối quan hệ đoàn kết thống nhất, văn hóa ứng xử, lễ tiết tác phong trong các mối quan hệ đồng chí – đồng đội, cấp trên – cấp dưới, cán bộ - chiến sĩ, bộ đội – nhân dân, làm chuyển biến rõ nét về tư tưởng, kỷ luật [78, tr.3].

4.2.6. Nâng cao ý thức tự giác trong học tập, rèn luyện của học viên

Đây là giải pháp đóng vai trò quan trọng, then chốt, quyết định sự thành công của NTQĐ trong công tác GD-ĐT nói chung và giáo dục PCCT cho HV đào tạo SQQĐ nói riêng. Bởi vì, các yếu tố môi trường, chương trình đào tạo, phương pháp sư phạm hay hoạt động bồi dưỡng chỉ phát huy tác dụng khi HV chủ động tiếp nhận và chuyển hóa thành niềm tin, thái độ và hành động chính trị. Qua khảo sát có 97,3% CBGV và 96,6% HV được khảo sát đồng ý thực hiện giải pháp này [Phụ lục 1 – Bảng 7]. Thực tiễn ở các NTQĐ cũng chứng minh rằng những tập thể HV có động cơ học tập đúng đắn, ý chí phấn đấu bền bỉ và tinh thần tự giác cao luôn đạt kết quả vượt trội trong tiếp thu LLCT và rèn luyện PCCT. Điều đó cho thấy nâng cao chất lượng tự học tập, tự rèn luyện và

biện pháp quan trọng để phát huy vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ hiện nay. Để thực hiện giải pháp này cần chú ý các nội dung sau:

Thứ nhất, xây dựng ý thức trách nhiệm và động cơ học tập đúng đắn nhằm khơi dậy tinh thần tự giác, ý chí phấn đấu và sự chủ động trong học tập, rèn luyện của HV. Ý thức trách nhiệm và động cơ học tập đúng đắn là nền tảng quan trọng để hình thành tính tự giác và quyết tâm trong quá trình học tập, rèn luyện của HV. Khi HV nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp quân đội và đất nước, họ sẽ có động lực nội tại để chủ động tiếp thu kiến thức và nâng cao PCCT. Động cơ học tập đúng đắn không chỉ giúp HV duy trì thái độ nghiêm túc, kiên trì trong quá trình đào tạo mà còn thúc đẩy ý chí phấn đấu vượt qua khó khăn, thử thách. Trong bối cảnh hiện nay, với nhiều tác động đa chiều từ xã hội và thông tin, việc xây dựng ý thức và động cơ học tập đúng đắn còn giúp HV tránh bị dao động, giữ vững lập trường chính trị, nâng cao sự trung thành với lý tưởng cách mạng.

Thứ hai, kích thích tính chủ động, sáng tạo của HV trong quá trình học tập và tiếp thu các giá trị PCCT. Khuyến khích tính chủ động và sáng tạo là phương thức thiết yếu nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục và rèn luyện PCCT cho HV. Học tập không chỉ là tiếp nhận thụ động mà cần là quá trình tương tác tích cực giữa người học và môi trường đào tạo. Khi HV được tạo điều kiện phát huy tính chủ động, họ sẽ tư duy sâu sắc, phản biện và sáng tạo trong việc tiếp thu kiến thức chính trị, đồng thời linh hoạt vận dụng vào thực tiễn quân sự. Việc này giúp HV không chỉ hiểu sâu sắc các giá trị PCCT mà còn hình thành thái độ tự giác, trách nhiệm cao trong việc bảo vệ lập trường tư tưởng. Đặc biệt trong môi trường quân đội, nơi đòi hỏi sự thích ứng nhanh với những thay đổi về chính trị, xã hội, tính sáng tạo sẽ giúp HV phát huy khả năng giải quyết vấn đề, nâng cao năng lực tư duy chiến lược.

Thứ ba, tạo môi trường học tập, rèn luyện nghiêm túc, lành mạnh, giúp duy trì tính tự giác và phát triển PCCT cho HV. Môi trường rèn luyện đóng vai trò quyết định trong việc duy trì và phát triển tính tự giác, đồng thời củng cố PCCT cho HV. Một môi trường học tập, rèn luyện nghiêm túc, kỷ luật sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho HV tập trong học tập, rèn luyện theo chuẩn mực và mục tiêu đề ra. Sự kết hợp giữa quản lý chặt chẽ và khuyến khích tích cực giúp tạo nên không khí học tập nghiêm túc, phát huy tinh thần trách nhiệm cá nhân và tập thể. Bên cạnh đó, môi trường học tập rèn luyện lành mạnh còn tạo tính minh bạch, công bằng và sự tôn trọng lẫn nhau, giúp HV phát triển toàn diện cả về trí tuệ, đạo đức và bản lĩnh chính trị, từ đó giúp HV tiếp nhận và hình thành các giá trị, chuẩn mực của PCCT thuận lợi hơn...

Như vậy, các chủ thể các lực lượng trong NTQĐ không chỉ đóng vai trò định hướng tư tưởng, quản lý, mà còn trực tiếp tổ chức, triển khai các hoạt động giáo dục chính trị phù hợp, sát thực tiễn. Việc nâng cao năng lực, trách nhiệm và sự phối hợp hiệu quả giữa các lực lượng giúp đảm bảo tính đồng bộ, nhất quán trong giáo dục PCCT. Đồng thời, sự sâu sát của cán bộ chính trị và quản lý với HV góp phần kịp thời nắm bắt tư tưởng, định hướng xử lý các vấn đề phức tạp, giữ vững lập trường chính trị.

Tiểu kết chương 4

Chương 4 đã làm các yếu tố chính ảnh hưởng đến việc thực hiện vai trò của NTQĐ trong việc hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ. Kết quả phân tích chỉ ra trong thực hiện vai trò giáo dục LLCT yếu tố chất lượng đội ngũ CBGV là yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất đối với thực hiện vai trò này. Trong thực hiện vai trò tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện PCCT cho HV và vai trò xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự thì nhận thức, thái độ, trách nhiệm, ý chí, động cơ học tập, rèn luyện của HV là những yếu tố có ảnh hưởng lớn hơn. Tuy nhiên các yếu tố khác cũng có ảnh hưởng nhưng mức độ thấp hơn.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng và phân tích các yếu tố ảnh hưởng, nghiên cứu đã đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ, gồm giải pháp liên quan đến chủ thể và lực lượng trong NTQĐ; giải pháp hoàn thiện nội dung, chương trình đào tạo; và giải pháp xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự mẫu mực. Các giải pháp này không chỉ tập trung nâng cao chất lượng giáo dục chính trị mà còn chú trọng việc xây dựng môi trường kỷ luật nghiêm minh, đoàn kết nội bộ. Khi được triển khai một cách đồng bộ, các giải pháp này sẽ củng cố và phát huy vai trò trung tâm của NTQĐ trong việc hình thành PCCT, góp phần xây dựng đội ngũ sĩ quan tương lai có bản lĩnh chính trị vững vàng, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn cách mạng mới.

KẾT LUẬN

Luận án đã kết hợp các cách tiếp cận của xã hội học giáo dục về vai trò của NTQĐ (lý thuyết xã hội hóa, lý thuyết vai trò – vị thế xã hội, lý thuyết chức năng) để luận giải, phân tích vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ. Dưới đây là một số kết quả nghiên cứu chính của luận án:

1. Luận án đã phân tích và làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của HV, phân tích và luận giải các khái niệm có liên quan, từ đó hoàn thiện hệ thống lý luận xã hội học giáo dục về vai trò của nhà trường trong quá trình hình thành phẩm chất của cá nhân nói chung và PCCT nói riêng. Đặc biệt, luận án đã làm rõ được khái niệm vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ, chỉ ra các vai trò cụ thể của NTQĐ trong giáo dục, rèn luyện PCCT cho HV đào tạo SQQĐ.

2. Kết quả nghiên cứu chỉ ra các vai trò đã được các NTQĐ thực hiện khá tốt (dựa trên các lý thuyết được vận dụng và bằng chứng khoa học, thực tiễn từ thực hiện các phương pháp nghiên cứu khảo sát). Điều này khẳng định vai trò của NTQĐ có tính chất quyết định và cốt lõi đến mục tiêu xây dựng, củng cố bản lĩnh chính trị, bồi đắp lòng trung thành, rèn luyện tinh thần sẵn sàng chiến đấu, ý thức trách nhiệm, tính tổ chức, tính kỷ luật... của HV SQQĐ trong bối cảnh mới, với nhiều khó khăn phức tạp và yêu cầu đặt ra. Bên cạnh những kết quả đạt việc thực hiện các vai trò của NTQĐ trong bối cảnh, mục tiêu và yêu cầu mới cũng bộc lộ những hạn chế nhất định như: nội dung, hình thức giáo dục chưa phong phú, đa dạng; trách nhiệm của một số bộ phận trong các NTQĐ trong thực hiện giáo dục PCCT cho HV chưa cao; chất lượng đội ngũ CBGV chưa đồng đều; ý thức, thái độ, trách nhiệm của một số HV trong tự học tập, tự rèn luyện PCCT chưa cao...

3. Có nhiều yếu tố tác động tới vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ hiện nay bao gồm cả yếu tố khách quan và

chủ quan, trong đó các yếu tố chủ quan là những yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp. Chính vì vậy để phát huy vai trò của NTQĐ trong thực hiện nhiệm vụ GD-ĐT nói chung và giáo dục, rèn luyện PCCT cho HV nói chung cần nghiên cứu xem xét kỹ lưỡng mức độ ảnh hưởng của các yếu tố. Thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp với sự tham gia của nhiều tổ chức, nhiều lực lượng trong nhà ngoài NTQĐ.

4. Đối chiếu kết quả nghiên cứu với giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết thứ nhất đã được kiểm chứng. NTQĐ thực hiện tương đối tốt các vai trò của mình trong giáo dục, rèn luyện PCCT của HV đào tạo SQQĐ, trong đó vai trò giáo dục LLCT được thể hiện rõ nét nhất, điều này được thể hiện thông qua hoạt động giáo dục chính khóa các hoạt động ngoại khóa, hỗ trợ giáo dục, Kết quả phân tích cũng chỉ ra hệ số bê ta chuẩn hóa trong phương trình hồi quy tuyến tính của vai trò này cũng cao hơn các vai trò còn lại.

Giả thuyết thứ hai đã được kiểm chứng có nhiều yếu tố ảnh hưởng tới việc thực hiện vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố không ngang bằng nhau. Trong đó các yếu tố thuộc về NTQĐ là những yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp, quan trọng tới việc thực hiện vai trò của NTQĐ.

Giả thuyết thứ ba được kiểm chứng thông qua kết quả nghiên cứu. Để phát huy vai trò của NTQĐ cần phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp liên quan tới CBGV, HV, nội dung chương trình đào tạo, môi trường giáo dục... Trong đó nâng cao nhận thức của các chủ thể, xây dựng đội ngũ CBGV có chất lượng tốt, môi trường giáo dục lành mạnh, tích cực là những giải pháp quan trọng góp phần phát huy tốt vai trò của NTQĐ trong giáo dục, rèn luyện PCCT cho HV.

6. Đối chiếu kết quả nghiên cứu thực nghiệm với lý thuyết xã hội học được vận dụng

Lý thuyết vai trò – vị thế xã hội chỉ ra rằng vai trò gắn liền với vị thế, vị thế nào thì vai trò đó, vai trò xã hội được thể hiện thông qua hành vi của các cá nhân, các tổ chức trong hệ thống. NTQĐ với vị thế là một thiết chế giáo

dục, nhưng đồng thời cũng là một tổ chức quân sự, NTQĐ đã thực hiện tốt vai trò giáo dục LLCT, tổ chức các hoạt động giáo dục, quản lý, rèn luyện nhằm nâng cao nhận thức chính trị, định hướng hành động và rèn luyện chuẩn mực, tác phong hoàn thiện phẩm chất người sĩ quan cho HV. Kết quả nghiên cứu đã góp phần khẳng định tính phù hợp của lý thuyết trong nghiên cứu này.

Lý thuyết xã hội hóa chỉ ra, nhà trường là môi trường xã hội hóa chính yếu, quan trọng, không chỉ trang bị kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo chuyên môn nghề nghiệp mà còn góp phần hoàn thiện phẩm chất cho cá nhân. Là môi trường giáo dục quân sự, NTQĐ đã thực hiện tốt vai trò giáo dục, lan tỏa những giá trị văn hóa quân sự, PCCT trong quân đội tới HV đào tạo SQQĐ giúp học viên hoàn thiện PCCT đáp ứng mục tiêu đào tạo và tiêu chuẩn PCCT của người SQQĐ. Kết quả nghiên cứu đã khẳng định sự đúng đắn và hợp lý của lý thuyết này thông qua việc giáo dục, rèn luyện PCCT cho HV, NTQĐ đang góp phần to lớn, tích cực vào hoàn thiện phẩm chất của người cán bộ, người SQQĐ theo mục tiêu đào tạo và yêu cầu xây dựng Quân đội hiện nay.

Mặc dù luận án đã tiếp cận tương đối toàn diện về vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ, song vẫn còn những giới hạn nhất định như: phạm vi khảo sát chỉ đại diện ở một số nhà trường mà chưa bao quát hết các loại hình nhà trường; việc vận dụng lý thuyết xã hội hóa và lý thuyết vai trò – vị thế xã hội mới dừng ở mức mô tả, chưa phân tích sâu cơ chế tương tác; phương pháp nghiên cứu chủ yếu là cắt ngang, chưa theo dõi biến động qua thời gian. Do đó, các nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng phạm vi, kết hợp đa lý thuyết và phương pháp tiếp cận hiện đại hơn.

KHUYẾN NGHỊ

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu lý luận và khảo sát thực tiễn, để phát huy vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ hiện nay, luận án xin đề xuất một số khuyến nghị đối với các NTQĐ như sau:

1. Đối với các nhà trường quân đội nói chung

NTQĐ cần đẩy mạnh giáo dục lý luận chính trị theo hướng gắn lý luận với thực tiễn công tác, huấn luyện và chiến đấu, bảo đảm tính hệ thống, chuyên sâu và có lộ trình cụ thể nhằm định hướng vững chắc PCCT cho học viên. Quá trình giáo dục cần được đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy theo hướng tích hợp, thực tiễn và lấy người học làm trung tâm, phát huy năng lực tư duy phản biện, sáng tạo của HV. Đổi mới phương pháp giáo dục LLCT theo hướng tích hợp, phát huy tư duy phản biện và lấy người học làm trung tâm cần được triển khai theo từng bước, phù hợp với năng lực đội ngũ giảng viên, điều kiện cơ sở vật chất và khả năng ứng dụng công nghệ của mỗi nhà trường.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ CBGV thông qua việc tuyển chọn, đánh giá toàn diện cả về trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm, phẩm chất đạo đức. Ưu tiên những giảng viên có kinh nghiệm thực tiễn, tinh thần đổi mới, có phương pháp sư phạm hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy. Các nhà trường cần ưu tiên hình thức bồi dưỡng nội bộ, kết hợp đào tạo tập trung theo từng chuyên đề, tận dụng đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm để giảm chi phí đào tạo và tránh gây áp lực tài chính cho nhà trường. Đầu tư công nghệ thông tin phục vụ giảng dạy cũng cần được thực hiện theo lộ trình, tận dụng trang bị sẵn có, từng bước nâng cấp, tránh đầu tư dàn trải.

- Xây dựng và phát huy môi trường văn hóa chính trị quân sự lành mạnh, duy trì nghiêm kỷ luật. Tổ chức đa dạng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao nhằm củng cố tinh thần đoàn kết, lan tỏa giá trị văn hóa dân tộc và văn hóa quân sự, góp phần hình thành nhân cách, bản lĩnh chính trị vững vàng cho học viên.

2, Đối với từng nhà trường

- Đối với các trường đào tạo sĩ quan chính trị

Đây là cơ sở đào tạo thiện về LLCT, do đó cần mở rộng các hình thức xã hội hóa chính trị thông qua hoạt động thực tiễn như diễn đàn “thanh niên với chính trị”, câu lạc bộ “chính trị học viên”, hoặc “diễn đàn sĩ quan trẻ”... qua đó củng cố niềm tin và kỹ năng chính trị thực hành. Bên cạnh đó, cần nâng cao năng lực phản biện và đấu tranh tư tưởng cho học viên, nhất là trong bối cảnh bùng nổ thông tin và sự chống phá của các thế lực thù địch trên không gian mạng. Xây dựng mô hình “môi trường văn hóa chính trị mẫu mực” trong nhà trường để tăng cường môi trường xã hội hóa chính trị giúp học viên sĩ quan chính trị lĩnh hội và thực hành các chuẩn mực chính trị, đạo đức cách mạng một cách tự giác, bền vững.

- Đối với các nhà trường trường đào tạo sĩ quan chỉ huy, tham mưu (Trường Sĩ quan Lục quân 1, Trường Sĩ quan Pháo binh, Trường Sĩ quan Tăng thiết giáp...). Đây là những nhà trường đào tạo ra ngũ sĩ quan chỉ huy đơn vị chiến đấu. Do đó cần tăng cường tích hợp nội dung giáo dục lý luận chính trị với huấn luyện quân sự, diễn tập thực hành chỉ huy. Đổi mới phương pháp giáo dục chính trị theo hướng tình huống, nhiệm vụ và phản biện, nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo, phản ứng chính trị, quân sự của HV. Đồng thời cần tăng cường xây dựng môi trường văn hóa chính trị quân sự gắn với rèn luyện bản lĩnh chỉ huy cho học viên thông qua việc duy trì nghiêm nền nếp chính quy, kỷ luật, và các hoạt động giao lưu, kết nối với đơn vị cơ sở.

- Đối với các trường đào tạo sĩ quan bảo đảm (Hậu cần, kỹ thuật, thông tin...). Các trường đào tạo sĩ quan bảo đảm có đặc điểm riêng về cơ cấu ngành nghề và môi trường học tập. Học viên ở nhóm này thường chú trọng lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, hậu cần. Do đó để phát huy tốt vai trò của nhà trường trong hoạt động này cần gắn nội dung giáo dục lý luận chính trị với chuyên môn hậu cần - kỹ thuật. Phát huy vai trò của môi trường văn hóa

chính trị trong việc hình thành PCCT, coi đây là không gian xã hội hóa quan trọng để hình thành động cơ phấn đấu, ý thức tổ chức, kỷ luật và tinh thần trách nhiệm cho HV. Tăng cường phối hợp giữa cán bộ chính trị, cán bộ quản lý học viên và giảng viên chuyên môn kỹ thuật, nhằm đảm bảo sự thống nhất trong mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục PCCT

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LUẬN ÁN

1. Nguyễn Trọng Tuân (2025), “Vai trò của nhà trường quân đội trong quá trình hình thành phẩm chất chính trị của học viên đào tạo sĩ quan” (Khảo sát tại một số nhà trường quân đội), *Tạp chí Xã hội học*, Số 1 (169), tháng ba, 2025, tr.118-127
2. Nguyễn Trọng Tuân (2025), “Phát huy vai trò của các học viện, trường sĩ quan quân đội trong quá trình hình thành phẩm chất chính trị cho học viên đào tạo sĩ quan cấp phân đội hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục lý luận chính trị quân sự*”, Số 5 (219), tr.49-52.
3. Nguyễn Trọng Tuân (2025), “Phát huy vai trò của nhà trường quân đội trong quá trình hình thành phẩm chất chính trị của học viên đào tạo sĩ quan quân đội hiện nay”, *Tạp chí Chủ nghĩa xã hội Lý luận và thực tiễn*, Số 35 (04-2025), tr. 52-57.
4. Nguyễn Trọng Tuân (2024), “Vai trò của thiết chế quân sự trong rèn luyện phẩm chất, năng lực cho học viên đào tạo cán bộ chính trị cấp phân đội ở Trường Sĩ quan Chính trị”, *Tạp chí Giáo dục lý luận chính trị Quân sự*, Số 5 (207), tr.57-60.
5. Nguyễn Trọng Tuân (2024) “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về phẩm chất chính trị của đội ngũ cán bộ quân đội và vận dụng trong rèn luyện phẩm chất chính trị cho học viên đào tạo sĩ quan quân đội hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, Số đặc biệt Quý IV – 2024, tr.84-89.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Phan Thị Phương Anh & Trần Thị Như Tuyên (2017). “Thực trạng công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên hiện nay và một số giải pháp mang tính định hướng”. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, Tập 48, Phần D (2017), tr.13-19.
2. Nguyễn Ngọc Bích (2012). *Xã hội học giáo dục*. Nxb Đại học Sư phạm. Hà Nội.
3. Bộ Chính trị (2005) Nghị quyết 51/NQ-TU “Về việc tiếp tục hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng, thực hiện chế độ một người chỉ huy gắn với thực hiện chế độ chính ủy, chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam, Hà Nội.
4. Bộ Quốc phòng (2016). *Thông tư số 51/2016/TT-BQP ngày 20/4/2016 ban hành Điều lệ công tác nhà trường quân đội*. Tài liệu nội bộ, Hà Nội.
5. Hoàng Đình Châu (chủ biên) (2012). *Phẩm chất nhân cách của Bộ đội Cụ Hồ*. Nxb QĐND, Hà Nội.
6. Nguyễn Văn Chung (2022). *Nâng cao năng lực chủ trì về chính trị của chính trị viên đại đội trong Quân đội nhân dân Việt Nam*. Đề tài cấp Bộ Quốc phòng, Hà Nội.
7. Lê Thị Mỹ Duyên & Nguyễn Thị Ngọc Bé (2020). “Thực trạng hoạt động giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên ở Trường Đại học Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk”. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Huế*, Số 4 (56)/2020, tr.199-209.
8. Đảng bộ Quân đội (2015), *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Quân đội lần thứ X*, Nxb Quân đội nhân dân, Tài liệu nội bộ, Hà Nội
9. Đảng bộ Quân đội (2020), Báo cáo chính trị của Quân ủy Trung ương nhiệm kỳ 2015- 2020 tại Đại hội đại biểu Đảng bộ Quân đội lần thứ XI, Tài liệu nội bộ, Hà Nội

10. Đảng bộ Quân đội (2020), *“Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ XI”*, Nxb Quân đội nhân dân, Tài liệu nội bộ, Hà Nội
11. Đảng bộ Trường Sĩ quan Chính trị (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường Sĩ quan Chính trị lần thứ X nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Nxb Quân đội nhân dân, Tài liệu nội bộ, Hà Nội.
12. Đảng bộ Trường Sĩ quan Lục quân 1 (2020), *Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Nxb Quân đội nhân dân, Tài liệu nội bộ, Hà Nội
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *“Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII”*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
14. Đảng Cộng sản Việt Nam – Ban Chấp hành Trung ương (2018), *Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ*, Hà Nội
15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
16. Đảng ủy Học viện Hậu Cần (2024), *Nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025*, Tài liệu nội bộ, Hà Nội.
17. Đảng ủy Quân sự Trung ương (2021), *Nghị quyết số 847 về phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ hồ” kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân trong tình hình mới*, Tài liệu nội bộ, Hà Nội.
18. Đảng ủy Trường Sĩ quan Chính trị (2024), *Nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025*, Tài liệu nội bộ, Hà Nội
19. Đảng ủy Trường Sĩ quan Lục Quân 1 (2024), *Nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025*, Tài liệu nội bộ, Hà Nội
20. Đảng ủy Trường Sĩ quan Lục Quân 1 (2025), *Nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026*, Tài liệu nội bộ, Hà Nội

21. Ngô Thị Thu Hà (2014). “Vai trò của giáo dục, đào tạo đối với phát triển nguồn nhân lực ở Việt Nam hiện nay”. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, Số 3 (76), tr.85-91.

22. Phạm Xuân Hảo (2005), *Một số vấn đề xã hội học trong xây dựng quân đội, xây dựng nền quốc phòng toàn dân*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.

23. Học viện Hậu Cần (2022), Quy chế giáo dục đào tạo, Hà Nội

24. Học viện Hậu Cần (2022), *Báo cáo công tác đảng, công tác chính trị năm 2022*, Tài liệu nội bộ, Hà Nội

25. Học viện Hậu Cần (2023), *Báo cáo CTĐ, CTCT năm 2023*, Tài liệu nội bộ, Hà Nội.

26. Học viện Hậu Cần (2024), *Báo cáo CTĐ, CTCT năm 2024*, Tài liệu nội bộ, Hà Nội

27. Học viện Hậu Cần (2024), Báo cáo kết quả công tác giáo dục chính trị năm 2024, phương hướng, nhiệm vụ năm 2025, Tài liệu nội bộ, Hà Nội Hồ Chí Minh, (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

28. Học viện Hậu Cần (2024), Báo cáo tổng kết năm học 2023-2024, Tài liệu nội bộ, Hà Nội

29. Trần Văn Hoan (2019). “Phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục các nhà trường quân đội đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo trong giai đoạn hiện nay”. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, Số 24, tr. 22-27.

30. Nguyễn Huy Hoàng (Chủ nhiệm) (2020). *Phát huy vai trò nêu gương của giảng viên trong nhà trường Quân đội hiện nay*. Đề tài Tổng cục Chính trị, Hà Nội.

31. Hồ Chí Minh, (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

32. Hồ Chí Minh, (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

33. Hồ Chí Minh, (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

34. Lê Ngọc Hùng (2009). *Xã hội học đại cương*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
35. Lê Ngọc Hùng (2014), *Lý thuyết xã hội học hiện đại*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội
36. Lê Ngọc Hùng (2015). *Xã hội học giáo dục*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
37. Phan Thị Hường & Nguyễn Huy Tuyền (2023). “Xác định vai trò của gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục đạo đức cho học sinh”. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, Số 285 (3/2023), tr.7–9.
38. Nguyễn Văn Kỷ (2022). “Nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ cán bộ Quân đội đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; giữ nước từ khi nước chưa nguy”. *Kỷ yếu hội thảo khoa học Bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa giữ nước từ khi nước chưa nguy*, Hà Nội.
39. Huỳnh Tuấn Linh & Nguyễn Thị Huyền (2016). “Vai trò của giảng viên trong việc phát huy tính tích cực tự học của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh”. *Tạp chí Khoa học Công nghệ và Thực phẩm*, Số 9, tr.183-187.
40. Triệu Thanh Lê & Nguyễn Thị Minh Nguyệt (2023). “Quan niệm về nghề báo từ góc nhìn lý thuyết vai trò (role theory)”. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, Tập 12, Số 9, tr.97-105.
41. V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, Tập 39, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
42. V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, Tập 41, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội
43. V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, Tập 44, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội
44. Hoàng Phúc Lâm (2020). “Trang bị và rèn luyện phẩm chất, bản lĩnh chính trị cho đội ngũ cán bộ cấp chiến lược đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế”. *Tạp chí Tổ chức Nhà nước*, Số 2/2020, tr.7-12.
45. C.Mác – Ph.Ăngghen (2005), *Toàn tập*, tập 20, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.128

46. Bùi Văn Mạnh (2022). “Đổi mới giáo dục và đào tạo trong các nhà trường quân đội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng”. *Tạp chí Tổ chức Nhà nước*, Số 1/2022, tr.29-31.

47. Nguyễn Văn Nhất & Bùi Quang Kha (2023). “Nâng cao phẩm chất chính trị của chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam”. *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, Số 327 (4/2023), tr.84-89.

48. Nguyễn Văn Oanh (2021). “Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội trong tình hình mới”. *Báo Quân đội nhân dân (điện tử)*, 17/11/2021. <https://www.qdnd.vn> (truy cập 24/3/2024).

49. Nguyễn Thế Phán (2002), *Giáo trình Xã hội học*, Nxb Lao động Xã hội, Hà Nội

50. Bùi Hà Phương (2017). “Lý thuyết vai trò trong nghiên cứu hành vi thông tin của giảng viên”. *Hệ thống thư viện số*. <http://huc.dspace.vn/handle/DHVVH/3720> (truy cập 23/12/2024).

51. Phạm Hồng Quang (2006). *Môi trường giáo dục*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.

52. Trần Viết Quang, Thái Ngọc Châu & Lê Thị Thanh Hiếu (2020). “Giáo dục ý thức chính trị cho sinh viên các trường đại học hiện nay”. *Tạp chí Khoa học Đại học Vinh*, Tập 49, Số 3B, tr.51-56.

53. Quân đội nhân dân Việt Nam (2011). *Phẩm chất Bộ đội Cụ Hồ* (Tập 1/7). Quân đội nhân dân, Hà Nội.

54. Quân đội nhân dân Việt Nam - Tổng cục chính trị (2014), *Giáo trình Xã hội học quân sự*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội

55. Quân đội nhân dân Việt Nam – Bộ Tổng Tham mưu (2023), *Báo cáo tổng kết năm học 2022-2023, phương hướng nhiệm vụ năm học 2023-2024*, Tài liệu nội bộ, Hà Nội.

56. Quân đội nhân dân Việt Nam - Bộ Tổng Tham mưu (2024), *Báo cáo tổng kết năm học 2023-2024, phương hướng nhiệm vụ năm học 2024 – 2025*, Tài liệu nội bộ, Hà Nội

57. Quân ủy Trung ương (2016), *Chỉ thị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong Đảng bộ Quân đội và toàn quân*, số 87-CT/QUTW, ngày 08/7/2016, Tài liệu nội bộ, Hà Nội.

58. Quân ủy Trung ương (2021), *Nghị quyết về phát huy phẩm chất Bộ đội Cụ Hồ, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân trong tình hình mới*, số 847-NQ/QUTW ngày 28/12/2021, Tài liệu nội bộ, Hà Nội.

59. Quân ủy Trung ương (2022), *Quyết định về ban hành quy chế công tác cán bộ trong Quân đội nhân dân Việt Nam*, số 2036-QĐ/QUTW, ngày 06/6/2022, Tài liệu nội bộ, Hà Nội.

60. Quân ủy Trung ương (2022), *Nghị quyết đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới*, số 1657-NQ/QUTW ngày 20/12/2022, Tài liệu nội bộ, Hà Nội.

61. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2018), *Luật Quốc phòng (Sửa đổi năm 2023)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội

62. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2019), *Luật Giáo dục năm 2019*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

63. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2024), *Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội

64. Lê Khắc Sự (2022). “Phát triển phẩm chất chính trị cho học viên đào tạo sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghệ 4.0”. *Tạp chí Dạy và Học ngày nay*, Số tháng 4/2022, 9-10.

65. Trần Hậu Tân (2022). “Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn lý luận Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong các nhà trường quân đội hiện nay”. *Tạp chí Cộng sản (điện tử)*. <https://tapchicongsan.org.vn/> (truy cập 26/5/2024).

66. Nguyễn Đình Tấn - Lê Tiêu La đồng chủ biên (1999), *Vai trò nam chủ hộ ngư dân ven biển trong bước chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.10

67. Nguyễn Đình Tấn (2005). *Cơ cấu xã hội và phân tầng xã hội*. Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.

68. Phạm Quang Thanh (2022). “Bồi dưỡng phẩm chất và năng lực cho đội ngũ cán bộ kiểm tra theo tư tưởng Hồ Chí Minh”. *Tạp chí Giáo dục Chính trị*, Số 337 (3/2022), tr.41-48.

69. Phạm Việt Thắng (2017). “Xây dựng môi trường văn hóa trường đại học hiện nay – Tiếp cận từ vai trò của giảng viên”. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, Số 145, tr.37-41.

70. Phùng Văn Thiết (Chủ nhiệm). *Nâng cao bản lĩnh của sĩ quan cấp phân đội trong tình hình mới*. Đề tài Bộ Quốc phòng, Hà Nội.

71. Phạm Văn Thuận (2025). “Nâng cao bản lĩnh chính trị cho đội ngũ cán bộ chủ trì các cấp trong Quân đội nhân dân Việt Nam, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới”. *Tạp chí Cộng sản (điện tử)*. <https://www.tapchicongsan.org.vn> (truy cập 03/7/2025).

72. Nguyễn Thị Minh Thu (2024). “Một số yếu tố tác động đến văn hoá giáo dục trong nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay”. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, Số 13 (3/2024), tr.68-74.

73. Trần Thị Thúy (2021). “Rèn luyện bản lĩnh chính trị cho thanh niên hiện nay”. *Tạp chí Khoa học Đại học Tân Trào*, Số 20, tr.140-143.

74. Nguyễn Thị Thủy, Lại Phương Mai & Bùi Quang Trung (2022). “Nâng cao vai trò của trường đại học địa phương trong hoạt động phục vụ cộng đồng”. *Tạp chí Công thương*, Số 17, tr.217–220.

75. Tổng cục Chính trị (2003), *Xây dựng phẩm chất chính trị bộ đội Cơ yếu trong tình hình mới*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.

76. Tổng cục Chính trị (2003). *Xây dựng phẩm chất chính trị cho bộ đội Cơ yếu trong tình hình mới*. Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.

77. Tổng cục chính trị (2022), Báo cáo Công tác đảng, công tác chính trị năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2023, Tài liệu nội bộ, Hà Nội,

78. Tổng cục Chính trị (2023), Kết luận số 841/KL-CT ngày 27/3/2023 về việc “tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động xây dựng môi trường văn hóa trong Quân đội, Hà Nội

79. Tổng cục chính trị (2023), Báo cáo Công tác đảng, công tác chính trị năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2024, Tài liệu nội bộ, Hà Nội,

80. Tổng cục chính trị (2024), Báo cáo Công tác đảng, công tác chính trị năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2025, Tài liệu nội bộ, Hà Nội,

81. Đỗ Huyền Trang (2015). “Vai trò của Đoàn thanh niên, hội sinh viên trong việc giáo dục đạo đức truyền thống cho sinh viên Trường Đại học Tây Bắc”. *Tạp chí Giáo dục*, Số 365, tr.58-60.

82. Đinh Quốc Triệu (Chủ nhiệm) (2017). “Đổi mới phương pháp đánh giá kết quả học tập các môn lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh của học viên trong các trường sĩ quan Quân đội hiện nay”. Đề tài Bộ Tổng Tham mưu, Hà Nội.

83. Đinh Quốc Triệu (Chủ nhiệm) (2020). *Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng cho học viên các trường sĩ quan quân đội hiện nay*. Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.

84. Trung tâm Từ điển học (2015), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng.

85. Trung tâm biên soạn từ điển Bách khoa Việt Nam (1995), *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.

86. Trường Sĩ quan Chính trị (2022), *Quy chế đào tạo đại học của Trường Sĩ quan Chính trị*, Tài liệu nội bộ, Hà Nội.

87. Trường Sĩ quan Chính trị (2022), *Báo cáo kết quả giáo dục chính trị năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023*, Tài liệu nội bộ, Hà Nội.

88. Trường Sĩ quan Chính trị (2023), *Báo cáo tổng kết năm học 2022-2023, phương hướng, nhiệm vụ năm học 2023-2024*, Tài liệu nội bộ, Hà Nội.

89. Trường Sĩ quan Chính trị (2024), *Báo cáo tổng kết năm học 2023-2024, phương hướng, nhiệm vụ năm học 2024 – 2025*, Tài liệu nội bộ, Hà Nội.

90. Trường Sĩ quan Chính trị (2023), *Báo cáo kết quả công tác thanh niên năm 2023*, Tài liệu nội bộ, Hà Nội.

91. Trường Sĩ quan Chính trị (2024), *Báo cáo CTĐ, CTCT năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025*, Tài liệu nội bộ, Hà Nội.

92. Trường Sĩ quan Chính trị (2024), Báo cáo chính Kết quả công tác giáo dục chính trị năm 2024, phương hướng năm 2025, Tài liệu nội bộ, Hà Nội

93. Trường Sĩ quan Chính trị (2025), Báo cáo kết quả công tác giáo dục chính trị 6 tháng đầu năm và phương hướng 6 tháng cuối năm 2025, Tài liệu nội bộ, Hà Nội,

94. Trường Sĩ quan Chính trị (2025), Báo cáo tổng kết năm học 2024 – 2025, Tài liệu nội bộ, Hà Nội

95. Trường Sĩ quan Lục quân 1 (2023), Báo cáo CTĐ, CTCT năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025, Tài liệu nội bộ, Hà Nội.

96. Trường Sĩ quan Lục Quân 1 (2024), Quy chế giáp dục đào tạo, Hà Nội, Tài liệu nội bộ, Hà Nội.

97. Trường Sĩ quan Lục quân 1(2024), Báo cáo tổng kết năm học 2023-2024, *phương hướng, nhiệm vụ năm học 2024-2025*, Tài liệu nội bộ, Hà Nội.

98. Trường Sĩ quan Lục quân 1 (2024), *Báo cáo CTĐ, CTCT năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025*, Tài liệu nội bộ, Hà Nội

99. Trường Sĩ quan Lục quân 1 (2025), Báo cáo Tổng kết năm học 2024 – 2025, Tài liệu nội bộ

100. Nguyễn Khắc Viện (1994), *Từ điển xã hội học*, NxbThế giới, Hà Nội

101. Ngô Thị Vân (2022). “Giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục phẩm chất chính trị cho học viên cấp phân đội ở Học viện Hải quân hiện nay”. *Tạp chí Dạy và Học ngày nay*, Số tháng 3/2022, tr.53-54.

Tiếng Anh

102. Andrew Hacker (1960) *The Professional Soldier*, by Morris Janowitz, truy cập ngày 05/12/2025 tại https://www.commentary.org/articles/andrew-hacker/the-professional-soldier-by-morris-janowitz/?utm_source=chatgpt.com
103. Dara Massicot (2024), *Russian Military Wartime Personnel Recruiting and Retention 2022–2023*, truy cập ngày 06/12/2025 tại: https://www.rand.org/pubs/research_reports/RRA2061-4.html
104. Fischer, J. H. (1990). *Social Roles and Expectations*. New York: Macmillan.
105. Goffman, E. (1959). *The Presentation of Self in Everyday Life*. New York: Anchor Books.
106. Herspring, D. R. (1996). *Russian civil-military relations*. Indiana University Press
107. Huntington, S. P. (1957). *The Soldier and the State: The Theory and Politics of Civil-Military Relations*. (Key theoretical frame). truy cập ngày 07/1/2025 tại https://preprints.apsanet.org/engage/apigateway/apsa/assets/orp/resource/item/5f7642f8e9593d0018ff02ed/original/huntington-janowitz-or-none-of-the-above-conceptions-of-professional-norms-by-future-army-officers.pdf?utm_source=chatgpt.com
108. M. Kent Jennings and Gregory B. Markus (2014), *The Effect of Military Service on Political Attitudes*, Published online by Cambridge University Press: 01 August 2014
109. Linton, R. (1936). *The Study of Man: An Introduction*. New York: Appleton-Century.
110. Parsons, T. (1951). *The Social System*. Glencoe: Free Press.
111. Parsons, T. (1959). *The School Class as a Social System*. Harvard University Press.
112. Robertson, I. (1987). *Sociology* (3rd ed.). New York: Worth Publishers.
113. Durkheim, É. (1922). *Education and Sociology*. Free Press.
114. Bernstein, B. (1971). *Class, Codes and Control*. Routledge.
115. Freire, P. (1970). *Pedagogy of the Oppressed*. Continuum.

116. Coleman, J. S. (1966). *Equality of Educational Opportunity*. U.S. Government Printing Office.
117. Giddens, A. (2006). *Sociology* (5th ed.). Polity Press.
118. Castells, M. (2000). *The Rise of the Network Society*. Blackwell.
119. Bronfenbrenner, U. (1979). *The Ecology of Human Development*. Harvard University Press.
120. Apple, M. W. (2004). *Ideology and Curriculum*. Routledge.
121. Ball, S. J. (1990). *Politics and Policy Making in Education*. Routledge.
122. Hargreaves, A. (1994). *Changing Teachers, Changing Times*. Cassell.
123. Santoshkumar, M. Katke (2023). “Socialization and education”. *Journal of Emerging Technologies and Innovative Research (JETIR)*, 10(6)
124. Huber, S. G. (2004). “School leadership and leadership development Adjusting leadership theories and development programs to values and the core purpose of school”. *Journal of Educational Administration*, 42(6), 669-684.
125. Schneider, M. C., & Bos, A. L. (2019). “The application of social role theory to the study of gender in politics”. *Political Psychology*, 40, 173-213.
126. Srikanth Kondapalli (2005) – “China’s Political Commissars and Commanders”, truy cập ngày 03/12/2025 tại <https://www.rsis.edu.sg/wp-content/uploads/rsis-pubs/WP88.pdf>
127. Bonell, C., et al. (2019). “Role theory of schools and adolescent health”. *The Lancet Child & Adolescent Health*, 3(10), 742-748.
128. Terziev, V., & Vasileva, S. (2022). “The role of education in socialization of an individual”. *IJAEDU – International E-Journal of Advances in Education*.
129. Verhoeven, M., Poorthuis, A. M. G., & Volman, M. (2018). “The Role of School in Adolescents’ Identity Development: A Literature Review”. *Educational Psychology Review*, 31, 35–63.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1:

DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU ĐỒ

Bảng 1. Tỷ lệ CBGV và HV đánh giá bài giảng của giảng viên ở các NTQĐ

Đơn vị: %

TT	Nội dung	Đối tượng	Tốt	Bình thường	Chưa tốt	Khó đánh giá
1	Tri thức khoa học trong từng bài giảng	CBGV	96.3	3.7	0	0
		HV	91.9	8.1	0	0
2	Tính định hướng chính trị xã hội trong từng bài giảng;	CBGV	97,5	2.3	0	0
		HV	96.0	4.0	0	0
3	Cập nhật các quan điểm của Đảng, chính sách của nhà nước trong từng bài giảng	CBGV	96,0	2,5	0	1,5
		HV	89.9	4.0	0	6.1
4	Định hướng đấu tranh, phê phán, phán bác quan điểm sai trái, thù địch	CBGV	96.3	2.8	0.9	0
		HV	91.9	6.1	2.0	0
5	Cập nhật thực tiễn trong từng bài giảng	CBGV	93,8	3,1	0.9	2.2
		HV	83.8	8.1	2.0	6.1
6	Phương pháp truyền thụ	CBGV	93,8	2,5	0.9	2,8
		HV	83.8	4.0	2.0	10.1
7	Tính sư phạm, sự nêu gương	CBGV	97,5	2,5	0	0
		HV	96.0	4.0	0	0
8	Đánh giá kết quả khách quan	CBGV	98.2	1.8	0	0
		HV	96.0	4.0	0	0

Bảng 2. Tỷ lệ cán bộ, giảng viên và học viên đánh giá đóng góp của các môn học tới quá trình hình thành PCCT của học viên

Đơn vị: %

TT	Môn học	Đối tượng	Ít	Trung bình	Nhiều	Rất nhiều
1	Các môn học Mác – Lênin	CBGV	0	0	40,9	59,1
		HV	0	0	38.4	61.6

2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CBGV	0	0	42,5	57,5
		HV	0	0	39,1	60,9
3	Các môn học lịch sử, đường lối của Đảng	CBGV	0	0	37,8	62,2
		HV	0	0	36,9	63,1
4	Môn học Công tác đảng, công tác chính trị	CBGV	0	8,0	48,3	43,7
		HV	0	5,8	53,7	40,4
5	Các môn KHXH&NVkhác	CBGV	2,5	18,7	25,8	53,8
		HV	1,3	14,4	32,1	52,1
6	Các môn học quân sự	CBGV	3,4	20,3	36,3	40,0
		HV	2,5	16,9	43,8	37,5
7	Các môn khoa học khác	CBGV	4,9	35,1	28,3	31,7
		HV	3,6	35,3	31,2	29,9

Bảng 3. Tỷ lệ CBGV và học viên đánh giá đóng góp của các hoạt động hỗ trợ vào quá trình hình thành PCCT của học viên

Đơn vị: %

TT	Các hoạt động	Đối tượng	Ít	Trung bình	Nhiều	Rất nhiều
1	Hoạt động giáo dục chính trị	CBGV	0	0,6	19,1	80,3
		HV	0	2,2	20,4	77,3
2	Hoạt động sau bài giảng	CBGV	0	3,4	29,5	67,1
		HV	1,3	2,0	29,9	66,7
3	Hoạt động ngoại khóa, tham quan	CBGV	0	4,9	21,5	73,5
		HV	1,8	7,2	27,2	63,8
4	Hoạt động nghiên cứu khoa học	CBGV	0	8,9	36,3	54,8
		HV	6,3	32,1	23,4	38,2
5	Hoạt động thực tập, thực tế	CBGV	0	6,2	24,9	68,9
		HV	4,5	22,2	39,3	33,9
6	Hoạt động khác	CBGV	0	26,5	41,8	31,7
		HV	4,9	40,4	27,4	27,2

Bảng 4. Tỷ lệ CBGV và HV đánh giá các hoạt động tham gia bồi dưỡng, rèn luyện PCCT cho học viên đào tạo SQQĐ?

Tỷ lệ %

TT	Hoạt động	Đối tượng	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1	HD sinh hoạt Đảng	CBGV	0	1,8	14,8	83,4
		HV	0	2.2	21.3	76.4
2	HD sinh hoạt của các TCQC	CBGV	0	2,8	20,0	77,2
		HV	0	6.2	32.2	72.8
3	HD của TCCH	CBGV	0	3,7	20,3	76,0
		HV	0	2.7	20.9	76.4
4	HD văn hóa văn nghệ TDTT	CBGV	0	4,0	26,8	69,2
		HV	1.1	5.4	31.7	61.8
5	HD dân vận kết nghĩa	CBGV	0	0	22,5	77,5
		HV	0.7	4.0	18.7	76.6
6	HD BVNTTT của Đảng	CBGV	0	4,0	17,8	78,2
		HV	0.2	4.3	20.9	74.6
7	HD duy trì nền nếp điều lệnh. điều lệ	CBGV	0	4,0	19,7	76,3
		HV	0.2	2.0	21.3	76.4

Bảng 5: Tỷ lệ CBGV và HV đánh giá mức độ thực hiện các hoạt động xây dựng môi trường văn hóa ở các NTQĐ

Đơn vị: %

TT	Hoạt động	Đối tượng	Chưa tốt	Bình thường	Tốt	Rất tốt
1	Thực hành dân chủ ở cơ sở	CBGV	0,9	5,2	32,6	61,2
		HV	2,2	5,8	32,4	59,6
2	Xây dựng tinh thần đoàn kết trong đơn vị	CBGV	1,2	5,8	30,2	62,8
		HV	1,6	7,0	33,0	58,4
3	Xây dựng quan hệ gần gũi, thân thiện giữa cán bộ khung và học viên	CBGV	1,5	4,6	32,3	61,5
		HV	2,7	6,3	33,0	58,0
4	Xây dựng quan hệ gần gũi, thân thiện giữa giảng viên và học viên	CBGV	0,9	4,0	25,8	69,2
		HV	1,8	3,8	25,7	58,7
5	Phát huy sự gương mẫu về PCCT	CBGV	0,6	3,4	36,9	59,1

	của đội ngũ CBGV	HV	0,7	3,6	36,0	59,8
6	Xây dựng bầu không khí học tập, rèn luyện tích cực	CBGV	1,2	3,1	36,0	59,7
		HV	1,6	3,1	38,2	57,1
7	Xây dựng môi trường, cảnh quan đơn vị	CBGV	0,3	4,6	32,3	62,8
		HV	0,7	4,0	33,7	61,6
8	Duy trì kỷ luật nghiêm minh	CBGV	0	1,2	35,7	63,1
		HV	0	1,1	36,0	62,9

Bảng 6. Tỷ lệ CBGV và HV đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố thuộc bối cảnh KT-XH, QPAN tới vai trò của NTQĐ trong giáo dục, rèn luyện PCCT cho học viên đào tạo SQQĐ

Đơn vị: %

TT	Yếu tố	Đối tượng	Ảnh hưởng bình thường	Ảnh hưởng lớn
1	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và Quân đội về quốc phòng, an ninh	CBGV	6,8	93,2
		HV	10,3	89,7
2	Chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên	CBGV	3,1	96,9
		HV	4,0	96,0
3	Mục tiêu, nội dung chương trình phương pháp giáo dục	CBGV	2,8	97,2
		HV	3,4	96,6
4	Môi trường giáo dục	CBGV	6,2	93,8
		HV	5,8	94,2
5	Tác động của mạng xã hội	CBGV	9,8	90,2
		HV	10,3	89,7
6	Nhận thức, thái độ, ý chí, nghị lực, động cơ phấn đấu của học viên	CBGV	5,5	94,5
		HV	8,5	91,5

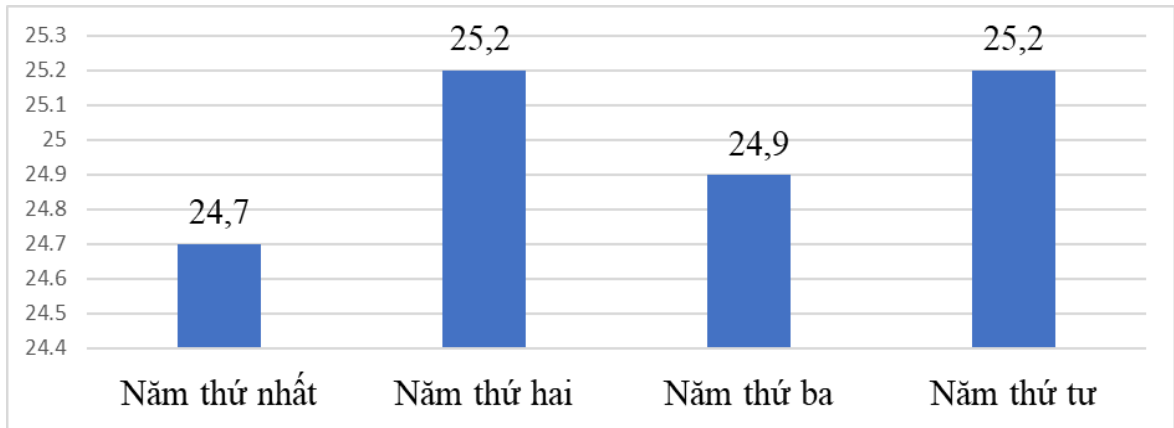
Bảng 7. Tỷ lệ CBGV và HV đồng tình với giải pháp liên quan tới các chủ thể, lực lượng trong NTQĐ

Đơn vị: %

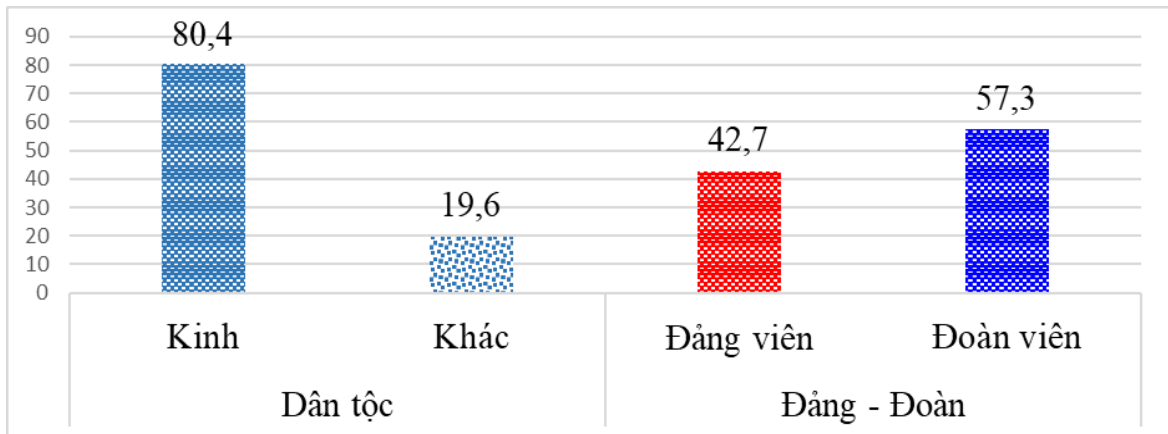
TT	Giải pháp	Đối tượng	Phân phân	Đồng ý
----	-----------	-----------	-----------	--------

1	Nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các chủ thể, các lực lượng về vai trò của NTQĐ trong giáo dục, rèn luyện PCCT cho HV đào tạo SQQĐ hiện nay	CBGV	3,7	96,3
		HV	2,7	97,3
2	Xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ khung về số lượng và chất lượng, thực sự gương mẫu.	CBGV	2,8	97,2
		HV	2,5	97,5
3	Định hướng các hoạt động trong nhà trường nhằm hình thành PCCT cho HV đào tạo sĩ quan	CBGV	4,0	96,0
		HV	4,3	95,7
4	Nâng cao chất lượng tự giác học tập, rèn luyện của học viên	CBGV	3,1	96,9
		HV	3,4	96,6
5	Thường xuyên rà soát, hoàn thiện nội dung chương trình đào tạo	CBGV	4,9	95,1
		HV	2,9	97,1
6	Đổi mới nâng cao chất lượng dạy học	CBGV	3,1	96,9
		HV	2,2	97,8
7	Bổ sung, hoàn thiện, đổi mới giáo trình, bài giảng	CBGV	5,8	94,2
		HV	4,7	95,3
8	Xây dựng nhà trường mẫu mực, đơn vị cơ sở trong nhà trường đồng thuận, đoàn kết, dân chủ, kỷ cương.	CBGV	4,0	96,0
		HV	5,4	94,6
9	Duy trì nghiêm nề nếp, chất lượng điều lệnh, điều lệ.	CBGV	1,2	98,8
		HV	1,6	98,4
10	Chú trọng các hoạt động ngoại khóa, hành quân làm công tác dân vận.	CBGV	4,9	95,1
		HV	4,3	95,7

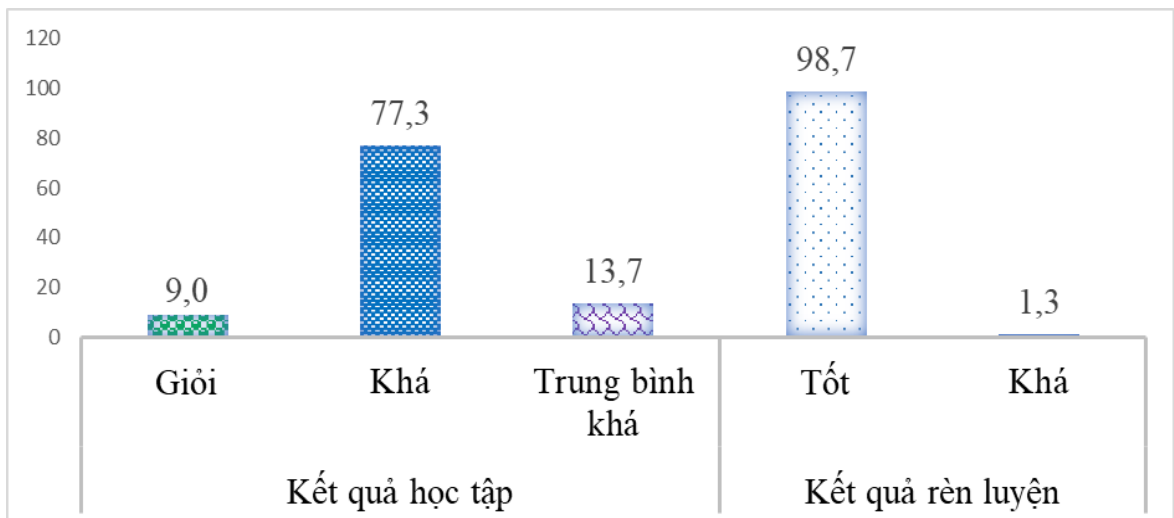
Biểu đồ 1: Số năm tham gia học tập tại nhà trường quân đội của học viên (Đơn vị: %)

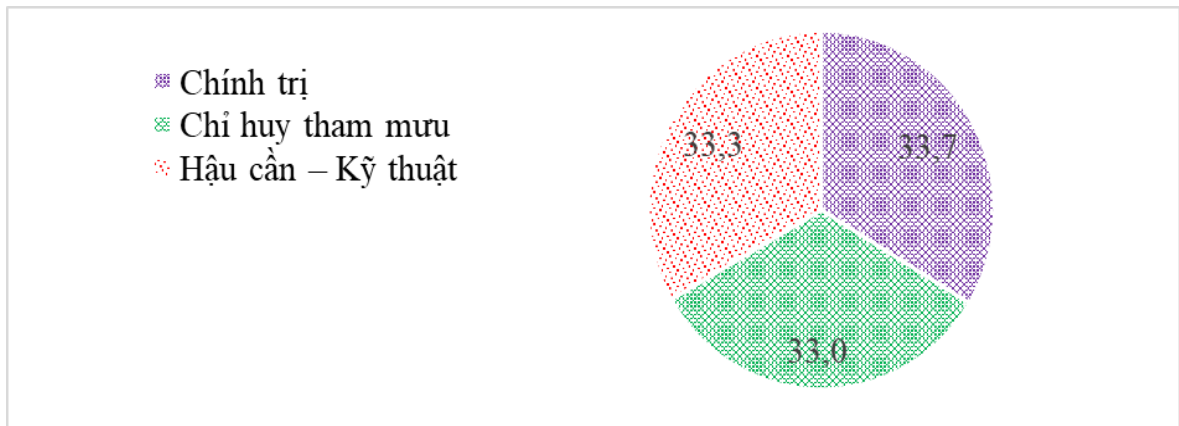
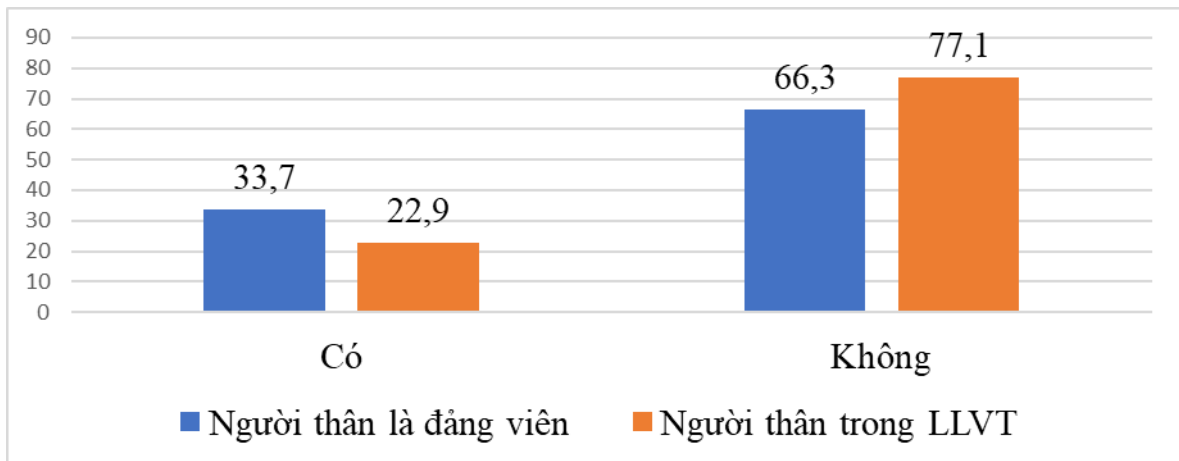
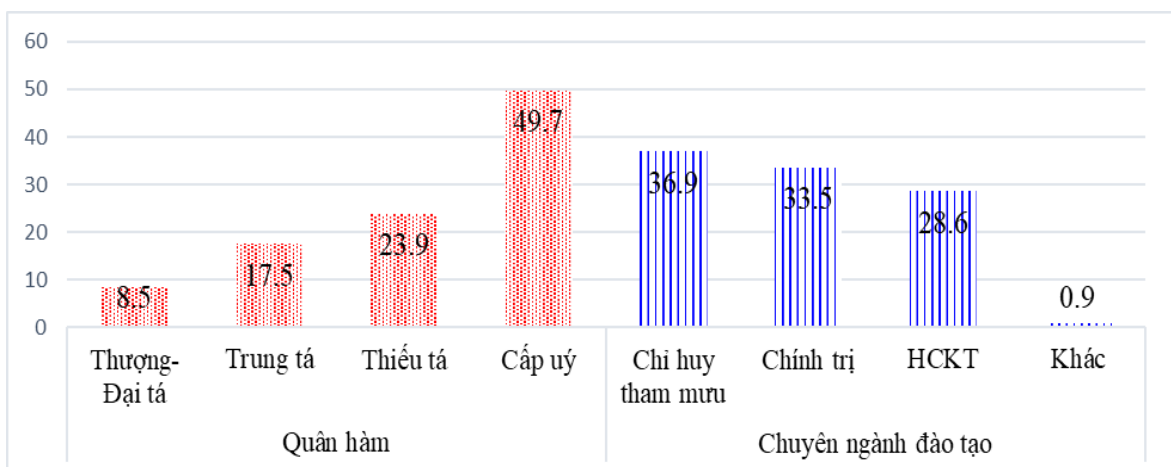


Biểu đồ 2: Thành phần dân tộc, đảng – đoàn của học viên (Đơn vị: %)

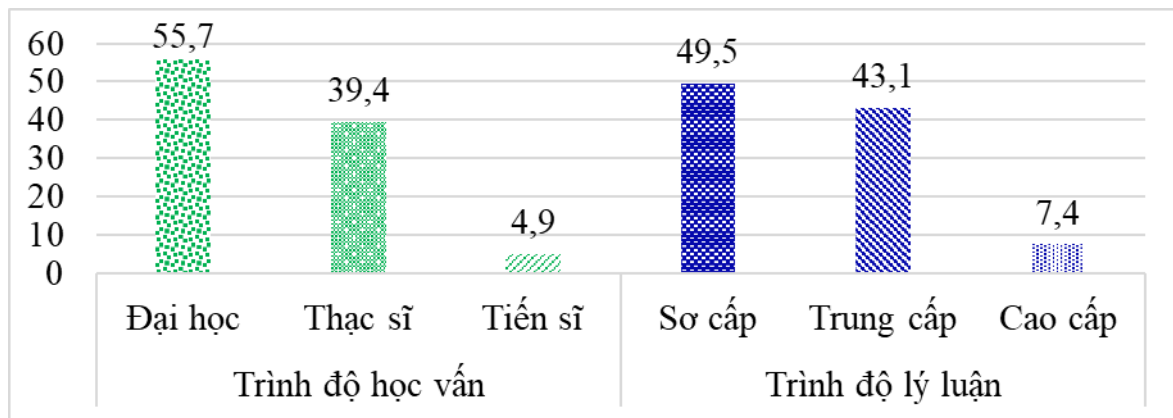


Biểu đồ 3: Kết quả học tập, rèn luyện của học viên (Đơn vị: %)

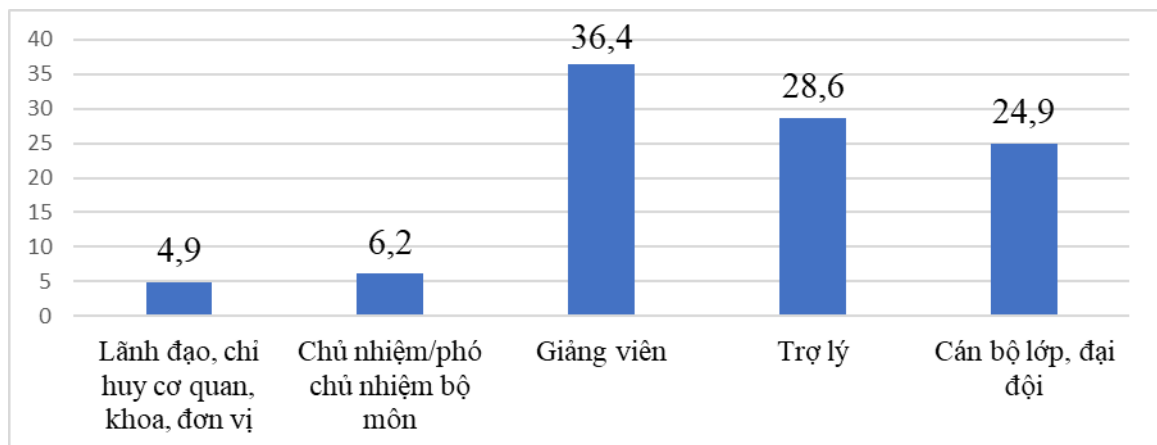


Biểu đồ 4: Chuyên ngành đào tạo của học viên (Đơn vị: %)**Biểu đồ 5: Tỷ lệ học viên có người thân đang công tác trong lực lượng vũ trang (Đơn vị: %)****Biểu đồ 6: Cơ cấu quân hàm, chuyên ngành đào tạo của cán bộ, giảng viên (Đơn vị: %)**

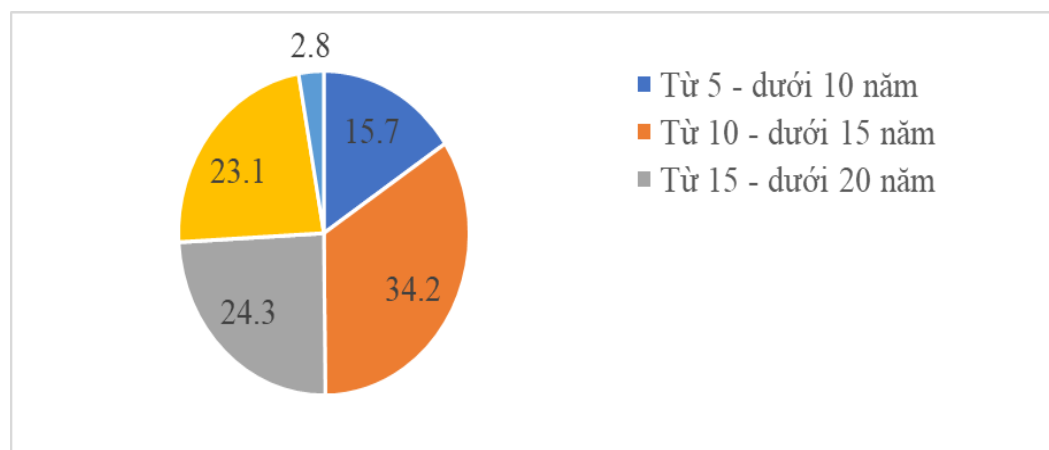
Biểu đồ 7: Trình độ học vấn, trình độ lý luận của cán bộ, giảng viên
(Đơn vị: %)



Biểu đồ 8: Chức vụ của cán bộ, giảng viên được khảo sát (Đơn vị: %)



Biểu đồ 9: Thời gian công tác trong quân đội của cán bộ, giảng viên (Đơn vị: %)



Phụ lục 2:

PHIẾU TRỪNG CẦU Ý KIẾN
(Dùng cho cán bộ, giảng viên)

Kính thưa đồng chí

Nhằm làm rõ một số vấn đề lý luận, thực tiễn về vai trò của nhà trường quân đội trong quá trình hình thành phẩm chất chính trị của học viên đào tạo sĩ quan quân đội; trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp phát huy vai trò của nhà trường quân đội trong quá trình hình thành phẩm chất chính trị của học viên đào tạo sĩ quan quân đội hiện nay. Kính mong đồng chí tham gia trả lời một số nội dung sau. Nếu đồng ý với nội dung nào, đồng chí vui lòng đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng hoặc ghi phương án trả lời của mình vào chỗ trống tương ứng của câu hỏi. Mọi thông tin đồng chí cung cấp chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu, ngoài ra chúng tôi không sử dụng vào mục đích nào khác. Đồng chí không cần ghi tên, địa chỉ của mình vào phiếu này.

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của đồng chí!

A. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI

1	Quân hàm	1. Cấp tướng 3. Trung tá 5. Cấp úy	2. Thượng, Đại tá 4. Thiếu tá
2	Chức vụ hiện tại	1. Lãnh đạo, chỉ huy nhà trường 2. Trưởng phòng/ Chủ nhiệm khoa/ Hệ trưởng/ Tiểu đoàn trưởng 3- Bí thư Đảng bộ/ Bí thư chi bộ trực thuộc/ Phó trưởng phòng/ Chính trị viên Hệ/ Chính trị viên Tiểu đoàn 4- Giảng viên 5- Trợ lý các cơ quan 6- Chủ nhiệm lớp/ Đại đội trưởng 7- Phó chủ nhiệm lớp/ Chính trị viên đại đội 8- Khác	
3	Thời gian công tác trong Quân đội	1. Dưới 5 năm 3. Từ 10 – dưới 15 năm 5. Từ 20 – dưới 25 năm	2. Từ 5 – dưới 10 năm 4. Từ 15 – dưới 20 năm 6. Từ 25 năm trở lên
4	Thời gian đảm nhiệm chức vụ hiện tại	1. Dưới 5 năm 3. Từ 10 – dưới 15 năm 5- Từ 20 năm trở lên	2. Từ 5 – dưới 10 năm 4. Từ 15 – dưới 20 năm

5	Trình độ học vấn	1- Dưới đại học 3- Thạc sĩ 5- PGS	2- Đại học 4- Tiến sĩ
6	Chuyên ngành đào tạo	1- Chỉ huy tham mưu 3- Hậu cần – kỹ thuật	2- Chính trị 4- Khác
7	Trình độ lý luận chính trị	1- Sơ cấp 3- Cao cấp	2- Trung cấp 4- Cử nhân chính trị

B. NỘI DUNG

Câu 1: Theo đồng chí phẩm chất chính trị nào dưới đây cần có đối với học viên đào tạo sĩ quan quân đội?

TT	Phẩm chất	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
		1	2	3	4	5
1	Trung thành với Đảng, Tổ quốc, và nhân dân					
2	Sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội					
3	Sẵn sàng nhận và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ					
4	Kỷ luật tự giác nghiêm minh					
5	Phẩm chất khác					

Câu 2: Các nội dung giáo dục PCCT cho học viên được thực hiện thông qua các hoạt động nào ở nhà trường?

TT	Hoạt động	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
		1	2	3	4	5
1	Hoạt động giáo dục đào tạo					
2	Hoạt động của tổ chức đảng					

3	Hoạt động của tổ chức chỉ huy					
4	Hoạt động của tổ chức quần chúng					
5	Hoạt động khác khác					

Câu 3: Các nội dung giáo dục lý luận chính trị được thể hiện trong các môn học nào dưới đây?

TT	Các môn học	Rất ít	Ít	Vừa phải	Nhiều	Rất nhiều
		1	2	3	4	5
1	Các môn học Mác – Lênin					
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh					
3	Các môn học lịch sử, đường lối của Đảng					
4	Môn học Công tác đảng, công tác chính trị					
5	Các môn KHXH&NV khác					
6	Các môn học quân sự					
7	Các môn khoa học khác					

Câu 4: Đồng chí đánh giá mức độ phù hợp của việc bố trí các nội dung giáo dục lý luận chính trị trong chương trình đào tạo sĩ quan hiện nay như thế nào?

TT	Mức độ	
1	Rất phù hợp	
2	Phù hợp	
3	Khó đánh giá	
4	Chưa thực sự hợp	
5	Hoàn toàn chưa phù hợp	

Câu 5: Xin đồng chí cho biết đánh giá của mình về nội dung bài giảng của giảng viên?

TT	Nội dung	Chưa tốt	Bình thường	Tốt	Khó đánh giá
1	Tri thức khoa học trong từng bài giảng				
2	Tính định hướng chính trị xã hội trong từng bài giảng;				
3	Cập nhật các quan điểm của Đảng,				

	chính sách của nhà nước				
4	Định hướng đấu tranh, phê phán, phản bác quan điểm sai trái, thù địch				
5	Cập nhật thực tiễn trong từng bài giảng				
6	Phương pháp truyền thụ				
7	Tính sư phạm, sự nêu gương				
8	Đánh giá kết quả khách quan				

Câu 6: Theo đồng chí các môn học dưới đây đóng góp ở mức độ nào vào quá trình hình thành PCCT của học viên đào tạo SQQĐ?

TT	Môn học	Rất ít	Ít	Trung bình	Nhiều	Rất nhiều
		1	2	3	4	5
1	Các môn học Mác – Lênin					
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh					
3	Các môn học lịch sử, đường lối của Đảng					
4	Môn học Công tác đảng, công tác chính trị					
5	Các môn KHXH&NV khác					
6	Các môn học quân sự					
7	Các môn khoa học khác					

Câu 7: Các hoạt động bổ trợ sau đóng góp ở mức độ nào vào quá trình hình thành PCCT của học viên đào tạo SQQĐ?

TT	Các hoạt động	Rất ít	Ít	Trung bình	Nhiều	Rất nhiều
		1	2	3	4	5
1	Hoạt động giáo dục chính trị					
2	Hoạt động sau bài giảng (Trao đổi, thảo luận)					
3	Hoạt động ngoại khóa, tham quan					
4	Hoạt động nghiên cứu khoa học					
5	Hoạt động thực tập, thực tế					
6	Hoạt động khác					

Câu 8: Đồng chí đánh giá như thế nào về trách nhiệm của các lực lượng dưới đây thực hiện các nội dung giáo dục lý luận chính trị?

TT	Nội dung	Chưa tốt	Bình thường	Tốt	Khó đánh giá
1	Lãnh đạo, chỉ huy nhà trường				
2	Cán bộ các cơ quan chức năng				
3	Cán bộ, giảng viên các khoa giáo viên				
4	Cán bộ quản lý học viên				

Câu 10: Theo đồng chí các hoạt động nào dưới đây tham gia vào bồi dưỡng, rèn luyện PCCT cho học viên đào tạo SQQĐ?

TT	Hoạt động	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
		1	2	3	4	5
1	Hoạt động sinh hoạt của tổ chức đảng					
2	Hoạt động sinh hoạt của các tổ chức quần chúng					
3	Hoạt động của tổ chức chỉ huy					
4	Hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao					
5	Hoạt động dân vận, kết nghĩa					
6	Hoạt động bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng					
7	Hoạt động duy trì chế độ nền nếp, điều lệnh, điều lệ					
8	Hoạt động khác					
8	Hoạt động khác					

Câu 9: Theo đồng chí các hoạt động dưới đây ở các đơn vị đóng góp ở mức độ nào đến quá trình hình thành PCCT của học viên?

TT	Hoạt động	Rất ít	Ít	Trung bình	Nhiều	Rất nhiều
		1	2	3	4	5
1	Hoạt động sinh hoạt của tổ chức đảng					
2	Hoạt động sinh hoạt của các tổ chức quần chúng					
3	Hoạt động của tổ chức chỉ huy					
4	Hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao					
5	Hoạt động dân vận, kết nghĩa					
6	Hoạt động bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng					
7	Hoạt động duy trì chế độ nền nếp, điều lệnh, điều lệ					

Câu 10: Theo đồng chí hoạt động ở đơn vị mang lại hiệu quả như thế nào trong giáo dục lý luận chính trị cho học viên?

TT	Mức độ	
1	Hoàn toàn chưa hiệu quả	
2	Chưa hiệu quả	
3	Bình thường	
4	Hiệu quả	
5	Rất hiệu quả	

Câu 11: Đồng chí đánh giá thế nào về trách nhiệm của các tổ chức trong các nội dung dưới đây?

TT	Nội dung	Chưa tốt	Bình thường	Tốt	Khó đánh giá
1	Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các hoạt động				
2	Xây dựng kế hoạch giáo dục, rèn luyện học viên				
3	Lồng ghép nội dung giáo dục, rèn luyện vào các hoạt động				
4	Tổ chức các hoạt động				
5	Kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện				

6	Đánh giá kết quả rèn luyện				
---	----------------------------	--	--	--	--

Câu 12: Theo đồng chí các nội dung nào dưới đây cấu thành môi trường văn hóa chính trị quân sự trong NTQD?

TT	Hoạt động	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
		1	2	3	4	5
1	Thực hành dân chủ ở cơ sở					
2	Xây dựng tinh thần đoàn kết trong đơn vị					
3	Xây dựng quan hệ gần gũi, thân thiện giữa cán bộ khung và học viên					
4	Xây dựng quan hệ gần gũi, thân thiện giữa giảng viên và học viên					
5	Phát huy sự gương mẫu về PCCT của đội ngũ CBGV					
6	Xây dựng bầu không khí học tập, rèn luyện tích cực					
7	Xây dựng môi trường, cảnh quan đơn vị					
8	Duy trì kỷ luật nghiêm minh					
9	Đặc trưng khác...					

Câu 13: Xin đồng chí cho biết các hoạt động sau được thực hiện ở nhà trường như thế nào?

TT	Hoạt động	Chưa tốt	Bình thường	Tốt	Khó đánh giá
1	Thực hành dân chủ ở cơ sở				
2	Xây dựng tinh thần đoàn kết trong đơn vị				

3	Xây dựng quan hệ gần gũi, thân thiện giữa cán bộ khung và học viên				
4	Xây dựng quan hệ gần gũi, thân thiện giữa giảng viên và học viên				
5	Phát huy sự gương mẫu về PCCT của đội ngũ CBGV				
6	Xây dựng bầu không khí học tập, rèn luyện tích cực				
7	Xây dựng môi trường, cảnh quan đơn vị				
8	Duy trì kỷ luật nghiêm minh				
9	Đặc trưng khác...				

Câu 14: Theo đồng chí, các yếu tố thuộc môi trường văn hóa quân sự trong NTQĐ ảnh hưởng như thế nào đến quá trình hình thành PCCT của học viên đào tạo SQQĐ?

TT	Hoạt động	Rất ít	Ít	Trung bình	Nhiều	Rất nhiều
		1	2	3	3	4
1	Thực hành dân chủ ở cơ sở					
2	Xây dựng tinh thần đoàn kết trong đơn vị					
3	Xây dựng quan hệ gần gũi, thân thiện giữa cán bộ khung và học viên					
4	Xây dựng quan hệ gần gũi, thân thiện giữa giảng viên và học viên					
5	Phát huy sự gương mẫu về PCCT của đội ngũ CBGV					
6	Xây dựng bầu không khí học tập, rèn luyện tích cực					

7	Xây dựng môi trường, cảnh quan đơn vị					
8	Duy trì kỷ luật nghiêm minh					

Câu 15: Đồng chí đánh giá thế nào về những nhận định dưới đây?

TT	Nhận định	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến	Đồng ý một phần	Hoàn toàn đồng ý
		1	2	3	4	5
1	Một bộ phận cán bộ, giảng viên, học viên chưa thật sự nhận thức rõ ràng về vai trò của PCCT					
2	Việc lồng ghép giáo dục PCCT vào các môn học, hoạt động thực tiễn còn mang tính hình thức, thiếu chiều sâu và chưa thực sự gắn với thực tiễn chiến đấu, huấn luyện					
3	Một số nội dung chưa theo kịp yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới					
4	Tính thực tiễn chính trị trong các bài giảng chưa cao					
5	Phương pháp giáo dục còn đơn điệu					
6	Hoạt động của các tổ chức chưa đa dạng					
7	Môi trường giáo dục chính trị còn thiếu tính định hướng					

	rõ ràng					
8	Một bộ phận cán bộ, giảng viên chưa gương mẫu về phẩm chất, đạo đức					
9	Tổ chức các hoạt động rèn luyện thực tiễn chưa nhiều					

Câu 16: Theo đồng chí những hạn chế trong giáo dục, rèn luyện PCCT cho học viên do những nguyên nhân nào?

TT	Nguyên nhân	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1	Công tác giáo dục chính trị tư tưởng chưa được quán triệt sâu sắc từ cấp lãnh đạo đến cấp cơ sở.					
2	Thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan					
3	Tính chủ động của một số cán bộ, giảng viên chưa cao					
4	Chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên chưa đồng đều					
5	Cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ phương pháp mới còn hạn chế.					
6	Tác động của mặt trái kinh tế thị trường					
7	Nguyên nhân khác					

Câu 17: Theo đánh giá của đồng chí PCCT của học viên trước khi ra trường đáp ứng ở mức độ nào?

TT	Phẩm chất	Hoàn toàn chưa tốt	Chưa tốt	Bình thường	Tốt	Rất tốt
----	-----------	--------------------	----------	-------------	-----	---------

		1	2	3	4	5
1	Trung thành với Đảng, Tổ quốc, và nhân dân					
2	Sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội					
3	Sẵn sàng nhận và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ					
4	Kỷ luật tự giác nghiêm minh					
5	Phẩm chất khác (xin ghi rõ).....					

Câu 18: Các yếu tố sau ảnh hưởng như thế nào tới vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của học viên đào tạo SQQĐ?

TT	Yếu tố	Không ảnh hưởng	Ảnh hưởng bình thường	Ảnh hưởng lớn
		1	2	3
1	Đường lối quốc phòng, an ninh			
2	Chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên			
3	Tác động của mặt trái kinh tế thị trường			
4	Tác động của mạng xã hội			
5	Môi trường văn hóa chính trị quân sự			
6	Sự chống phá của các thế lực thù địch			
7	Tác động của mạng xã hội			
8	Sự chống phá của các thế lực thù địch			
9	Hoạt động ngoại khóa, thực tế chính trị			
10	Thái độ trong học tập và rèn luyện của học viên			
11	Ý chí, nghị lực, động cơ học tập, rèn luyện của học viên			
12	Yếu tố khác (xin ghi rõ).....			

Câu 19: Theo đồng chí, để phát huy vai trò của quá trình dạy học trong NTQĐ đối với việc hình thành phẩm chất chính trị cho học viên đào tạo sĩ quan, cần chú trọng những giải pháp, nội dung nào dưới đây?

TT	Giải pháp	Không đồng ý	Phân phân	Đồng ý
		1	2	3
1	Nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các chủ thể, các lực lượng về vai trò của NTQĐ trong giáo dục, rèn luyện PCCT cho học viên đào tạo SQQĐ hiện nay			
2	Xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ khung về số lượng và chất lượng, thực sự gương mẫu.			
3	Định hướng các hoạt động trong nhà trường nhằm hình thành phẩm chất chính trị cho học viên đào tạo sĩ quan			
4	Nâng cao chất lượng tự giác học tập, rèn luyện của học viên.			
5	Thường xuyên rà soát, hoàn thiện nội dung chương trình đào tạo			
6	Đổi mới nâng cao chất lượng dạy học			
7	Bổ sung, hoàn thiện, đổi mới giáo trình, bài giảng			
8	Xây dựng nhà trường mẫu mực, đơn vị cơ sở trong nhà trường đồng thuận, đoàn kết, dân chủ, kỷ cương.			
9	Duy trì nghiêm nền nếp, chất lượng điều lệnh, điều lệ.			
10	Chú trọng các hoạt động ngoại khóa, hành quân làm công tác dân vận.			
11	Giải pháp khác (xin ghi rõ).....			

Câu 20: Đồng chí có đề xuất gì để phát huy vai trò của nhà trường quân đội trong quá trình hình thành PCCT của học viên đào tạo SQQĐ?

.....
.....

Xin trân trọng cảm ơn đồng chí !

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN
(Dành cho học viên đào tạo sĩ quan quân đội)

Kính thưa đồng chí

Nhằm làm rõ một số vấn đề lý luận, thực tiễn về vai trò của nhà trường quân đội trong quá trình hình thành phẩm chất chính trị của học viên đào tạo sĩ quan quân đội; trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp phát huy vai trò của nhà trường quân đội trong quá trình hình thành phẩm chất chính trị của học viên đào tạo sĩ quan quân đội hiện nay. Kính mong đồng chí tham gia trả lời một số nội dung sau. Nếu đồng ý với nội dung nào, đồng chí vui lòng khuyến tròn vào ô số thứ tự tương ứng hoặc ghi phương án trả lời của mình vào chỗ trống tương ứng của câu hỏi. Mọi thông tin đồng chí cung cấp chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu, ngoài ra chúng tôi không sử dụng vào mục đích nào khác. Đồng chí không cần ghi tên, địa chỉ của mình vào phiếu này.

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của đồng chí!

A. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI

A1	Đồng chí hiện là học viên năm thứ mấy?	1. Năm thứ nhất	
		2. Năm thứ hai	
		3. Năm thứ ba	
		4. Năm thứ tư	
		5. Từ năm thứ năm trở lên	
A2	Dân tộc	1. Kinh	
		2. Khác (ghi rõ):	
A3	Đảng - Đoàn	1. Đảng viên	
		2. Đoàn viên	
A4	Kết quả học tập hiện tại	1. Xuất sắc	
		2. Giỏi	
		3. Khá	
		4. Trung bình khá	
		5. Trung bình	
		6. Yếu/kém	
A5	Kết quả rèn luyện	1. Tốt	
		2. Khá	
		3. Trung bình	
		4. Yếu	
A6	Khu vực sinh sống của gia đình?	1. Nông thôn	
		2. Đô thị	
A7	Vùng miền sinh sống của	1. Miền Bắc	

	gia đình?	2. Miền Trung	
		3. Miền Nam	
A8	Chuyên ngành đang đào tạo	1. Chính trị	
		2. Chỉ huy tham mưu	
		3. Hậu cần – Kỹ thuật	
A9	Gia đình đồng chí có ai là đảng viên ?(chọn 1 phương án phù hợp)	1. Ông/bà	
		2. Bố	
		3. Mẹ	
		4. Anh/chị em ruột	
		Không có ai	
A10	Gia đình đồng chí có ai đã và đang công tác trong quân đội, công an	1. Ông/bà	
		2. Bố	
		3. Mẹ	
		4. Anh/chị em ruột	
		Không có ai	

B. NỘI DUNG

Câu 1: Theo đồng chí phẩm chất chính trị nào dưới đây cần có đối với học viên đào tạo sĩ quan quân đội?

TT	Phẩm chất	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
		1	2	3	4	5
1	Trung thành với Đảng, Tổ quốc, và nhân dân					
2	Sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội					
3	Sẵn sàng nhận và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ					
4	Kỷ luật tự giác nghiêm minh					
5	Phẩm chất khác					

Câu 2: Nội dung giáo dục lý luận chính trị được thể hiện qua các môn học nào dưới đây?

TT	Các môn học	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
		1	2	3	4	5
1	Các môn học Mác – Lênin					
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh					
3	Các môn học lịch sử, đường lối của Đảng					
4	Môn học Công tác đảng, công tác chính trị					
5	Các môn KHXH&NV khác					
6	Các môn khoa quân sự					
7	Các môn khoa học khác					

Câu 3: Đồng chí đánh giá mức độ thể hiện các nội dung giáo dục lý luận chính trị trong các môn học như thế nào?

TT	Các môn học	Rất ít	Ít	Trung bình	Nhiều	Rất nhiều
		1	2	3	4	5
1	Các môn học Mác – Lênin					
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh					
3	Các môn học lịch sử, đường lối của Đảng					
4	Môn học Công tác đảng, công tác chính trị					
5	Các môn khoa học xã hội và nhân văn khác (tâm lý học xã hội học, v.v...)					
6	Các môn khoa quân sự (chiến thuật, bắn súng, quân sự chung...)					
7	Các môn khoa học khác					

Câu 4: Đồng chí đánh giá mức độ phù hợp của việc bố trí các nội dung giáo dục lý luận chính trị trong chương trình đào tạo sĩ quan hiện nay như thế nào?

TT	Mức độ	
1	Hoàn toàn chưa phù hợp	
2	Chưa thực sự hợp	
3	Khó đánh giá	
4	Phù hợp	
5	Rất phù hợp	

Câu 5: Xin đồng chí cho biết đánh giá của mình về nội dung bài giảng của giảng viên?

TT	Nội dung	Chưa tốt	Bình thường	Tốt	Khó đánh giá
1	Tri thức khoa học trong từng bài giảng				
2	Tính định hướng chính trị xã hội				
3	Cập nhật các quan điểm của Đảng, chính sách của nhà nước				
4	Định hướng đấu tranh, phê phán, phản bác quan điểm sai trái, thù địch				
5	Cập nhật thực tiễn trong từng bài giảng				
6	Phương pháp truyền thụ				
7	Tính sư phạm, sự nêu gương				
8	Đánh giá kết quả khách quan				

Câu 6: Theo đồng chí các môn học dưới đây đóng góp ở mức độ nào vào quá trình hình thành PCCT của học viên?

TT	Các môn học	Rất ít	Ít	Trung bình	Nhiều	Rất nhiều
		1	2	3	4	5
1	Các môn học Mác – Lênin					
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh					
3	Các môn học lịch sử, đường lối của Đảng					
4	Môn học Công tác đảng, công tác chính trị					
5	Các môn KHXH&NV khác					

6	Các môn học quân sự					
7	Các môn khoa học khác					

Câu 7: Các hoạt động bổ trợ dưới đây được nhà trường thực hiện như thế nào?

TT	Các hoạt động	Không thực hiện	Thỉnh thoảng (Vài tháng)	Thường xuyên (Hàng tháng)
		1	2	3
1	Hoạt động giáo dục chính trị			
2	Hoạt động sau bài giảng			
3	Hoạt động ngoại khóa, tham quan			
4	Hoạt động nghiên cứu khoa học			
5	Hoạt động thực tập, thực tế			
6	Hoạt động khác			

Câu 8: Các hoạt động bổ trợ sau đóng góp ở mức độ nào vào quá trình hình thành PCCT của học viên?

TT	Các hoạt động	Rất ít	Ít	Trung bình	Nhiều	Rất nhiều
		1	2	3	4	5
1	Hoạt động giáo dục chính trị					
2	Hoạt động sau bài giảng					
3	Hoạt động ngoại khóa, tham quan					
4	Hoạt động nghiên cứu khoa học					
5	Hoạt động thực tập, thực tế					
6	Hoạt động khác					

Câu 9: Đồng chí đánh giá như thế nào về trách nhiệm của các lực lượng dưới đây thực hiện các nội dung giáo dục lý luận chính trị?

TT	Nội dung	Chưa tốt	Bình thường	Tốt	Khó đánh giá
1	Lãnh đạo, chỉ huy nhà trường				
2	Cán bộ các cơ quan chức năng				

3	Cán bộ, giảng viên các khoa giáo viên				
4	Cán bộ quản lý học viên				

Câu 10: Theo đồng chí các hoạt động nào dưới đây tham gia vào bồi dưỡng, rèn luyện PCCT cho học viên đào tạo SQQĐ?

TT	Hoạt động	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
		1	2	3	4	5
1	Hoạt động sinh hoạt của tổ chức đảng					
2	Hoạt động sinh hoạt của các tổ chức quần chúng					
3	Hoạt động của tổ chức chỉ huy					
4	Hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao					
5	Hoạt động dân vận, kết nghĩa					

Câu 11: Theo đồng chí các hoạt động dưới đây ở các đơn vị ảnh hưởng như thế nào đến quá trình hình thành PCCT của học viên?

TT	Hoạt động	Rất ít	Ít	Trung bình	Nhiều	Rất nhiều
		1	2	3	4	5
1	Hoạt động sinh hoạt của tổ chức đảng					
2	Hoạt động sinh hoạt của các tổ chức quần chúng					
3	Hoạt động của tổ chức chỉ huy					
4	Hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao					
5	Hoạt động dân vận, kết nghĩa					
6	Hoạt động bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng					
7	Hoạt động duy trì chế độ nền					

	nếp, điều lệnh, điều lệ					
8	Hoạt động khác					

Câu 12: Đồng chí đánh giá thế nào về trách nhiệm của các tổ chức trong các nội dung dưới đây?

TT	Nội dung	Chưa tốt	Bình thường	Tốt	Khó đánh giá
1	Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các hoạt động				
2	Xây dựng kế hoạch giáo dục, rèn luyện học viên				
3	Lồng ghép nội dung giáo dục, rèn luyện vào các hoạt động				
4	Tổ chức các hoạt động				
5	Kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện				
6	Đánh giá kết quả rèn luyện				

Câu 13: Theo đồng chí các nội dung nào dưới đây cấu thành môi trường văn hóa chính trị quân sự trong NTQĐ?

TT	Hoạt động	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
		1	2	3	4	5
1	Thực hành dân chủ ở cơ sở					
2	Xây dựng tinh thần đoàn kết trong đơn vị					
3	Xây dựng quan hệ gần gũi, thân thiện giữa cán bộ khung và học viên					
4	Xây dựng quan hệ gần gũi, thân thiện giữa giảng viên và học viên					
5	Phát huy sự gương mẫu về PCCT của đội ngũ CBGV					
6	Xây dựng bầu không khí học tập, rèn luyện tích cực					

7	Xây dựng môi trường, cảnh quan đơn vị					
8	Duy trì kỷ luật nghiêm minh					
9	Đặc trưng khác...					

Câu 14: Theo đồng chí, chất lượng thực hiện các nội dung sau tại đơn vị quản lý học viên được thể hiện ở mức độ nào?

TT	Hoạt động	Chưa tốt	Bình thường	Tốt	Khó đánh giá
1	Thực hành dân chủ ở cơ sở				
2	Xây dựng tinh thần đoàn kết trong đơn vị				
3	Xây dựng quan hệ gần gũi, thân thiện giữa cán bộ khung và học viên				
4	Xây dựng quan hệ gần gũi, thân thiện giữa giảng viên và học viên				
5	Phát huy sự gương mẫu về PCCT của đội ngũ CBGV				
6	Xây dựng bầu không khí học tập, rèn luyện tích cực				
7	Xây dựng môi trường, cảnh quan đơn vị				
8	Duy trì kỷ luật nghiêm minh				
9	Đặc trưng khác...				

Câu 15: Theo đồng chí, các yếu tố thuộc môi trường văn hóa quân sự trong nhà trường quân đội đóng góp ở mức độ nào vào quá trình hình thành phẩm chất chính trị của học viên?

TT	Hoạt động	Rất ít	Ít	Trung bình	Nhiều	Rất nhiều
		5	4	3	2	1
1	Thực hành dân chủ ở cơ sở					
2	Xây dựng tinh thần đoàn kết trong đơn vị					
3	Xây dựng quan hệ gần gũi, thân thiện giữa cán bộ khung và học viên					

4	Xây dựng quan hệ gần gũi, thân thiện giữa giảng viên và học viên					
5	Phát huy sự gương mẫu về PCCT của đội ngũ CBGV					
6	Xây dựng bầu không khí học tập, rèn luyện tích cực					
7	Xây dựng môi trường, cảnh quan đơn vị					
8	Duy trì kỷ luật nghiêm minh					
9	Đặc trưng khác...					

Câu 16: Theo đánh giá của đồng chí PCCT của học viên trước khi ra trường đạt ở mức độ nào?

TT	PCCT	Hoàn toàn chưa tốt	Chưa tốt	Bình thường	Tốt	Rất tốt
		1	2	3	4	5
1	Trung thành với Đảng, Tổ quốc, và nhân dân					
2	Sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội					
3	Sẵn sàng nhận và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ					
4	Kỷ luật tự giác nghiêm minh					
5	Phẩm chất khác					

Câu 17: Đồng chí đánh giá thế nào về những nhận định dưới đây?

TT	Nhận định	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến	Đồng ý một phần	Hoàn toàn đồng ý
		1	2	3	4	5
1	Một bộ phận cán bộ, giảng viên, học viên chưa thật sự					

	nhận thức rõ ràng về vai trò của PCCT					
2	Việc lồng ghép giáo dục PCCT vào các môn học, hoạt động thực tiễn còn mang tính hình thức, thiếu chiều sâu và chưa thực sự gắn với thực tiễn chiến đấu, huấn luyện					
3	Một số nội dung chưa theo kịp yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới					
4	Tính thực tiễn chính trị trong các bài giảng chưa cao					
5	Phương pháp giáo dục còn đơn điệu					
6	Hoạt động của các tổ chức chưa đa dạng					
7	Môi trường giáo dục chính trị còn thiếu tính định hướng rõ ràng					
8	Một bộ phận cán bộ, giảng viên chưa gương mẫu về phẩm chất, đạo đức					
9	Tổ chức các hoạt động rèn luyện thực tiễn chưa nhiều					

Câu 18: Theo đồng chí những hạn chế trong giáo dục, rèn luyện PCCT cho học viên do những nguyên nhân nào?

TT	Nguyên nhân	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Khó đánh giá	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
		1	2	3	4	5

1	Công tác giáo dục chính trị tư tưởng chưa được quán triệt sâu sắc từ cấp lãnh đạo đến cấp cơ sở.					
2	Thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan					
3	Tính chủ động của một số cán bộ, giảng viên chưa cao					
4	Chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên chưa đồng đều					
5	Cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ phương pháp mới còn hạn chế.					
6	Tác động của mặt trái kinh tế thị trường					
7	Nguyên nhân khác					

Câu 19: Các yếu tố sau ảnh hưởng như thế nào tới vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của học viên đào tạo SQQĐ?

TT	Yếu tố	Không ảnh hưởng	Ảnh hưởng bình thường	Ảnh hưởng lớn
		1	2	3
1	Đường lối quốc phòng, an ninh			
2	Chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên			
3	Tác động của mặt trái kinh tế thị trường			
4	Tác động của mạng xã hội			
5	Môi trường văn hóa chính trị quân sự			
6	Sự chống phá của các thế lực thù địch			
7	Tác động của mạng xã hội			
8	Sự chống phá của các thế lực thù địch			
9	Hoạt động ngoại khóa, thực tế chính trị			
10	Thái độ trong học tập và rèn luyện của học viên			

11	Ý chí, nghị lực, động cơ học tập, rèn luyện của học viên			
12	Yếu tố khác (xin ghi rõ).....			

Câu 20: Theo đồng chí, để phát huy vai trò của quá trình dạy học trong NTQĐ đối với việc hình thành phẩm chất chính trị cho học viên đào tạo sĩ quan, cần chú trọng những giải pháp, nội dung nào dưới đây?

TT	Giải pháp	Không đồng ý	Phân phân	Đồng ý
		1	2	3
1	Nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các chủ thể, các lực lượng về vai trò của NTQĐ trong giáo dục, rèn luyện PCCT cho học viên đào tạo SQQĐ hiện nay			
2	Xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ khung về số lượng và chất lượng, thực sự gương mẫu.			
3	Định hướng các hoạt động trong nhà trường nhằm hình thành PCCT cho học viên đào tạo sĩ quan			
4	Nâng cao chất lượng tự giác học tập, rèn luyện của học viên.			
5	Thường xuyên rà soát, hoàn thiện nội dung chương trình đào tạo			
6	Đổi mới nâng cao chất lượng dạy học			
7	Bổ sung, hoàn thiện, đổi mới giáo trình, bài giảng			
8	Xây dựng nhà trường mẫu mực, đơn vị cơ sở trong nhà trường đồng thuận, đoàn kết, dân chủ, kỷ cương.			
9	Duy trì nghiêm nề nếp, chất lượng điều lệnh, điều lệ.			
10	Chú trọng các hoạt động ngoại khóa, hành quân làm công tác dân vận.			

Câu 21: Đồng chí có đề xuất gì để phát huy vai trò của nhà trường quân đội trong quá trình hình thành PCCT của học viên đào tạo SQQĐ?

.....

Xin trân trọng cảm ơn đồng chí !

Phụ lục 3:**PHỎNG VẤN SÂU**

Chủ đề 1: PCCT của học viên đào tạo SQQĐ được biểu hiện ở những nội dung nào? NTQĐ có vai trò như thế nào trong quá trình hình thành PCCT của học viên đào tạo SQQĐ?

Chủ đề 2: Đánh giá về nội dung, phương pháp giảng dạy LLCT hiện nay ở nhà trường? Việc gắn kết giữa lý luận với thực tiễn trong quá trình giảng dạy của giảng viên?

Chủ đề 3: Phương pháp giảng dạy phổ biến hiện nay của giảng viên? Phương pháp giảng dạy nào tạo nên hứng thú, dễ tiếp thu hơn đối với người học? Cần đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng nào để nâng cao tính hấp dẫn và hiệu quả?

Chủ đề 4: Ở nhà trường các hoạt động hỗ trợ được thực hiện như thế nào? Các hoạt động này có góp phần vào quá trình hình thành PCCT của học viên? Hoạt động nào đóng góp nhiều nhất, vì sao?

Chủ đề 5: Những hạn chế trong hoạt động giáo dục lý luận chính trị phổ biến hiện nay là gì? Nguyên nhân do đâu?

Chủ đề 6: Cách thức tổ chức các hoạt động sinh hoạt (Đảng, Đoàn, Hội đồng quân nhân) ở đơn vị? Tần suất, nội dung, hiệu quả ra sao? Các hoạt động duy trì nền nếp, điều lệnh, chào cờ, điểm danh, thông báo chính trị có vai trò thế nào trong việc rèn luyện PCCT? Những hạn chế trong tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện PCCT cho HV là gì? Hạn chế nào nổi bật nhất? Nguyên nhân của những hạn chế đó?

Chủ đề 7: Đánh giá về môi trường văn hóa chính trị, kỷ luật, đời sống tinh thần ở nhà trường? Các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể thao, sinh hoạt tập thể... có tác động như thế nào đến tinh thần đoàn kết và PCCT

của HV? Những hoạt động nào tác động trực tiếp đến nhận thức, thái độ hoặc ý chí rèn luyện của bản thân?

Chủ đề 8: Trách nhiệm của các lực lượng, các lực lượng trong tổ chức các hoạt động giáo dục, rèn luyện PCCT cho học viên? Những khó khăn, hạn chế trong quá trình thực hiện các hoạt động giáo dục, rèn luyện, lan tỏa các giá trị của PCCT tới học viên? Khó khăn, hạn chế nào nổi bật nhất? Nguyên nhân từ đâu?

Chủ đề 9: Các yếu tố nào ảnh hưởng tới vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của học viên đào tạo SQQĐ? Yếu tố nào ảnh hưởng lớn nhất? Vì sao? Cần có những biện pháp nào để phát huy tốt hơn vai trò của NTQĐ trong quá trình hình thành PCCT của HV đào tạo SQQĐ.